

TỦ SÁCH SÉP LƯU TRUYỀN THỐNG - MÃI MÀ TỰC HUYỆT MỤC

VƯƠNG KHẢ SƠN

KÝ ỨC CHIẾN TRANH



THANH NIÊN





Vương Khả Sơn - Ảnh chụp năm 1975

LỜI NÓI ĐẦU

Giữa những ngày cả nước đang sôi nổi chuẩn bị kỷ niệm 31 năm ngày giải phóng hoàn toàn miền Nam (30/4/1975 - 30/4/2006), chúng tôi nhận được tập Hồi ký với tựa đề **Ký ức Chiến tranh** của một người lính, anh **Vương Khả Sơn**. Cuốn hồi ký chân thực và cảm động của một người lính trẻ đã từng chiến đấu trên chiến trường miền Đông Nam Bộ. Hiện thực tàn khốc và dữ dội của cuộc chiến tranh đã được anh tái hiện qua những dòng hồi ức hết sức chân thực, sinh động và cuốn hút. Trong đó, hình ảnh người lính hiện lên như là bức tranh toàn cảnh. Đó cũng chính là hình ảnh của một thế hệ thanh niên tài hoa yêu nước, ra trận với khí thế "**Quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh**".

Biết bao người con ưu tú của đất nước đã ngã xuống vì nền độc lập tự do của đất nước hôm nay. Nhằm giáo dục cho bạn đọc, nhất là bạn đọc trẻ tuổi trong cả nước lý tưởng sống cao đẹp của thế hệ cha anh đi trước, với tinh thần hướng về nguồn cội, Nhà xuất bản Thanh Niên xin trân trọng giới thiệu với bạn đọc cả nước cuốn **Ký ức Chiến tranh** của tác giả **Vương Khả Sơn**. Đây là cuốn sách nằm trong tủ sách "**Tiếp lửa truyền thống - Mỗi mãi tuổi Hai mươi**".

NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN

LỜI GIỚI THIỆU

Thưa cùng bạn đọc!

Anh là một người lính! Từng cầm súng ra trận, cùng đồng đội chiến đấu và chiến thắng, rồi trở về đời thường với bộn bề công việc. Nhưng dù ở đâu, làm gì, bản chất người lính trong anh chẳng ai có thể nhầm lẫn được. Là một người bình dị như bao người khác, nhưng ẩn chứa bên trong là những điều làm chúng ta hết sức ngạc nhiên. Đó là anh Vương Khả Sơn.

Vương Khả Sơn sinh ra trong một gia đình giàu truyền thống cách mạng tại xã Khánh Lộc (Can Lộc, Hà Tĩnh). Nhập ngũ tháng 5, năm 1971 khi anh chưa đầy 18 tuổi. Sau chiến thắng 30/4/1975, anh được ra quân, tiếp tục học lớp cuối cấp THPT, rồi thi đậu vào khoa Văn, Đại học Sư phạm Vinh. Tốt nghiệp ra trường với tấm bằng loại ưu. Cùng một lúc anh có quyết định về giảng dạy Sư phạm Quy Nhơn, và quyết định về Ban nghiên cứu lịch sử Đảng thuộc tỉnh uỷ Nghệ Tĩnh. Do hoàn cảnh gia đình quá khó khăn, anh đành phải xin về giảng dạy tại một trường THPT gần nhà.

Sau 20 năm cầm phấn đứng trên bục giảng, năm 2001, anh được điều về Sở Giáo dục- Đào tạo Hà Tĩnh, làm Chuyên viên Văn - thuộc phòng THPT và sau này, chung phòng làm việc với tôi. Tôi thuộc thế hệ sau, không có cái may mắn và vinh dự như anh được cầm súng chiến đấu giải phóng đất nước. Anh vốn là người ít nói, nhưng hay làm, rất lạc quan, yêu đời, sống hoà nhập với mọi người. Đặc biệt, ít khi nói về mình. Được hiểu sâu sắc về cuộc đời của anh, tôi thật sự cảm phục anh trong quá khứ và cuộc sống hiện tại.

Sau chiến tranh, từ một người lính trở về đời thường, anh tiếp tục hoàn thành xuất sắc những nhiệm vụ trên cương vị công tác của mình, dấu trên thân thể vẫn còn vết thương chưa lành hẳn và nhiều điều trăn trở: Bố là liệt sỹ, mẹ đã già yếu. Là anh cả của ba người em trai đều là cựu quân nhân. Vợ chồng anh có 4 người con (1 gái, 3 trai). Bản thân là thương binh nặng, và bị di chứng chiến tranh. Vợ anh bị bệnh viêm cầu thận mạn tính nặng, thường xuyên đau yếu, chưa có việc làm ổn định. Năm miệng ăn chỉ trông vào đồng lương ít ỏi của anh. Anh có một ước muốn được trở lại thăm chiến trường xưa, nhưng đã hơn 30 năm rồi, niềm ao ước ấy vẫn chưa thực hiện được.

Trước ngày kỷ niệm 30 năm giải phóng hoàn toàn Miền Nam, anh trăn trở muốn ghi lại những kỷ niệm của đời lính để gửi đến bạn bè, đồng chí, đồng đội và những người thân của mình. Đây là niềm ao ước mà anh hằng ấp ủ. Từ tháng 11, năm 2004, anh bắt đầu viết. Mỗi ngày, sau giờ làm việc, anh ngồi bên máy tính để ghi lại những kỷ niệm của những năm tháng đầy hy sinh gian khổ nhưng rất đỗi hào hùng ấy. Đến tháng 3, năm 2005 thì cơ bản đã hoàn thành. Và "Ký ức Chiến tranh" của anh được ra đời từ đó.

Ngoài phần "Tựa" và "Vĩ thanh", cuốn sách được chia làm 4 phần. Phần I: Nhập ngũ; Phần II: Về trung đoàn; Phần III: "Xẻ dọc Trường sơn"; Phần IV: Vào trận.

Với khoảng hơn một trăm trang giấy A4, anh đã chắt lọc và ghi lại những kỷ niệm về quãng đời quân ngũ của mình và đồng đội cùng chung chiến hào trên những vùng đất mà anh đã từng sống, chiến đấu. Đó là những trang viết máu thịt của cuộc đời anh. "Ký ức Chiến tranh" là một bức tranh sinh động phản ánh một phần của cuộc kháng chiến đầy hy sinh, mất mát mà cả dân tộc ta đã gánh chịu và đi qua. Trong đó, chân dung của người lính được khắc hoạ đậm nét nhất. Cả một

thế hệ thanh niên Việt Nam thời ấy đều có chung một lý tưởng cao đẹp, một tấm lòng nồng nàn yêu nước, cùng một quyết tâm ra trận "quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh" để giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc. Nội dung chính của cuốn sách, tự nó đã nói lên điều ấy.

Như anh từng tâm sự, anh "không hề có ý định đem những trang viết này đăng tải trên báo, tạp chí hoặc đến một nhà xuất bản nào đó để in thành sách", nhưng càng đọc kỹ, ta càng thấy "Ký ức Chiến tranh" của anh là một cuốn sách không những có giá trị về mặt lịch sử và ý nghĩa nhân văn sâu sắc, mà còn mang giá trị Văn học đích thực. Bằng hồi ức và lối dẫn chuyện tự nhiên, chân thực, dí dỏm pha chút lãng mạn; với ngôn ngữ giản dị, trong sáng, kết cấu khá logic, chặt chẽ, cuốn hồi ký đã tác động mạnh ngay từ những trang viết đầu tiên và cuốn hút người đọc đến những dòng cuối cùng. Đây cũng là lời nhận xét chung của bạn bè khi đọc bản thảo của anh. Nhiều lần, tôi đề nghị gửi cho nhà xuất bản, dầu biết rằng đây là cuốn sách mà anh chỉ khiêm tốn viết về mình và đồng đội, nhưng về giá trị tư tưởng của tác phẩm thì đã vượt xa ra ngoài ý định của tác giả, thế nhưng anh vẫn chưa đồng ý. Nhà văn Phan Trung Hiếu - Chủ tịch Hội VHNT Hà Tĩnh, cũng khuyên anh nên cho xuất bản, anh vẫn chưa có ý kiến gì. Sau đó, được anh cho phép, tôi đã trích một số đoạn, gửi đăng tải và phát trên đài Phát thanh- Truyền hình, báo Hà Tĩnh, và một số tờ báo như Báo Long An, Báo Sài Gòn Giải phóng, Báo QK7, QK4, Đài PT- TH Cần Thơ, Bến Tre, Bình Dương...vào dịp kỷ niệm 30/4/2005.

Cũng thời gian ấy, khi được biết anh có bản thảo "Ký ức Chiến tranh", Trường THPT Năng khiếu Hà Tĩnh phối hợp với Tỉnh đoàn Hà Tĩnh, một số chi đoàn thuộc các cơ quan cấp tỉnh, Hội cựu chiến binh tỉnh đã mời anh và nữ Anh hùng La Thị Tám đến nói chuyện về những kỷ niệm chiến đấu chống Mỹ, cứu nước. Khi biết tin này, mọi người tò mò pha chút hiếu kỳ đã mượn bản thảo hoặc xin được photo để đọc cho vui. Thế là anh đã phải photocopy gần 300 bản và copy một loạt đĩa mềm để gửi tặng bạn bè với tổng số tiền trên 4 triệu đồng.

Sắp tới, kỷ niệm 31 năm, ngày Miền Nam hoàn toàn giải phóng, tôi lại trao đổi với anh lần nữa để được đem bản thảo đến Nhà xuất bản, anh chỉ mỉm cười. Tôi thậm chí đọc được trong nụ cười ấy như có sự đồng tình. Và lần này cho phép tôi được trân trọng gửi tới quý bạn đọc món quà đầy ý nghĩa của anh.

Khi đọc "Ký ức Chiến tranh" của Vương Khả Sơn, bạn đọc có thể sẽ "tìm thấy bóng dáng hay nỗi niềm của mình hoặc cha ông mình ở một thời máu lửa trong thế kỷ XX, trên những trang viết để có thể sống tốt hơn với quá khứ vẻ vang ấy" như anh đã viết trong Lời tựa của cuốn sách.

Xin được trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc.

Hà Tĩnh, 12 tháng 2 năm 2006
Dư Lý Trí
P.Chánh Văn phòng Sở GD- ĐT Hà
Tĩnh
ĐT: 039 882190; 091 2022186

TỰA

*Tôi muốn viết những vần thơ tươi xanh
Vẫn nóng viết những dòng thơ lửa cháy!*

(Tố Hữu)

Ba mươi năm!...

Với lịch sử, chỉ là một khoảnh khắc, nhưng với cuộc đời của mỗi con người thì đó là thời lượng rất dài, đủ để cho một thế hệ được sinh ra và trưởng thành về mọi mặt.

Từ thời khắc lịch sử 30/4/1975 đến nay, đã có một thế hệ như thế. Lớp người ấy khả dĩ đã làm nên những điều kỳ diệu, nhằm góp phần thay đổi bộ mặt đất nước trong thời kỳ mới. Nhưng, với quá khứ thì họ khó có thể có được một cảm nhận tương đối đầy đủ về cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc vĩ đại nhưng vô cùng tàn khốc mà cha ông họ đã phải gánh chịu và đi qua.

Với chúng tôi - những người đã một thời cầm súng đánh giặc - thời gian ấy là một độ lùi cần thiết để mỗi người có được suy ngẫm về những gì mình từng ném trái. Đủ để quên đi những điều phải quên và đọng lại những gì cần nhớ.

Năm tháng qua đi. Bao táp thời gian có thể làm lu mờ mọi thứ. Nhưng cuộc chiến thường trực dài nhất và khốc liệt nhất trong lịch sử chiến tranh của nhân loại ở thế kỷ XX thì đã để lại trong chúng tôi bao nghĩ suy, trăn trở. Nó vẫn luôn đeo bám và hiện hữu trong ký ức của mỗi người.

Ghi lại hiện thực của những tháng ngày vượt Trường Sơn gian khổ với những trận chiến đấu ác liệt mà mình cùng đồng đội từng tham gia và chứng kiến trong suốt quãng đời quân ngũ là tất cả tấm lòng, tình cảm sâu nặng của tôi - một người lính - về mình và đồng đội, những người đã ngã xuống cũng như những người may mắn còn sống, trở về sau chiến tranh.

Phần mình, tôi thầm cảm ơn số phận đã dành cho một kết thúc thật may mắn. Bởi, biết bao đồng đội đã vĩnh viễn ra đi... Trong khi tôi và không nhiều những người khác lại còn được sống, trở về, mặc dù trên mình còn lấm vết thương, cơ thể không còn lành lặn. Sự may mắn ấy như một ẩn số lịch sử mà tôi chưa lý giải được.

Nhưng, điều quan trọng hơn là sự tri ân. Đó là nén tâm nhang thành kính, thấp trước vong linh những bạn bè, đồng đội đã vĩnh viễn nằm lại trên khắp các chiến trường...

Thời gian cứ lặng lẽ trôi... Chiến tranh đang dần đi vào cổ tích... Nhưng những kỷ niệm của một thời đạn bom thì vẫn mãi hằn sâu trong ký ức. Có thể nói,

đó là quãng đời đẹp nhất của tuổi hoa niên mà chúng tôi có được. Và, tôi mang theo nó như một thứ hành trang vô giá, đi suốt cuộc đời mình.

Tôi không nghĩ mình đang "ăn mày quá khứ". Nhưng trong cuộc mưu sinh, với nhịp sống ồn ã, xô bồ thời mở cửa và của nền kinh tế thị trường hôm nay, nhiều lúc tâm hồn chợt lắng lại để hoài niệm về một thời trận mạc; một thời tuổi trẻ gian khổ, khốc liệt đầy mất mát, hy sinh mà rất đỗi hào hùng, tôi thấy canh cánh bên lòng như đang mắc một món nợ lớn với đồng đội và với cả chính mình... Dẫu biết rằng, ngày hôm nay, ai đó, trong chúng ta, có thể là những người đã từng cầm súng đánh giặc hay lớp hậu duệ, đã và sẽ có những suy nghĩ và cách nhìn khác đi về quá khứ, về cuộc chiến tranh đã qua. Dù sao, những giá trị tinh thần đích thực, khách quan, giàu ý nghĩa nhân văn, lịch sử, thời đại và rất minh triết của nó thì vẫn luôn hồi quang, thức tỉnh tâm hồn, nhân cách và lẽ sống cho chúng ta hôm nay và các thế hệ mai sau...

Hiện thực lịch sử ấy vĩnh viễn không bao giờ có chỗ cho những kẻ cơ hội chính trị hay vì vụ lợi cá nhân mà sẵn sàng quay lưng với quá khứ.

Tương lai sẽ "nã đại bác" vào chính họ!...

...Tôi không dám có ý định đem những trang viết này xin đăng tải trên báo hay tạp chí hoặc đến một nhà xuất bản nào đó để có thể in thành sách. Mà, chỉ có một khát vọng giản dị: Đồng đội tôi - những người đã cầm súng chiến đấu giải phóng Đất Nước, những người đã đi qua cuộc chiến tranh (hoặc con cháu họ) - khi đọc hồi ký này, có thể tìm thấy bóng dáng hay nỗi niềm của mình (hoặc cha ông mình) ở một thời máu lửa trong thế kỷ XX trên những trang viết, để có thể sống tốt hơn với quá khứ vẻ vang ấy...

Chuẩn bị kỷ niệm 30 năm, ngày giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước, tôi ghi lại những dòng ký ức này và xin được gửi đến bạn bè, đồng chí, đồng đội cùng những người thân của mình. Xin được gửi đến bà con cô bác ở Hương Sơn (Hà Tĩnh), Bố Trạch (Quảng Bình) cùng những địa danh như Thiện Ngôn, Sa Mát, Bến Cầu, Trảng Bàng, Gò Dầu, Lò Gò, Xóm Giữa... của Tây Ninh hay Kiến Tường, Mỹ Tho, Đồng Tháp... đặc biệt là ở Đức Hoà, Đức Huệ, Bến Lức, Thủ Thừa, Tân Trụ... của tỉnh Long An cùng bất cứ vùng đất nào trên đất nước Triệu Voi hay Chùa Tháp - nơi tôi đã đến và chiến đấu - những tình cảm thân thương và trân trọng. Xin được xem đây là món quà nghĩa tình cùng sự tri ân sâu sắc nhất!

Xin kính cảm nghiêng mình trước anh linh những người đã ngã xuống cho Đất Nước "Nở hoa độc lập, kết trái tự do"!

Hồi ký này được ghi lại khi chiến tranh đã ở phía sau lưng chúng tôi gần một phần ba thế kỷ. Tuy vậy, những con người, những trận đánh, những sự kiện, những tình huống... đã diễn ra, đối với tôi như chỉ mới ngày hôm qua. Hiện thực ấy thật dữ dội, khốc liệt mà rất đỗi bi tráng nhưng cũng rất lãng mạn và nên thơ. Bởi bản chất của chiến tranh là vậy! Luôn có những điều nằm ngoài quy luật thông thường. Nói cách khác, trong chiến tranh, mọi cái có thể xảy ra! Cho nên, hiện thực có khi như vượt ra ngoài sức tưởng tượng của con người. Có thể, chỉ những người trong

cuộc mới cảm nhận hết được.điều ấy. Bút pháp dạng ký đòi hỏi phải trung thành với những gì đã diễn ra. Bởi, "Sự thật vốn không ưa trang trí".nên nó chối bỏ mọi sự tô vẽ, cách điệu và hư cấu... Những con người, những trạng huống, những tình tiết... trong đó được tái hiện hết sức trần trụi như nó vốn có. Đó cũng chính là chủ đích của người viết.

ở góc nhìn của người trong cuộc, hồi ký này có thể xem như một tư liệu lịch sử, còn những giá trị nghệ thuật khác, chắc chắn ít nhiều sẽ bị hạn chế. Điều ấy, khả dĩ làm độc giả chưa thật hài lòng; mong được sự tri âm, đồng cảm, sẻ chia và rộng lượng thể tất. Đặc biệt là những góp ý thẳng thắn. Nếu được như vậy, người viết xin vô cùng cảm kích, cúi đầu lĩnh nhận và lấy làm mãn nguyện lắm!

Phần I

NHẬP NGŨ

... Cha tôi cầm tờ giấy trong tay, điềm tĩnh, nói:

- Con có lệnh gọi nhập ngũ rồi!

Tôi nhớ như in câu nói của cha.

Đó là một buổi tối cuối tháng 4 năm 1971. Bây giờ, tôi đang sống với bà ngoại tại xã Trung Lộc, Can Lộc, Hà Tĩnh, cách nay 35 năm (Ngoại tôi không có các cậu, chỉ có hai chị em gái là mẹ và dì tôi. Họ đã có gia đình riêng, nên ngoại ở một mình và nuôi tôi ăn, học từ lớp 1 đến lúc nhập ngũ). Ngày ấy, tôi còn đang học lớp 9 (9/10, nay là lớp 11/12) trường huyện - trường cấp III Can Lộc (nay là trường Trung học phổ thông Can Lộc). Quê tôi ở Khánh Lộc. Cha tôi - một thương binh chống Pháp hạng nặng - và sau này là liệt sỹ (hy sinh do vết thương tái phát). Ông gia nhập Vệ quốc đoàn tháng 4 năm 1946, thuộc Trung đoàn 88. Cùng năm ấy, ông trở thành đảng viên. Từng tham gia chiến đấu ở nhiều chiến dịch lớn như Na Pê, An Khê, Bình Trị Thiên. Đến trận Thanh Lam Bò 1951 (Quảng Bình) thì ông bị thương nặng, phải rời quân ngũ.

Ngày tôi lên đường, ông căn dặn nhiều điều nhưng có lẽ câu nói: "Con đi, dù gian khổ, ác liệt đến đâu cũng không được bỏ ngũ. Không được làm hoen ố truyền thống cách mạng của đại gia đình ta!" đã trở thành hành trang theo tôi ra trận và suốt cả quãng đời bộ đội. (Ông bà nội tôi có 4 người con tòng quân chống Pháp và chống Mỹ là bác, cha tôi và hai chú. Họ đều trở thành đảng viên Cộng sản. Sau này, cha và chú tôi là liệt sỹ).

Tôi mang theo lời dặn ấy lên đường.

Thế là:

Lớp cha trước, lớp con sau

Đã thành đồng chí, chung câu quân hành...

Mẹ tôi là một phụ nữ bình thường như bao người mẹ khác. Nhưng trước hoàn cảnh lại rất cứng cỏi và bản lĩnh. Tuy vậy, ngày tôi đi (18/5/1971), mẹ cũng không còn nước mắt để khóc tôi nữa. Ban ngày, bà cố làm vui nhưng đêm về lại lặng lẽ một mình ngồi khóc. Trống đêm, mẹ không hề chợp mắt. Bởi tôi là đứa con trai đầu lòng; học hành còn dang dở, chiến trường thì ác liệt đạn bom. Ra đi, biết có còn ngày trở về?! Thế nhưng, sáng hôm sau, với đôi mắt ráo hoảnh, mẹ lại động viên tôi: "Con ra đi, cố gắng giữ gìn sức khỏe, cố gắng theo kịp anh em, bạn bầu...".

Bất giác, tôi nhớ đến một đoạn thơ của Triệu Bôn:

*... Những ngày ta tòng quân
Trống làng khua như trống trận
Mẹ khóc thầm mấy đêm, bịn rịn...
Sáng ra, mắt mẹ lại cười
Nước mắt đàn ông không dễ rơi
Những ngày ấy, cha làm nhiều hơn nói
Cha đã quá nửa đời bôn trải
Mòn gót chân xuống bể, ngược mường
Roi, cùm, sưu, thuế nặng oằn lưng
Nên trái tim cha là trái tim chiến sỹ...*

...Vào thời điểm ấy, cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của dân tộc ta đang bước vào giai đoạn quyết liệt. Đó là những ngày cuối mùa xuân 1971, khi chúng tôi còn ngồi trên ghế nhà trường. Bạn bè tôi (sau này là những đồng chí cùng chung chiến hào đánh Mỹ) là những chàng trai mới lớn, chưa ai vượt qua tuổi 18, nhưng đều có chung một ý chí, một tình cảm và một quyết tâm: Ra trận. *Tất cả vì miền Nam ruột thịt; Tất cả để giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước!* Lớp thanh niên chúng tôi thời ấy, hầu hết xem việc được cầm súng đánh giặc, giải phóng miền Nam là một hạnh phúc, một lý tưởng cao cả của tuổi trẻ. Dẫu biết rằng sự hy sinh, tổn thất là tất yếu và đang đợi ở phía trước. Biết vậy, mà chúng tôi vẫn rất hồn nhiên và vô tư quá đỗi. Hào khí dân tộc và cuộc chiến vĩ đại đã đi vào trang viết của các văn nghệ sỹ rồi biến thành sức mạnh vật chất, thôi thúc cả nước ra trận:

*Hỡi miền Bắc đó nặng hai vai
Gánh cả non sông, vượt dặm dài
Xẻ dọc Trường Sơn, đi cứu nước
Mà lòng phơi phới dậy tương lai*
(Tố Hữu)

Lãng mạn hơn:

*Đường ra trận mùa này đẹp lắm
Trường Sơn đông nối Trường Sơn tây...*
(Phạm Tiến Duật)

Ai trong chúng tôi cũng háo hức, bồi hồi...

Lớp 9C chúng tôi hồi ấy do thầy Trần Đức Ai, quê Xuân Lộc, Can Lộc, Hà Tĩnh làm chủ nhiệm. Năm nay, thầy tròn tuổi 70, nghỉ hưu đã 10 năm nhưng hãy còn khỏe mạnh và vẫn tiếp tục cống hiến phần đời còn lại cho việc dạy chữ, dạy người. Hiện thầy đang dạy hợp đồng tại trường Trung học phổ thông dân lập Can Lộc. Tôi nhớ, ngày 18/5/1971, lớp tôi nhập ngũ khá đông, trong số đó Nguyễn

Công Lam, Phan Anh Tuấn (Phan Châu), Phan Công Vinh, Đặng Văn Thọ (đều quê Trung Lộc). Trần Văn Tam, lớp trưởng (Đại Lộc, sau này hy sinh) Nguyễn Văn Tám (Tiền Lộc, sau này hy sinh); Hà Duy Hưng (Tiền Lộc, sau này hy sinh) cùng tôi và nhiều người khác...

Chúng tôi tập trung quân tại xã Xuân Lộc, huyện Can Lộc. Do thiếu nơi ở nên phải chuyển sang Tân Nam Mỹ, xã Trung Lộc. Tôi nhớ nhập ngũ đợt ấy, Can Lộc giao hơn 200 quân. Tất cả chúng tôi ra đi ai cũng có người thân đưa tiễn. Đó là mẹ cha, anh chị em và bà con ruột thịt. Những ai đã có người yêu thì người yêu bịn rịn chẳng rời. Chúng tôi nhận quân trang. Lần đầu tiên cởi bỏ bộ thường phục, khoác lên mình màu áo xanh của lính, xúng xính, rộng thùng, ai cũng cảm thấy ngỡ ngàng và hình như thấy mình lớn lên hơn, chững chạc hơn hẳn. Chúng tôi ngủ tại nhà dân ở đây một đêm. Sáng hôm sau (19/5) tôi là một trong 12 người được chọn đi tiền trạm cho đơn vị. Cũng là lần đầu tiên trong đời chúng tôi phải hành quân bộ hơn 70 cây số lên Hương Sơn. Nói là tiền trạm nhưng cuối cùng chúng tôi thành "*hậu trạm*". Bởi đi bộ xa chưa quen nên quá mệt mỏi và lại đi sai đường nên khi đơn vị tập kết tại địa điểm quy định ở Sơn Tây, chúng tôi vẫn đang còn ở bên này sông La thuộc địa phận xã Đức Hoà, Đức Thọ. Chiều hôm đó mới vượt sông bằng dò rồi tiếp tục đi. Mười một giờ đêm chúng tôi mới thất thủ đến nơi. Đôi chân và vai rã rời, như muốn đứt lìa ra. Đó là kỷ niệm đầu tiên của đời lính...

...Nơi huấn luyện tân binh chúng tôi thuộc hợp tác xã Hồ Tây, xã Sơn Tây, Hương Sơn, Hà Tĩnh. Tôi và mấy anh em nữa đóng quân trong nhà mẹ Trị. Năm đó, mẹ đã ngoài sáu mươi. Mẹ yêu quý chúng tôi như con đẻ. Có củ khoai bột mẹ cũng để dành phần cho. Đến mùa mít chín, mẹ lúi cuội làm cho chúng tôi mỗi người một bọc mít mít sấy khô. Một thời gian sau, khi chúng tôi đã xây dựng xong lán thì chuyển ra ở tập trung. Mỗi trung đội một lán. Nhưng hễ có ngày nghỉ lại chạy về nhà mẹ. Biết là chủ nhật được nghỉ, mẹ chuẩn bị nước chè xanh, lạc luộc, mít chín và khoai cho chúng tôi ăn. Tấm lòng của mẹ và bà con cô bác ở Hương Sơn, chúng tôi ghi lòng tạc dạ.

Tiểu đoàn 8, Đoàn 22 huấn luyện có ba đại đội: 29; 30; 31. Đại đội 30 chúng tôi có ba trung đội. Trung đội 1 do anh Trần Văn Yên (quê Nghi Xuân) chuẩn úy, làm trung đội trưởng. Trung đội 2 do anh Trần Nhơn (quê Kỳ Anh) thượng sỹ, làm trung đội trưởng. Trung đội trưởng trung đội 3 chúng tôi là chuẩn úy Nguyễn Văn Lĩnh, quê Nam Đàn (Nghệ An) có tác phong huấn luyện làm cho mọi người phải nể trọng. Có thể nói, lúc bấy giờ anh là thần tượng đối với cánh lính trẻ chúng tôi. Tiểu đội trưởng huấn luyện là anh Nguyễn Văn Bồng, quê Đức Thịnh. Người thấp nhỏ, giọng nói lập bập, lúng búng. Tính hay cáu gắt...

Hồ Tây nằm ven hữu ngạn con sông Ngân Phố nơi thượng nguồn. Mùa này nước trong như lọc. Hàng ngày sau mỗi buổi tập, chúng tôi lại cùng nhau sà xuống lòng sông để được ngâm mình trong dòng nước mát lạnh ấy. Nơi ấy cũng đã kịp để lại trong tôi và đồng đội nhiều kỷ niệm thân thương. Đó là những đêm lửa trại, vui văn nghệ với đoàn thanh niên địa phương kết nghĩa. Những buổi giúp dân thu mùa; những lần qua phà cáp treo Hà Tân (nay là cầu Hà Tân) sang bên kia có cửa hàng

thực phẩm để mua bánh kẹo Hải Châu, xà phòng... Nhưng có lẽ kỷ niệm đáng nhớ nhất là những ngày leo rừng chặt gỗ, nứa làm lán và những buổi hành quân mang vác nặng với ba lô gạch, tập vượt dốc, trèo đèo, chuẩn bị sức khoẻ và ý chí để vượt Trường Sơn trong nay mai. Tôi vốn nhỏ dẻ, nhanh nhẹn và tháo vát nên được điều làm liên lạc cho trung đội. Hai tháng sau, anh Lĩnh tin tưởng, cử tôi đi học lớp lái xe (lái xe là một ước mơ của cánh lính trẻ chúng tôi ngày ấy). Nhưng vì khám lại, không đủ sức khoẻ, tôi đành phải trở lại đơn vị. Đợt ấy có Nguyễn Công Lam (quê Trung Lộc), Nguyễn Trọng Đoàn (quê Nga Lộc, nay định cư tại thành phố Hồ Chí Minh) Vương Khả Hồng (quê Khánh Lộc), Trần Đắc Thường, Nguyễn Văn Trung (Đại Lộc) và một số người khác, học khoá lái xe ở Trảng Kè, Thanh Mỹ, Thanh Chương, Nghệ An. (Lam là bạn học ngồi cùng bàn với tôi hồi cấp III. Lính lái xe Trường Sơn. Sau này là đại đội trưởng một đại đội xe vận tải quân sự, phục vụ chiến trường B5, Quảng Trị. Sau chiến tranh, Lam chuyển ngành về Công ty đường I. Nay đã nghỉ chế độ tại ngã ba Bãi Vọt, thị xã Hồng Lĩnh). Còn nhớ, những ngày đầu nhập ngũ, chúng tôi ai cũng nhớ nhà, nhớ quê đến nao lòng. Vì đây là lần đầu tiên trong đời, chúng tôi xa nhà, xa vòng tay của những người thân. Nhưng rồi cái cảm giác ấy cũng nhanh chóng qua đi, bởi nhường lại là những tháng ngày huấn luyện gian khổ, vất vả, căng thẳng cho kịp với tình hình, nhiệm vụ cấp bách của chiến trường. Chúng tôi lần lượt bắn bài 1, bài 2, bài 3, bắn đêm... rồi học tập chính trị... chuẩn bị ý chí, tư tưởng cho ngày lên đường chiến đấu..

Ba tháng quân trường mà mọi người đều tưởng thời gian như dài vô tận. Ai cũng nóng lòng, muốn được ra trận ngay...

Phần II
VỀ TRUNG ĐOÀN

Sự chờ đợi ấy đã đến!

Cuối tháng 8 năm 1971, chúng tôi được lệnh rời Đoàn 22 - Quân khu 4, hiện đang huấn luyện tân binh tại Hương Sơn, Hà Tĩnh, vào bổ sung cho Trung đoàn 271 đang đóng quân tại khu vực huyện Bố Trạch tỉnh Quảng Bình. Trong kháng chiến chống Mỹ, 271 vốn là một trung đoàn bộ binh, từng tham chiến tại mặt trận B5, Quảng Trị, với những trận đánh vang dội, lập nhiều chiến tích xuất sắc; tham gia chiến đấu bẻ gãy trận càn lớn của Mỹ nguy mang tên Lam Sơn 719; tham gia mở đường Thắng Lợi... và hiện đang đứng chân trên địa bàn huyện Bố Trạch, chờ bổ sung quân để vừa an dưỡng vừa huấn luyện chiến đấu, chuẩn bị nhận nhiệm vụ chiến lược: Bổ sung cho mặt trận B2, đánh địch tại cửa ngõ tây bắc Sài Gòn. (Tất nhiên, nhiệm vụ lịch sử ấy, sau này chúng tôi mới được biết). Tôi và một số anh em tân binh được bổ sung về đại đội 4 hỏa lực thuộc Tiểu đoàn 9, gồm 2 trung đội B41 và đại liên; 1 trung đội cối 61 ly, 1 trung đội cối 82 ly (hai khẩu) trong đó có anh Phạm Khắc Đính quê ở Minh Lộc, Can Lộc, nay thuộc thị xã Hồng Lĩnh, Hà Tĩnh (sau chiến tranh, may mắn còn sống, trở về nhưng số phận vẫn không mỉm cười với Đính. Anh đã đột ngột qua đời trong một vụ tai nạn giao thông trên đường đi nhận thẻ thương binh, năm 2001. Chưa một ngày được hưởng chế độ thương tật mà Đính đã vội từ giã cõi đời. Tôi sẽ có dịp nói về những kỷ niệm xương máu giữa hai chúng tôi sau này). Anh Nguyễn Trọng Lục, quê ở Thuận Lộc, nay là liệt sỹ nhưng anh không hy sinh ở chiến trường mà là chết đuối ở ngầm Lý Hoà (Hải Trạch, Bố Trạch) trong một chuyến công tác lấy đạn cối 82 ly để chuẩn bị hành quân. Hôm ấy, trời mưa to, gây ngập lụt ngầm Lý Hoà, mọi người đều can ngăn Lục đừng qua, nhưng cậu ta không nghe, ra đến giữa ngầm thì bị nước cuốn trôi. Mãi hai ngày sau mới vớt được xác. Anh Hiếu - Hiếu Lác - chúng tôi hay gọi đùa như vậy vì mắt cậu ta hơi bị lác (lé) cùng quê Thuận Lộc với Lục, sau này cũng hy sinh ở Đức Hoà (Long An). Anh Hoàng Xuân Lý quê ở Thanh Lộc, Can Lộc học xong lớp 10, nhập ngũ cùng ngày, cũng bổ sung về đại đội hỏa lực của chúng tôi. Nay Lý là bác sỹ, Chủ nhiệm khoa Gây mê hồi sức, bệnh viện Chợ Rẫy, thành phố Hồ Chí Minh. Lý là một xạ thủ đại liên gan dạ, dũng cảm, đi suốt các mùa chiến dịch và tham gia tất cả các trận đánh từ năm 1971 đến Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, năm 1975. Lý bị thương trong trận đánh ở An Ninh (Đức Hoà) năm 1972 và ở Bù Đăng (Quảng Đức) năm 1974. Nay anh đang định cư tại quận 11, thành phố Hồ Chí Minh cùng với vợ con. Anh Nguyễn Thống, quê ở Đại Lộc, Can Lộc cũng xạ thủ đại liên, ở cùng tổ ba người với Lý và Tiến. Thống cũng tham gia hầu hết các chiến dịch. Nhưng khác với Lý, Thống bị thương nhiều lần, nhưng hiện tại, anh vẫn chưa hề được giải quyết chế độ thương tật. Vì sau chiến tranh, giấy tờ thất lạc hết. Nay Thống đang sống trong hoàn cảnh hết sức khó khăn: Vợ yếu, con đông, bản thân lại đau ốm luôn vì vết thương chiến tranh và bệnh tật hành hạ. Lê

Văn Tiến (Tiến Râu, vì râu quai nón cậu ta rất rậm, quê Vượng Lộc, Can Lộc), nay là thương binh 1/4. Hồi đó, cùng tổ đại liên với Lý và Thống... Còn bao anh em khác nữa, tôi chưa có dịp nêu tên nhưng hầu hết đều đã hy sinh hoặc bị thương. Số còn lại có nhiều người rất bất hạnh, vì bị nhiễm chất độc dioxin (da cam) mà nay thì con cháu họ lãnh đủ.

Tôi bị thương nhiều lần trong các chiến dịch nhưng tỷ lệ thương tật hiện tại cũng chỉ mới có được 31% (4/4) vì giấy tờ chứng thương bị mất hầu hết. Đêm 26/4/1975, trong *Chiến dịch Hồ Chí Minh*, một trái pháo 105 li của địch rơi trúng chỗ để "bồng" (một kiểu ba lô cải tiến). Tất cả những kỷ vật chiến trường, trong đó có hai tập nhật ký có tên "*Độc đường Chiến tranh*" tôi bắt đầu ghi từ ngày 11 tháng 11 năm 1971 cùng với hồ sơ, giấy tờ của tên chuẩn úy "Thủy quân lục chiến" nguy bị thương nặng, được tôi băng bó rồi phóng thích tại trận trong trận đánh ngày 18/4/1975, đều bay sạch.

Nhập ngũ ngày ấy, Can Lộc có hơn hai trăm đồng chí. Nhưng sau ngày giải phóng miền Nam, điếm lại, chúng tôi thấy chẳng còn được bao người. Và đó mới chỉ là số người của một huyện trong một trung đoàn mà thôi. Mới biết rằng, cái giá phải trả cho độc lập tự do của dân tộc là vượt ra ngoài sức tưởng tượng!

Ở Bồ Trạch, đại đội chúng tôi đóng quân trên địa bàn xã Hải Trạch (vùng sơ tán, do chiến tranh phá hoại của Mỹ). Tôi và Đính được biên chế về khẩu đội 2 của trung đội cối 82 ly, thuộc đại đội 4 hỏa lực. Đính là xạ thủ số 1. Tôi, xạ thủ số 3. Anh Nguyễn Văn Tiến, (Diễn Châu, Nghệ An, nhập ngũ 1968, sau này bị thương) xạ thủ số 2. Ngoài ra còn có các anh: Anh Kỷ (Nam Đàn, Nghệ An, sau này bị thương), khẩu đội trưởng; anh Chương (Thanh Chương, Nghệ An, sau này hy sinh) khẩu đội phó; anh Khang (Nam Đàn, Nghệ An, sau này hy sinh); anh Châu (Diễn Châu, Nghệ An, sau này bị thương), anh Chử (Vượng Lộc, Can Lộc, sau này hy sinh), anh Xuân (Thanh Chương, Nghệ An, sau này bị thương), anh Dung (Quỳnh Lưu, Nghệ An, sau này hy sinh); Anh Chung (Quỳ Hợp - Nghệ An, sau này bị thương), Anh Kinh (Can Lộc), sau này hy sinh v. v... Chúng tôi gấp rút huấn luyện, nắm vững kỹ năng sử dụng loại binh khí này để hợp đồng chỉ viện cho bộ binh. Mấy anh em được ở trong nhà mẹ Thắng. Năm đó mẹ đã gần 70 tuổi. Mẹ cho biết, đã 15 năm nay, không hề đi đâu xa khỏi nhà. Vậy mà khi chúng tôi hành quân lên nông trường 1/5 (Việt - Trung) ở Cự Nẫm cách đó gần 20 cây số, mẹ vẫn bảo các con, cháu đeo xe đạp, chở mẹ lên thăm lần cuối trước khi chúng tôi vượt "*Cổng Trời*", lật cánh sang phía Tây, vào Bình trạm 5, mở đầu cho cuộc hành quân vượt Trường Sơn bằng con đường mòn Hồ Chí Minh huyền thoại vào Nam đánh giặc.

Chúng tôi không bao giờ quên được tấm lòng của người dân Quảng Bình trong những năm tháng ấy. Có thể nói, mẹ Thắng cũng như nhiều bà mẹ khác ở Hải Trạch là điển hình về những tình cảm sâu nặng, thân thương của người người mẹ chiến sỹ nói chung dành cho những đứa con sắp ra trận. Hình ảnh ấy mãi thôi thúc, động viên chúng tôi trong những tháng ngày vượt Trường Sơn gian khổ cũng như trong những trận đánh ác liệt trên khắp các chiến trường của mặt trận B2 sau này... Mẹ Thắng có người con trai cũng tên Thắng, vóc người cao to, vạm vỡ,

da nâu bóng, làm nghề đi biển. Lúc bấy giờ, anh có người yêu tên là Lãng. Họ yêu nhau thắm thiết. Thắng đôn hậu, hiền lành, tốt bụng và rất xởi lởi. Đi biển về, có con cá, con cua nào tươi, ngon là dành phần cho chúng tôi; giúp đỡ chúng tôi nhiều việc. Ngày tôi lên đường đi B, anh đã gửi ảnh của tôi chụp chưa kịp lấy từ hiệu ảnh về cho cha mẹ tôi. Hết chiến tranh trở về, tôi vẫn nhận ra tấm ảnh tôi chụp ở gần Ngã ba Hoàn Lão (Bồ Trạch) hồi tháng 11 năm 1971, do anh Thắng gửi ra. Tuy chưa cưới nhau nhưng Lãng vẫn thường qua lại nhà mẹ Thắng làm lụng, giúp đỡ gia đình như người trong nhà. Lãng có cô chị gái tên là Xâm cũng "ngọt nước" lắm (trong con mắt của chúng tôi thì Xâm xinh đẹp và da trắng hơn Lãng). Xâm thường cùng em đến chơi nhà mẹ. Mỗi lần đến, chúng tôi hay gọi đùa: "*Anh Thắng ơi, bọn Xâm Lãng đã đến, chuẩn bị chiến đấu nghe!*"... Giờ này, có lẽ họ đã có cháu nội, cháu ngoại cả rồi...

Thời gian ở Hải Trạch tuy ngắn nhưng đã kịp để lại trong ký ức tôi nhiều kỷ niệm vui buồn. Ngoài những câu chuyện mang tính tiêu lâm và tự trào của vùng quê "hai bộ" (hai người bộ) kiểu như: "*Bộ biết rồi, tối qua chú gửi môm (hôn) con gái bộ mà bộ không nói nghe!*" Hoặc, vào nhà thấy hai cụ già cạo trọc đầu, áo quần nâu sồng, mặc giống hệt nhau, cùng chung một chiếc cày đang hút thuốc. Lính ta lễ phép: "*Con chào hai bộ ạ!*". Tiếng người phụ nữ: "*Không phải hai bộ mô (đâu)! Đây là mạ (mẹ) còn bên nớ (kia) mới là bộ!*" người vừa nói chỉ tay sang người ngồi đối diện.

Một mẩu chuyện khác: Khi nghe người con gọi bố là "bộ", mọi người thấy lạ bèn cười, ông già liền hỏi:

- Rứa (thế, vậy) ở ngoài nớ (đó) các chú gọi bộ ra rặng (là gì)?
- Chúng con gọi bộ là dòì ạ! - Chúng tôi nháy nhau cười đáp lại.

Ông thành thật:

- Rứa chừng mô (nào) các chú về ngoài nớ cho bộ gửi lời thăm dòì với nghe?!...

Cả bọn cười rộ lên.

Tuy nhiên, để lại sâu đậm nhất trong tâm tưởng tôi vẫn là hai kỷ niệm suốt đời tôi mang theo.

Thứ nhất: Một kỷ niệm vui.

Hồi ấy, thao trường của trung đội chúng tôi thuộc xã Hải Trạch nằm ngay phía Tây nam chân đèo Lý Hoà. Trên đèo có mấy chiếc boong-ke (lô cốt) của Pháp để lại. Hàng ngày, trên bãi tập, hai khẩu đội cối 82 li dùng các boong-ke đó làm mục tiêu để lấy phần tử ngắm bắn. Phía dưới chân đèo có một cái giếng hoang (vì chiến tranh phá hoại của không quân Mỹ nên dân đã sơ tán hết, chưa trở lại). Phía mặt đường, được che bởi các bụi ngấy thơm, nhưng phía chúng tôi chỉ mọc vài cây lưà thưa, trông mắt thường vẫn thấy khá rõ. Bãi tập của chúng tôi cách đó chừng 600 m (tính ly giác trên ống nhòm). Cuối mỗi buổi chiều, sau giờ ra mặt đường về, các cô thanh niên xung phong (đa phần, quê từ Thanh Hoá trở ra) lại kéo nhau đến bên giếng để tắm. Sau khi "*thoát y*", họ múc nước dội thoải thích, lại còn trêu đùa,

so đo... nhau nữa. Cánh lính trẻ chúng tôi tranh nhau chĩa ống nhòm về phía cái giếng, trong khi các cô vẫn vô tư, hồn nhiên, tắm gội một cách thoải mái (họ không ngờ hoặc không biết chúng tôi đang huấn luyện, lại có ống nhòm). Qua ống kính, các "toà thiên nhiên" "trong ngọc trắng ngà" của các "Tiên Dung" hiện lên rõ mồn một. Những thân thể nầy mầm của các cô gái - tác phẩm kỳ diệu của tạo hoá - đã làm ngây ngất chúng tôi, quên cả giờ về. Mới biết thiên tài của cụ Nguyễn ở Tiên Điền ngày trước!... Chúng tôi đấm lưng nhau thùm thụp rồi cúi véo nhau cười rử rươi. Chỉ huy đại đội cũng chẳng hiểu sao hôm nào trung đội cối 82 cũng về muộn. Trong nhiều cuộc sinh hoạt đại đội, trung đội chúng tôi vẫn thường được biểu dương về "*ý thức chấp hành thời gian huấn luyện nghiêm túc...*"(!?)

...Thế rồi, ngày lên đường vượt Trường Sơn đi B, chúng tôi lại gặp chính những cô gái đó ngay trên mặt đường, nơi các cô đang lắp hố bom, thông xe ra tiền tuyến. Họ nức nở rồi khóc oà lên trong chứa chan nước mắt: "*Các anh ơi! Các anh vào chiến trường hết rồi, ngoài này chúng em biết ở với ai!?*". Tiếng khóc ấy bật ra khi trên xe, chúng tôi đồng loạt cắt mũ tai bèo chào họ, để lộ những cái đầu trọc lóc vừa mới cạo (hồi ấy, trước khi đi B, chúng tôi, hầu hết cạo trọc đầu - B trọc) như muốn nói lên cái hiện thực dữ dội "một đi không trở lại". Sự hy sinh của chúng tôi ở chiến trường là điều dễ hiểu. Bởi "Nam nhi thời loạn"! Nhưng sức chịu đựng, đợi chờ của người ở lại, nhất là phụ nữ thì quả là phi thường. Có thước nào đo được sự hy sinh thầm lặng của thế hệ những cô gái ấy, những người phụ nữ ấy! Tổ quốc và nhân dân ta cần có thêm những tượng đài to hơn, cao hơn mới ngang xứng với tầm vóc sự hy sinh vô bờ ấy của họ!!

Mẫu chuyện thứ hai: Một kỷ niệm xương máu!

Ở Hoàn Trạch (Bố Trạch), đại đội ĐKZ 75 ly (Đại đội 17, trực thuộc) của trung đoàn cũng đang gấp rút huấn luyện để nắm vững kỹ, chiến thuật, chờ ngày lên đường. Hôm ấy như thường lệ, đại đội đưa bộ đội ra bãi tập. Đến khoảng 9 giờ sáng, chỉ huy cho nghỉ giải lao. Cánh tân binh lần đầu thấy khẩu ĐKZ mới, lạ nên khi anh em lính cũ đã nghỉ, họ vẫn mày mò bên khẩu súng. Phía sau khẩu ĐKZ là một tốp mới ngồi xuống vừa chia bài để đánh vừa uống nước. Bỗng, một tiếng nổ xé tai vang lên cùng với quang lửa màu da cam phụt ra. Mọi người bàng hoàng, không hiểu chuyện gì. Tiếng la hét thất thanh... Dòng lửa và khói ấy đã làm ba người chết ngay tại chỗ, bốn người bị thương nặng. Trong đó có Nguyễn Văn Á., quê ở Xuân Lộc, Can Lộc, Hà Tĩnh. May mà Á. bị nhẹ. (tôi xin giấu tên thật vì sau này, năm 1973, trong chiến dịch bảo vệ Hiệp định Paris, Á. có tư tưởng sợ địch, tôi sẽ nói kỹ ở phần sau).

Nguyên do, trong lúc mọi người nghỉ giải lao, tốp tân binh mới bổ sung, táy máy, đã lắp quả đạn thật vào súng và đạp cò. Trước đó, trong giờ tập, họ đã lấy phần tử ngắm bắn vào một chiếc boong-ke của Pháp để lại từ thời "Chín năm" (kháng chiến chống Pháp 1945-1954), cách đó gần hai cây số. Lúc nghỉ, họ đã khoá tâm, khoá hướng lại. Tuy nhiên, viên đạn đã đi chệch mục tiêu, cách lô cốt

mấy mét. Nếu trúng lô cốt thì hậu quả sẽ khôn lường. Vì trong đó, lũ trẻ chẵn bò đang chơi và tránh nắng.

Một sơ suất nhỏ đã gây nên một tổn thất lớn không đáng có cùng một hậu quả nghiêm trọng. Bài học xương máu khi được rút ra thì cái giá phải trả đã quá đắt rồi! Lẽ ra, chiến trường đã có thêm những tay súng lập công, thì ngược lại họ phải chết một cách oan uổng, tức tưởi và thiếu ý nghĩa.

Anh Cầu (Quảng Bình), chính trị viên đại đội lúc đó, bị kỷ luật Đảng và giáng chức làm cán bộ trung đội. Sau này, vào chiến trường, qua thử thách chiến đấu, anh lại được đề bạt, rồi điều về làm Chính trị viên đại đội 2 tiểu đoàn 8 chúng tôi (bấy giờ là cuối tháng 7/1972, lúc tôi đã chuyển về tiểu đoàn này). Hôm ấy, tôi mục kích sự kiện này khi đang trên đường lấy vũ khí từ Trung đoàn bộ. Sau này, thi thoảng tôi và anh lại nhắc đến kỷ niệm xương máu đau buồn ấy. Ngày giải phóng anh vẫn còn sống. Đã hơn 30 năm nay, tôi không được tin. Không rõ giờ đây, cuộc sống của anh và gia đình ra sao? Có thể nổi dằn vặt về những tổn thất, hy sinh không đáng có của chiến sỹ trong đơn vị ngày ấy, cùng những gian khổ, mất mát ở chiến trường là gánh nặng đè lên đôi vai vốn đã gầy yếu của người chính trị viên đại đội năm nào. Sau này, vào tháng 5 năm 1973, chính anh cùng anh Nguyễn Tiến Đắc (Gia Lương, Hà Bắc - đại đội trưởng), là những người giới thiệu tôi vào Đảng...

Sau gần hai tháng ở Bồ Trạch, chúng tôi có 15 ngày phép để sum họp với gia đình trước khi đi B. Thật hân diện, tự hào trong bộ quân phục Tô Châu màu lá cây khi gặp lại số bạn bè cùng lớp hiện đã lên lớp 10. Có người được dịp tái ngộ với người yêu để nói bao điều về tình yêu, ước mơ, tương lai và khát vọng ... Có thể nói đó là những ngày phép ít ỏi nhưng đẹp nhất còn lại của chúng tôi trên hậu phương miền Bắc để rồi sau đó phải chia tay bạn bè và những người thân yêu nhất để ra trận. Và đó cũng là lần... cuối cùng đối với rất nhiều đồng đội tôi. Bởi vì sau lần ấy, họ vĩnh viễn không bao giờ trở lại nữa... Họ đã chiến đấu dũng cảm và hy sinh trên khắp các chiến trường...!

Phần III

“XẼ DỌC TRƯỜNG SƠN...”

17 giờ, ngày 11/11/1971 chúng tôi được lệnh lên xe từ rừng cao su của nông trường 1/5 (Việt - Trung) tại địa phận xã Cự Nẫm (Bố Trạch, Quảng Bình). Vào đầu mùa khô nhưng trời vẫn lất phất mưa và se lạnh. Đoàn xe “Gat 63”, mấy chục chiếc nối đuôi nhau lầm lũi tiến sang phía Tây. Càng đi sâu vào Trường Sơn, tiết trời càng lạnh. Chúng tôi ngồi trên ô tô rất chật nhưng vẫn phải trùm lên mình tấm poncho (tăng nilon), vậy mà hai hàm răng vẫn va vào nhau lập cập. Thỉnh thoảng, bắt gặp một vài chiếc xe đi ngược chiều trở ra, chở trên mình nó là những thương binh về từ các chiến trường. Vào sâu hơn, qua ánh đèn dù của lũ máy bay đánh đêm ở các trọng điểm, chúng tôi thấy dưới chân dốc, bên cạnh những hố bom nham nhở là những chiếc Zin “*Ba cầu*” hay “*Giải Phóng*” (xe vận tải quân sự của Liên Xô và Trung Quốc giúp ta) nằm chổng kèn, cháy sém. Những chiếc xe đó chở gạo hoặc khí tài vào từ miền Bắc đã gặp những trận oanh kích ác liệt của không quân Mỹ. Đang đi, xe chúng tôi như bị ai nhấc lên rồi đẩy xuống. Trên thùng xe, mọi người bị xô lệch về một phía, nháo nhác, đứng cả lên; có người định nhảy xuống. Thì ra, chiếc Gat đang đi, qua ánh đèn gầm, phát hiện ra một “*ổ voi*” lớn, liền tránh sang phải. Không may, xe bám mép sườn dốc trơn trượt nên bị tuột nghiêng xuống, thiếu tí chút nữa thì cả xe và người đổ nhào xuống vực. Thật hú vía! Đó là kỷ niệm hành quân đầu tiên trên đường Trường Sơn.

Sau cú trượt kinh hoàng đó, chúng tôi quyết định xuống xe và hành quân bộ. Chừng 30 phút sau tất cả các xe chở quân đều quay trở ra. Một mặt, càng vào sâu trọng điểm, càng dốc và trơn trượt; mặt khác, cánh lái xe cũng sợ bị máy bay C130 và F4 (“*Con ma*”) bay đêm phát hiện ra. Từ đây, mở đầu cho cuộc hành quân bộ hơn ba tháng trời trên đường mòn Hồ Chí Minh.

Khoảng 3 giờ sáng, chúng tôi vượt qua một bãi lầy. Trên vai tôi là cái bàn để cối 82 ly (15kg) cùng với ba lô quần áo, tăng, võng, thịt hộp, cá hộp, đường, sữa bột, mì chính, bao gạo 7kg, và linh kinh quanh thắt lưng là túi mặt nạ phòng hoá, bi đông, dao găm, lựu đạn, túi thuốc cá nhân... ngót nghét 40 kg. Không rõ đi được bao lâu và đã cố gắng hết sức nhưng tôi không thể lê nổi thêm một bước chân nào nữa trên bãi lầy đó. Ngồi bệt xuống vũng bùn sền sệt, tôi kéo vôi trong ba lô ra trùm poncho trùm lên người, bởi trời càng về khuya, mưa càng nặng hạt và lạnh thấu xương...

Khoảng 7 giờ sáng, đang ngủ say trên vũng bùn, tôi giật mình vì ai đó đang nắm lấy vai tôi lay và gọi lớn: “*Sơn! Sơn! Dậy đi, đơn vị đi xa rồi!*” Tôi hoảng hốt, mở mắt. Thì ra đó là anh Đinh Bát Chương (Thanh Yên, Thanh Chương, Nghệ An) khẩu đội phó đang quay lại tìm chúng tôi (sau này anh hy sinh trong trận tôi bị thương vào ngày 18/5/1972). Đảo mắt nhìn quanh một lượt, tôi thấy trước và sau

có rất nhiều người cũng tư thế giống mình. Chương giúp vác bàn để cối 82 và kéo tôi đứng dậy. Bước đi, tôi kịp quay lại nhìn vào chỗ mình vừa ngồi, hơi nước bốc lên lãng đãng như sương. Nhiệt từ cơ thể tôi ngấm vào bùn, lúc ấy mới toả ra...

Khoảng 9 giờ sáng, mình đầy bùn đất, tôi thất thểu vào tới binh trạm 5, binh trạm đầu tiên để từ đây, chúng tôi bắt đầu "*xẻ dọc Trường Sơn*". Ngày ấy, tôi vốn là một cậu học sinh mảnh mai với cân nặng 47 kg, sức khỏe B1 và còn thiếu ba tháng nữa mới đầy tuổi 18. Ba tháng huấn luyện tân binh chưa đủ tiềm năng thử thách để vượt qua khó khăn ban đầu.

Hai ngày nghỉ ngơi, tắm giặt, phơi phong quần áo tại binh trạm, chúng tôi đã lại sức. ở đây, hàng ngày các loại máy bay trinh sát L19, OV10, A3J vè vè trên đầu như ong suốt từ sáng đến tối, tạo nên một không khí chiến trường căng thẳng, sôi động. Nếu nấu bếp "Hoàng Cầm" không cẩn thận, chỉ cần một tia khói nhỏ bay lên để bọn trinh sát này phát hiện được thì hậu quả sẽ khôn lường. Trước tiên sẽ là các vụ không kích bằng bom, rốc két và đạn 20 li của "Thần sấm", "Con ma" (các loại chiến đấu cơ cường kích F105, F4); không lâu sau đó, sẽ là hàng loạt phi vụ B52 rải thảm, huỷ diệt (chúng tôi đã được nghe kể và sau đó là nạn nhân trực tiếp của tình huống trên ở binh trạm 36).

Ngày thứ tư, anh nuôi dậy từ 4 giờ sáng để lo cơm nước cho bộ đội (ở đường dây này, không có anh nuôi cố định mà là cắt phiên nhau nấu ăn hàng ngày, mỗi ngày hai người). Bởi vậy, sau mấy tháng hành quân trên đường Trường Sơn, chúng tôi, anh nào cũng biết nấu cơm ngon, dẻo sau những thất bại ban đầu như cháy, khô, nhão nhột...

Đúng 7 giờ, bộ đội bắt đầu xuất phát. ở rừng nên mặt trời đến muộn. Ai cũng hăm hở. Có vào các binh trạm Trường Sơn mới biết sức mạnh của chiến tranh nhân dân thật kỳ diệu. Cuộc chiến đã huy động được hàng triệu lượt người náo nức ra trận. Đó là cái khí thế của "*Những binh đoàn nối nhau ra tiền tuyến. Như tình yêu nối lời vô tận*" (Phạm Tiến Duật). Trung đoàn 271 chúng tôi khi vào Trường Sơn được mang biệt danh là "Đoàn 2005". Trước và sau chúng tôi còn biết bao đoàn, đã và đang đi...

271 khi vượt Trường Sơn là trung đoàn thực binh. Ngoài lương thực, thực phẩm dự trữ và quân, tư trang cá nhân, còn phải mang vác vũ khí, khí tài nặng từ ĐKZ 75 ly, 12,7 ly, cối 82, cối 60, đại liên, B41, B40, máy thông tin 2W, 15 W... Bởi vậy nên thường bị các đoàn như 2006, 2007 vượt lên trước. Đó là các đoàn thuộc Quân khu 2, Quân khu 3, Quân khu Việt Bắc... gồm hầu hết lính ở các tỉnh từ Thanh Hoá, Hà Nam Ninh trở ra. Họ mang vác nhẹ, chỉ có ba lô quần áo và bao gạo trên vai. Trẻ, sung sức, cùng một quyết tâm ra trận nên lúc nào cũng chen lấn để vượt đoàn chúng tôi. Bởi vậy, đôi lúc, đã có những xích mích nhỏ giữa chúng tôi với họ. Dù sao đó cũng là những kỷ niệm đáng nhớ và đáng yêu trên chặng đường hành quân đầy thử thách, hy sinh của những năm tháng hào hùng đó.

Đến binh trạm 15, lác đác đã có người bị sốt rét. Có thể nói những anh chàng nào to mập, trông khoẻ mạnh, sung sức nhất xem ra lại bị quật đổ trước tiên. Thêm một nỗi lo và gánh nặng cho những đồng chí còn lại. Bởi vì, theo quy định



và quyết tâm của trung đoàn trước khi hành quân là 100% quân số phải đến đích tập kết an toàn. Đoàn chúng tôi theo kế hoạch, phải tập kết tại Bộ Tư lệnh 470, thuộc B3 ở Tây Nguyên. Như vậy, không còn cách nào khác là buộc phải khiêng cáng những anh em bị sốt, không được gửi lại ở các binh trạm. Phải công nhận một thực tế là ai đã từng bị sốt rét mới thấy hết được sức tàn phá mau lẹ và khủng khiếp về sức khoẻ bởi căn bệnh quái ác đó. Chỉ vài ba ngày sốt cấp tính, người bệnh gần như không thể bước được nữa. Những cơn sốt kinh người với nhiệt độ cơ thể có khi lên tới 40, 41 độ C. Chỉ một tuần sau khi lâm bệnh thì dù đó là thanh niên khoẻ mạnh, cường tráng cũng biến thành một hình hài tiều tụy, suy sụp, đứng không vững nữa. Có người chỉ cần sau vài cơn co giật là trút hơi thở cuối cùng. Đó là trường hợp những ca bị ác tính. Tôi đã đau xót chứng kiến cái chết của người bạn thân cùng trung đội tên là Trần Văn Mão quê ở Nghi Lộc, Nghệ An. Mới buổi chiều còn cùng tôi ăn chuối (cậu ta tìm đâu được một buồng chuối rừng chín bói) ăn xong lại còn tặng tôi 40 đồng (tiền miền Bắc lúc đó), nói để ngày nào được ra Bắc dành mua quà cho người thân. Đêm. Khoảng 12 giờ, cậu ta lên cơn sốt cao, co giật mấy cái rồi im bất. Mão hy sinh lúc tròn 20 tuổi. Chúng tôi mai táng Mão bên cạnh gốc một cây lim lớn rồi đánh dấu vào đó, hy vọng sau này ai đó có thể tìm lại được. Nhưng... có lẽ chẳng bao giờ hài cốt của Mão có cơ hội trở về được nơi quê cha đất tổ nữa bởi hai lý do: Thứ nhất, chúng tôi phải cuốn theo cơn lốc của cuộc hành quân thần tốc, thứ hai là mối ở Trường Sơn thật kinh khủng. Thi thể cậu ta sẽ bị đàn mối rừng xông trong vài hôm là hết sạch. Ngủ rừng ban đêm ở đây, nếu bất cẩn thì sáng ra, ba lô của anh chỉ còn một đồng đất và súng AK thì chỉ còn lại phần thép mà thôi... Mối đã xông hết tự lúc nào!

Đêm nghỉ, ngày đi thám thoát đã đến binh trạm 36. Trước đó, chúng tôi đã vượt qua đường 9, đoạn nối từ Khe Sanh lên. Chúng tôi về thăm bại chiến dịch Lam Sơn 719 của Mỹ - nguy phơi bày ra trước mắt. Xác chiến xa M41, M48 cùng xe bọc thép M113 và các loại chiến cụ khác ngổn ngang cả một bãi chiến trường. Vì phải bảo đảm bí mật đội hình hành quân nên chúng tôi phải vượt nhanh qua đoạn đường này (Đây là binh trạm có cung đường xa nhất trong suốt chặng đường hành quân trên Trường Sơn). Mấy ngày sau đó chúng tôi vượt sông Xê Pôn. Nước sông ở đoạn này chảy rất xiết. Các chiến sỹ công binh Trường Sơn đã lợi dụng các tảng đá chìm giữa lòng sông để bắc cầu ngầm tránh sự phát hiện của lũ trinh sát OV10 và L19 suốt ngày o o trên đầu. Tại đây, chúng tôi có một kỷ niệm khó quên. Đó là việc anh Trần Văn Khánh (Hưng Nguyên, Nghệ An) trung đội phó, khi vượt sông, do sơ ý trượt chân, đã làm rơi khẩu AK xuống dòng nước xiết. Cả anh và chúng tôi thay nhau lặn mò nhưng không thể tìm thấy. Khánh bị lưu Đảng và bị giáng chức từ B phó (trung đội phó) xuống làm A phó (tiểu đội phó)... Sau này trong trận đánh tại Ngã ba Lộc Giang (Đức Hoà, Long An) vào tháng 5 /1972, Khánh đã hy sinh...

...Trạm 36 là một binh trạm nằm giữa đại ngàn Trường Sơn với bạt ngàn cây cỏ thụ thuộc các nhóm gỗ quý như lim, trắc, sến, săng lẻ... Có những rừng lim hoặc săng lẻ, đi cả ngày đường không hết. Ngày ấy, chúng tôi nghĩ: “Sau này, khi giải

phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất Tổ quốc, nguồn lâm sản quý giá và phong phú chủng loại ấy sẽ góp phần làm giàu cho hai nước Việt - Lào..."

Nếu ở binh trạm 5 là nơi địa đầu đối diện giữa tỉnh Quảng Bình với tỉnh Kham Muộn của nước bạn Lào thì chỗ này thuộc địa phận của tỉnh Xa Va Na Khet. Vào đến đây mới thấy hết được cái ác liệt của Trường Sơn dưới mưa bom B52. Buổi chiều hôm ấy, sau khi cả đội hình hành quân đã tập kết đầy đủ tại binh trạm, mọi người lo cơm nước và chuẩn bị nghỉ sớm để lấy lại sức cho chặng đường hành quân ngày mai.

Đúng 7 giờ sáng hôm sau, khi chúng tôi chuẩn bị xốc ba lô và vũ khí lên vai thì máy bay địch ập đến. Tiếng gào rít xé trời của phản lực F4 "Con ma" được cộng hưởng bởi thung lũng và vách núi làm cho đỉnh tai nhức óc. Sau mấy vòng lượn, chúng bổ nhào xuống cất bom vào cạnh đội hình hành quân. Loạt bom thứ hai vừa nổ thì mấy chiếc "Zin" chở gạo phía bên kia bốc cháy. Phát hiện được mục tiêu, chúng gọi các tốp khác bay đến đánh bồi. Bom nổ ngay sát đội hình. Có những trái rơi gần chúng tôi. Tuy nhiên, nhờ các cây cỏ thụ nên bộ đội có chỗ ẩn nấp do vậy thương vong không nhiều. Mặt khác, từ phía đông, trận địa cao xạ 37 ly của đơn vị phòng không, bảo vệ binh trạm bắn mãnh liệt đã đẩy giạt lũ F4 ra xa. Sau trận không kích dữ dội ấy, trung đoàn ra lệnh nhanh chóng giải quyết hậu quả. Nhưng một khó khăn đột xuất xảy ra, đó là việc bộ đội không còn gạo để ăn nữa. Vì theo quy định thì đến binh trạm 36 sẽ nhận lương thực bổ sung vì đã hết. Thế nhưng, có được vài chiếc xe chở gạo, may mắn thoát khỏi các trọng điểm ác liệt do máy bay Mỹ đánh phá, vào tới đây thì đã bị cháy trong trận oanh kích sáng nay. Do đó, đành phải nằm chờ. Tôi có một kỷ niệm với Đính ở binh trạm này. Hôm ấy, đã hai ngày, chúng tôi ai nấy tự mình kiếm được gì thì ăn nấy. Tôi cùng Đính vào sâu trong rừng để mong tìm đào củ mài hoặc môn thực. Đang đi, bất chợt, phát hiện ra một tổ ong muối trong một hốc cây khô, tôi chỉ cho Đính rồi thò tay vào móc. Mật ong theo cánh tay tôi chảy ra. Đính lấy bát sắt hứng, hai người thay nhau uống. Tôi uống gần một "bát B52" (bát sắt tráng men Trung Quốc trang bị cho bộ đội dùng để ăn cơm, có dung tích khoảng 400 ml) mật ong giữa lúc bụng rỗng không. Về đến chỗ đóng quân, tôi liền treo võng nằm. Nước miếng trong miệng chảy ra cơ man nào mà kể. Bị say mật, mọi người phải giã củ mài sống, lọc nước cho tôi uống, mãi sau mới tỉnh lại. Chắc là Đính khoẻ hơn nên không bị say. Tôi vốn hay đau bụng, vậy mà từ đó về sau không còn thấy hiện tượng đó nữa. Chắc... giun đã chết hết!...

... Có thể hình dung mức độ ác liệt của chiến trường: Cứ khoảng 100 xe vận tải xuất phát từ Quảng Bình, vào tới đây hoặc sâu hơn chút nữa, may ra chỉ còn lại mấy chiếc. Qua các trọng điểm ác liệt, hầu hết các xe đều bị bắn cháy. Gạo ăn của bộ đội hàng ngày tùy thuộc vào những chiếc xe này.

Khác với trước đây, để chuẩn bị lương thực, thực phẩm cho bộ đội hành quân trên Trường Sơn, các đơn vị hậu cần của Bộ Tư lệnh 559 lo làm kho, lán dự trữ. Bộ đội đi đến đâu, tự giác lấy theo nhu cầu của mình. Đến giai đoạn này, quân vào đông, nguồn lương thực, thực phẩm dự trữ đã cạn. Mặt khác, một số kho lại bị

ném bom, bị bọn thám báo, biệt kích đốt cháy hoặc qua các mùa mưa đã bị mục nát. Do vậy, việc tiếp tế cho bộ đội hàng ngày chủ yếu là dựa vào những chuyến xe đó. Những chuyến xe "mô côi" như vậy khó có thể đáp ứng được nhu cầu tối thiểu hàng ngày cho bộ đội Trường Sơn...

Rời binh trạm 36, chúng tôi tiếp tục hành quân... Lại vượt dốc, trèo đèo, đêm nghỉ ngày đi... Tôi lại có một kỷ niệm với Đính ở binh trạm 40. Vốn trước đó, do mang vác nặng, hành quân đường trường, lại đèo dốc, vực thẳm, tôi bị bong gân bàn chân phải, đau đớn vô cùng. Vậy mà trên vai vẫn bòn đề cỡi 82 ly, vẫn ba lô, bao gạo... Tôi cắn răng, cố lê từng bước để theo kịp đơn vị. Đang đi, bàn chân phải vốn bị bong gân của tôi bỗng vấp phải một cái rễ cây nổi lên giữa lòng đường. Ôi! Đau! Một cái đau không có ngôn ngữ để diễn tả. Có lẽ những lần bị thương sau này cũng chưa có lúc nào có cái cảm giác đau đớn hơn thế. Tôi ngã chúi cả người về phía trước. Nước mắt trào ra. Chiếc bàn đề rời vai tôi ném thẳng vào gót chân của Đính. Một mảng gân trắng hếu lòi ra. Tiếp theo là máu. Nhiều máu quá! Đính đau điếng, ngã theo. Cái nòng cối 82 đề lên cổ cậu ta. Còn chiếc bàn đề của tôi rơi xuống mép dốc thiếu tí chút nữa thì lăn xuống vực. Tôi hoảng hồn và không hình dung nổi mức độ kỷ luật dành cho mình sẽ như thế nào nếu như chiếc bàn đề đó nằm dưới đáy vực?! Cả đại đội được lệnh tạm dừng, chờ đợi để băng bó cho Đính. Phải mất hơn tuần sau, Đính mới cà nhắc, vác được nòng pháo theo đơn vị. Còn cái chân phải của tôi đã thành mãn tính không lành được nữa. Tối tối, sau một ngày hành quân trèo đèo, vượt dốc, tôi phải ngâm chân bằng nước muối nóng cho đỡ đau để ngày hôm sau tiếp tục theo kịp đơn vị. Đau mấy cũng phải cố gắng theo, bước đi mà phải giấu dòng nước mắt chảy tràn trên má vì đau. Bởi nếu chỉ một biểu hiện nhỏ về sự nhụt chí sẽ bị xem là "*có vấn đề về tư tưởng...*"

...Chúng tôi vượt sông Xê Công khi trời đã về chiều. Mùa khô nên nước sông không sâu, cá ở con sông này nhiều vô kể. Binh trạm đóng gần sông. Tôi nhớ ở gần chỗ trú quân là nơi uốn khúc của con sông, nước xoáy khoét sâu vào phía hữu ngạn tạo nên những cái vực sâu. Hôm ấy, một đồng chí trong đại đội (tôi không nhớ rõ tên) đã ném xuống đó một trái thủ pháo. Không biết cơ man nào là cá. Đại đội chúng tôi đã vớt được mấy bao tải (loại bao cát của Mỹ dùng để làm công sự dã chiến). Đồng chí này sau đó bị kỷ luật cảnh cáo. Nhưng, chúng tôi thì được ăn cá thoải thích, còn chia phần cho các đại đội khác... Mấy ngày sau, chúng tôi vượt dốc 2001 (độ cao 2001 mét so với mặt biển). Dốc dựng đứng. Đầu người này chạm đáy ba lô người kia. Bộ đội công binh đã căng sẵn hai bên hai sợi dây song (mây) to bằng bắp tay. Không biết cây song mọc từ đời nào mà dài đến thế? Nếu không vì nặng mà để nguyên cả cây có lẽ nó phải dài đến cả cây số. Họ phải chặt ra nhiều khúc, căng ra cho bộ đội bám vào đấy để leo lên. Dưới đất, công binh và giao liên 559 phải làm cấp, lát gỗ, nẹp chặt lại để định vị. Có đến hàng chục nghìn bậc như vậy ở cả hai sườn dốc. Quả là kỳ diệu! ở binh trạm này, bộ đội phải công nước từ dưới suối lên đỉnh dốc để nấu cơm tối ăn và nghỉ lại trên đó. Vì leo từ sáng đến 5 giờ chiều mới tới được đỉnh dốc. Cơm cũng không chín được vì nhiệt

độ sôi có thể chỉ đạt mức 90 - 95 độ C. Đêm treo võng ngủ lại, sáng hôm sau mới từ đỉnh dốc leo tụt xuống.

Cứ thế... chúng tôi lại mãi một đi... Lại vượt dốc, trèo đèo. Thấm thoát đã gần 2 tháng trời hành quân, chúng tôi đã vượt không biết bao nhiêu ngọn núi chót vót của Trường Sơn, qua bao nhiêu sông rộng và chảy xiết nữa như Xê Bang Hiêng, Xê Rê Pốc... Gian khổ, ác liệt là thế nhưng tất cả vẫn lạc quan, yêu đời. Ở những thời điểm nghỉ giải lao 10 phút, giữa hai chặng hành quân, tiếng hát lại vang lên giữa núi rừng điệp trùng với đá tai mèo, dốc đứng:

Ta vượt trên đỉnh núi cao Trường Sơn.

Đá mòn mà đôi gót không mòn.

Ta đi nhằm phương Nam, gió ngàn đưa chân ta về quê hương.

Quân về trong gió đang dâng triều lên.

Máu thấm đường ta đi, lẫn mồ hôi rơi, tình quê tha thiết.

Ta đi theo ánh lửa từ trái tim mình..."

Hay: "Miền Nam kêu gọi ta, vượt Trường Sơn bay vọng ra. Ôi! Tiếng quê hương như thực dục chúng ta. Mười mấy năm đã qua, giặc tàn phá trên quê nhà; gieo tóc tang điêu tàn xóm làng. Miền Nam yêu dấu ta ơi! Xin hiến dâng cả trái tim chúng tôi đang sục sôi. Miền Nam ơi! Một tiếng của Người gọi, chúng tôi sẽ lên đường về ngay chống quân thù..."

Chúng tôi hít căng lồng ngực, hát say sưa quên cả mệt nhọc gian khổ và đau đớn! Cái thời tuổi trẻ của những năm đánh Mỹ ấy, nào ai có thể dễ quên? Thật xúc động và tự hào!

Hành quân Trường Sơn có những kỷ niệm rất vui, rất đáng nhớ và cũng cười... ra nước mắt. Đó là việc nghỉ giải lao, ăn cơm trưa của bộ đội. Không rõ từ lúc nào, ai đã đặt ra cái từ "*ca nhạc*" (ăn cơm). Cứ khoảng hơn 9 giờ sáng đã bắt đầu có tiếng "*ca nhạc đi thôi*". Vậy là cả một khoảng chiều dài rừng Trường Sơn nổi nhau râm ran cái tiếng hấp dẫn ấy. Bởi cái tiếng ấy cất lên là báo hiệu sắp được nghỉ ăn trưa. Điều quan trọng không phải là được nghỉ mà là được ăn. ở Trường Sơn rất đói. Mặc dù buổi sáng, vừa mới ăn xong nhưng chỉ khoảng vài tiếng đồng hồ sau đã đói cồn cào. Vào đến đây, thực phẩm dự trữ của từng người trong ba lô đã cạn. Ngoài suất cơm ít ỏi ra, thức ăn chỉ có một dùm ruốc bông nấu với môn thực (rất hiếm) hay một thứ lá rừng nước lống bông, nêm một chút mỳ chính là xong. Chúng tôi thường gọi đùa là "*canh toàn quốc*". Buổi trưa mỗi người một nửa hăng-gô Trung Quốc cơm lén chặt, vậy mà ăn xong, vẫn nghĩ, ước gì còn, sẽ ăn hết một hăng-gô nữa... Tôi chợt nhớ lại một kỷ niệm cũng cười ra nước mắt. Đó là ở binh trạm 49 ăn canh lá rừng. Hôm ấy, tôi và Đính đến phiên nấu cơm. Chiều hôm trước, khi đến binh trạm, vừa nấu cơm xong, nhìn lên tán cây, bỗng tôi phát hiện thấy lá "*mỳ chính*" (tôi tưởng là cây "*mỳ chính*" thật. Bộ đội Trường Sơn gọi là cây "*mỳ chính*" (bột ngọt) vì lá của nó ăn ngọt như nêm mỳ chính). Tôi gọi Đính và chỉ cho cậu ta, nhưng vì trời chiều tối rồi nên chúng tôi không trèo hái nữa. Sớm hôm

sau, Đính nhóm bếp thổi cơm, tôi trèo lên hái xuống rửa sạch cho vào nồi nấu canh cho bộ đội (hành quân Trường Sơn mỗi trung đội tổ chức một bếp). Cơm sáng xong, đơn vị được lệnh hành quân. Vừa đi được một quãng, tôi bỗng thấy bụng quặn đau, sau đó đau quằn quại rồi nôn mửa. Tôi báo cho trung đội trưởng Lê Văn Thuận, (quê Diễn Châu, anh hy sinh trong trận đánh ngày 16/6/1972 tại Long Khốt, Kiên Tường (Long An) cùng 4 đồng chí khác). Rồi liền sau đó rất nhiều người trong đó có cả Thuận cùng kêu đau bụng và nôn thốc, nôn tháo. Người đi đầu đội hình mới leo được một đoạn dốc cũng ôm bụng kêu đau, rồi tất cả những ai ít nhiều ăn canh đều bị ngộ độc. Cả trung đội nằm la liệt trên triền dốc. Đại đội báo lên tiểu đoàn, tiểu đoàn gọi lên trung đoàn. Trung đoàn lệnh cho tiểu đoàn buộc phải khẩn trương tập trung các y tá, y sỹ của tiểu đoàn về đại đội chúng tôi tìm cách giải độc cho mọi người. Tôi ăn khá nhiều canh nên nôn mật xanh, mật vàng, mắt hoa lên, tai ù đặc. Tuy nhiên nhờ nôn sớm, nôn hết nên không ai làm sao cả, chỉ mệt thôi. Hú vía! Trung đội chúng tôi buộc phải dừng lại, ngày hôm sau mới lên đường đuổi theo đơn vị. Lần ấy tôi và Đính bị khiển trách. Tuy nhiên, nào ai muốn thế! Vì chính chúng tôi cũng là nạn nhân của nồi canh ấy mà. Cái thứ lá mà tôi nhầm tưởng là "*mỳ chính*" ấy có tên gọi là láбет. Từ đó trở đi, đơn vị cấm hẳn, không cho bất cứ ai nấu canh lá rừng nữa, trừ môn thực và rau tàu bay. Nhưng loại này ở Trường Sơn là "*hàng quý hiếm*", dễ gì tìm được!

Cái đói vẫn cứ đeo đẳng, bám theo chúng tôi. Cũng vì thiếu gạo và muốn cải thiện thêm chút ít cho đỡ đói lòng nên suýt nữa thì tôi bỏ mạng trên dòng Xê Rê Pốc. Hôm ấy, đơn vị tôi dừng chân bên bờ sông này. Trước đó, đoàn thuyền chở gạo của hậu cần binh trạm đi trên sông, không may, có một chiếc đăm phải đá ngầm bị chìm và nước cuốn trôi. Nước ở con sông này chảy xiết, các bao gạo sau khi ngấm nước liền cuốn theo dòng rồi giắt kẹt vào giữa các lèn đá trên sông. Các đơn vị khác đi qua, đã có người mò vớt rồi. Tôi đến sau, khi được tin liền chạy ra bờ sông cởi ngay quần áo nhảy xuống. Tôi men theo một ghềnh đá giữa dòng nước xiết. Dưới tảng đá là một lỗ hồng to. Hai tay tôi bám trên đỉnh hòn đá ấy, thả người xuống thăm dò. Thật bất ngờ, như một ma lực, tôi bị dòng nước hút ngay vào lỗ hồng đó. Chân tôi chạm phải một bao gạo nhưng đuối tầm quá. Tôi cố du người để kéo mình ra khỏi hút nước ấy, nhưng không thể được vì sức lực của hai cánh tay không thắng nổi dòng nước xiết. Tôi nghĩ ngay đến cái chết. Chỉ cần bắt cần, trượt tay hoặc chùng cơ là dòng nước chết người ấy sẽ hút tôi giắt vào kẽ đá dưới lòng sông như những bao gạo kia. Và vĩnh viễn tôi gửi lại bộ xương của mình dưới đáy sâu của dòng sông Xê Rê Pốc dữ dằn đó. Nghĩ như vậy, tôi cố gắng lấy hết nghị lực và sức lực của mình trong cố gắng lần cuối một cách tuyệt vọng. Thật bất ngờ, hai cánh tay như có phép lạ, chúng kéo tôi lên được một đoạn, nhờ đó mà chân chạm phải một gờ đá. Chỉ chờ có thế, tôi đạp bám vào và nghĩ nhanh: "*Thế là sống rồi!*". Lấy chỗ đó làm điểm tựa, tôi đạp mạnh, rút người lên. Mặc vội quần áo rồi chạy ngay về nơi đóng quân. Tôi kể lại cho mọi người nghe, ai cũng tròn mắt, lắc đầu. Tôi nghĩ: "*Có lẽ tổ tiên đã phù hộ, độ trì cho mình trong lần ấy và kể cả sau này, khi lâm trận*".

Bây giờ thì chúng tôi đã tới địa phận của B3. Theo kế hoạch thì 271 sẽ được bổ sung cho Bộ Tư lệnh 470 ở Tây Nguyên. Đêm đêm, tiếng bom B52 vẫn ì ầm dội đến từ các binh trạm trước và sau chúng tôi. Nhiều lúc, đêm trước B52 vừa rải thảm ở cung đường trước mặt, sáng ra, chúng tôi liền vượt qua chỗ đó. Núi rừng Trường Sơn bị cày xới nham nhở bởi hố bom B52 dày đặc. Chứng tích về tội ác dã man của giặc Mỹ bởi B52, chất độc dioxin (da cam) và bom napan huỷ diệt còn nguyên trên những cánh rừng. Một hình ảnh đầy sức gợi tả và ám ảnh đã được Tố Hữu sau này ghi lại hết sức sinh động:

*Cây khô chết chẳng nghiêng đầu.
Ngàn tay than cháy, rạch màu trời xanh.*

Càng vào sâu, núi rừng càng trùng điệp. Tuy là mùa khô nhưng có những con suối rất sâu và vách thành dựng đứng. Công binh đã lựa những cây song (mây) lớn để bắc những chiếc cầu mây cho bộ đội qua suối. Phải thừa nhận là công binh Trường Sơn có đôi bàn tay tài hoa và thật kỳ diệu trong việc nối đường giao liên bằng những chiếc cầu mây có một không hai trong lịch sử chiến tranh. Những chiếc cầu mây được né buộc từ những gốc cây của mỏm núi này sang các gốc cây của mỏm núi khác trông chót vót, chênh vênh như trong tranh thủy mặc cổ điển của Trung Quốc. Nhưng kể cả người và vũ khí nặng đều có thể đi qua một cách an toàn trong sự chòng chành nhẹ lay như đưa võng. Một hình ảnh thật lãng mạn! Tôi thoáng nghĩ, nếu ở góc nhìn điện ảnh chệch từ phía dưới lên, nhà quay phim sẽ có một cảnh quay thật ngoạn mục với hình ảnh sinh động của các chiến sỹ giải phóng đội mũ tai bèo, ba lô, súng đạn đang đi ngược với góc 90 độ, thân hình song song với mặt đất như các Nin-Ja Nhật Bản vậy! Dọc đường Trường Sơn, chúng tôi đi qua rất nhiều những chiếc cầu mây như thế. Đó là những chiếc cầu của trí thông minh, lòng quả cảm; của ý chí độc lập tự do và chủ nghĩa anh hùng cách mạng Việt Nam ở thế kỷ XX...

...Thấm thoát, chúng tôi đã đến chân cao nguyên Bô Lô Ven (Nam Lào). Hôm ấy đúng vào ngày 22 tháng 12 năm 1971, sau một ngày hành quân, chúng tôi dừng chân trên sườn đỉnh cao nguyên này. Vì là ngày thành lập Quân đội nên Trung đoàn lệnh cho các đơn vị được nghỉ chân một ngày. Trưa hôm đó, trong cuộc nói chuyện với chúng tôi, đồng chí Chính uỷ Đoàn Sáu (quê Diễn Hoa, Diễn Châu, Nghệ An) có một câu mà đến bây giờ tôi vẫn nhớ như in "*...Nếu nhiệm vụ của các đồng chí chỉ là vượt Trường Sơn không thôi thì đến đây, đã đủ điều kiện để phong tặng danh hiệu Anh hùng cho tất cả mọi người. Nhưng đích của chúng ta là ở chiến trường, nơi đối mặt với kẻ thù, và buộc phải chiến thắng, nên nhiệm vụ trước mắt hãy còn hết sức nặng nề. Các đồng chí phải nỗ lực, cố gắng hơn nữa...*".

Quan sát và ghi chép vốn là một thói quen và sở thích của tôi. Bởi vậy, dọc đường Trường Sơn và kể cả sau này, khi chiến đấu, hễ có cơ hội là tôi ghi lại những gì đã diễn ra trong hai cuốn nhật ký "*Dọc đường chiến tranh*". Một hình ảnh đọng mãi trong tâm trí tôi. Đứng ở triền dốc cao nguyên Bô Lô Ven nhìn xuống, thấy cả một núi gậy và áo Thu đông, trang bị cho bộ đội chống rét trên Trường Sơn. Mỗi người khi qua đây đều quàng xuống chân dốc một cái gậy và một cái áo

ấm, sau khi không dùng tới nó nữa. Vì vào tới đây đã hết lạnh. Tôi chợt nghĩ vui: nếu bọn tình báo, gián điệp có thể đếm được núi gậy này thì đó sẽ là một số liệu tình báo sống, cực kỳ chính xác, vì nó sẽ giúp chúng biết được số quân ta vào chiến trường là bao nhiêu (!) Một đồng gậy có một không hai trong lịch sử chiến tranh. Chiếc gậy ấy đã đi vào cuộc sống của bộ đội, vào thơ ca, nhạc, hoạ trên đường ra trận. Nhạc sỹ Phạm Tuyên hoàn toàn có lý khi viết ca khúc "*Chiếc gậy Trường Sơn*", lời bài hát có đoạn: "*Luyện cho đôi chân vượt đường xa không mỏi, luyện cho tinh thần (là) chỉ tiến không lui*"...

... Đã trên hai tháng hành quân, vậy mà chẳng đường như dài ra hơn trong cảm giác của mọi người khi đứng trên cao nguyên này nhìn tít tắp vào phía Nam. Bây giờ, chúng tôi đã đến địa phận của tỉnh A Tô Pơ, Nam Lào...

Từ sườn đỉnh cao nguyên này, phóng tầm mắt ra xa, thấy những cánh rừng già lúp xúp như mâm xôi, hút tầm mắt chúng tôi đến tận chân trời phía Nam. Vào đến đây, tuy sức khoẻ của mọi người bị giảm sút nhưng cơ bắp thì rắn rỏi hơn. Số người bị sốt rét tăng lên từng ngày. Đôi vai chúng tôi ngày một nặng thêm.

Tính hai mặt luôn là sự tồn tại của quy luật cuộc sống. Nó cũng giống như tấm huân chương. Mặt trước thì rực rỡ, sáng ngời, nhưng phía sau thì xù xì góc cạnh. Cuộc chiến vĩ đại này, bên cạnh cái hào hùng có cái bi thảm. Đối lập cái cao cả, tồn tại cái đốn hèn. Lương tri trong sáng song hành cùng sự phi nhân tính. Nếu như trong cái không khí hào hùng của những binh đoàn nối nhau ra trận như trẩy hội với những con người háo hức ngày đêm "*xé dọc Trường Sơn đi cứu nước*"; với ý chí "*Không có gì quý hơn độc lập, tự do!*" thì vẫn có không ít những kẻ bạc nhược, sợ chết, tìm cách quay lại trước khó khăn, gian khổ, ác liệt. Nếu chưa có cơ hội đào ngũ được thì thoái thác nhiệm vụ hoặc giả vờ ốm đau để buộc đồng đội phải khiêng cáng, mang vác thay cho mình.

Hồi ấy, ở khẩu đội tôi, có một cậu tên là H. (tôi xin được giấu tên thật), quê Kỳ Anh (Hà Tĩnh). Công bằng mà nói, anh ta cũng có ốm, nhưng so với những người khác, thì chưa thấm vào đâu. Vậy mà do tư tưởng sợ chết, sợ gian khổ, không muốn vào chiến trường nên lấy cớ, "*đập bệnh*" ra không chịu đi nữa. H. cố nhịn ăn để sức khoẻ nhanh chóng giảm sút, bắt chúng tôi phải khiêng. Nếu không khiêng, nhất định H. không chịu đi. Theo mệnh lệnh, chúng tôi buộc phải chấp hành. Khẩu đội thay nhau, hai người một, cáng H. Đường dốc, quanh co, lên đá dựng đứng. Chúng tôi vừa mang vác nặng lại vừa phải khiêng thêm người nên hết sức vất vả. Vai bỏng rát, gối run, chân chồn. Mồ hôi ướt đầm quần áo. Hôm ấy, đến lượt tôi và Đỉnh khiêng H. Chúng tôi bảo nhau phải cho thẳng này "*biết thế nào là lễ độ*". Đợi khi đi qua chỗ dốc và cua gấp khúc, chúng tôi cùng nháy nhau va mạnh cậu ta vào lèn đá liên tục. Đau quá, và hình như cũng biết chúng tôi chơi khăm nên H xin xuống tự đi một cách "*ngon lành*". Có mặt mọi người, H. giả vờ không ăn được, nhưng khi nào vắng chúng tôi hoặc khi nằm trên cáng trùm chăn, H. lại lén lấy đường, sữa ra ăn một mình. Chúng tôi, ai cũng tức hấn nhưng vì phải chấp hành mệnh lệnh nên mọi người đành cam chịu vậy thôi. Sau đó mấy hôm, hấn nằm ỳ, không chịu đi nữa. Chúng tôi cũng quá mệt mỏi và không còn đủ sức

không hẳn. Hơn nữa, đơn vị có thêm những người mới bị sốt rất nặng. Do vậy đã đề nghị đại đội cho gửi hẳn lại binh trạm... Nghe nói, sau đó H. đào ngũ quay trở ra Bắc... Sau giải phóng trở về, năm 1980 (bây giờ tôi đang học năm thứ II, Đại học Sư phạm Vinh), tình cờ tôi gặp H. tại cầu phao Bến Thủy. H. hồng hào, khỏe mạnh. Nói chuyện qua quýt, tôi được H. cho biết là đang trên đường đi công tác. Hiện đang làm cán bộ thương nghiệp huyện Kỳ Anh. H. cười rất mãn nguyện. Tôi hiểu, trong cơ chế bao cấp thời ấy (thập niên 80 của thế kỷ trước), thương nghiệp được coi là một nghề "*thời thượng*". Bây giờ thì tôi càng rõ hơn về bản chất con người này! Từ bấy đến nay, tôi không gặp lại H. nữa...

...Tập kết tại địa bàn của Bộ Tư lệnh 470, chúng tôi bất ngờ nhận được lệnh mới: "Gấp rút vào B2 để đánh thí điểm địch ở đồng bằng". Chúng tôi lại tiếp tục hành quân... Càng đi sâu hơn vào phía Nam, núi rừng tuy không dốc như ở Trung Lào nhưng những rừng khộp, rừng le bạt ngàn, cùng những rừng săng lẻ vỏ bạc phéch như da trăn và thẳng như dũa, đi mấy ngày đường không hết.

Bây giờ đã là cuối tháng 1 năm 1972.

Chiều mùa khô Trường Sơn, khi ánh chiều hắt xuống những giọt nắng cuối cùng như nhuộm vàng lên màu diệp lục của lá rừng là lúc lòng người tê tái, trống vắng bởi nhớ nhà, nhớ quê, nhớ hậu phương miền Bắc da diết. Đã có một chiến hữu của chúng tôi (thuộc thế hệ đi trước), nghe nói là một sinh viên Ngữ văn của một trường đại học. Cũng như chúng tôi, đã "*gác bút nghiên*" lên đường đánh Mỹ. Khi vào Trường Sơn, anh đã cảm tác viết bài thơ sau đây. Nhưng rồi trong một trận chiến đấu, không may anh hy sinh. Bọn địch đã lượm (nhặt) được bài thơ, sau đó chúng ghép thêm một đoạn sắc mùi "*chiêu hồi*", phản động, đem in thành truyền đơn rồi nhanh chóng cho máy bay thả xuống trên núi rừng Trường Sơn. Mục đích tâm lý chiến của chúng là dùng một mũi tên bắn trúng hai đích. Thứ nhất là bôi nhọ hình ảnh người chiến sỹ giải phóng. Thứ hai là hòng làm lung lay tinh thần của cán bộ chiến sỹ ta. Cũng phải thừa nhận một thực tế là bài thơ có những câu như xoáy vào gan ruột những chiến binh như chúng tôi ngày ấy. Nó lay thức tâm can, gợi lên nỗi nhớ nhà da diết, nhớ quê hương đến nao lòng (hồi ấy, chúng tôi nào ai dám đọc to lên đâu, vì có thể sẽ bị đánh giá về lập trường, tư tưởng ngay!). Tôi dẫn ra đây một đoạn:

*Từ buổi con lên đường, xa mẹ
Theo anh em sang Lào, rồi dần bước vào Trung
Non cao, núi biếc chập chùng
Sớm nắng biển, chiều mưa nguồn gian khổ...
Tuổi thanh xuân, cuộc đời như hoa nở
Vì hoà bình, đâu ngại bước gian nguy
Mấy tháng trời, đêm nghỉ, ngày đi
Giày bệt gót, áo sờn vai, thấm lạnh
Chiều Trường Sơn, núi rừng cô quạnh
Mẹ hiền ơi, con chợt nhớ quê nhà.*

*Khôi lam chiều, giàn mướp lá lên xanh
Cây đa cũ, mái đình xưa, ôi nhớ quá!...*

Quả thật, những vần thơ đó, tự thân nó có sức ám ảnh ghê gớm. Nếu không vững ý chí và niềm tin, có người sẽ *"chùng chân, mỏi gối..."*

...Chúng tôi lại mãi một đi... Đường hành quân đến đây bất chợt xuyên qua những đồi cỏ lau bạt ngàn một màu vàng chói mắt. Nắng mùa khô gắt gao cộng với màu vàng cỏ lau nhức mắt càng làm tăng thêm cơn khát cháy họng của mọi người. Điều ước ao duy nhất lúc này là được uống nước. Cái nắng cháy da người cộng với những cơn khát, khiến cơ thể như bị khô cong đi. Các đồng chí giao liên cho biết, phía trước mặt sắp đến sẽ có một con sông. Chúng tôi ai cũng nóng lòng, háo hức và càng thêm dồn bước. Tôi liên tưởng đến chi tiết Tào Tháo dụ lính găng đi tiếp vì sẽ có một rừng mận trước mặt. Mọi người thì mãi nghĩ tới con sông. Rừng mận trong *"Tam Quốc"* là giả tưởng còn con sông phía trước chúng tôi thì có thật... Đang đi, bỗng thoảng một luồng gió mang hơi nước mát rượi phả vào mặt. Cơn gió ấy đưa tôi trở về thực tại. Chúng tôi biết là sắp đến chỗ có con sông. Quả nhiên, đi chừng hơn một cây số nữa thì một dòng sông rộng hiện ra trước mặt. Giao liên cho biết đó là con sông Nậm Bạc. Chúng tôi sà xuống rồi để nguyên cả ba lô súng đạn trên vai gục xuống ừng ực uống như chưa bao giờ được uống. Làn nước ngọt lịm như thấm vào từng tế bào chúng tôi. Tự nhiên cái mệt mỏi, cái nóng bức biến đi đâu mất, nhường lại là sự tươi tỉnh, sảng khoái đến lạ kỳ. Có lẽ, trong đời, ít khi có thể tìm lại được cái cảm giác sung sướng, sảng khoái khi được uống nước như lần ấy trên con sông Nậm Bạc ở Nam Lào...

Càng vào sâu, không khí chiến trường càng nóng lên và rộn rã. Chúng tôi qua các trạm 80, 81, 82... đến trạm 92 là hết đường dây 559 để vào trạm 01 "Giải Phóng". Chỉ mới gần ba tháng hành quân mà ai cũng tưởng chừng như đã lâu lắm. Đến đây không khí như trảy hội. Băng rôn, khẩu hiệu chằng ngang đường hành quân. Nhìn từ phía Bắc là câu: *"Chào những binh đoàn hùng mạnh của giai cấp vô sản, những người con ưu tú của miền Bắc XHCN vào giải phóng miền Nam"* dành cho chúng tôi. Phía bên kia là câu: *"Kính chào những người con dũng cảm vì Tổ quốc, đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trở về hậu phương"* để đưa tiễn những đồng chí thương binh không còn khả năng chiến đấu từ các chiến trường ra Bắc. Có thể nói trong đời, đây là lần đầu tiên chúng tôi mới tận mắt mục kích chiếc xe máy Honda (loại 67 và 50) mà trên lưng nó là các cô giao liên đội mũ tai bèo, mình vận bà ba đen hay quần phục màu cỏ úa, chân đi dép lốp (dép râu), súng AK vắt chéo qua khuôn ngực thanh tân của tuổi mười tám, đôi mươi với gương mặt từng trải qua thử thách ác liệt của bom đạn Mỹ. Hình ảnh ấy đã tạo một ấn tượng mạnh trong mỗi chúng tôi. Nó như một thứ nam châm cực mạnh hút đôi mắt chúng tôi dồn về phía ấy. Vì đã lâu lắm rồi, chúng tôi mới được nghe tiếng cười và giọng nói của "phái đẹp". Suốt chặng đường hành quân từ đạo chia tay với các cô gái ở Quảng Bình đến giờ, hình ảnh ấy chưa một lần tái hiện. Có thể đó là những cô gái

từng có mặt trong bài thơ "Lá đỏ" của Nguyễn Đình Thi đã được nhạc sỹ Hoàng Hiệp phổ nhạc thành bài hát cùng tên nổi tiếng: *"Gặp em, trên cao lồng gió. Rừng Trường Sơn ào ào lá đỏ. Em đứng ở bên đường như quê hương vai áo bạc, quàng súng trường. Đoàn quân vẫn đi vội vã..."*. "Vội vã" thế mà ai cũng cũng ngoái đầu nhìn ngắm họ như nhìn những *"sinh vật lạ"*. Mà lạ thật. Chưa có lúc nào chúng tôi được thấy những con người bằng xương bằng thịt với tư thế đó. Nói đúng ra thì dọc đường hành quân, thỉnh thoảng chúng tôi có gặp một vài phụ nữ. Nhưng họ im lặng, lầm lũi đi dưới phiên hiệu của các đoàn cán bộ dân chính Đảng để vào tiếp quản các vùng mới giải phóng hoặc chuẩn bị nguồn cán bộ cho ngày giải phóng miền Nam. Họ trông tiêu tụy vì gian khổ và sốt rét rừng Trường Sơn. Vào đến đây, chúng tôi được ăn no, ăn ngon. Được xem phim của xưởng phim Giải Phóng. Có cả phim của Hãng phim truyện từ miền Bắc gửi vào và phim Thượng Cam Lĩnh của Trung Quốc... Gần như bao nỗi gian nan của chặng đường hành quân đầy vất vả ấy đã tiêu tan hết. Nhường lại là sự phấn chấn của những người lính sắp được vào trận. Chúng tôi được nghỉ lại binh trạm ba ngày.

Tôi có một kỷ niệm vui khi đến binh trạm 3 "Giải Phóng". Hôm ấy, trước khi vào chỗ nghỉ, phải lội qua một con suối nhỏ, nước cạn. Ngay trên đầu chúng tôi có một tổ ong mật to như cái áo to, lủng lẳng treo trên một cành cây. Các đơn vị khác đi qua đều thấy, nhưng không ai dám đụng vào. Tôi nghĩ bụng: *"Nhất định phải ném cho đứt đôi tổ ong này để lấy mật"* (tôi vốn hiếu động và hay nghịch ngợm từ bé). Sau khi mắc màn xong, tôi bàn với Đính, cả hai quyết định đến phá tổ ong! Tôi thủ mấy hòn đá bằng nắm tay, chọn vị trí thích hợp rồi thẳng tay, liên tục ném hết những hòn đá ấy vào tổ ong. Một phần ba tổ ong đứt, rơi xuống. Đàn ong từ đó bay ra. Hoảng quá, tôi hét Đính chạy như bay về chỗ nằm chui ngay vào màn ngời. Đàn ong đuổi theo nhưng không kịp, cứ bay rào rào quanh màn. Chúng bèn xông vào đốt túi bụi số anh em chưa mắc kịp màn. Cả đại đội chạy táo tác tìm chỗ núp tránh đàn ong quái ác ấy. Cũng may, lúc ấy trời đã nhá nhem, rồi tối rất nhanh (vì ở rừng). Đàn ong rút lui. Một số anh em bị ong đốt sưng vù mặt mày, có người yếu sức đã phát sốt lên. Lần ấy, tôi và Đính bị đại đội họp kiểm điểm và kỷ luật cảnh cáo. Lẽ ra sau đợt hành quân, tôi được chỉ bộ cho học đối tượng Đảng nhưng vì lý do ấy nên phải đình hoãn lại đợt sau.

Như vậy, từ các binh trạm của đường dây *"Giải Phóng"* (cũng vẫn là đường mòn Hồ Chí Minh) trở đi, đời sống vật chất của bộ đội được cải thiện đáng kể. Chúng tôi đã có thực phẩm tươi bổ sung khá đều đặn. Tôi nhớ khi vào binh trạm của đường dây này, chúng tôi được phát mỗi người ba hộp sữa. Đã lâu không được ăn đường, sữa nên thèm quá. Tôi và nhiều anh em uống hết một lúc cả hai hộp. Chỉ cần chọc mũi dao găm vào nắp hộp, lách một đường rồi bật nắp, ngửa cổ một lúc là hết sạch. Lần ấy, sau khi uống xong, tôi bị khản đặc cả cổ và mất tiếng vì sữa ngọt và uống nhiều quá. Phải mất mấy hôm mới trở lại bình thường. Đi sâu vào Hạ Lào, giáp giới với Campuchia, rừng chỉ còn lúp xúp, thoải thoải. ở đây những cánh rừng khộp được khai thác để lấy dầu. Cây khộp được đục một lỗ lớn ở gốc, sát mặt đất, có thể cho gáo vào múc được. Dầu ở trong thân cây chảy ra, đọng lại đó. Người ta

chỉ việc cho gạo vào múc. Ngoài việc xuất khẩu và sử dụng trong công nghiệp, dầu khộp còn dùng để thắp sáng, đun nấu ít khói và rất đượm lửa...

Không nhớ rõ chúng tôi đã đi biết bao ngày đường giữa bạt ngàn rừng khộp. Các đồng chí giao liên kể lại: Vùng này, sau trận càn Chen La II (tìm diệt) năm 1970, của Mỹ - nguy, bộ đội ta phải chạy dạt lên đây, trú ẩn. Xe tăng của quân nguy Sài Gòn hồi đó càn lên. Họ không cầm nổi B40, B41 để bắn nữa, vì đói quá. Rất nhiều đồng chí bị chiến xa địch cán nát dưới xích. Cú đánh bồi ấy đã làm chúng ta tổn thất rất lớn... Trên đầu chúng tôi vẫn vè vè tiếng OV10 và L19. Đầu đó, ở phía Đông, tiếng đại bác vẫn ùng... oàng... dội lại rồi có tiếng gào rít của chiến đấu cơ và tiếng bom. Phía ấy, chắc bộ đội ta đang chống càn...

Vượt sông Xê San, chúng tôi tới binh trạm ở ngã ba biên giới. Đây là nơi tiếp giáp của ba nước Việt, Lào, Campuchia. Có một câu nói rất hay: *"Một tiếng gà gáy, cả ba nước đều nghe"*. Nước con sông Tà Ngâu trong vắt. Hai năm sau, năm 1973, khi Hiệp định Paris được ký kết không lâu, nhà thơ Tố Hữu trong một chuyến công tác, đã qua đây. Sau đó ông trở ra Bắc rồi viết bài thơ *"Nước non ngàn dặm"* nổi tiếng. Thi phẩm có đoạn nói về nơi này:

*Tà Ngâu trong vắt mắt gương
Xón xang trong lửa chiến trường mà cay
Xê San tan nát đạn cày
Trống trơ rừng khộp, khô gầy rừng le
Bằng lăng bạc nắng trưa hè
Nghe như cửa xé, tiếng ve rít dài
Cỏ vàng lạc bước hươu nai
Sóc, buồn thấp thoáng bóng xoài đưng đưa
Vườn ai cháy trụi ngọn dừa
Mái chùa cong, gầy nét xưa diệu huyền...*

Kế hoạch của đoàn chúng tôi là tập kết tại một khu rừng phía Tây của tỉnh Tây Ninh. Nơi đây thường gọi là cứ "Chính phủ". Để đến được nơi này, phải hành quân qua đất Campuchia, thuộc địa phận của tỉnh Côngpôngchăm. Tiếp xúc với dân Campuchia, ngôn ngữ bất đồng nên có nhiều kỷ niệm buồn cười lắm. Chúng tôi đi qua một số phum, sóc (làng, xóm, ấp) khi khát nước, chẳng biết nói thế nào để xin cả. Gặp mấy người lính hậu cần của R. (Bộ Tư lệnh Miền) thuộc phân khu 23, sống ở đất bạn đã lâu, lẽ ra khi xin nước thì nói: *"Oi khor nhum xum tức phắc"* (Cho tôi xin nước uống) hoặc *"Ôn ơi, miên tức tê, oi boòng xum..."* (Em ơi, có nước uống cho anh xin) thì họ lại bày cho *"Ôn ơi! Miên xờ lanh boòng tê?"*. Chẳng hiểu sao khi mình xin nước uống thì các cô gái đỏ mặt lên, cười rồi bỏ chạy vào nhà trôn biệt (!?) Thì ra, chúng tôi đã mắc lõm cánh lính cũ. *"Ôn, miên xờ lanh boòng tê"* nghĩa là: *"Em có yêu anh không?"*. Xin nước mà hỏi *"Em có yêu anh không"* chắc chắn cô gái nào cũng phải đỏ mặt, bỏ chạy (!?) Một chuyện khác: Cũng xin nước, nhưng nói mãi mà họ không hiểu, bộ đội ta quay lại nói với nhau *"thật tức chết đi được"*. Không ngờ, thấy ông già gật đầu "ờ. ờ..." rồi lặng lẽ vào trong nhà khệ nệ bung ra một ấm nước cùng một nải chuối to cho chúng tôi. Thì ra

ông đoán chúng tôi xin nước và chuối nên bèn bung ra mời. Sau này chúng tôi hiểu và nói sôi tiếng Miên, nhớ lại, cười chảy nước mắt. Trong câu nói ấy có hai từ: "*tức*" và "*chết*". Tiếng Campuchia "*tức*" là nước và "*chéech*" là chuối. Do vậy, hôm đó, chúng tôi mới được ăn chuối và uống nước. Một câu câu gắt do bực mình, xem ra lại có hiệu quả và được việc!

Tình cảm của nhân dân nước bạn đối với chúng tôi thật đáng quý. Mặc dù ngôn ngữ bất đồng nhưng thực sự họ rất quý mến và kính phục chúng tôi. Bởi chúng tôi là những người lính cách mạng, có văn hoá; là "*Bộ đội Cụ Hồ*" được học tập, rèn luyện, thử thách nên có ý thức tự giác chấp hành nghiêm chỉnh chính sách quốc tế của Đảng và kỷ luật quân đội khi sang nước bạn. Chúng tôi đi qua nhiều thị trấn, thị tứ như Tà Xăng, Tà Nốt, Ô Răng Âu... Lần đầu tiên, chúng tôi nhìn thấy cây thốt nốt. Đó là một loại cây đặc sản của nước bạn. Thoạt nhìn, nó giống cây cọ Phú Thọ nhưng lá nhỏ, dày, các cạnh sắc nhọn hơn. Vào mùa này, người dân bắt đầu khai thác mật. Đơn giản, họ bắc những cây tre dài, để nguyên các cành hai bên thân tre để làm bậc leo. Trên ngọn thốt nốt là những cuống trái như cuống dừa. Cách khai thác: cắt ngang cái cuống ấy rồi hứng vào đó một ống bương đã xông khói. Sáng mai, treo lên chờ xuống là có đầy một ống nước ngọt. Mỗi cây như vậy treo từ 7 đến trên 10 ống (tương đương 10-12 lít mỗi cây một đêm) Sau đó, họ chỉ cần cho vào chảo gang, nấu cạn đi là sẽ thành đường. Đường thốt nốt ngọt, thơm, hàm lượng xaccaro cao. Có những vùng, cây thốt nốt nhiều như cọ ở Phú Thọ.

Chúng tôi dừng chân trên một bến của con sông Mê Kông hùng vĩ. Bốn giờ chiều, tất cả bộ đội xuống tàu. Từ đây phải xuôi dòng Mê Kông hơn 120 km đường sông nữa mới tới địa điểm tập kết để hành quân sang đất Tây Ninh. Chúng tôi đi qua địa phận của các tỉnh Côngbôngchăm, Prâyveng và Xvâyriêng (đông bắc Campuchia). Sông Mê Kông đoạn này trở đi rộng trên 3 km, nước chảy không xiết. Có thể nói chưa bao giờ và chưa ở đâu cá lại nhiều như ở sông Mê Kông!? Loại cá gì không rõ, từng đàn lớn nổi đầu lên như đầu ghé con, hụp lặn trên sông. Tàu đang đi bỗng nghe "*khục*" một tiếng, quay lại nhìn, một con cá to như tàu lá chuối loại vừa, nổi lên phía sau. Thì ra con cá kia bị chân vịt của tàu quay, va vỡ đầu, nổi lên. Chẳng ai vớt cả. Bến sông mà chúng tôi dừng lại hồi chiều để xuống tàu thuộc thị trấn Crachiê (bộ đội ta thường gọi là Cần Ché), cá rẻ ời là rẻ! Chỉ cần 3 ríal (ríal - tên gọi đồng tiền Campuchia) là ngư dân không ngần ngại cho rỏ vào khoang xúc đầy, trao cho bộ đội, chừng 12 đến 15 kí cá (3 ríal tương đương với 3 đồng tiền miền Bắc lúc ấy).

Khoảng 2 giờ sáng, đơn vị đổ bộ lên tả ngạn con sông. Chúng tôi nhanh chóng ổn định đội hình hành quân, kịp tập kết vào trạm "*Rừng Tre*" (gọi là "*Rừng Tre*" vì trạm này toàn tre, không một loại cây nào xen lẫn). Ở đây, vừa trải qua một trận B52 rải thảm. Hố bom dày đặc nham nhở, mùi thuốc bom còn phảng phất đâu đây. Xen lẫn trong gió thoảng thoảng mùi tanh của xác chết. Chúng tôi cứ nghĩ có lẽ là mùi của chim chóc hay chồn cáo bị chết. (trời tối, nào có thấy gì!?) Lúc này, cũng đã gần 4 giờ sáng, anh nuôi tranh thủ đào bếp "*Hoàng Cầm*" chuẩn bị cơm sáng và cơm trưa buổi trưa cho bộ đội. Nơi đây, ban ngày không thể nấu cơm và

hành quân được mà phải ém lại trong rừng tre. Tối đến mới có thể lên đường, vì lũ trinh sát L19, OV10 và trực thăng quần đảo suốt ngày. Biệt kích, thám báo rất nhiều. Có khi chúng cũng mang AK, áo quần Tô Châu, "dép râu" (cách gọi của người Nam Bộ, chỉ dép cao su bốn quai do Trung Quốc trang bị cho bộ đội ta) và đội mũ tai bèo như chúng tôi. Hễ phát hiện ra chỗ trú quân của ta, là chỉ ít phút sau, pháo từ các căn cứ ở Tây Ninh như Gò Dầu, Trảng Bàng, Bến Cầu, Củ Chi, Sa Mát, Thiện Ngôn hay tiểu khu Tây Ninh rót tới. Sau đó là trực thăng vũ trang từng đàn bay đến xả rốc két và đạn 20 li như vãi trấu xuống chỗ trú quân; tiếp theo là chiến đấu cơ dội bom. Không lâu sau là B52 rải thảm. Đó là cái công thức mà Mỹ - ngụy áp dụng cho vùng chiến thuật này. Còn nếu phát hiện thấy quân ta ít thì chúng cho trực thăng đổ chụp, càn quét, tiêu diệt rồi bắt sống những người còn lại.

Khoảng 5 giờ 30 sáng, tất cả phải ăn xong, thu dọn, nguy trang kín đáo và chuẩn bị đào công sự trú ẩn dã chiến. Bên cạnh bụi tre nơi chúng tôi trú quân, một hố bom lớn, nước đục nhờn. Tôi và Đinh chuẩn bị múc nước đánh răng thì bỗng Đinh giật mình, níu lấy vai tôi chỉ ra giữa hố bom. Xác một người mang quân phục màu cỏ úa nổi lên. Người này tóc rất dài. Chúng tôi nghĩ đó có thể là một cô gái giao liên, vì bộ đội không ai để tóc dài như vậy cả. Tôi chợt thấy gai gai và rùng mình. Đêm qua, chúng tôi đã múc nước ở hố bom ấy nấu cơm và nước uống!

Đơn vị cho vớt cái xác lên. Đúng là một cô gái. Một chân cô ta đã bị bom cắt cụt đến gần bẹn. Thịt bắt đầu rữa ra. Chúng tôi liệm cô trong tấm tăng nylon rồi mai táng trên gò đất cao, bên cạnh một bụi tre lớn. Có lẽ cô là giao liên. Đồng đội chắc đã tìm kiếm rất kỹ nhưng do bom hất chìm xuống hố nên đành ngậm ngùi để cô nằm lại nơi đây. Chẳng có nhang thấp, chúng tôi cố tìm vài bông hoa dại cắm lên phần mộ cô như lời an ủi cuối cùng của những đồng đội với người liệt sỹ chưa biết tên ấy...

Đêm hôm sau, chúng tôi lại tiếp tục hành quân. Địa điểm tập kết là khu rừng mạn tây tỉnh Tây Ninh. Gọi là cứ "*Chính phủ*". Nơi đây, là thượng nguồn con sông Vàm Cỏ Đông. Anh bạn đồng hương tôi (quê Tiền Lộc, Can Lộc) khi vượt qua đoạn này không may bị chết đuối. Đến đây, bất ngờ, tôi bị sốt rét quật đổ khi đang đào công sự cho người và pháo. Con sốt ập đến xông xộc. Hình như bao nhiêu vất vả, gian khổ, cơ cực dồn nén bấy lâu nay trào lên nhận chìm tôi trong những cơn sốt kinh hoàng. Nhiệt độ cơ thể lên tới 41 độ C, người mê man không còn biết gì nữa. Có thể nói tôi là một trong số ít ỏi những người sốt lại đến lúc này mới sốt. Bây giờ thì tôi mới cảm nhận được thế nào là sốt rét. Không có ngôn từ nào để tả hết cái cảm giác mệt kinh người của căn bệnh quái ác đó. Cứ thấy cơm, hoặc ngủi thấy mùi thịt, cá, mùi canh nêm mì chính bay lên thì ôi thôi, không thể nào chịu nổi nữa. Nó nôn mửa đến giọt nước cuối cùng trong dạ dày. Tôi mệt đến bã cả người. Chẳng thể ăn uống được bất cứ một thứ gì ngoài ước muốn duy nhất là thèm được ăn quả cam, chanh hay quả khế (đào đâu ra loại này ở đây!). Tôi nhớ lại một giấc mơ lạ kỳ lúc ấy: Trong mơ, tôi thấy cha tôi đến thăm, ông gánh một gánh cam chín vàng. Tôi nhào tới, không kịp chào cha, vội cầm ngay một quả rồi cho vào mồm cắn nghiêng ngả. Ngon ơi là ngon! Có lẽ trong đời tôi từ đó về trước cũng như sau

này chưa có lúc nào được ăn thứ gì ngon đến thế. Ăn xong, tôi mới hỏi: "*Cha đi đường nào mà vào được nơi này?*" Ông bảo: "*Cha đi theo tàu hải quân vào Cà Mau rồi bí mật đổ bộ lên bờ, sau đó, theo đường giao liên lên đây*". Tôi thấy cha tôi gầy yếu lắm. Ông ôm lấy tôi (ông chỉ còn một tay vì năm 1951, trong trận chống càn ở Thanh Lam Bò, Quảng Bình, ông bị thương vào đầu, ngực và cụt mất 2/3 cánh tay phải). Cả hai cha con cùng khóc. Giấc mơ ấy đã khắc sâu vào ký ức. Mỗi lần nhớ về những năm tháng trận mạc, giấc mơ đó cứ hiện hữu trong tôi. Sau này, khi biết có một con đường Hồ Chí Minh trên biển Đông, tôi mới ngạc nhiên về giấc mơ ấy. Hình như lúc ấy, tôi linh cảm được rằng đã có một con đường bí mật trên biển như vậy. Thật khó giải thích!?

Trạng thái sốt rét như sau (trường hợp sốt cấp tính): Đau đầu dữ dội, sốt cao, cơ thể nóng hầm hập, nhiệt độ lên tới 40, 41 độ, nhưng trong người rét như cắt. Đắp 3-4 cái chăn vẫn run cầm cập. Phải có 2 đến 3 người đè lên hoặc ôm chặt lại, nếu không, run đến sập cả lán. Dứt cơn, mồ hôi vã ra như tắm, cơ thể như vừa bị cho vào cối giã. Thấy cơm hoặc thức ăn là khiếp sợ. Tôi sốt liên tục đến 2 tuần, nhiệt độ cơ thể không giảm. Tôi cảm giác như cơ thể bị hơ trên lửa. Tuy vậy, khi đơn vị hành quân cũng phải lẻo đẻo theo (lúc này trên mình chỉ còn lại độc chiếc ba lô mà thôi). Rừng Tây Ninh vùng này, cây chỉ cao độ 3 đến 4 mét. Mùa khô, cát bụi bay mù mịt, hành quân trên những con đường mòn ấy đều phải xoa dầu vết. Chúng tôi đi dè dặt. Dầu dè dặt sẽ là mục tiêu cho thám báo hoặc loại trực thăng cán gáo UTiTi bay sát ngọn cây. Không xoa dầu dè dặt, chúng sẽ biết "*Việt Cộng*" đang ở đâu. Nếu bất cẩn, bị lộ thì cái công thức pháo bầy, B52 của Mỹ sẽ "tiếp đãi" chúng tôi hết sức "*hậu hĩ*". Bởi vậy, nhiệm vụ của người đi sau cùng đội hình là dùng một cành cây lớn kéo lê trên mặt đất để xóa hết dấu dè dặt của bộ đội...

Đóng quân trong rừng về mùa khô, nước ăn uống và sinh hoạt vô cùng khan hiếm. Giếng ở đây sâu từ 15 đến 18 mét. Tuy vậy, nước rất ít. Đặc biệt dưới đáy giếng có một lớp lá mục dày trên nửa mét. Đó là lá cây rụng xuống hàng năm do chất độc hoá học của Mỹ rải xuống để khai quang. Về mùa khô, thả gàu xuống thật lâu mới chắt được chừng một phần ba gàu nước đen như hắc ín để nấu cơm và nước uống. Nấu cơm, cơm nhuộm một màu đen. Có lẽ do chúng tôi ăn uống phải thứ nước ấy nhiều nên giờ đây, thể hệ con cái của nhiều người trong chúng tôi đã bị nhiễm thứ chất độc quái ác ấy (dioxin - chất độc màu da cam).

Ở địa bàn này, hành quân di chuyển, nấu nướng, phơi phóng đều phải hết sức bí mật và cẩn trọng. Bởi vì chỉ một sơ suất nhỏ là có thể bị ăn bom B52 một cách dễ dàng.

Tuy vậy, cuối cùng, chúng tôi vẫn không thoát khỏi toạ độ lửa của B52.

Bấy giờ là vào cuối tháng 2/1972.

Hôm ấy, một đêm hạ tuần. Trước đó khoảng hơn một giờ, đơn vị nhận được điện báo của trung đoàn: "*Đài kỹ thuật và tin tình báo của ta cho hay là B52 sẽ đánh vào chỗ trú quân của trung đoàn. Các đơn vị lập tức cho bộ đội rời ngay vị trí đóng quân!*". Nhận được lệnh, chúng tôi nhanh chóng thu xếp ba lô súng đạn. Những gì không cần thiết thì bỏ lại, miễn sao rút thật nhanh ra khỏi toạ độ lửa.

Hôm ấy, theo lệnh, dẫn đầu là các đơn vị trực thuộc, tiếp theo là tiểu đoàn 8, tiểu đoàn 9, sau cùng là tiểu đoàn 7. Chúng tôi rồng rắn, rút nhanh khỏi vị trí. Các đơn vị trực thuộc và các tiểu đoàn 8, 9 đã ra khỏi toạ độ B52. Chỉ còn Tiểu đoàn 7 vừa quàng ba lô lên vai, chưa kịp bước thì mưa bom đã trút xuống. Biển lửa trùm lên toàn bộ đội hình tiểu đoàn với những dây chớp nhè nhẹ, loá mắt và tiếng nổ chói tai, lộng óc liên tục trong gần 10 phút đồng hồ. Kẻ địch tàn bạo đã dùng cả phi vụ ấy chỉ với hai loại vũ khí giết người hàng loạt là bom bi và bom khai quang (sát thương). Chúng tôi, không ai nói một lời nhưng đều hiểu. Thế là hết! Nổi đốn đau và căm thù trào lên, tắc nghẹn. Cả đội hình hành quân và không gian sau phi vụ B52 kinh hoàng ấy lặng im đến nghẹt thở. Trăng hạ tuần vàng vọt nhô lên trên rừng cây xơ xác phía đông đội tôi vừa bị trận mưa bom dữ dội ấy. Đó là đêm 22/02/1972.

Trung đoàn lệnh cho các tiểu đoàn 8,9 cử ở các đại đội những đồng chí khoẻ mạnh quay trở lại vị trí của tiểu đoàn 7 để làm công tác tử sỹ và tìm kiếm trong bãi hoang tàn ấy may ra còn có ai sống sót, bị thương. Hỡi ôi! Cả một vùng rải thảm ấy còn gì nữa đâu! Đất đá, cây cối, lẫn với xác người ngổn ngang! Làm sao còn ai có thể sống sót nổi dưới trận mưa bom bi và bom sát thương hàng trăm tấn ấy, khi đang phơi mình trên mặt đất! Ước tính có hàng vạn quả bom bi và hàng trăm quả bom khai quang trùm lên trên một diện tích chưa đầy 1 kilômét vuông! Lệnh của trung đoàn phải nhanh chóng thu dọn chiến trường và rút nhanh vì B52 có thể tái oanh kích bất kỳ lúc nào sau đó.

Công tác giải quyết thương binh, tử sỹ được tiến hành hết sức khẩn trương. Tuy nhiên, do cây cối và đất đá ngổn ngang nên không thể nào thu nhặt hết được. Tiểu đoàn 7 coi như bị xoá sổ. Hy sinh và bị thương gần hết...

Cảm động và thương tâm là cảnh những anh em cấp phó (từ tiểu đội phó đến tiểu đoàn phó) cùng quản lý các đại đội đến tiểu đoàn. Đây là những người may mắn thoát chết vì đang ở Campuchia làm nhiệm vụ lấy lương thực, thực phẩm cho đơn vị. Họ mang thịt heo lẻo đẻo theo chúng tôi. Thịt khô đi lúc nào không biết. Họ đi như người mất hồn vì không còn đơn vị để trở về nữa! Ai cũng khóc thương đồng đội sưng vù cả mắt. Tổn thất quá lớn cho trung đoàn chúng tôi trong khi trung đoàn mới vào đến chiến trường, đang chân ướt, chân ráo, chưa kịp tham gia bất cứ một trận đánh nào!

Một tổn thất thứ hai về tinh thần nữa, đó là việc đồng chí Trung đoàn trưởng Lê Ôn (quê Quảng Bình) trong một chuyến điều nghiên tại Sa Mát (Tây Ninh) đêm đang đi, bị "*pháo đĩ*" bắn bị thương, cụt tay ("*pháo đĩ*" là loại đạn pháo rơi lạc toạ độ, do lũ gái điếm, sau khi hành lạc cùng bọn lính, rồi đủ dòn xin nạp đạn vào súng bắn thử cho vui. Đạn đi không có tâm, có hướng, nên rơi lung tung. Bộ đội ta, đêm hành quân hoặc điều nghiên, bị thương vong do loại pháo này nhiều là vì vậy). Đồng chí phải từ biệt đơn vị, đi viện, rồi sau đó trở ra Bắc. Người chỉ huy trung đoàn đầy năng lực và uy tín ấy cũng đành phải giã từ chiến sỹ thân yêu của mình khi mới chân ướt chân ráo vào đến chiến trường.

Quả là trong chiến tranh, mọi điều có thể xảy ra!

Như vậy, xét ở thời điểm hiện tại và phạm vi cục bộ, tạm thời trung đoàn chúng tôi bị thất bại. Mặc dù sau này, đơn vị phát động phong trào biến cầm thù thành hành động, quyết tâm trả thù cho tiểu đoàn 7 (đơn vị tái lập), các đơn vị đã lập công xuất sắc trên các mặt trận. Đặc biệt, chính tiểu đoàn 7 đã nhiều lần làm cho kẻ địch kinh hồn, bạt vía. Đến nỗi, khi giao chiến hề nghe tiếng tiểu đoàn 7 của 271 là chúng đã tháo chạy. Tuy nhiên, những tổn thất, hy sinh trong trận B52 rải thảm vừa qua đã một khoảng trống mất mát to lớn, không có gì bù đắp nổi!

Tiểu đoàn 7, sau đó được tái lập trên cơ sở một số các đồng chí còn lại và điều từ các tiểu đoàn khác về, thành lập khung cán bộ (từ tiểu đội đến tiểu đoàn), đồng thời, xin quân bổ sung kịp tham gia chiến dịch.

Dù sao, đây cũng là một cú "sốc" tinh thần quá lớn. Một khoảng trống không thể bù đắp. Một tổn thất quá nặng nề đối với cán bộ, chiến sỹ chúng tôi trước khi vào chiến dịch "*Nguyễn Huệ*", "*Mùa hè đỏ lửa*" 1972...

Tôi không còn đủ sức để theo kịp đơn vị nữa. Thể lực đã suy kiệt hoàn toàn. Lúc này cơ thể gần như chỉ còn lại một bộ xương không hơn không kém. Đầu óc mơ màng như đang đi trên mây và mất thăng bằng như ở trạng thái không trọng lượng. Tôi gục ngã sau khi đã dồn hết tất cả sức lực còn lại để cố gắng bám theo đơn vị. Tôi sốt mê man, cơ thể nóng hầm hập. Quy nin Trung Quốc (thuốc sốt rét dạng viên nén) mỗi ngày 4 viên rồi tăng lên 6 viên. Quy nin tiêm ngày 2 gam rồi lên 3 gam (4- 6 ống) Trong khi đó thì thuốc trợ lực như B1, C... thì đã cạn kiệt và thật khan hiếm bởi số người bị sốt nhiều quá. Phải dành tiêm cho họ. Đến lượt chúng tôi, chẳng còn nữa. Thuốc bổ sung thì chưa có. Tôi vốn đã yếu về thể lực nay càng suy kiệt hơn; hồng cầu còn chưa đầy 2 triệu. Thuốc vào nhiều quá nên tai ù đặc, mắt hoa lên, bước không được nữa. Thân thể tiêu tụy và suy sụp. Đơn vị đành phải gửi tôi về cứ (hậu cứ) của trung đoàn, nơi có bệnh xá để điều trị. Phải mất gần ba tuần, tôi mới cất cơn. Căn bệnh này kỳ lạ lắm. Hễ sốt là ăn khỏe ngay. Ngược lại, đang ăn bình thường, tự nhiên thấy thèm ăn và ăn nhiều là chỉ vài ngày sau lại lên cơn sốt. Có người đang khỏe, nói như đùa: "*Tớ ngày mai sẽ sốt*". Vậy là đúng ngày mai cậu ta sốt thật; sốt li bì, bỏ cơm, trùn 3-4 cái chần vẫn không chịu nổi... Tôi và một số anh em khác được chuyển sang chế độ an dưỡng để chuẩn bị trở về đơn vị chiến đấu.

Vào tháng ba này là Tết cổ truyền Chon Thor Năm Thor Mây của Campuchia. Chúng tôi gặp dịp được ăn Tết với họ và nhân dịp may duy nhất này để có cơ hội hiểu thêm về những đặc trưng, những phong tục ăn Tết của người dân Campuchia. Họ có nhiều trò chơi dân gian như chơi đu, đua thuyền... Đặc biệt là tục buộc chỉ cổ tay và té nước. Bộ đội chúng tôi là những người được các cô gái buộc chỉ cổ tay và té nước nhiều nhất. Họ tìm mọi cách để té thật nhiều nước vào chúng tôi. Người Campuchia quan niệm ngày Tết ai được té nước nhiều là người đó may mắn cả năm. Chúng tôi hiểu ngoài quan niệm ấy, các cô còn muốn dành tình cảm đặc biệt cho bộ đội. Bởi theo họ, bộ đội Việt Nam có văn hoá, rất lịch sự trong giao tiếp, lại trắng trẻo và nhiều người khá điển trai. Đó là lý do để các cô dành nhiều tình cảm, gần gũi và yêu mến chúng tôi. Chúng tôi nhanh chóng hoà mình vào không khí của

Tết cổ truyền và chiếm được cảm tình của họ. Họ rất mến khách. Thết đãi chúng tôi hết sức hậu hĩ và chân tình. Trong con mắt họ, chúng tôi như những vị khách quý. Những ngày này, nam nữ được phép gần gũi nhau để tâm tình, trò chuyện thoải mái, ít bị ràng buộc bởi những phong tục khắt khe thường nhật. Chúng tôi là những người được các cô gái quây quần trò chuyện, tìm hiểu và... gần gũi nhất. Chúng tôi cầm tay nhau cùng hát bài "Việt Nam - Campuchia xam ma khi" (*Việt Nam - Campuchia đoàn kết*).

Thời gian này tôi học được khá nhiều tiếng Miên (Khome) nên sau này, khi đơn vị có dịp trở lại Campuchia, tôi giao tiếp bằng tiếng Miên với dân khá sõi. Sau Tết cổ truyền Chôn Thơ Năm Thơ Mây, chúng tôi được chuyển về đoàn thu dung của trung đoàn, chờ ngày bàn giao lại cho các đơn vị chiến đấu.

Chiều ngày 18/4/1972, chúng tôi được lệnh rời đoàn thu dung để trở lại đơn vị cũ chuẩn bị bước vào chiến dịch "*Nguyễn Huệ*". Hôm ấy, hai xe GMC chở chúng tôi rời hậu cứ. Sau mấy tiếng đồng hồ chạy trong rừng rồi đi qua một số phum, sóc của người Campuchia, cuối cùng đổ ra quốc lộ Một. Đây là đoạn đường nối Gò Dầu (Tây Ninh) qua Xvâyriêng (Xoài Riêng) lên Công Pông Tra Bec đến bến phà Niêc Lương để vào Phnompênh. Ban đầu xe chúng tôi đi trước, nhưng gần sáng, sau khi nghỉ giải lao, chiếc xe đi sau lại vượt lên trước. Qua thị trấn Chi Phu, một thị trấn vừa được giải phóng, cảnh người, đèn và xe tấp nập. Xe chúng tôi tiếp tục chạy về hướng đơn vị, đóng gần thị trấn Sóc Nóc. Lúc này khoảng 6 giờ sáng nhưng trời mù sương nên xe sau cách xe trước khoảng gần 100 mét mà không thấy rõ. Đang đi, bỗng một ánh chớp xanh loé lên trước mặt chúng tôi, liền đó là một tiếng nổ lộng óc. Khói, lửa trùm lên chiếc xe xấu số. Trái mìn chống tăng do bọn Lon Nol (lính nguy Campuchia), trước khi tháo chạy đã gài lại trên lòng đường. Bánh sau phía trái đè lên, đã gây nổ. Một phần xe phía sau bay đi. 18 trên tổng số hơn 40 người trên xe hy sinh tại chỗ. Số còn lại bị thương, bị sức ép và mất hết tinh thần. Chúng tôi đi sau nên thoát nạn. Tất cả được lệnh xuống xe, cấp cứu những người bị thương. Trung đoàn được tin, đã cử ngay một đơn vị đóng gần đó ra giải quyết hậu quả, băng bó người bị thương và mai táng những đồng chí hy sinh. Đại đội 4 chúng tôi đóng cách đó gần 4 km và nơi chiếc xe trúng mìn cách thị trấn Sóc Nóc (Xvây Riêng) khoảng hơn 1km. Chúng tôi thất thủ hành quân bộ về đơn vị. Lúc này đơn vị tôi đang đóng quân ở Chùa Keo, gần Sóc Nóc giáp địa phận Tà Cao thuộc huyện Đức Huệ của tỉnh Long An.

Tôi về tới đại đội lúc khoảng gần 10 giờ sáng. Nắng nóng và oi bức vô cùng. Người đầu tiên ra đón là Đính. Cậu ta ôm chầm lấy tôi rồi kể chuyện chiến đấu trong thời gian tôi nằm viện. Suốt thời gian ấy, đơn vị đã đánh nhiều trận. Đặc biệt, đã phối hợp với Công trường 5, 7 (Sư đoàn 5, 7) đánh giải phóng căn cứ Thiện Ngôn, Sa Mát, nơi mà Mỹ - nguy mệnh danh là "*Vành đai thép của ngõ Tây bắc Sài Gòn*". Thừa thắng, trung đoàn tiến công giải phóng các cứ điểm quan trọng như Trung Liên I, Trung Liên II, Bến Cầu... Nhìn quanh, tôi thấy thiếu vắng một số gương mặt thân quen trong đại đội. Hỏi ra mới biết những anh em ấy đã hy sinh hoặc bị thương trong các trận chiến đấu vừa qua! Có thắng lợi nào lại không phải

đổi bằng máu?! Tôi cúi đầu bùi ngùi tưởng nhớ, nuối tiếc và xót thương những đồng đội đã hy sinh.

Nhưng rồi, tôi cũng không có thời gian để mà buồn nữa. Đại đội nhận lệnh gấp rút bổ sung vũ khí, đạn dược để chuẩn bị xuống chiến trường. Không khí thật hồi hả, khẩn trương. Hai ngày sau, chúng tôi chuyển quân đến sóc Chêêch. Đây là nơi tập kết cuối cùng để chuẩn bị xuống Ba Thu (căn cứ lớn của B2) Từ đó vượt bung Đức Huệ qua Mỹ Thạnh Đông để vượt sông Vàm Cỏ Đông.

Hôm ấy, hậu cần của tiểu đoàn chia cho đại đội 4 chúng tôi mấy con heo để làm thực phẩm (một số để ăn, một số làm ruốc bông, dự trữ cho chiến đấu). Mấy người, trong đó có Đính, tham gia chọc tiết. Chẳng ai ngờ trong số mấy con heo bị giết thịt kia, có một con đang chữa. Khi mổ ra mới biết. Dạ con của nó chứa 12 con. Ai cũng giật mình, không ai bảo ai nhưng mọi người đều áy náy, vì trước khi ra trận lại làm một việc ngoài ý muốn. Nhưng rồi cũng chẳng ai để ý nữa. Đính cho vào nồi 20 (loại xoong của Trung Quốc, trang bị cho bếp ăn đại đội) tất cả 12 cái bào thai ấy, đổ gạo vào nấu cháo. Có lẽ chưa có loại cháo nào béo ngậy, thơm và ngọt lừ đến như vậy! Tôi ăn không hết một bát nhỏ, đầu lắc lư vì ngậy. Người nào giỏi lắm cũng chỉ ăn được miệng "*bát B52*" mà thôi. Nhiều người không ăn. Vì vậy mà cả đại đội chỉ một nồi 20 (dung tích 20 lít) cháo mà ăn không hết. đành phải nhờ gia đình người Miên ở đây giúp đỡ.

Sóc Chêêch là một toạ độ rải thảm của B52. Trước hôm chúng tôi đến mấy ngày, một đơn vị của Công trường 5 (Sư đoàn 5) đóng ở đây đêm đang ngủ, bất ngờ, B52 oanh kích. May thay, toàn bộ mấy trăm tấn bom rơi chệch ra bên ngoài cách chừng 200 mét. Một số ít quả lạc vào sóc, đã gây thương vong cho bộ đội, nhưng không nhiều.

Ba Thu là một căn cứ lớn, nơi tập kết hậu cần và lực lượng các đơn vị của mặt trận B2. Đặc biệt là các tỉnh như Tây Ninh, Hậu Nghĩa, Long An, Kiến Tường, Kiến Phong, Mỹ Tho... Đây là vùng đệm và là căn cứ xuất phát để quân giải phóng tiến công các căn cứ địch ở bên kia sông Vàm Cỏ Đông, Vàm Cỏ Tây, kênh xáng Trà Cú, kênh Nguyễn Văn Tiếp... Nơi này, năm 1968, là căn cứ xuất phát của bộ đội ta trong cuộc Tổng tấn công Tết Mậu Thân. Bởi thế nên Ba Thu cũng là toạ độ lửa của B52, pháo bầy, trực thăng và mục tiêu cần quét của Mỹ - nguy. Năm 1972 do chiến trường bị căng ra, nhất là ở chiến trường Thành cổ Quảng Trị nên chỗ này đỡ ác liệt hơn. Nơi đây có cánh đồng "*chó ngáp*" nổi tiếng. ("*chó ngáp*" là cách nói ví von, hình ảnh nhằm minh họa cho độ rộng lớn của cánh đồng bung này. Chó vốn khoẻ và chạy nhanh, nhưng khi qua cánh đồng này cũng phải ngáp dài vì kiệt sức). Về mùa khô, nếu hành quân bộ phải mất khoảng 10 tiếng đồng hồ. Về mùa mưa phải đi xuống, có lúc phải xuống đầy cũng mất thời gian tương tự hoặc hơn. Những lúc không có xuống, chúng tôi phải lợi bộ từ 4 giờ chiều đến 5 giờ sáng mới tới được bờ sông Vàm Cỏ. Hành quân như vậy, lúc nghỉ giải lao, ăn cơm nằm thì đứng tại chỗ, ngâm mình trong nước, lấy gậy trụ dưới đáy bông (một kiểu ba lô đơn giản: lấy tấm poncho của Mỹ, may lại theo kiểu bao tải, phía trên có dây thắt lại. Bên trong có túi nilon chống thấm, có quai đeo như ba lô), ăn xong lại tiếp tục

lội tới sáng. Hành quân mùa mưa cực kỳ gian khổ. Nước phèn cộng với cỏ bàng (năn, lác) mọc thối tạo một thứ nước đen như hắc ín, sền sệt, chua cứng họng. Chỉ cần ngậm một ngụm nhỏ là lưỡi cứng lại như ăn trái đắng. Khổ nhất là cảnh các bùi tinh hoàn của anh em mình, cứ sau một đợt lội bung với thứ nước ấy, lớp da ngoài bùi bị lột ra từng mảng như bánh đa nem. Gỡ ra, nó rất đến tận gan ruột. Không chỉ có thế, chúng tôi còn có thêm kẻ thù đó là ghê lở, hắc Lào. Vì suốt ngày đêm cơ thể luôn ẩm ướt, đã tạo môi trường thuận lợi cho chúng phát triển. Chúng đã góp phần không nhỏ trong việc làm suy giảm sức khỏe của chúng tôi. Đêm, khi mọi người mới bắt đầu ấm chỗ nằm, chính là thời điểm chúng "*tra tấn*". Suốt đêm, ai cũng gãi sồn sột đến bật cả máu mà vẫn không đã. Một kẻ thù khác: muối. Có thể nói chưa có ở đâu muối lại nhiều và dạn như ở vùng bung Đồng Tháp Mười này! Ban đêm thì không nói làm gì! Có thể thò tay ra ngoài màn hốt được cả nắm. Ban ngày chúng cũng xông vào đốt đen cả vùng da để lộ ra ngoài. Câu ca "*Đĩa như bánh canh muối như sáo thổi*" thật chính xác cho vùng đất này. Ở bung, không có nước ngọt, buộc phải uống nước phèn. Để có thể uống được, phải lọc đến 7- 8 tầng than trầm. Một thứ nước nhạt thêch. Những khi không có thực phẩm, chúng tôi phải ăn bông súng chấm muối thay cơm. Nơi đây, bông súng rất nhiều. Đến mùa nở hoa, một màu tím ngan ngát, thật lãng mạn!

Chưa hết, hành quân ban đêm, nhiều lúc bất chợt bị thương vong do "pháo đi". Nguy hiểm hơn là bị trực thăng soi. Nếu phát hiện ra xuồng hoặc bộ đội hành quân là chúng phóng rốc két, bắn 20 li và gọi pháo chụp áp tới (loại đại bác nổ trên không, mảnh của nó chụp xuống như hình cái nôm). Ngọn đèn pha cực mạnh, hàng nghìn oát dưới bụng trực thăng bay ở độ cao từ 100 đến 200 mét thì sáng hơn cả ban ngày và không có gì là không thấy. Chúng tôi đã nhiều phen giáp mặt bọn này, nhưng do có kinh nghiệm nguy trang nên thoát được. Điểm tập kết của chúng tôi là phía Tây sông Vàm Cỏ Đông thuộc địa phận Mỹ Thạnh Đông, huyện Đức Huệ, Long An. Nơi đây có rạch Bà Mũi, nổi tiếng về mật độ các trận phục kích của địch. Trước đó, nhiều đơn vị khi qua bị địch phục, bắn chết hết, không còn một người. Đến đây, xuồng ba lá của du kích Đức Hoà, Đức Huệ đã chờ sẵn. Hàng mấy chục chiếc thay nhau đưa bộ đội qua sông. Vàm Cỏ Đông ở đoạn này rộng chừng 200 mét, nước rất sâu. Chúng tôi là đơn vị hoả lực nên vũ khí phải mang rất nặng, nếu không cẩn thận xuồng sẽ bị lật bất cứ lúc nào. Vì lúc bơi, nước mấp mé mạn, chỉ cần chòng chành một chút là chìm ngay. Khúc sông chúng tôi vượt, gần bờ địch, nên nhất cử nhất động đều phải hết sức bí mật, im lặng. Chỉ cần vô ý nói to hoặc quẹt lửa hút thuốc, để lộ ánh sáng thì lập tức cối và pháo giáp đến tức khắc. Có những khi, xuồng đang bơi, bất thần bo bo (ca nô chiến đấu) xuất hiện. Chúng quét đèn pha cực mạnh rồi xả 20 li vào những chiếc xuồng mỏng mảnh đó. Tất cả đều chìm xuống đáy sông!

Chúng tôi đổ bộ lên tả ngạn sông Vàm Cỏ Đông sau đó tiến vào vị trí tập kết. Nơi đơn vị đứng chân có tên là Gò Nổi (Giồng Nổi) thuộc xã An Ninh, huyện Đức Hoà, tỉnh Hậu Nghĩa (Long An). Gò Nổi là nơi chúng tôi làm căn cứ để từ đó xuất phát đánh các mục tiêu địch. Và sau này, năm 1974, khi trung đoàn đã chuyển

quân ra mặt trận Quảng Đức, Bù Bông, nơi đây đã diễn ra một trận đánh ác liệt giữa tiểu đoàn 7 chúng tôi với quân nguy thuộc các tiểu đoàn bảo an của tiểu khu Hậu Nghĩa cùng đại đội thám sát 773 ác ôn và thiện chiến. Tôi sẽ kể lại trận đánh này ở phần sau...

Phần IV

VÀO TRẬN

Tôi tham gia trận đánh đầu tiên vào ngày 3/5/1972.

Hôm ấy, một đêm tối trời, chúng tôi được lệnh phối hợp với một đơn vị của đoàn đặc công 429 để giải phóng căn cứ Lộc Giang (Đức Hoà). Đây là căn cứ nằm án ngữ phía Tây bắc tiểu khu Hậu Nghĩa (Khiêm Cường). Địch tăng cường phòng thủ rất mạnh. Nếu để mất Lộc Giang thì có nghĩa là tiểu khu Hậu Nghĩa bị uy hiếp và có nguy cơ bị tiêu diệt. Hậu Nghĩa không còn thì cửa ngõ phía Tây nam Sài Gòn bị bỏ ngõ. Do vậy, dù giá nào, chúng cũng quyết "tử thủ", không để mất Lộc Giang. Quyết tâm của chúng tôi là phải nhỏ cho được căn cứ này, để Công trường 5 (Sư đoàn 5) dốc toàn lực tấn công giải phóng Hậu Nghĩa. 19 giờ, chúng tôi được lệnh tiềm nhập vào vị trí chiếm lĩnh trận địa. Phải mất hơn một giờ sau, mới đến được nơi quy định. Chỗ này cách mục tiêu đơn vị bạn đánh chừng trên 500 mét. Theo kế hoạch, chúng tôi đào công sự, ém pháo để sẵn sàng chi viện cho bộ binh chống càn trong ngày hôm sau. Nơi đây cách Sài Gòn chừng 25 kilômét đường chim bay. ánh điện từ phía ấy hắt lên, rực sáng một vùng trời rồi phản chiếu xuống, nên mặc dù đêm tối, chúng tôi vẫn thấy rõ mặt đất để đào công sự. Thứ ánh sáng đó đã từng lay thức nhà thơ Lê Anh Xuân và được anh thể hiện qua cảm xúc da diết, cháy bỏng của mình:

Cái vàng sáng bốn chôn thương nhớ ấy

Cứ đêm đêm nước nở gọi ta về...

Nhưng đó là khát vọng của anh - một nhà thơ - chiến sỹ, một người con Nam Bộ xa xứ. Còn đối với chúng tôi, nơi vàng sáng hắt lên ấy là mục tiêu trong trận quyết chiến chiến lược cuối cùng... Nhưng chỉ ít, đêm nay, nó đã gián tiếp cung cấp ánh sáng để chúng tôi đào công sự chiến đấu...

... Đất Lộc Giang về mùa khô rắn như đá non. Đào gần hai tiếng đồng hồ mà vẫn chưa xong công sự cho người, lại còn công sự pháo nữa. Người nào người nấy mồ hôi ướt đầm cả áo quần. Đang đào... Bỗng một một chớp sáng loé lên từ phía ngã ba Lộc Giang, tiếp theo là hàng loạt súng nổ rồi tiếng lựu đạn, tiếng còi của địch xen lẫn tiếng B40 và AK của ta. ánh hoả châu rực trời. Thì ra, đơn vị đặc công 429 khi đang cắt hàng rào kẽm gai để bò vào đặt mìn, chuẩn bị đến "giờ G" (giờ quy ước) là phát hoả bằng mìn ĐH10 (mìn định hướng 10 kg), sau đó dùng hoả lực và chiến thuật đặc công để giải phóng căn cứ này; do bất cẩn khi dò mìn nên đã chạm phải một trái sáng của địch gài dưới chân rào. ánh lửa bùng lên chói sáng cả một vùng. Bị lộ, đặc công buộc phải chuyển sang phương án đánh cường tập. Không đúng với ý đồ chiến thuật ban đầu. Kết quả, không những không giải phóng được Lộc Giang mà ngược lại, bị tổn thất nặng nề. Bộ đội thương vong nhiều, nên vừa tập trung hoả lực dim đầu bọn địch ở các lô cốt đầu cầu vừa phải mang thương binh, tử sỹ ra. Chúng tôi được lệnh rút khỏi vị trí chiến đấu trong làn hoả lực dữ dội của các loại đạn bắn thẳng, phóng lựu M79 cùng đại bác 105 li, 155 li, cối

106,7 li dưới ánh hoả châu của địch sáng như ban ngày, khi chưa đào xong công sự. Nhiều đồng chí trúng đạn, hy sinh ngay trên đường rút quân. Không rõ nguyên do nào mà đồng chí Doãn, chính trị viên phó đại đội tôi (quê Quảng Bình) bị địch bắt sống. Chúng tra tấn anh dã man nhưng không khai thác được gì. Ngày hôm sau, chúng giết anh rồi đem ra chợ Lộc Giang bêu đầu để thị uy dân chúng.

Trước đó, khi vào trận, một số anh em của đơn vị bạn (đặc công 429) đã đào sẵn một dãy dài 14 cái huyết ngay cạnh trận địa chúng tôi. Sau này khi bị lộ, đánh không dứt điểm, hy sinh nhiều, họ đưa các anh em hy sinh ra mai táng tại đây. Không đủ huyết mai táng, số còn lại phải đưa ra cứ ngoài bung mới chuyển đi nơi khác chôn cất được.

Sau này, tìm hiểu, tôi mới biết, theo quy định của các đơn vị đặc công, trước lúc chiến đấu đều phải đào huyết trước như vậy. Đánh xong dù thắng hay bại, nếu có tử sỹ, sẽ sẵn huyết chôn ngay để kịp bàn giao trận địa cho đơn vị khác rồi rút trước khi trời sáng...

Đó là trận đầu tiên, tôi tham gia nhưng đã ném mùi thất bại.

Chúng tôi được lệnh lui về Gò Nổi, trở lại trận địa cũ.

Ngày hôm sau, sư đoàn 25 (Tia chớp Nhiệt đới) và sư đoàn 5 nguy nổng ra càn quét để thăm dò và nếu có thể sẽ tiêu hao, tiêu diệt lực lượng ta. Sau khi chạm trán với bộ binh địch bằng một cuộc đọ súng dữ dội, cối 82 li của chúng tôi chi viện đặc lực cho bộ binh tiểu đoàn 9, góp phần đẩy lui chúng ra xa. Địch gọi pháo binh và không lực yểm trợ. Pháo từ các căn cứ Đức Hoà, Hậu Nghĩa tới tập dội xuống trận địa như mưa. Tiếp đến là các đợt không kích dữ dội của chiến đấu cơ A37 theo chỉ điểm từ trái khổi của trinh sát L19. Một cụm khổi trắng bốc lên là bọn phản lực thi nhau nổ nhào, trút bom. Trận địa mù mịt trong lửa bom và đạn pháo của địch. Nhiều đồng chí ở các đại đội bộ binh phía trước hy sinh và bị thương.

Sau trận bom và pháo bầy đó, địch lại liều lĩnh xông vào. Lần này chúng thận trọng hơn. Hoả lực bộ binh địch thi nhau đổ đạn vào trận địa. Chúng tôi ở phía sau không trực tiếp với bộ binh nhưng lại hứng chịu bom, pháo rất nặng nề. Trung đội cối có một người hy sinh, hai người bị thương. Phía trước, ta lại đánh bật địch ra. Cái công thức bom, pháo tái diễn, rồi bộ binh lại tràn vào ...

Khoảng 3 giờ rưỡi chiều, sau nhiều lần phản kích không thành, địch rút khỏi trận địa dưới tầm đại bác của chúng. Pháo địch từ Hậu Nghĩa, Đức Hoà bắn yểm trợ để bộ binh địch rút lui được an toàn.

Các đơn vị của ta thương vong khá lớn chủ yếu do bom, pháo. Trung đoàn lệnh nhanh chóng giải quyết hậu quả, chuyển thương binh xuống bờ sông Vàm Cỏ Đông để du kích chở bằng xuồng lên cứ tiền phương thuộc bung Đức Huệ, bên kia sông. Tử sỹ thì mai táng tại khu vực gần đó nhưng không được đắp nùm. Chỉ vẽ sơ đồ, gửi lên trung đoàn bộ để lưu giữ, sau này có cơ hội tìm lại. Nếu đắp mộ, sau khi ta rút rồi, địch càn ra, sẽ dùng chất nổ quật tung xác anh em mình lên. Đã có nhiều trường hợp như vậy xảy ra với các đơn vị bạn rồi.

Tôi cũng không ngờ rằng, chỉ đêm hôm sau thôi, tôi bị thương trong một trận tao ngộ chiến có một không hai của lịch sử trung đoàn!

Đêm ấy (4/5/1972), chúng tôi di chuyển trận địa. Cũng tại địa bàn Gò Nổi nhưng triển khai ở một hướng khác, đề phòng ngày mai địch sẽ đánh tiếp.

Khoảng 6 giờ tối, trinh sát tiểu đoàn phối hợp với trinh sát của đại đội 25 (đặc công) bám địch để đưa bộ đội vào chiếm lĩnh trận địa. Khoảng gần 8 giờ họ trở ra và cho biết tình hình an toàn, không có địch. Liên sau đó dẫn bộ đội vào vị trí. Hôm ấy, tôi được đồng chí Nguyễn Văn Điệp, đại đội trưởng, giao nhiệm vụ đi cùng với trinh sát để nhận vị trí trận địa. Chúng tôi lặng lẽ đi rất tự tin, ít ai cảnh giác địch vì chính những đồng chí trinh sát này vừa mới trở về, dẫn đường. Chừng 30 phút sau, dưới ánh trăng thượng tuần, đang đi, chúng tôi bất chợt phát hiện mờ mờ hai bên đường rất nhiều tăng bạt, màn tuyền sùm sụp. Có mấy bóng người rất gần, tiến lại. Đồng chí Lợi (người Quảng Ninh, sau này là đại đội trưởng đại đội 3, tiểu đoàn 7) tiến đến vỗ vai một người rồi hỏi bằng giọng Nam Bộ: "*Đơn vzi nào vzy?*" Có tiếng đáp: "*Dạ thưa, Hai lăm đó, anh Hai*". Chúng tôi ai cũng nghĩ là lính của đại đội 25 (đặc công) của trung đoàn. Chợt, mấy bóng đen chụp vội mũ sắt lên đầu rồi lao vào chỗ tôi. Hình như chúng đã phát hiện ra điều gì. Linh cảm của người lính mách bảo có điều chẳng lành, tôi nghĩ nhanh: "*Địch! Chúng đang lao vào ụ súng!*". Tôi xoay ngang AK, nhắm vào chỗ đó xả đạn, rồi mở rộng hướng, quạt mạnh vào đám tăng bạt màn lồn nhồn. Nhiều tiếng la hét thất thanh. Các đồng chí khác cũng hướng AK vào những chỗ có tăng bạt, nổ súng. Tôi nhắm hướng vừa vào, bạt chạy trở lại. Trận tao ngộ chiến bắt đầu! Súng địch từ hai hướng bắn chéo cánh sẻ vào đội hình hành quân của ta. Nhiều đồng chí hy sinh tại chỗ. Tôi vừa chạy, vừa bò, cốt làm sao thoát nhanh ra khỏi chỗ đó. Đang bò, chợt phát hiện ở phía bên trái những ánh chớp loé lên liên tục. Tôi hướng nòng AK vào đó siết cò. ánh chớp tắt ngấm. Tôi vụt dậy, lao đi. Lúc này pháo sáng (hoả châu) địch đã tung lên đầy trời. Cũng may mà ở đây có khá nhiều cây lúp xúp. Tôi chạy lom khom giữa các lùm cây. Đang chạy, bỗng một ánh chớp và tiếng nổ chát chúa rất gần trước mặt. Tôi thấy nhói đau ở phía trong cổ chân và bắp chân trái. Biết mình bị thương nhưng vẫn cố sức chạy tiếp. Được một lúc, tôi chợt thấy tối sầm mặt mày rồi ngã xuống. Nhờ ánh hoả châu, tôi phát hiện trước mặt có một cái hố. Bèn lết nhanh đến đó rồi trườn xuống. Đó là một hố pháo. Lúc này, địch đã gọi cối 81 và pháo giã cấp tập vào phía sau đội hình chúng tôi, để chặn không cho ta rút. Lợi dụng ánh sáng, tôi giật vội cuộn băng bên dây lưng xé ra, buộc chặt vết thương. Hai mảnh M79 găm vào chân trái tôi. Một ở cổ chân, một ở bắp chân phía trong. Mất nhiều máu nên tôi bị choáng. Đạn cối địch rơi rất gần nhưng may là tôi đã nằm gọn dưới hố pháo nên không việc gì. Tôi chợt thấy khát nước. Chắc do mất nhiều máu và mồ hôi. Tôi thấy trời đất chao đảo rồi tối sầm...

... Tỉnh dậy, thấy mình vẫn nằm dưới hố pháo. Tiếng súng đã im từ lúc nào. Chân trái đau nhói và nặng chịch. Con khát cháy họng lại kéo đến. Tôi rút dao găm khoét đất rồi úp mặt vào đất, hít mạnh mong tìm kiếm chút hơi nước. Nhưng chẳng ăn thua gì. Tôi nắm lấy cổ chân trái gần chỗ bị thương thử nhắc lên, nhưng

đau quá và rất nặng. Tôi hoàn toàn mất khả năng định hướng và vô thức trước thời gian, không gian. Một lần nữa, sức mạnh của bản năng tự tồn đã giúp tôi nghị lực để vượt qua. Tôi gắng hết sức mình trườn lên khỏi hố pháo. Nhìn lên trời, thấy một ngôi sao lớn, biết là sao Mai. Tôi giật mình: "*Chết! Trời sắp sáng!*"- Tôi nghĩ: Nếu không cố gắng vượt ra khỏi chỗ này, sáng ra, địch càn, nhất định chúng sẽ bắt sống hoặc bắn chết. Cố gắng lắm, tôi mới khoác được AK lên lưng, định hướng, rồi cố lê bước, nhưng không thể được. Tôi đành phải trườn. Cơn khát cháy họng cùng với cái đau đã làm tôi nhanh chóng kiệt sức. Tôi huơ tay trên cỏ cho sương đêm dính vào cánh tay rồi liếm lấy. Những giọt sương ấy như một thứ thần dược đã làm cho tôi hồi tỉnh. Tôi cố gắng bò tiếp. Không biết được khoảng thời gian bao lâu, chợt thấy phía Đông bầu trời chuyển sang màu trắng. Pháo địch ở các căn cứ đã bắt đầu bắn càn càn. Tôi nghĩ nhanh: "*Mình không thể nào ra được đến bờ sông! Phải nhanh chóng tìm chỗ ẩn nấp*". Tôi chọn mấy lùm cây lúp xúp, lá dày và giống như lá nón liền chui thử vào đó. Thấy rất kín, tôi nằm luôn như vậy rồi thiếp đi lúc nào không biết nữa...

... Đang mơ màng, bỗng nghe tiếng phành phạch của trục thẳng, rồi nhiều loạt AR15 dội lại. Tôi choàng mở mắt. Mặt trời đã lên cao, chói chang. Bọn địch đã nòng (càn, phát triển) ra giải toả. Chúng đang lục soát để tảo thanh. Tôi cố gắng nhắc mình lên quan sát nhưng không thấy gì, chỉ nghe tiếng la hét của những đồng chí bị thương, tiếp theo là những loạt súng rồi tiếng rên la im bật. Tôi biết chúng đang lôi những đồng chí bị thương nặng đêm qua, không chạy được, ra bắn. Rồi sẽ đến lượt mình - Tôi nghĩ. Bình tĩnh, tôi cho AK xuống dưới bụng, nằm thu mình lại rồi rút lựu đạn cầm tay. Ngón trái giữa cho vào vòng chốt thép, sẵn sàng. Tôi tính toán, nếu chúng tới mà phát hiện ra tôi, nhất định chúng sẽ gọi hàng. Lúc này dùng súng sẽ bất tiện. Tốt nhất là chọi lựu đạn trước rồi bật dậy dùng AK bắn bồi. Sau đó, hy sinh. Sự chờ đợi làm cho thần kinh tôi căng như sợi dây đàn. Đang nghĩ mông lung, bỗng có tiếng chửi thề rất gần: "*Đ... mẹ, lục soát kỹ đi tụi bây! Chắc nó còn đâu đây!*". Thế là "*tới số*" rồi! - Tôi nghĩ. Phen này thế nào chúng cũng sẽ tìm thấy mình. Tôi thấy tim như thắt lại. Trán tĩnh, tôi chợt nhớ đến kinh nghiệm của các đồng chí cựu binh ở chiến trường. Họ cho biết tụi lính nguy thường "*đánh giặc mồm*" để hù dọa. Chúng vờ chửi thề, la hét vu vơ như vậy, nếu ai yếu bóng vía, hoảng sợ sẽ đầu hàng hoặc mất bình tĩnh, làm lộ mục tiêu. Tôi trấn tĩnh, chờ đợi... Có tiếng nói chuyện rồi tiếng bước chân rất gần. Chúng đã đến! Tôi nín thở. Một chiếc giày xuất hiện cách bụi cây tôi nằm chừng một mét. Tim tôi như ngừng đập. Tên lính nhanh chóng đi qua. Tiếp đến, rất nhiều bước chân khác dẫm theo thẳng vừa nãy. Có lẽ do năng quá nên chúng nhìn ra xa chẳng...?. Chúng lần lượt đi qua. Không đứa nào phát hiện ra tôi cả. Tôi thở phào. Cơ thể ướt đầm vì mồ hôi. Tôi đang mừng vì có lẽ thế là thoát. Đột nhiên, có tiếng thét rất gần: "*Đó! Đó! Nó nằm trong bụi cây đó!*". Tôi rút chốt lựu đạn, chuẩn bị ném nếu chúng bước thêm mấy bước nữa. Nhưng rồi hình như cũng tiếng thằng lính đó cười lên sằng sặc và chửi thề: "*Đ... mẹ! Về thôi tụi bây, tụi nó chết hết rồi. Đi nữa coi chừng ăn trái gài (lựu đạn gài) của Việt Cộng đó ghen!*". Và đột ngột, chúng rẽ sang hướng khác. Tiếng

nói xa dần. Thế là thoát - tôi thảnh thơi. Lúc này cơ thể như nhão ra. Từ nãy, cơn khát biến đâu mất, bây giờ nó đột ngột trở lại, và càng dữ dội hơn. Tôi bị thương mất nhiều máu từ tối qua, từ sáng đến giờ lại ra nhiều mồ hôi do phản ứng tâm lý cộng với nắng gắt. Mắt tôi hoa lên. Đây chót lựu đạn trở lại, tôi kéo vôi một nắm lá cho vào miệng nhai hòng tìm lấy chút nước, nhưng không thể nào nhai nổi. Khát, đói cùng với cái đau đớn do vết thương sưng tấy đã làm tôi kiệt sức. Trời đất lại tối sầm... Tôi không còn biết gì nữa...

...Tôi từ từ mở mắt vì chợt thấy man mát. Định thần, tôi lục lại trí nhớ. Sự việc dần dần hiện ra như một cuộn phim quay chậm. Trời đã xế chiều. Không gian im lặng gần như tuyệt đối. ở chiến trường này, sự im lặng như thế quả là rất hiếm. Tôi thấy chân trái mình như ai đeo vào một tảng đá và nhúc nhối vô cùng. Tôi thò tay sờ lòng cuộn băng. Chân trái tê dại và cứng đờ. Suốt từ đêm qua đến giờ nó bị bó trong cuộn băng và ống quần. Tôi thử nhấc lên nhưng không được. Tôi thò tay khoá súng lại rồi cố lết ra khỏi bụi lá nón. Một lần nữa, sự sống và cái chết lại đặt tôi trước sự lựa chọn. Không còn cách nào khác là phải cố gắng vượt qua. Tôi khoác AK lên lưng rồi định hướng, lết bò đi. Lúc này đã gần tối. Tôi nhích từng mét một trong sự hy vọng mong manh. Đang bò, tôi chạm phải sợi dây điện. Ngờ đó là dây mìn. Tôi giật mình: *"Hay là bọn địch gài mìn?!"* Tôi thử kéo nhẹ sợi dây về phía mình. Biết không phải dây mìn, tôi thở phào! Thì ra đó là sợi dây thông tin của ta (loại dây điện Liên Xô lúc ấy). Tôi đoán đêm qua, thông tin hữu tuyến của tiểu đoàn rải theo bộ binh vào để liên lạc. Khi trận tao ngộ xảy ra, họ không kịp cuốn, đã bỏ lại trận địa để rút lui. Tôi mừng thầm: *"Mình sẽ lần theo sợi dây này để trở ra, mong sao gặp được các đồng chí trở lại tìm kiếm thương binh, tử sỹ!"* Nhưng, bò rồi trườn được một lúc, sợi dây điện cũng hết (do bị đứt). Tuy vậy, tôi đã xác định được hướng và tiếp tục bò. Lúc này trời đã tối hẳn. Không còn cách nào khác là phải tiếp tục nỗ lực tự thân, khắc phục khó khăn để tìm sự sống. Nghỉ sức một lát, tôi lại nhắm hướng tây bò tới. Đến khoảng 7 giờ tối, đang bò, tự nhiên nghe thoảng trong gió mùi thuốc thơm *"Ruby"* (hồi đó tôi rất nghiện thuốc lá, nên nghe mùi thuốc là có thể biết loại gì rồi). Tôi giật mình, nghĩ nhanh: *"Hay là địch phục kích?"*. Thận trọng, tôi chuyển AK xuống tay rồi bò bám lên. Càng gần, mùi thuốc càng thơm lừng. Rồi có tiếng nói chuyện thầm thì. Tôi cảnh giác... nhích tới... Tiếng nói chuyện nghe càng rõ hơn. Lại có cả giọng Nghệ - Tĩnh, tôi đoán là bộ đội mình nhưng chưa thật tin, cẩn thận trườn tới một đoạn nữa. Nhìn qua ánh tàn lửa điều thuốc khi họ rít, thấy vành mũ tai bèo và đầu súng AK dựng bên vai - *"Anh em mình!"* - Tôi nghĩ. Khoá vôi súng, tôi la lên: *"Các đồng chí ơi! Cứu tôi với!..."*. Chỉ có thế, rồi tôi chẳng còn biết gì nữa...

...Tỉnh dậy, thấy mình đang nằm trên xuồng. Mấy đồng chí đang gò lưng đẩy xuồng qua đám cỏ bàng. Tôi nghe rõ tiếng người reo lên: *"Kìa, cậu ấy tỉnh rồi!"*. Tôi đòi uống nước, rồi bắt đầu lục lại trí nhớ và biết mình đang được anh em chở bằng xuồng lên cứ tiền phương ở bưng Đức Huệ. Nhờ được bón nước và tiêm thuốc trợ lực nên tôi hồi tỉnh khá nhanh. Khoảng gần 4 giờ sáng thì xuồng đến trạm phẫu của Trung đoàn. Tôi được đưa ngay vào để xử lý vết thương. Đã gần hai

ngày đêm, kể từ lúc bị thương đến giờ vết thương đã bắt đầu nặng mùi. Tôi cứ nghĩ là chân sẽ bị hoại tử. Nhưng thật kỳ diệu, vết thương không những không hoại tử mà ngược lại, rất chóng lành. Các đồng chí quân y cho biết vết thương ở cổ chân có bị mẻ xương. Một ngày sau, khi đã tỉnh táo, tôi mới bắt đầu hỏi chuyện các đồng chí xung quanh. Được họ cho hay, hôm đó chúng tôi hy sinh mất gần 60 đồng chí. Những đồng chí bị thương nặng không ra được, hôm sau, khi địch càn ra, chúng lúi lũi rồi bắn chết hết.

Ở trạm phẫu này, tôi mới biết mình là một trong sáu đồng chí bị thương còn lại, tự bỏ ra được nên sống sót. Sau trận ấy, có tin đồn ra Bắc là tôi đã hy sinh. Ở nhà, mọi người cho rằng tôi đã chết. Nghe nói, mẹ tôi ngất lên, ngất xuống. Bà khóc tôi đến không còn nước mắt và tinh thần suy sụp đến kiệt quệ. Mãi đến sau 30/4/1975 gần một năm, ở nhà mới nhận được thư của tôi. Lúc ấy mẹ mới thực sự tin là tôi còn sống. Trận tao ngộ chiến năm ấy đã đi vào lịch sử, nhưng dư âm về nó thì mãi mãi còn trong tâm thức của mỗi chúng tôi như mới ngày hôm qua. Có thể nói, đó là một tình huống hết sức hy hữu. Sau này chúng tôi thường gọi đùa là trận "*Bắt tay với sư đoàn 25 - Tia chớp Nhiệt đới*".

Nguyên do trận ấy, sau khi trinh sát nắm địch tại nơi chuẩn bị đưa bộ đội vào tập kết để chiếm lĩnh trận địa, không thấy dấu hiệu có địch, cho là an toàn, liền rút về, dẫn bộ đội lên. Lẽ ra, phải để lại một bộ phận, tiếp tục cảnh giới và theo dõi địch tình, thì lại rút hết. Vì vậy, thời gian trống giữa hai lần vào, ra của trinh sát ta, thành lính hai đơn vị của sư 25 và sư 5 nguy đã bí mật hành quân đến, đang triển khai đội hình dã ngoại thì gặp phải lực lượng ta vào. Cả hai bên đều bất ngờ. Đến lúc phát hiện ra nhau thì tá hỏa và trận tao ngộ chiến xảy ra. Hai bên xả súng vào nhau tán loạn. Mạnh ai nấy chạy. Chúng tôi tổn thất nặng nề. Hy sinh quá nhiều. Một số đồng chí bị địch bắt sống. Bài học xương máu về công tác trinh sát được rút ra khi cái giá phải trả cho nó đã quá đắt!...

Sau gần ba tuần điều trị, tôi đã bình phục. Tôi cũng không ngờ vết thương và sức khỏe của mình lại mau phục hồi đến vậy. Chiến dịch "*Nguyễn Huệ*" đang ở cao điểm, đòi hỏi tăng cường lực lượng cho chiến đấu. Tôi trở lại đơn vị mấy ngày sau đó để chuẩn bị bước vào trận mới...

... Ngày 17/5/1972 Trung đoàn 271 được lệnh vào thế chân H.24 (Trung đoàn độc lập của khu 8) đã đứng chân và chiến đấu với quân nguy hơn nửa tháng nay, lập nhiều chiến tích nhưng cũng thương vong rất nặng nề, không còn đủ sức chiến đấu nữa. Phải rút ra.

Đêm ấy, từ Gò Nổi hành quân vào chiếm lĩnh trận địa ở ấp An Thuận, chúng tôi cắt qua những khoảnh ruộng còn vương mùi thuốc đạn và làng mạc cháy rụi vì bom na-pan địch ném sáng nay. Một cảnh tượng đến bây giờ, sau hơn 30 năm vẫn còn như in trong trí tôi. Đó là cảnh xóm ấp bị cháy trụi, xơ xác. Trong một khu vườn nhỏ, bên ánh lửa leo lét từ những mảnh gỗ còn sót lại của ngôi nhà bị cháy, một người phụ nữ nào đó đang gào khóc thê thiết vì những người thân trong nhà bị chết sáng nay, do pháo địch bắn đến. Chị ta chạy thoát. Đêm về, gào khóc, bới tìm xác người thân trong đồng đổ nát.

Đại đội 4 hỏa lực, ngoài 2 trung đội đại liên và cối 61 đi phối thuộc, chi viện cho các đại đội bộ binh, còn lại trung đội cối 82 nằm phía sau đại đội 1, 2 và 3 trong đội hình tác chiến của tiểu đoàn để chi viện khi có lệnh. Chúng tôi đào công sự trong vườn nhà má Tám (năm ấy má đã gần 70 tuổi).

Đào công sự cho người xong, chuyển sang đào cho pháo. Về mùa khô, mỗi nhát cuốc bổ vào đất như bổ vào đá. Mỗi đến gần 7 giờ sáng mà công sự vẫn chưa xong. Tổ chúng tôi có 3 người: tôi, Đinh Bát Chương (khẩu đội phó, người đã giúp tôi vác bàn để cối 82 lúc vượt qua bãi lầy để vào binh trạm đầu tiên - binh trạm 5) và Tô Thanh Chung (người dân tộc, quê Quỳ Hợp, Nghệ An) xạ thủ dự bị. Hai người tiếp tục đào. Còn tôi, chạy ra khoảng ruộng trước mặt, nơi có vô số vỏ ống rốcét mà sau khi bắn, trực thăng ném xuống, nhặt một ôm khoảng chừng 15 cái. Tôi nhặt 2 lần được gần ba chục cái (loại ống làm bằng hợp kim nhôm duyra nên rất cứng và nhẹ) đủ để lát mặt công sự. Chúng tôi khăn trương lấp đất lên trên. Thế là tạm ổn. Tôi gói đầu lên ba lô dưới một bụi cây bốp bốp (Nam Bộ gọi là cây Cộng sản, vì loại cây này có sức phát triển mau lẹ và mạnh mẽ) xoè tán che kín bên cạnh một bụi tre. Giấc ngủ kéo đến tự lúc nào...

... Bỗng, trời đất chao đảo, tôi cảm giác như có một trận bão siêu mạnh quật vào người. Tai ù đặc. Mắt rát như ai ném mạnh cả rổ cát vào. Sóng lưng đau nhói. Tôi choàng mở mắt. Một khoảng trời sáng rực sau đám bụi, khói. Đảo nhìn, thấy toàn bộ khu vực xung quanh mình trống hoác, chẳng còn cây cối gì nữa. Tăng, võng, xoong quân dụng bay mắc lên cành cây. Hàm cối 82 ly, tung hết nguy trang, trơ ra toàn bộ. Tôi chợt hiểu, mình đã bị bom! Nhanh chóng, tôi lết xuống công sự. Chung cũng lồm cồm bò theo. Vừa xuống, căn hàm tôi om. Chợt một bàn tay vỗ nhẹ lên đầu tôi. Trong bóng tối, tôi căng mắt nhìn: Đinh Bát Chương đã ngồi dựa vào vách hầm từ lúc nào. Nhìn kỹ, tôi thấy từ hai bên khoé miệng anh, hai dòng máu chảy xuống. Biết anh bị thương, tôi vội sờ nắn khắp người nhưng không thấy có máu hay vết thương nào cả. Sờ lên bên trái cổ, thấy có một cục to như quả trứng vịt nổi lên. Tôi hét to: "*Anh bị thương ở chỗ nào?*" Chương không trả lời được mà chỉ há hốc miệng, thờ gáp, mắt trừng trừng nhìn xoáy vào mặt tôi (cái nhìn ấy sau hơn 33 năm đến giờ tôi vẫn không thể nào quên được. Cái nhìn như khẩn cầu: Hãy cố gắng cứu lấy anh ấy). Một dòng máu từ cái miệng há hốc ấy trào ra. Rồi nó òng ọc xối xuống chân tôi nóng bỏng. Tôi ứa nước mắt, bắt lực vì không có cách gì để cứu anh... Máu trong người anh đã tuôn ra hết. Tôi xê dịch bàn chân, máu nóng lỏng bông dưới chỗ ngồi. Chương ngoẹo đầu sang một bên, gục xuống. Anh đã tắt thở. Tôi vuốt mắt và để cho đầu anh thẳng lại. Rồi quay lại hét to vào tai Chung: "*Anh Chương chết rồi!*". Chung gật đầu rồi nói gì, tôi không nghe rõ. Trên không, tiếng gào rít của máy bay bổ nhào cùng tiếng bom nổ inh tai và hỗn tạp âm thanh của rốcét, đạn 20 ly, trọng pháo... Công sự chúng tôi rung lên bần bật qua từng loạt bom dội xuống. Đất, bụi rơi xuống làm mù mịt căn hầm. Công sự chật quá, không thể quay trở được, tôi đành phải để Chương trong tư thế ngồi duỗi thẳng chân mà không thể đặt anh nằm xuống. Nếu đặt nằm, cơ thể anh chiếm hết chiều dài công sự. Và như vậy, buộc chúng tôi phải ngồi lên người anh. Tối hôm đó khi

đưa lên khỏi công sự, cơ thể anh lạnh ngắt và cứng như khúc gỗ, duỗi cách nào cũng không thẳng được. Đơn vị đánh phải chôn cất anh trong tư thế chữ V. Phần tôi, sau khi Chương hy sinh, bình tĩnh trở lại, mới chợt thấy đau nhói chỗ thắt lưng. Tôi bị một khúc cây do bom cắt cụt ném đập mạnh vào sống lưng. Bây giờ, mới thấy đau và tức ngực. Đau ở cả hai mang tai. Đầu kêu ong ong... o o... choáng váng. Tôi sờ tay lên khoe miệng và tai, đều thấy máu chảy ra. Tôi bị sức ép bom làm thủng màng nhĩ trái, máu chảy ra nhiều. Chung cũng bị sức ép giống tôi. Cả hai điếc đặc, chỉ ra hiệu cho nhau và khi nói thì nhìn vào miệng nhau để hiểu. Sau này, tôi mới biết, Chương chết vì sức ép bom nén dưới công sự, làm vỡ tim. Khi chiếc trinh sát L19 phát hiện ra trận địa chúng tôi, liền bắn trái khói chỉ điểm vào đây. Chương biết trước vội nhào xuống công sự và ngồi dưới đó. Quả bom sát thương nổ chỉ cách chỗ tôi nằm khoảng 6 mét, bên kia bụi tre. Nếu không có bụi tre che đỡ, ba chúng tôi sẽ chẳng còn ai. Hàm trú ẩn chỉ có một cửa nên sức ép bom không thoát ra được đã làm Chương vỡ tim. Nếu lúc ấy, cả ba cùng xuống hầm, chắc chắn sẽ cùng chung số phận như Chương!

Ở khẩu đội bên kia, anh Tam (quê Cẩm Xuyên), anh Nguyễn Văn Tài (quê Thanh Lộc) anh Nhâm (quê Song Lộc) đều hy sinh vì quả bom ấy. Thương tâm nhất là Tài và Nhâm cả hai đều chết không toàn thân. Tài bị một mảnh bom cắt phạt mất hẳn phần mặt phía trước, chỉ còn từ mang tai trở ra sau. Nhâm thì bị bom hất tung lên rồi ném ra giữa ruộng, ngực và bụng anh bị phá nát. Tối đến, mới dám ra đưa anh đi chôn cất (ban ngày sợ bị lộ). Bốn người, trong đó có Đính, đưa anh vào khu vườn gần đây để liệm rồi mai táng. Cả tôi và Đính đều khóc cho hai người đồng hương Can Lộc xấu số, rồi bảo nhau: *"Nếu ngày hoà bình còn sống, sẽ đắp lại mộ phần cho hai đứa và vẽ sơ đồ để sau này chỉ cho gia đình họ"*. Nhưng ước vọng ấy không thực hiện được. Bởi sau giải phóng, tình hình phức tạp. Chúng tôi phải chuyển quân liên tục, không có thời gian nghỉ. Cuối 1975, khi chúng tôi trở lại thì mộ của hai người đã được đưa vào nghĩa trang Đức Hoà nhưng lại biến thành mộ liệt sỹ vô danh. Mặc dù hôm ấy, tự tay tôi viết tên tuổi, địa chỉ quê quán... rồi cho vào chai thủy tinh nút chặt, bọc nilon bên ngoài, vậy mà khi cất bốc, những người quy tập thiếu cẩn trọng, đã làm mất địa chỉ và tên tuổi của họ.

Hôm ấy, hai khẩu đội cối chúng tôi hy sinh và bị thương 13 người (8 người hy sinh). Mặc dù bị thương nhưng tôi vẫn không đi viện vì lúc này, đơn vị không còn người nữa. Tôi từ biệt Chung. Cậu ta đi viện ngay đêm ấy và kể từ đó chúng tôi không hề gặp nhau nữa. Như vậy là tròn một năm, sau ngày nhập ngũ, đúng ngày 18/5/1972, tôi bị thương lần thứ hai.

Khoảng 10 giờ đêm, chúng tôi được lệnh di chuyển sang khu vườn bên cạnh nhà má Tám, để đào công sự chuẩn bị tác chiến ngày mai. Mặc dù đau, không đào được nhưng tôi vẫn ngồi với anh em để giúp họ một vài việc lật vật. Tôi chẳng nghe được họ nói gì vì hai tai điếc đặc. Anh Nguyễn Văn Điệp (quê Nam Đàn), đại đội trưởng chúng tôi bị thương nhẹ, vẫn đến động viên anh em cố gắng đào xong sớm công sự để có thời gian nghỉ lấy sức cho trận đánh ngày mai.

Đêm. Tiếng pháo cầm canh vẫn bắn đến từ nhiều hướng. Lửa từ những ngôi làng vẫn leo lét cháy. Pha lẫn trong gió khô khốc là mùi khét của xác trâu bò và người bị chết cháy do bom xăng sáng nay.

Sáng 19/5. Địch nóng ra càn sớm, các đại đội bộ binh của tiểu đoàn chạm súng với địch. Chúng lui ra, gọi pháo và bom. Chúng tôi lại gồng mình lên đội bom, pháo suốt một ngày ròng rã. Biết rõ sự lợi hại của hỏa lực cối 82, chúng tìm cách tiêu diệt. Địch cho một trung đội bí mật thọc sâu, thăm dò để đánh vào đại đội hỏa lực của chúng tôi. Tình huống khá bất ngờ và nan giải vì vòng ngoài là bộ binh ta nằm xen giữa các ấp. Không hiểu sao, tụi này lọt qua được hàng rào bất ngờ tập kích chúng tôi. Vì là đơn vị hỏa lực nên súng bộ binh trang bị không nhiều. Khi phát hiện địch vào sát ngay đội hình, mọi người bình tĩnh chờ đợi. Khi những chiếc giày đầu tiên đặt lên sát bờ công sự, chúng tôi nổ súng. Nhiều thằng đồ vật xuống ngay miệng hầm. Chúng tôi chỉ việc thò tay ra lấy súng của chúng. AK từng loạt ngắn, găm vào đội hình địch. B40 bảo vệ cối cứ nhằm vào chỗ nào co cụm, siết cò. Bị bất ngờ, những tên sống sót chạy giạt ra, đụng phải bộ binh ta. Giữa hai làn đạn, chúng cố sống, cố chết vừa bắn vừa chạy tháo thân. Cối 82 bắn ứng dụng đuổi theo (bắn ứng dụng là cách bắn không cần bàn đế, không cần chân, chỉ thả mạnh nòng cối xuống đất rồi dùng tay trái giữ lấy, đồng thời ước lượng cự ly, tay kia thả đạn vào nòng). Xác địch nằm rải rác trên mặt ruộng. Ý đồ không thực hiện được, chúng tiếp tục gọi bom, pháo tới tập đội xuống. Khoảng 10 giờ 30, đại đội trưởng Điệp lại bị thương. Lần này, anh bị nặng. Mảnh pháo găm vào mạng sườn phải, mất nhiều máu. Phía trước, bộ binh ta vẫn giao chiến với địch. Cối chúng tôi lại được lệnh phát hỏa. Tôi thả liên tục gần chục trái đạn vào nòng bắn ra hướng tiền duyên cách đó 300 mét. Địch tháo chạy tan tác. Chúng rất sợ đạn cối 82 của ta. Bởi sức sát thương của loại đạn này là nỗi khiếp sợ và kinh hoàng của chúng.

Nhưng thật tệ hại! Không ngờ những trái đạn tôi vừa thả vào nòng cối lúc này lại được bọn pháo binh nguy ở chi khu Đức Hoà đo được qua tiếng đề-pa. Chúng tính toán cự ly rất chính xác. Một trận mưa pháo dội xuống đầu chúng tôi. Pháo bắn "chùm chân chó", quả này cách quả kia chừng 3 đến 5 mét. May thay, trong vườn nhà má Tám có một cái hầm lớn (trảng xê) xuyên dưới gốc bụi tre, dùng để trú ẩn. Chiến sự nổ ra, dân đã sơ tán hết. Chúng tôi chui hết xuống đây, tránh pháo. Nếu không, sẽ chẳng còn ai sống sót. Một trong hai khẩu cối bị một trái 155 li rơi trúng, bay mất. Đó là bài học kinh nghiệm xương máu đầu tiên khi bắn đạn cối. Sau này, lợi dụng lúc súng nổ đồng loạt, chúng tôi mới thả đạn vào nòng. (Tiếng nổ loạn xạ đó sẽ làm cho bọn pháo binh nguy bị nhiễu âm thanh, không thể đo được tiếng đề pa cối của chúng tôi).

Đêm ấy, sau khi giải quyết xong công tác thương binh, tử sỹ, chúng tôi buộc phải rời An Thuận, rút về Gò Nổi để bổ sung quân. Đêm sau, chúng tôi được lệnh chuyển đội hình xuống địa bàn xã Tân Phú, cách đó chừng 5 - 6 kilômét. Nơi đây, những ngày tiếp theo, tôi và đồng đội đã có những trận huyết chiến với sư 5 và sư 25 cùng một số đơn vị thuộc sư đoàn dù "Thiên thần mũ đỏ" của quân nguy Sài Gòn.

Ngày 22-5, chúng tôi được lệnh chốt chặn quân địch nóng ra càn quét. Vì đêm trước, chi khu Đức Hoà bị đặc công của trung đoàn (đại đội 25) cùng với đơn vị bạn tập kích. Tiểu đoàn 9 được bố trí theo đội hình cánh cung. Cối chúng tôi vẫn ở phía sau để chi viện. Nói là chi viện nhưng lúc này đạn cối chẳng còn bao nhiêu. Bảy giờ sáng, những trận mưa pháo từ Đức Hoà, Hậu Nghĩa, Hiệp Hoà mở màn cho trận càn giải toả của địch. Đã có một số đồng chí thương vong do pháo. Trên đầu, L19 về về nghe rợn rợn. Chúng dò dẫm, sợ sệt. Rút kinh nghiệm những trận đánh trước, chúng tôi để cho địch vào sát công sự mới nổ súng. Thứ nhất là chắc ăn. Thứ hai là để giữ xác và những tên bị thương tại trận không cho pháo địch bắn vào (còn xác và bọn bị thương thì pháo sẽ chuyển làn ra xa) ta đỡ thương vong. Địch chết rất nhiều. Có những tên bị bắn đổ sập lên mặt công sự. Bọn còn lại rú lên, tháo chạy thực mạng. Bị thất bại bất ngờ và cay cú, chúng lại gọi hoả lực chi viện. Từng đàn "*cá lẹp*" và "*cán gáo*" (hai loại trực thăng chiến đấu, cơ động lợi hại của Mỹ) bay đến cùng 2 giàn lớn rockét bên dưới hông và đạn 20 li bắn như mưa lên đầu chúng tôi. Dứt trực thăng, các phi vụ bom từ A37 do L19 chỉ điểm, và trọng pháo lại thi nhau trút xuống. Trận địa lại chìm trong lửa pháo và bom. Nhưng độc ác hơn, lần này chúng sử dụng bom xăng. Loại xăng đặc. Sau tiếng rít xé tai của máy bay phản lực bổ nhào, nghe "*ục, ục*" mấy tiếng là lửa bắn ra theo xăng đặc dẻo quánh. Lửa trùm lên công sự của anh em bộ binh C2 (đại đội 2). Nóng và ngọt quá do thiếu ô xy, nhiều đồng chí phải nhào lên khỏi công sự. Nhưng không thoát. Bên trên, lửa đã bao phủ cả một vùng rộng lớn. Họ lăn lộn trong lửa như những bó đuốc sống. Trực thăng liền xả đạn vào họ. Nhìn họ chết cháy, chúng tôi đau đớn, trào nước mắt mà không có cách gì cứu giúp được vì trên đầu thì trực thăng quần đảo; trước mặt là bộ binh địch sẵn sàng nhả đạn. Hồi ấy đại đội 2 có anh Đặng Văn Luyện, sau này đổi tên thành Đặng Thái Luyện (quê Trung Lộc) cũng bị thương trận này. Luyện, nay là Giám đốc Công ty Du lịch Long Phú - Đảo Khỉ ở Nha Trang, Khánh Hoà. Vừa qua, chuẩn bị kỷ niệm 30 năm ngày giải phóng miền Nam, Đài Phát thanh - Truyền hình Hà Tĩnh đã làm một phóng sự về anh. Đó là một giám đốc năng động, sáng tạo. Hà Tĩnh tự hào vì có những người con ngoan cường trong chiến đấu, lại giỏi giang trong quản lý kinh tế thời "*mở cửa*".

... Pháo và bom tiếp tục dội xuống. Bây giờ thì pháo đã chuyển làn đúng vào trận địa cối chúng tôi. Anh Khang (Nam Đàn), khẩu đội trưởng hy sinh ngay trong loạt đạn đầu. Lê Văn Dung ở khẩu đội 2 (cũng quê Nam Đàn) hát hay, sáo giỏi (anh hay thổi bài "*Anh vẫn hành quân*" giống tiếng sáo Đình Thín) to cao, đẹp trai, da trắng và thường bền lեն như con gái, bị một mảnh pháo găm đúng vào tim. Tôi và Đinh Kịp bò đến xóc Dung dậy thì anh đã tắt thở trên tay tôi, không nói được câu nào. Máu trào ra đầm cả ngực áo. Anh Nguyễn Văn Sở (Nam Đàn), nhập ngũ tháng 8/1970, người thấp đậm, sinh viên khoa Văn năm thứ II, Đại học Sư phạm Vinh cũng hy sinh ở loạt pháo thứ 3. Một khẩu cối nữa lại bị pháo địch bắn trúng, hông nặng và bay đi. Trận địa chỉ còn duy nhất một khẩu. Lúc này tinh thể hết sức gay go, ác liệt. Cơ số đạn còn rất ít. Phải bắn cầm chừng. Chờ lúc nào súng bộ binh

nổ rộ thì bắn vài quả để dọa địch chứ không thể có khả năng phản kích, tiêu diệt chúng.

Tuy ác liệt thế, nhưng trận chống càn nào cũng có những tình huống rất lạ và buồn cười. Cứ khoảng 11 giờ trưa trở đi, cả ta và địch đều có những thời khắc im lặng đến ngột thở. Không một tiếng pháo. Không có tiếng máy bay. Không một tiếng súng. Hình như cả hai đều muốn có những giây phút yên tĩnh để nghỉ ngơi, thư giãn. Bởi vì tất cả đều mệt mỏi, căng thẳng. Bọn địch nằm ngoài đồng trống trong cái nắng cháy da người. Chúng phải đội lên đầu những túm rạ. Có nhiều thằng úp mặt lên bờ ruộng để ngủ. Phía ta, có một vài người hiếu thắng, cứ lấy phần tử chính xác rồi bất ngờ đưa một viên AK vào chiếc mũ sắt. Viên đạn xuyên thủng mũ rồi cắm vào hộp sọ thằng lính, khiến nó bật ngửa ra chết ngay tức khắc. Vậy là tiếng súng lại rộ lên. Cả hai bên lại tiếp tục xả đạn vào nhau. Sau này, rút kinh nghiệm, chúng dùng đầu súng AR15 lồng vào mũ sắt đưa lên. Lính ta ngắm bắn, chiếc mũ sắt xoay tròn trên đầu súng. Chúng làm vậy nhằm phát hiện ra chỗ của đồng chí điểm xạ AK để dùng hỏa lực tiêu diệt. Tôi nhớ, trận ấy có đồng chí Nguyễn Văn Chuân, quê ở xã Cộng Hoà, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Hưng, người thấp nhỏ, nhanh nhẹn, bắn hỏa lực B40. Hôm đó Chuân chiến đấu rất dũng cảm. Bắn nhiều trái B40, tiêu diệt rất nhiều địch. Sau khi địch phản kích, đồng chí bắn AK ngồi cùng công sự với Chuân không may hy sinh. Chuân không còn người bảo vệ nữa nên rút về tuyến sau. Anh men theo một bờ ruộng, bò nhấp nhôm, bị địch phát hiện được. Một tên lính bắn M79 đã ngắm vào Chuân nổ súng. Trái M79 rơi trúng khẩu B40, nổ ngay trên vai Chuân. Chuân hy sinh tại chỗ.

Tiểu đoàn phải cầm cự đến 3 giờ chiều, địch mới chịu rút quân, sau khi nã pháo để yểm trợ. Tiểu đoàn 9 tổn thất nặng nề về người và vũ khí. Pháo địch vẫn bắn tới nhưng thưa hơn. Tối đến, chúng tôi nhanh chóng chôn cất tử sỹ và chuẩn bị bàn giao thương binh cho du kích và giao liên địa phương để chuyển lên cứ. May thay, trong trận ấy và cả những trận sau này, tôi, Đính và anh Tiến (quê Nam Đàn) đều không ai hy sinh cả. Chỉ có mấy lần bị thương.

Ngày đêm ấy, chúng tôi được lệnh rời khỏi Tân Phú. Các đại đội bộ binh 1, 2 và 3 phía trước thương vong rất nhiều. Chúng tôi rút ra bung ém lại, chờ bổ sung quân để tiếp tục vào trận mới.

Ra cứ, tôi mới có dịp soi lại mặt mình qua mặt nước hồ bom. Chỉ mới hơn một tuần đánh nhau mà không nhận ra mình nữa. Hai mắt thụt sâu, thâm quầng. Má hõm xuống, râu mọc dài ra. Mặt nám đen vì khói bom, đạn. Ở bụng, địch lại cho trực thăng bay thăm dò, đánh hơi lực lượng chúng tôi. Anh em khi rút ra bung, do quá mệt mỏi, đã mất cảnh giác lúc tắm giặt cũng như nghỉ để lộ mục tiêu, nên bị chúng gọi pháo bắn và ném lựu đạn từ trực thăng xuống, thêm nhiều đồng chí hy sinh và bị thương.

Tôi nhớ một kỷ niệm. Sau khi rút ra bung, hôm sau, khoảng 8 giờ sáng, mấy anh em đang ngồi dưới một vòm cây thấp và kín lấy bài ra để đánh. Bỗng một chiếc UTiTi (loại trực thăng trinh sát nhỏ, cơ động) bay sát ngọn cây, lao đến. Chúng tôi liếc nhìn thấy mặt một thằng Mỹ đỏ gay, ngồi ngay cạnh cửa trái chiếc

trục thẳng. Phát hiện thấy chúng tôi, nó lập tức nghiêng cánh đảo lại và ném một trái lựu đạn xuống ngay chỗ chúng tôi đang ngồi. Lựu đạn nổ. Lửa lân tinh bắn ra khắp nơi. Máy người, trong đó có Nguyễn Văn Động (Kinh Môn, Hải Hưng) bị lửa lân tinh bắn vào mặt. Chúng tôi nhào xuống hầm. Nước dâng lên tới cằm. Không hiểu sao riêng tôi không bị dính lân tinh. Tôi dùng bùn đắp lên mặt cho Động nhưng khói vẫn cứ bốc lên. Động kêu rất vì lửa lân tinh không tắt bởi bùn và nước. Làm cách nào cũng không dập được lửa trên mặt Động. Trên gò má Động, vết cháy do lân tinh cứ loang rộng ra, bốc khói khét lẹt. Tôi chợt nghĩ đến bài học huấn luyện tân binh. Nếu bị lửa lân tinh thì chỉ có thể dập bằng cacbonic. Hồi đó trước khi đi B, chúng tôi đều được trang bị mỗi người trên chục ống cacbonic lỏng. Nhưng vì đánh nhau nên đã mất hết. Tôi bèn bảo mọi người đái vào khăn rồi đắp lên chỗ đang cháy. Quả nhiên, một lúc sau khi đắp nước tiểu, lửa đã được dập tắt. Rất may, hôm đó chúng ném lựu đạn lân tinh. Nếu lựu đạn mảnh thì chắc chắn chúng tôi sẽ thương vong. Máy khẩu AK dựng gần đấy, bèn lửa, bốc khói, âm ỉ cháy. Khi chúng tôi lên khỏi hầm mới phát hiện được và tìm cách dập tắt. Có khẩu, phần báng cháy mất khá nhiều. Thật hù vía!

Đêm hôm sau, chúng tôi được bổ sung thêm quân. Quân bổ sung lúc này rất nhỏ giọt. Chúng tôi nhận tân binh từ Ba Thu xuống. Họ là những cậu lính trẻ măng 17,18 tuổi của các tỉnh từ Hà Nam Ninh trở ra. Mỗi đại đội giỏi lắm cũng chỉ được 6-7 đồng chí. Do ban đêm nên chỉ nghe được giọng nói và biết tên vậy thôi chứ không nhìn rõ mặt. Sau đó, nhận lệnh rồi vào vị trí chiếm lĩnh trận địa để chuẩn bị công sự chiến đấu ngày mai. Nhiều đồng chí 7- 8 giờ sáng hôm sau đã hy sinh ngay ở loạt đạn đầu. Đến nỗi, chúng tôi không hề biết mặt mũi họ như thế nào nữa! Chỉ lập danh sách hy sinh rồi gửi lên cấp trên để báo cáo mà thôi...(Bổ sung đợt ấy có Bùi Mạnh Sinh, quê ở khu Vạn Hương thị xã Đồ Sơn, Hải Phòng. Sau giải phóng Sinh vẫn còn, nhưng năm 1979 đã hy sinh ở biên giới Tây nam. Hải cốt đã được quy tập về nghĩa trang thị xã Đồ Sơn. Năm 2004, trong một chuyến công tác tại Hải Phòng, tôi đã đến viếng và thắp hương cho anh tại nghĩa trang này. Tôi vẫn giữ được bức di ảnh của Sinh hồi năm 1972 lúc mới về đơn vị. Tôi đã gửi tặng lại cho gia đình anh...).

Chúng tôi được lệnh trở lại Tân Phú để tiếp tục chống càn.

Lần này, đơn vị chiếm lĩnh trận địa ở hướng tây nam.

Công sự chiến đấu của chúng tôi hình chữ Z. Một người cửa trước, một người cửa sau. Khi pháo binh hoặc không quân địch phản kích thì chui xuống công sự. Nếu địch lọt vào như hôm ở vườn nhà má Tám thì tổ chức tác chiến ngay. Dưới hầm, có sẵn một can nước 5 lít để uống cả ngày. Cơm trưa, anh nuôi nắm từ sáng mang theo khi vào trận (bấy giờ không có lương khô).

Tám giờ sáng, cái công thức bom pháo bắt đầu được lặp lại. Chúng tôi ngồi chịu trận như thế cả tiếng đồng hồ. Ai may mắn thì thoát, không may thì hy sinh hoặc bị thương. Nhiều trái pháo nổ cách công sự vài ba mét làm rung chuyển cả hầm. Tiếng rít, tiếng nổ chát chúa, lộng óc. Sau trận mưa bom pháo ấy, bộ binh địch lại mò vào. Ta nổ súng, đánh bật ra. Chúng lại tiếp tục bom, pháo và trực

thăng phóng hỏa tiễn. Cứ như vậy chúng tôi gồng mình lên đội bom pháo cả ngày hôm đó. Hình như kẻ địch không có chủ trương chiếm lại đất mà chủ yếu thăm dò, phát hiện lực lượng ta rồi dùng hỏa lực huỷ diệt. Hôm ấy đồng chí Thiên, cán bộ tiểu đoàn 9 hy sinh.

Những trận mưa đầu mùa năm 1972 đã bắt đầu trút xuống. Chúng tôi phải lặn ngụp trong công sự nước lên tới cằm. Pháo bắn gần, có công sự bị sập. Anh em bị thương không có chỗ trú ẩn. Do vậy, đa phần số này đều hy sinh sau đó không lâu vì bị nhiễm trùng. Chúng tôi không đủ sức cầm cự nữa. Nhưng lệnh của trung đoàn là phải bám trụ để chia lửa cho các chiến trường khác, nhất là ở Quảng Trị. Nơi chúng tôi tác chiến, cách Sài Gòn khoảng 25 dặm bay, nên dù thế nào địch cũng quyết không để ta đứng chân ở đó được. Bằng mọi giá, chúng phải đẩy bật ta ra khỏi địa bàn. Nên việc ưu tiên bom pháo cho chiến trường này là một bức thiết của Mỹ- ngụy. Sau này, chúng tôi mới hiểu ý đồ chiến thuật của cấp trên là *"tất cả cho chiến dịch"* nên dù phải hy sinh đến người cuối cùng cũng phải bám trụ.

Đơn vị không thể đủ sức đứng vững ở địa bàn này thêm một ngày nào nữa, vì tương quan lực lượng giữa ta và địch quá chênh lệch. Tần suất và cường độ bom đạn nằm ngoài sức tưởng tượng. Chiến sự ngày một ác liệt hơn. Đúng như tên gọi *"Mùa hè đỏ lửa"*. Và lại, mùa mưa đã bắt đầu đến. Phải bảo toàn lực lượng còn lại. Trung đoàn lệnh rút quân lên Ba Thu, chuyển hướng mặt trận sang Phum Sâu, Công Pông Rô, Long Khốt, Mộc Hoá tỉnh Kiến Tường. (Mộc Hoá ngày nay là một cửa khẩu quốc tế quan trọng giữa ta và Campuchia). Như vậy, sau gần ba tuần giao chiến với các sư đoàn quân ngụy như sư 5, sư 25 *"Tia chớp nhiệt đới"*, các tiểu đoàn bảo an, địa phương quân của chi khu Đức Hoà cùng đại đội thám sát 773 ác ôn và thiện chiến của tiểu khu Hậu Nghĩa với tổn thất rất nặng nề từ cả hai phía, chúng tôi được lệnh rời khỏi mặt trận để bảo toàn lực lượng còn lại...

Chúng tôi trở lại Ba Thu.

Ở Ba Thu, bất ngờ, tôi được điều đi học một lớp y tá ngắn hạn do quân y trung đoàn mở. Tôi rời đơn vị khi tiếng súng mặt trận đang rền vang. Mấy ngày sau khi tôi đi, trung đoàn lại tiếp tục chuyển hướng xuống Kiến Tường, sau khi đã bổ sung thêm quân.

Tôi còn nhớ, lúc bấy giờ anh Thứ (quê Hương Trạch, Hương Khê) quân y sỹ phụ trách lớp học. Nghe đầu sau giải phóng, anh vẫn sống, trở về hiện đang sinh sống ở quê. Lớp học ấy, tôi còn nhớ mấy anh em: anh Đào Toàn (Sơn Bằng, Hương Sơn, Hà Tĩnh) nay là hiệu trưởng trường THCS thị trấn Phố Châu (Hương Sơn); anh Trần Văn Toàn (Sơn Trung, Hương Sơn, Hà Tĩnh), sau giải phóng, học Đại học Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh, nhưng sau đó không hiểu sao lại trở về địa phương. Vợ không may chết do tai nạn chập điện. Hiện Toàn đang sinh sống cùng 4 đứa con và hai bố mẹ già trên 80 tuổi ở quê, hoàn cảnh hết sức khó khăn. Anh Thứ, (quê Kỳ Anh, Hà Tĩnh) sau hoà bình trở về, rồi xin vào cơ quan thương nghiệp, hiện đã nghỉ hưu. Anh Kháng ở Thuận Lộc (thị xã Hồng Lĩnh, Hà Tĩnh) cùng tham gia phụ trách lớp học. Hết chiến tranh, phục viên trở về công tác ở trạm y tế xã Thuận Lộc, nay đã nghỉ. Riêng anh Lê Văn Chung, quê ở Thanh Lộc, Can

Lộc, sau này hy sinh do bị địch phục kích ở bưng Đức Huệ vào ngày 16 tháng 4 năm 1973. Tôi sẽ kể chi tiết về sự hy sinh của anh và 12 đồng chí khác trong trận phục kích ấy.

Thời gian gấp rút, chúng tôi phải tập trung học tập, thực hành để nắm vững chuyên môn cơ bản của một khoá y tá ngắn hạn. Tuy vậy, riêng tôi lại có nhiều kỷ niệm để đời. Tôi nói rất sôi tiếng Khơme là nhờ vào thời gian này. Tiếng Khơme tôi nói được cả thổ âm và thổ ngữ đến mức dân Campuchia tưởng tôi là người Miên thật. (Tôi vốn có khả năng bắt chước giọng nói. Sau này sống với dân Nam Bộ, nói giọng Nam Bộ, đặc biệt là ca "Sáu câu" (vọng cổ) không khác gì họ. Đã có nhiều cô gái Nam Bộ từng "cá" (thách) tôi: "*Nếu anh Hai Sơn ca được "sáu câu" thì em nhận làm chồng liền hà!*") Tôi quyết tâm tập ca và sau đó tôi ca vọng cổ khá mùi mẫn). Bấy giờ, có một cô gái người tỉnh Prâyveng tên là Xan Thon, rất quý mến tôi rồi đem lòng yêu tôi! (Tôi vốn mảnh mai, trông thư sinh và lại nói giỏi tiếng Khơme, có lẽ đó là điều quan trọng nhất để tôi lọt vào "*tâm ngắm*" của cô gái?!). Đó là một cô bé người Miên, gốc Việt. Bố cô là người Việt. Ở tuổi 18, Xan Thon có nước da trắng mịn và xinh đẹp. Hai lúm đồng tiền là điểm nhấn gợi cảm trên gương mặt trái xoan có phần bầu bĩnh của cô ấy. Đôi mắt ướt và sáng lay lay dưới làn mi dài, cong vút. Đôi "*cửa sổ tâm hồn*" ấy như hút hồn tôi. Tôi hết sức bối rối trước mối tình này. Thực lòng, tôi rất quý mến Xan Thon. Nhưng ngại nổi vì kỷ luật quân đội và đặc biệt là quan hệ quốc tế giữa ta và bạn lúc ấy, nên đành phải dằn lòng. Hơn nữa, cuộc chiến thường trực, nơi đồng đội tôi đang chiến đấu và đổ máu từng ngày, từng giờ thì làm sao tôi có thể yên lòng với tình yêu lãng mạn ấy được. Nhiều lần, tôi tìm cách từ chối và lẩn tránh. Nhưng càng lẩn tránh, Xan Thon càng thể hiện tình cảm mãnh liệt hơn... Tôi đành phải nói hết những suy nghĩ của mình với em. Cô bé hờn dỗi, khóc ròng mấy ngày đêm rồi cuối cùng dọa tôi đòi chết. Hoảng quá, tôi phải nói thật với gia đình và chỉ huy đơn vị nơi tôi đang học về thực tế ấy. Rằng, tôi không thể và không có lý do gì để gắn bó với Xan Thon được. Hoàn cảnh chiến tranh, ngôn ngữ bất đồng, quốc tịch và phong tục khác lạ... Tôi mong thời gian qua mau, để sớm trở lại đơn vị, hy vọng chạy trốn mối tình ấy. Ngày tôi đi, cô bé ôm liệt giường. Giờ đây, sau hơn 33 năm nghĩ lại, cảm thấy buồn cười và đại dột. Với tôi, mối tình ấy chỉ thoáng qua, nhưng vô tư và trong sáng như pha lê.

Hơn hai tháng khẩn trương, với một lớp học trên 20 người, chúng tôi đã dự thi tốt nghiệp để "ra trường". Tôi cầm trong tay cái Giấy chứng nhận "Loại Giỏi". Cả lớp tổ chức liên hoan chia tay để về các đơn vị trong Trung đoàn. Trung đoàn bộ cấp cho lớp học một con heo khoảng trên 30 kg để giết thịt. Chính hôm ấy, lần đầu tiên trong đời, tôi cầm dao chóc tiết. Buổi liên hoan tuy đơn sơ nhưng thấm tình quân dân và đồng đội. Hôm ấy, chúng tôi được phép uống rượu. Thứ rượu được nấu bằng loại nếp tím của Campuchia, do dân ở đấy mang tặng. Chỉ uống một lần nào ai có thể dễ quên? Chỉ hơn hai tháng trời cùng nhau học tập, rèn luyện trong điều kiện khó khăn gian khổ, vậy mà đã để lại trong mỗi chúng tôi biết bao kỷ niệm vui buồn. Đêm đã khuya nhưng mọi người chẳng nỡ rời nhau. Ai cũng

muốn nán lại bên nhau thêm chút nữa vì chỉ ngày mai đây thôi, chúng tôi sẽ phải xa nhau để đi chiến đấu.

Sáng hôm sau, chúng tôi chia tay nhau để trở lại chiến trường, bổ sung về các đơn vị mới. Tôi vĩnh viễn xa cô gái Khơ me xinh đẹp, dịu dàng kia từ đây. Không rõ sau đó, số phận đưa em đến đâu? Cũng có thể hiện giờ, em đang sống hạnh phúc bên chồng, con hay đã trở thành nạn nhân của chế độ diệt chủng Pôn Pốt - Iêng Xa Ri những năm 78 - 80? Hỡi ôi, *"vật đổi, sao dời"* ai mà biết được! Tôi chấp tay nguyện cầu cho em được vẹn toàn trong khả năng thứ nhất.

...Tôi không còn được trở lại đơn vị cũ C4-D9 (Đại đội 4, Tiểu đoàn 9) nữa. Trung đoàn điều tôi bổ sung cho tiểu đoàn bộ D8. Lúc này, đơn vị đang giao chiến ở Phum Sâu, Tà Lọt. Chiến sự rất ác liệt. Anh Phan Long, quê Trung Lộc, Can Lộc hy sinh ở trận này (trong một ngôi chùa Miên do bị máy bay oanh tạc). Cùng thời gian ấy, tôi gặp Nguyễn Đình Ý, cùng quê Khánh Lộc, Can Lộc (xã Khánh Lộc chúng tôi nhập ngũ lần ấy có 7 người: Bùi Trọng Phách, Trần Hữu Chiến, Nguyễn Văn Bình, Vương Khả Hồng và Trần Sỹ Thọ, Nguyễn Đình Ý và tôi. Nhưng Bình và Thọ được cử đi học y tá ở ngoài Bắc rồi sau đó bổ sung vào đơn vị khác. Hồng đi học lái xe vận tải quân sự. Tôi, Phách, Chiến và Ý bổ sung vào trung đoàn 271 rồi đi chiến trường B2. Chiến được điều bổ sung về đại đội 20 (thông tin). Ý về đại đội 18 (12,7 li). Tôi về hoả lực (C4, D9). Phách về đại đội 17 (ĐKZ). Riêng Ý, sau mấy trận đánh ác liệt quá, nản lòng, bỏ ngũ trốn lên Campuchia đi lang thang cùng một số anh em bỏ ngũ khác từ các đơn vị trong trung đoàn. Tôi tình cờ gặp Ý trong một đêm hành quân trên đất bạn. Bằng tất cả tình cảm chân thành và trách nhiệm của một người đồng hương, đồng chí, tôi nói hết những suy nghĩ của mình với Ý: *"Thôi, cậu hãy trở về đơn vị đi, đừng trốn chạy như vậy nữa. Hậu phương sẽ rất đau lòng và nhục nhã một khi ở chiến trường có người thân bỏ ngũ"*. Tôi nhấn mạnh: *"Đã vào đây rồi, hy sinh là điều tất yếu. Cậu nên suy nghĩ kỹ và trở về đơn vị, nếu có chết cũng chết cho đảng hoàng. Trốn chạy như vậy, nhục nhã lắm. Chính mình cũng cảm thấy hổ thẹn thay cho cậu. Hãy cố gắng trở về đơn vị đi!"* Ý cúi đầu, chẳng nói gì. Hai đứa chỉ gặp nhau được chừng 15 phút rồi vội vã chia tay. Không ngờ, đó cũng là lần cuối cùng tôi gặp Ý. Trước đó, chi bộ 18 đã khai trừ vắng mặt cậu ta ra khỏi Đảng. Không rõ do lời khuyên của tôi hay một lý do nào khác mà một thời gian sau, Ý trở lại đơn vị, rồi chiến đấu rất dũng cảm, lập công xuất sắc. Được đề bạt làm B trưởng (trung đội trưởng). Được tái kết nạp Đảng. Ngày 14 tháng 7 năm 1974, trong trận chiến đấu ở Bù Bông (Bình Phước) Nguyễn Đình Ý đã anh dũng hy sinh. Bây giờ, gần như năm nào, đến ngày Thương binh liệt sỹ (27/7) tôi cũng về thắp hương cho Ý ở nhà thờ liệt sỹ của xã hoặc tư gia anh trai là Nguyễn Đình Tình, nơi đang thờ tự cậu ta. Gần đây, một đồng đội cũ, khi thăm lại chiến trường xưa đã tìm thấy mộ Ý ở nghĩa trang Bình Phước và đã báo tin cho gia đình anh.

Tại đây, tôi cũng tình cờ gặp Bùi Trọng Phách (cùng quê Khánh Lộc). Phách bị thương nặng do mảnh đạn ĐKZ từ xe tăng của địch trong chiến dịch giải phóng Thiệp Ngôn, Sa Mát (Tây Ninh) hồi tháng 3 năm 1972. Một mắt bị hỏng, đang

điều trị ở trạm phẫu trung đoàn. Một thời gian sau, ổn định vết thương, anh được trở ra miền Bắc an dưỡng. Sau đó được phục viên. Nay là thương binh hạng 1/4, đang sinh sống ở quê. Tuy hoàn cảnh khó khăn nhưng 5 người con của Phách đều học hành đến nơi đến chốn, và đều đã có việc làm.

...Tôi ở D bộ một thời gian ngắn với anh Điềm (quê Hải Hưng), y sỹ tiểu đoàn. Anh vốn được đào tạo cơ bản từ miền Bắc. Tôi được anh ân cần chỉ bảo. Bởi anh là một người rất tận tụy với công việc và hết mực thương yêu tôi. Anh coi tôi như đứa em và chỉ vẽ cho tôi nhiều điều, nhất là ở lĩnh vực chuyên môn. Một lần, một gia đình người Miên rất giàu, ở thị trấn Sóc Nóc, có một bé gái khoảng 7 tuổi, không may bị căn bệnh gì không rõ, cơ thể cứ gầy teo đi và suy sụp. Họ nhờ chúng tôi khám. Anh Điềm cho biết, cháu bị một căn bệnh, dẫn đến suy dinh dưỡng nặng, cần truyền dịch. Anh giao cho tôi "*bắt ven*" để truyền nhưng thật khó có thể tìm ra tĩnh mạch để đưa thuốc vào. Anh hướng dẫn tôi lấy tĩnh mạch ở cổ chân cháu. Dưới sự chỉ vẽ và giám sát của anh, tôi dùng dao mổ, rạch thịt ở phía trên mắt cá chân sau khi đã rửa sạch bằng nước sôi để nguội và vô trùng bằng cồn 90 độ. Tôi dùng nĩa gấp tĩnh mạch ra bên ngoài sau đó mới luồn kim tiêm vào và cố định lại để truyền. Thành công. Anh khen tôi. Sau nhiều lần truyền như vậy, cháu bé đã khá hơn, sức khỏe có chiều hướng tiến triển tốt. Nhưng, chúng tôi không có nhiều thời gian ở lại đây. Ngày ra đi, anh Điềm và tôi hướng dẫn cụ thể về cách điều trị cho cháu bé. Họ cảm ơn lắm. Buổi chia tay, gia đình tặng anh em tôi nhiều quà và tiền. Riêng tôi, được bố của cháu bé gọi riêng ra, bí mật dúi vào tay sợi dây chuyền vàng lớn, loại 24 ca ra rồi nói: "*Khờ nhum o cun Lục thum đóc tờ chờ ròn, chờ ròn*" (Tôi cảm ơn Ông lớn bác sỹ nhiều lắm, nhiều lắm). Chúng tôi chỉ nhận quà thôi: "*O cun boòng chờ ròn*" (cảm ơn anh nhiều). Tôi nói với anh Điềm việc này rồi công khai trả lại sợi dây chuyền ấy vì hai lẽ: Thứ nhất, sợ ảnh hưởng đến quan hệ quốc tế trong sáng và hình ảnh "*Bộ đội Cụ Hồ*" trong con mắt của người dân Campuchia. Thứ hai (có vẻ siêu hình) nghe đâu có vàng trong người sẽ không may mắn. Tôi phải thuyết phục mãi anh ta mới chịu nhận lại.

Tôi tham gia trận đánh ở Công Pông Rô (gần Mộc Hoá, Kiến Tường). Hôm ấy, sư đoàn 7 quân nguy Sài Gòn cùng các tiểu đoàn bảo an phối hợp với quân nguy Lon Nol, mở đợt phản kích chiếm lại khu vực Mỏ Vẹt. Trên 100 xe tăng và xe bọc thép M113 rầm rộ tiến sang đất Campuchia. Trung đoàn đã lên phương án tác chiến, dự kiến mọi tình huống khả dĩ xảy ra. Nhưng chúng đã không đi đúng ý đồ chiến thuật của ta mà xộc ngay vào trung đoàn bộ. Một tình huống nằm ngoài dự kiến. Chiến xa địch lổm ngổm như cua giữa cánh đồng trống trải hàng mấy dặm vuông. Phía sau là bộ binh theo sát. Trên đầu, trực thăng quần đảo. Trung đoàn lệnh cho các tiểu đoàn phải bằng mọi giá đẩy lùi xe tăng địch ra khỏi vị trí. Địa hình trống trải và rộng nên hỏa lực ta phát huy được xung lực tối đa. Đồng thời, có sự phối hợp của đơn vị bạn sử dụng B72 (một loại vũ khí chống tăng mới, bắn tầm xa) nên xe tăng, xe bọc thép của địch bị cháy mười mấy chiếc. Đây là địa phận giáp giới Campuchia nên việc tiếp vận thuận lợi hơn. Do vậy, ta có đủ tiềm năng hỏa lực để đối phó với địch. Bất ngờ, bị thiêu cháy nhiều xe tăng, địch vội rút lui

về hướng Kiến Tường, gọi phi pháo đánh vào các vùng nghi ngờ có lực lượng ta. Trước đó đã có một số trận giao chiến giữa ta và địch. Lần này chúng tổ chức một cuộc hành quân lớn có sự phối hợp với nguy Lon Nol hòng tiêu diệt lực lượng ta. Cuộc hành quân thất bại, kế hoạch của chúng bị phá sản. Đó là những ngày cuối tháng 7 năm 1972...

Sau chiến dịch Công Pông Rô, trung đoàn vẫn ở lại đất Miên để củng cố lực lượng vì bây giờ đã là mùa mưa. Tuy vậy, một số đại đội trong các tiểu đoàn được lệnh vượt bung Đức Huệ trở lại Đức Hoà để đứng chân, bám địch. Ban ngày đánh nhỏ, lẻ, tập kích đồn bốt hoặc đánh tàu trên sông Vàm Cỏ Đông. Ban đêm, vào áp chiến lược để tuyên truyền, giác ngộ, vận động quần chúng. Chuẩn bị lương thực, thực phẩm cất giấu ở cứ ngoài bung để chờ ngày đại quân xuống chiến dịch.

Tôi được điều về làm y tá ở C2-D8 (Đại đội 2 - Tiểu đoàn 8) từ tiểu đoàn bộ đứng vào thời điểm ấy.

Lúc này, anh Cầu (người tôi đã kể về việc bị kỷ luật do sự cố ĐKZ ở Quảng Bình hồi tháng 10/1971) được điều về làm chính trị viên đại đội. Anh Nguyễn Tiến Đắc (Gia Lương, Hà Bắc) làm đại đội trưởng. Anh Đắc và anh Cầu là những người người giới thiệu kết nạp Đảng cho tôi vào tháng 7 - 1973 sau này. Anh Đắc nay là trung tá, đã nghỉ hưu tại thành phố Hồ Chí Minh.

Bổ sung về D8 với tôi đợt ấy có Vũ Duy Tòng (Diễn Hoàng, Diễn Châu) Đào Xuân Nhuận (Đức Tùng, Đức Thọ), Nguyễn Viết Kỳ (Thượng Lộc, Can Lộc) Nguyễn Văn Tý (Tăng Thành, Yên Thành). Là đồng hương Nghệ Tĩnh nên chúng tôi nhanh chóng kết thân với nhau. Đặc biệt, từ đó đến khi trung đoàn được lệnh chuyển hướng ra mặt trận Bù Bông, Quảng Đức (Bình Phước) chúng tôi, tất cả mấy anh em đều được điều về tiểu đoàn 7, để bàn giao cho Tỉnh đội Long An vào tháng (8-1973). Có rất nhiều những kỷ niệm chiến đấu và sinh hoạt giữa chúng tôi đã trở thành máu thịt. Đặc biệt là tôi, Tòng, Kỳ và Nhuận.

Vũ Duy Tòng, nhập ngũ tháng 8-1970. Trước khi về D8, Tòng thuộc đại đội 23 vận tải của trung đoàn. Chúng tôi thân nhau ngay vì Tòng là người có tâm hồn và năng khiếu thơ văn. Đặc biệt là thơ. Tính tình nhẹ nhàng và lãng mạn. (Những ngày đầu, sau giải phóng, chúng tôi di chuyển chiến thuật nhiều nơi. Có rất nhiều cô gái ở thị xã Tân An, Bến Lức, Thủ Thừa, Cần Đước, Cần Giuộc... đem lòng yêu Tòng nhưng Tòng đều từ chối). Chúng tôi kể cho nhau nghe những kỷ niệm của tuổi học trò, tình yêu, ước mơ hoài bão... Hai đứa chúng tôi như một cặp tình nhân. Đi đâu cũng có nhau. Lúc chiến đấu vẫn thường chung một công sự. Tòng được giao giữ hỏa lực B40. Chúng tôi tham gia nhiều trận đánh ác liệt từ đây cho đến hết Chiến dịch Hồ Chí Minh. Hiện nay Tòng là giáo viên dạy Văn trường THPT Diễn Châu II, Nghệ An. Anh là một giáo viên giỏi. Tôi sẽ kể lại những kỷ niệm máu thịt giữa hai chúng tôi sau này...

Nguyễn Viết Kỳ, quê Thượng Lộc, Can Lộc, nhập ngũ một ngày với tôi, tính tình trầm lặng, ít nói, da bánh mật, bẽn lẽn như con gái. Xạ thủ côi 61 li. Kỳ vào Đảng trước tôi.

Đào Xuân Nhuận, quê Đức Tùng, Đức Thọ, sôi nổi, vui vẻ, có khiếu nói chuyện khôi hài và giọng điệu "*Ruồi Trâu*", phớt đời, lắm lúc hơi lỗ mãng trong phát ngôn. Nhuận là xạ thủ trung liên. Tôi và Nhuận cùng tham gia nhiều trận đánh đã trở thành ký ức. Tôi nhắc lại một trong nhiều kỷ niệm giữa hai chúng tôi. Lần ấy sau khi xuống Mỹ Thạnh Đông, trung đội tôi được lệnh phục kích chặn đánh tàu địch trên sông Vàm Cỏ Đông từ bờ tây. Năm phục chờ đã gần một tuần rồi mà tàu địch vẫn chưa đến...

Có tiếng làm y tá nhưng thực chất tôi vẫn là một tay súng chiến đấu. Luôn thường trực một khẩu AK cùng bốn băng đạn. Tôi và Nhuận được phân công chốt ở một công sự sát mép sông. Chờ mãi mà tàu địch vẫn chưa xuất hiện, đâm ra chủ quan...

Hôm ấy, ngày 20/8/1972. Khoảng 9 giờ sáng, khi chúng tôi đang ngồi kháo chuyện rì rầm ở phía sau, cách công sự chiến đấu khoảng 40 mét. Bỗng anh Báo (Cầm Xuyên), trung đội trưởng bò đến, nói trong hơi thở gấp: "*Tàu... Tàu...*". Chúng tôi liếc nhanh ra hướng bờ sông, nơi có công sự được che khuất bởi nhiều cây trâm bầu. Tuy vậy, vẫn thấy rõ mạn hông phải của chiếc tàu "*mặt dựng*" (há mồm) màu xám, án ngữ ngay sát công sự (cách chừng 10 mét). Tôi và Nhuận bò nhanh theo mép nước của một con rạch, rồi trườn được vào hầm. Nước trong hầm dâng lên tới vai. Vừa lúc ấy, B40, B41 của các công sự bên cạnh đồng loạt nổ. Các loại súng AK và trung liên RPĐ kéo từng loạt dài. Tàu địch vội tăng ga bỏ chạy và bắn như đổ đạn về phía chúng tôi. Chúng tôi bắn đuổi theo, nhưng chúng đã kịp chạy thoát. Hai trong ba chiếc bị thương nhưng không chìm. Nhuận không kịp bắn được phát nào vì trung liên lúc ấy vướng quá, không đưa được lên khỏi miệng công sự để bắn. Tôi kéo mấy loạt AK đuổi theo tàu địch. Mấy chiếc bo bo (loại ca nô nhỏ đi kèm bảo vệ tàu "*mặt dựng*") tăng tốc rồi chĩa 12,7 li về phía chúng tôi bắn không tiếc đạn để chi viện cho tàu lớn chạy thoát. Sau lần ấy, họp rút kinh nghiệm trận đánh có nói đến việc Nhuận không nổ súng để "*chia lửa*" cùng đồng đội (bị quy kết về tư tưởng sợ địch). Tôi không thể bảo vệ được Nhuận vì đầu súng trung liên của cậu ta vẫn còn bịt vải. Trong cuộc họp, trước sau tôi chỉ nêu vấn đề là do chủ quan nên hoàn toàn bị động. Lúc tàu đến sát ngay công sự, súng mắc kẹt dưới hầm không đưa lên được. Đưa lên sẽ bị lộ.

Hôm ấy, lợi dụng nước ròng, địch tắt máy, thả tàu trôi theo dòng. Chúng tôi chủ quan nên bị động. Nếu không mất cảnh giác, ba chiếc tàu đó đã bị nhận chìm trên sông Vàm Cỏ Đông rồi!

Nhuận bị kỷ luật lưu Đảng. Sau đó cậu ta cũng bỏ mặc luôn, không sinh hoạt nữa. Tuy vậy, tôi và Nhuận vẫn gắn bó với nhau và đi suốt các mùa chiến dịch. Chúng tôi còn có nhiều trận đánh khác, với nhiều chi tiết thật li kỳ. Đó là vào giai đoạn sau Hiệp định Paris từ tháng 1/1973 đến ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng 30/4/1975. Nay Nhuận vừa là thương binh, vừa là bệnh binh, đang sinh sống ở Tùng ảnh, Đức Thọ. Vợ là văn thư tại trường Trung học phổ thông Minh Khai. Hai con, một đã ra trường, dạy ở trường Trung học phổ thông Nguyễn Du (Nghị Xuân), một đang học đại học.

Sau trận đánh tàu không thành ấy, trung đội rút xuống bưng Tân Phú. Nơi đây, lại tiếp tục diễn ra các trận đánh nhỏ lẻ, tập kích, pháo kích quấy rối địch vào ấp chiến lược để dân vận và binh vận. Phải nói rằng sau chiến dịch mùa hè năm ấy, chúng tôi mới hiểu được tầm lòng kiên trinh vì cách mạng của người dân Long An. Họ chấp nhận sự hy sinh *"Một tác không đi, một li không rời"*. Tất cả cho cách mạng. Đã có nhiều đồng đội tôi, trong những năm gần đây có dịp trở lại thăm mảnh đất này - nơi mà chúng tôi cùng họ đã từng đổ biết bao máu xương mới giành lại được vậy mà cuộc sống của họ vẫn còn nhiều vất vả, thiếu thốn.

Ngày 5/8/1972.

Tiểu đoàn 8 bất ngờ chỉ thị đại đội 2 chúng tôi xuống *"đứng chân"* tại địa bàn xã Hoà Khánh. Nơi đây, cách tiểu khu (thị xã) Hậu Nghĩa chừng 4-5 kilômét đường thẳng về phía Tây nam và sát quốc lộ 4. Bên kia là Tân Trụ, một huyện miền hạ của Long An. Xuôi một quãng nữa là thị xã Tân An rồi đến Mỹ Tho. Đây là vùng chiến lược cực kỳ quan trọng của Mỹ nguy (thuộc vùng 4 chiến thuật), nên bằng mọi giá chúng phải cố giữ bằng được. Vì chỉ cần một ngày thôi, lộ (đường) 4 bị cắt đứt thì đồng nghĩa với việc Sài Gòn bị cô lập, không có nguồn hậu cần cung cấp. Một quyết định chiến thuật táo bạo và có phần liều lĩnh của trung đoàn. Hoà Khánh vốn là vùng đất mà Mỹ nguy tổ chức "binh định" rất gắt gao. Đây là nơi sát nách tiểu khu, nên việc bố phòng hết sức cẩn mật. Các "ấp chiến lược" đều có đồn bốt khá dày đặc với lực lượng bảo an, dân vệ, địa phương quân đồn trú. Đặc biệt là đại đội thám sát 773, "con cưng" của tỉnh trưởng tỉnh Hậu Nghĩa.

Chúng tôi vượt bưng Tân Phú xuống Hoà Khánh rồi bí mật tiến vào chiếm lĩnh trận địa ở mấy khu vườn hoang. Đêm hạ tuần nên trăng muộn. Nghe động chúng tôi vào, dân táo tác gõng gánh, xe trâu, xe bò lộc cộc chở đồ đạc di tản về phía thị xã. Vì vậy mà chúng tôi bị lộ khá sớm. Tôi còn nhớ, đêm ấy, cậu Dũng, liên lạc đại đội (quê Nam Định) người to đậm, hay cười, má lúm đồng tiền cùng với tôi đào chung một công sự chiến đấu. Cách công sự chỉ huy đại đội khoảng 30 mét, có một bờ đất nhỏ dẫn ra phía ruộng lúa đang chín. Ban đầu tôi và Dũng đào công sự ở giữa bờ đất ấy theo chỉ dẫn của trung đội. Đào gần xong thì trăng lên. Tôi để Dũng tiếp tục đào, còn mình thì lợi dụng ánh trăng, đi quan sát kỹ một vòng ở các công sự bạn. Tòng và Nhuận (B40 và trung liên) ở bên trái. Kỷ và Tý (cối 61 li) ở phía sau tôi chừng 50 mét. Thấy chỗ công sự đang đào xa mép ruộng khoảng 15 mét, tôi phân tích cho Dũng thấy được sự bất lợi, nếu đặt công sự ở đó. Vì sau khi nổ súng, địch có thể bò vào, bám mép bờ ruộng để khống chế chúng tôi rồi dùng hỏa lực tiêu diệt. Mặc dù đào đã gần xong nhưng thấy tôi phân tích có lý, Dũng đồng ý ngay và chuyển ra gần mép ruộng, đào lại. Đến hơn 5 giờ sáng thì cũng xong, nhưng không thật yên tâm vì chỗ này rất hiếm các vật liệu để lát mặt công sự. Chỉ chặt được một số cây nhỏ mà thôi. Chúng tôi nguy trang lại thật kỹ rồi tranh thủ ăn cơm sớm và tạt qua các hầm khác cho biết vị trí của nhau để khi tác chiến có thể chi viện hoặc băng bó, cấp cứu khi bị thương.

7 giờ 30 sáng. Sự chờ đợi làm cho thần kinh chúng tôi cực kỳ căng thẳng. Cảm giác như một mũi tên đang nằm trên cánh cung đã giương căng chỉ chờ buông tay là lao vút đi như đầu đạn rời nòng. Trên trời đã có tiếng L19 về về, tiếp theo là tiếng phành phạch của trực thăng "cán gáo" từ hướng Hậu Nghĩa. Kinh nghiệm cho hay: Đây là dấu hiệu của một trận sống mái, không cân sức giữa ta và địch. Chúng tôi bảo nhau: trận này sẽ gay go ác liệt đây. Bởi lực lượng chúng tôi quá mỏng, trong khi kẻ địch đông gấp chúng tôi hàng chục lần cộng với hỏa lực siêu mạnh: 4-5 trận địa pháo với hàng chục khẩu trọng pháo từ 105 đến 155 li cùng với cối 106,7 ly, bắn như đổ đạn khi chiến sự nổ ra. Máy bay và trực thăng vũ trang sẽ không tiếc bom và rốc két để xả lên đầu chúng tôi dưới sự chỉ điểm của L19.

Tám giờ. Trinh sát cho biết: có 8 chiếc GMC trong chuyến đầu tiên, chở đầy lính từ tiểu khu Hậu Nghĩa theo lộ 8 hướng về phía chúng tôi. Bọn địch sau khi nhảy xuống xe liền dùng máy thông tin PRC 25 gọi pháo bắn cấp tập vào trận địa. Trong những loạt đầu, đạn rơi ra phía sau, cách chúng tôi chừng vài, ba trăm mét. Máy bay trực thăng chỉnh pháo rút tầm lại. Lần này, pháo đã giập ngay lên đầu chúng tôi. Tiếng rít và tiếng nổ chói tai. Đại đội đã có mấy người bị thương. Sau chừng 30 phút dội pháo, bộ binh địch bắt đầu mò vào. Chúng bắn như tưới đạn vào đội hình chúng tôi. Chờ cho địch vào gần, súng ở các công sự đồng loạt nổ. Nhiều tên chết ngay tại chỗ. Số còn lại chạy dạt ra. Tiếng tên chỉ huy hò hét thúc bọn lính xông vào nghe rất rõ *"Đ. mẹ! Nhào dzô đi tụi bây!"*. Nhưng đám lính không đứa nào dám vào mà lùi ra xa rồi gọi pháo từ Hậu Nghĩa và Hiệp Hoà nã vào trận địa. Công sự chúng tôi rung chuyển dưới sức nổ của đại bác 155 li. Nhiều công sự bị sập. Anh Trần Văn Lê (Hương Sơn, Hà Tĩnh) mới được đề bạt làm trung đội phó ở trận đánh trước, bị thương nặng. Anh Cầu (chính trị viên đại đội) lệnh cho tôi băng bó. Mặc cho pháo nổ chát chúa xung quanh và trên đầu, trực thăng vẫn quần thảo, bắn 20 li và rốc két xối xả, nhưng tôi lợi dụng địa hình, tìm mọi cách tiếp cận để băng cho Lê. Lê nằm ngửa, máu trào ra ướt đầm cả ngực áo rồi chảy xuống lưng. Tôi nằm dọc theo thân cậu ta, vòng tay qua ngực để băng. Nhưng vì vết thương quá nặng, Lê đã hy sinh trên tay tôi...

Càng về trưa, hỏa lực địch càng dồn dập, bộ binh địch hò hét xung phong nhưng chúng chỉ *"đánh giặc mồm"* mà thôi, không dám liều lĩnh xông vào. Như đã nói ở trên, lực lượng chúng tôi quá mỏng, lại thương vong nhiều quá, không đủ tay súng ở những nơi trọng yếu nữa nên kẻ địch có thể chọc thủng phòng tuyến bất cứ lúc nào nếu chúng có được tinh thần dũng cảm của chúng tôi.

Tôi để Lê nằm đó rồi bò về công sự với Dũng. Dũng ôm lấy tôi, xúc động: *"Tao chắc trăm phần trăm là mày chết rồi! Làm sao lại có thể còn về được đến đây?!"*. Tôi cũng không hiểu vì sao mình vẫn còn sống sót được dưới làn mưa đạn ấy?!

Lúc này khoảng 10 giờ 30. Có tiếng máy bay. Tôi nghĩ nhanh: *"Thế là ăn bom rồi!"* Tôi thò đầu ra khỏi hầm nhìn lên. Bốn chiếc A37 rầm rộ lao tới đảo mấy vòng rồi bỏ nhào theo trái khối chỉ điểm của chiếc trinh sát L19 vẫn dõng theo chúng tôi từ sáng sớm. Tiếng bom rít, xé không khí như xé lụa. Tiếp theo là những quãng

lửa màu da cam và cột khói hình nấm trùn lên cùng tiếng nổ lộng óc. Đất rung chuyển dưới chân và trên đầu chúng tôi. Bùn, đất, cây cối bị hất tung lên rồi rơi xuống che lấp cả miệng hầm. Tôi có cảm giác như hầm mình đang sập. Loạt thứ hai, rồi thứ ba. Bốn chiếc thi nhau bỏ nhào dội hết cơ số bom mang theo. Sau đó, chúng mở rộng cua, lượn thêm mấy vòng nữa rồi chuồn thẳng. Khu vườn bây giờ chỉ còn lại là những hố bom. Khói lửa trùn lên mù mịt. Nhiều đồng chí nữa lại hy sinh. Tôi nhớ, cậu Trọng, quê Yên Thành, Nghệ An làm quản lý đại đội cũng hy sinh vì mấy loạt bom ấy. Chắc bọn địch nghĩ rằng với mức độ bom đạn khủng khiếp như vậy, chúng tôi sẽ chẳng một ai có thể sống sót. Chúng lại mở đợt tấn công thứ 3. Đội hình chúng tôi đã mỏng nay càng mỏng thêm. Nhiều công sự bị bom vùi, anh em tự mình bới đất chui ra rồi tiếp tục chiến đấu. Bỗng quân đầy mình vẫn kiên cường đánh trả. Cả một vùng lúa đang chín, giờ đây đã bị san phẳng bởi chỉ chút hố pháo, hố bom. Kẻ địch quyết tâm tiêu diệt và bắt sống chúng tôi. Vẫn thứ "giáo án" chiến thuật cũ rích là xả súng không tiếc đạn rồi mò vào. Bùn đất, cây cối ngổn ngang của trận bom lúc này là sự nguy trang che mắt và hết sức bất ngờ mà bọn này không tính đến. Chúng vào sát công sự rồi mà vẫn không phát hiện ra chúng tôi. Khi chợt nhìn thấy họng súng chĩa vào ngực thì há hốc mồm ra, rồi đổ vật xuống trong cái chết kinh hoàng bởi loạt AK găm thẳng, xé nát lồng ngực chúng. Bị bất ngờ do chủ quan, chúng tháo chạy thực mạng trở ra sau khi đã để lại nhiều xác chết và những tên bị thương. Pháo địch lại cấp tập, trận địa cối 106,7 li của địch từ Hậu Nghĩa giờ mới đồng loạt lên tiếng. Những trái cối khổng lồ lao xuống trận địa chúng tôi như những đợt bom chùm. Tiếng rít đặc thù của nó không có ngôn ngữ để diễn tả. Thật kinh khủng. Ai đã một lần trong đời ngồi chịu trận vì loại "*bom mặt đất*" ấy, sẽ không bao giờ quên được tiếng rít, tiếng nổ xé tai và sức sát thương kinh hoàng của nó.

Địch cay cú vì một lực lượng quân lính và hỏa lực hùng hậu như vậy mà không thể thắng nổi một lực lượng và vũ khí nhỏ hơn chúng nhiều lần. Chúng tập trung trong nỗ lực lần cuối, hòng tiêu diệt chúng tôi. Tất cả các loại pháo, cối, đạn M72, M79, đạn bắn thẳng, rốcét từ trực thăng... lại thi nhau đổ vào trận địa. Có thể nói chưa có trận đánh nào từ trước đến đó mà một khối lượng súng đạn, bom pháo, lại được huy động lớn đến như vậy! Và cũng kỳ lạ thay! Chúng tôi vẫn trụ bám kiên cường đến như vậy!

14 giờ 30 đột nhiên tiếng súng im bặt.

Quả nhiên, lợi dụng khi trọng pháo liên tiếp dội vào, bộ binh địch rút lui ra xa. Chúng tôi, những người còn lại, thở phào. Thế là mình còn sống. Mặt mũi ai nấy sạm đen vì khói đạn và bùn đất. Chỉ riêng đại đội tôi hy sinh 11 người, rất nhiều đồng chí khác bị thương. Có thể nói, cơ bản, chúng tôi đã thắng. Thắng vì đã đúng với ý đồ chiến thuật của cấp trên. Một lực lượng nhỏ xọc vào sát nách địch để kéo lực lượng của chúng, tạo điều kiện cho các đơn vị bạn rút được an toàn vì địch đang có kế hoạch chuẩn bị một lực lượng lớn để bao vây, đánh úp trung đoàn tôi. Nhưng cái giá phải trả không rẻ một chút nào. Có thể hiểu rằng chúng tôi là lực lượng "*cảm tử*" của trung đoàn. Theo yêu cầu chỉ đạo chiến thuật, chỉ cần chúng

tôi đứng vững được một ngày coi như đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Sau trận ấy, chúng tôi được cấp trên đề nghị Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam tặng thưởng Huân chương Chiến công Giải Phóng.

Đêm ấy, sau khi giải quyết xong công tác thương binh, tử sỹ, tôi quay trở lại công sự đào dở với Đũng hồi đêm qua. Tôi bàng hoàng vì trước mắt mình cái công sự đào dở ấy được thay bằng một hố pháo 155 li lớn xoá sạch mọi dấu vết. Nếu không thay đổi vị trí thì hôm đó, xương thịt của tôi và Đũng đã tan vào bùn đất Hoà Khánh rồi.

Chúng tôi rời vùng tử địa Hoà Khánh để trở về bung An Thuỷ. Tôi còn nhớ, Tòng và Kỷ bị lạc đơn vị. Khoảng 8 giờ tối, dò vào ấp chiến lược, họ tóm được một con vịt Xiêm (ngan) của dân đã bỏ chạy đêm qua. Sau khi làm thịt, luộc ăn xong, lấy góc phươg vị rồi cắt đường về bung An Thuận giữa đồn bốt giăng giăng của địch. Rất may là không bị phục kích hoặc vướng mìn clâymo do chúng gài lại. Bây giờ mỗi khi có dịp gặp nhau, ôn lại kỷ niệm chiến trường, nhớ lại những tình huống ấy, ai nấy đều nổi da gà.

Trở lại bung An Thuỷ, rồi di chuyển xuống bung Tân Phú. Nhiệm vụ lúc này của chúng tôi là ban ngày phục kích tàu địch, ban đêm, tập kích bằng cối 82 vào bốt hoặc vào ấp chiến lược để móc nối cơ sở, lấy gạo, thực phẩm, thuốc men hoặc làm công tác dân, binh vận...

Ở An Thuận, có nhiều cơ sở kiên trung, một lòng theo Đảng, theo cách mạng như gia đình chị Sáu Tiêm, gia đình út U, út Mắc, Lê Thuỷ, v.v... Riêng tôi, thực sự có cảm tình với Lê Thuỷ (nếu không nói là yêu). Đó là một cô gái đơn hậu, mà xinh đẹp, hết lòng vì mọi người (và hình như cô ta cũng yêu mến riêng tôi). Còn nhớ, ngày chúng tôi tác chiến chống càn ở đây, ban ngày cô phải theo gia đình di tản. Khoảng 5 giờ chiều, khi bọn lính đã rút hết, mặc dù pháo vẫn còn bắn đến, vậy mà cô vẫn liêu lĩnh đội pháo về với chúng tôi. Trên tay, lần nào cũng một làn đủ bánh ngọt, trái cây, xà bông, kem đánh răng, khăn mặt... Khi pháo bắn, thì cùng chui xuống công sự với chúng tôi. Hầm chật nên không tránh khỏi sự đụng chạm. Nhiều khi tôi thấy ngượng vì chúng tôi đánh nhau cả ngày, mồ hôi, bùn đất, khói đạn quyện lại thành một thứ mùi rất khó chịu. Trong khi, từ thân thể con gái tuổi 18 phồng phao, một mùi thơm dịu dịu quyến rũ toả ra làm ngáy ngất chúng tôi. Tôi đành phải nói thật ý nghĩ của mình. Thuỷ hờn dỗi: *"Sao anh nói vậy. Sự hy sinh xương máu của mấy anh là đáng kể mà còn không tiếc thì sự giúp đỡ và chịu đựng chút xíu của em thì ăn nhằm gì! Anh nói nữa, làm em buồn đó nghe! Lần sau không được nói vậy nữa nghe hôn?"*. Rồi gần như suốt cả đêm, cô lo giặt giũ, sửa soạn, gần sáng lo nấu cơm cho chúng tôi. Xong, lại vội vàng di tản, tránh càn...

... Xin được *"bật mí"*: Không phải ngẫu nhiên sau này, khi vợ chồng tôi có con gái đầu lòng, tôi đặt tên cháu là Lê Thuỷ! Nguyên nhân sâu xa của cái tên Lê Thuỷ - con tôi - là vậy đó. Hình ảnh Lê Thuỷ của ấp An Thuận năm nào vẫn vẹn nguyên và để lại trong tôi cả khung trời kỷ niệm. Lê Thuỷ ơi! Anh xin em, cho phép anh được đặt tên con gái mình bằng chính cái tên mà anh yêu, anh quý năm nào: *Lê Thuỷ*... Chắc em sẽ bằng lòng và vui phải không? Anh vẫn tin như vậy...

... Giờ đây, sau 33 năm, kể từ ngày ấy, chiến tranh đang dần đi vào cổ tích. Hẳn giờ này, em đang sống trong một gia đình hạnh phúc? Và anh nghĩ, có thể em đã lên thiên chức làm nội, làm ngoại rồi. Nhưng, trong miền ký ức của riêng anh cũng như các anh lính miền Bắc năm nào vào Nam đánh giặc để giải phóng quê em, thì em vẫn là một Lê Thuỷ hồn hậu, thuỷ chung, trong trắng mà mãnh liệt của mảnh đất *"Long An trung dũng, kiên cường, toàn dân đánh giặc"*. Thuỷ ơi! Trong niềm vui của cuộc sống hoà bình hôm nay, có lúc nào em chợt nghĩ về những tháng ngày gian khổ, ác liệt của quá khứ chiến tranh, nơi chúng mình đã có những kỷ niệm của một thời máu lửa?...

...Ở An Thuận một thời gian, ba chúng tôi, trong đó có Kỳ và anh Cường, chính trị viên phó đại đội (quê Diên Châu, sau này trong chiến dịch bảo vệ Hiệp định Pari năm 1973, anh Cường đã hy sinh. Hôm đó, Kỳ, Tý và Cường chung một công sự. Trái pháo nổ gần. Một mảnh pháo găm vào ngực anh) cùng với ba đồng chí du kích địa phương do ông Năm Châu, một cán bộ và là một đảng viên kiên trung, nhận lệnh vào một ấp chiến lược ở cuối Lộc Giang, nằm sâu trong lòng địch có nhiệm vụ tiêu diệt tên xã trưởng ác ôn khét tiếng vốn có nhiều nợ máu với nhân dân và cách mạng. Đêm ấy, trời tối như bưng, nhưng nhờ ánh sáng điện của tiểu khu Hậu Nghĩa và của cả Sài Gòn, chúng tôi men theo các bìa ấp và những khoảnh ruộng nằm giữa các bốt bảo an, dân vệ, luồn sâu vào hậu địch. Từ chỗ chúng tôi xuất phát đến khi vào được tới ấp mất gần 8 tiếng đồng hồ. Chúng tôi len lỏi giữa đồn bốt giăng giăng, luồn sâu vào ấp. Gần hai giờ sáng, mới tới nơi quy định vì phải vừa đi vừa thăm dò, bám địch (ở đây, chúng hay phục kích và gài mìn ban đêm). Đồng chí du kích có tên là Sáu Luật, nhanh nhẹn, người ấp này, thông thuộc địa hình nên dẫn chúng tôi đến nơi tập kết an toàn, tránh được sự phục kích và mìn của địch. Sáu và ông Năm bắt liên lạc với cơ sở cách mạng của ta ở đó, nói rõ nhiệm vụ và ý đồ tiêu diệt tên ác ôn đồng thời đề nghị bố trí chỗ trú ẩn an toàn cho chúng tôi. Cơ sở đưa chúng tôi đến một một nơi bí mật ở cuối ấp. Nơi đó, trước đây đã đào hầm bí mật nuôi giấu cán bộ. Sau năm 1968, cơ sở bị lộ, các cán bộ nằm vùng, một số bị địch bắt, một số hy sinh. Hiện vẫn còn một căn hầm bí mật (BEM) nhưng lâu ngày không sử dụng nên rất có thể có rắn rết, côn trùng. Nhưng vì trời gần sáng, chúng tôi đánh liều chui xuống. Không có rắn, rết nhưng ve thì nhiều. Loại này sau khi châm vào người thì để lại nọc ở đó. Chạm vào y như bị kim châm. Ngày hôm ấy, chúng tôi nằm dưới hầm ngủ, chỉ thay nhau để lại một đồng chí canh giới. Hầm chúng tôi nằm ngay dưới một đám cây mắc cỡ lâu năm, cao gần một mét (miền Bắc gọi là cây trinh nữ hay xấu hổ). Khi đi qua, cây rũ xuống nhưng chỉ cần vài chục phút sau nó trở lại nguyên dạng. Do vậy rất bất ngờ. Sát đó có một cái giếng hoang từ lâu không ai dùng. Trưa nắng, khát nước, tôi trườn dưới cây mắc cỡ để ra mức nước uống. Tôi buộc hăng-gô vào sợi dây dù rồi thả xuống, kéo nước lên. Hăng-gô chạm vào đá nghe loảng xoảng. Mỗi lần mức, chỉ đủ cho một người uống. Nước trong vắt và ngọt lịm. Sau này chúng tôi mới bàng hoàng vì biết sự thật về cái giếng ấy. Năm 1965, du kích bắt được mấy tên ác ôn, giết xong, vớt xác xuống, ném đá đè lên. Tôi chợt hiểu vì sao ở đồng bằng mà

lòng giếng lại có nhiều đá như vậy ?! Móc họng thế nào cũng không ra được nữa vì đã mấy ngày sau khi tên ác ôn bị tiêu diệt, mới biết (cơ sở cách mạng ở đó biết rất rõ cái giếng ấy nhưng họ không ngờ chúng tôi lại dùng nước ở đây. Hơn nữa, nhiệm vụ quan trọng nhất lúc này là làm sao sớm diệt được tên ác ôn nên không ai để ý). Đến bây giờ mỗi lần nghĩ đến, tôi vẫn cứ kinh kinh, lờm lờm.

Thằng ác ôn có tên là Đờm (Sáu Đờm). Được biết, hắn có hai vợ. Một cô vợ bé, ở đâu trên Hậu Nghĩa. Thỉnh thoảng hắn lên trên đó. Còn chủ yếu là ở lại địa bàn này. Nhưng thằng này tinh quái lắm. Ban đêm, hắn chuyển chỗ ngủ tới hai, ba lần. Vì hắn biết rõ tội ác của mình và bản án tử hình mà cách mạng sẽ dành cho hắn nhưng chưa có dịp thực hiện nên càng điên cuồng như con thú dữ bị thương.

Cơ sở cho biết, Đờm đến nơi làm việc không có một quy luật nào cả. Nơi làm việc của hắn là một nhà dân ở đầu ấp chiến lược. Nhà thường đi làm vắng. Có thể sáng đến rất sớm hoặc đang trưa, hắn đến. Có khi ba hoặc bốn giờ chiều cũng nên. Thậm chí làm việc xong, hắn ăn tại chỗ rồi nghỉ lại. Đêm, di chuyển đến nơi khác để ngủ. Gần chỗ hắn làm việc, có một trung đội lính canh gác, bảo vệ. Đó là chỗ dựa cho thằng này.

Không hiểu sao, đã ba ngày nay, hắn không đến. Chúng tôi nằm phục kích giữa ruộng lúa đang chín, cạnh con đường hắn thường đi. Trời nắng như thiêu, cháy sém cả da mặt mà không dám động cựa vì sợ dân phát hiện ra sẽ bị lộ. Chờ đến lúc nhìn không rõ mặt người mới dám từ từ ngồi lên rồi đợi cho tối hắn mới trở về nơi trú ẩn. Không lẽ cơ sở đã để lộ rồi chăng? Chúng tôi hoang mang. Kiểm tra lại, thấy không có gì bất cẩn cả. Vẫn giữ được bí mật tuyệt đối.

Ngày thứ tư, chúng tôi thay đổi vị trí mai phục. Chuyển đến gần chỗ hắn làm việc, nhằm tạo yếu tố bất ngờ. Chúng tôi mật phục từ bốn giờ sáng. Tất nhiên, vẫn giữa ruộng lúa đang chín. Tám giờ, bỗng có tiếng xe gắn máy đi tới, mọi người bí mật quan sát. "*Đúng hắn rồi!*" - Sáu Luật nói. Mọi người nhìn nhau, gật đầu, thực hiện phương án một.

Đờm ngồi trên xe, bên hông là khẩu Côn 12. Ngoài ra, một khẩu AR15 treo hờ trước ngực trong tư thế thuận tiện nhất để sẵn sàng nổ súng bất cứ lúc nào.

Xe chạy qua, lợi dụng ở phía sau lưng nó, tôi và Sáu trườn nhanh vào, tiếp cận vào góc khuất của ngôi nhà, trong khi tên ác ôn đang dựng xe và tháo khẩu súng trước ngực, chuẩn bị bước vào. Kỷ và anh Cường bí mật vòng nhanh ra cửa sau, chốt chặn. Vào nhà, hắn dựng súng vào mép bàn, đang cúi húi tháo xà cột ra khỏi vai. Chỉ chờ có thế, Sáu Luật nhảy đến gí AK vào mặt hắn quát: "*Sáu Đờm! Mày là tên ác ôn có nhiều nợ máu đối với nhân dân và cách mạng. Hôm nay, thừa lệnh Chính phủ Cách mạng lâm thời, chúng tao thực thi bản án tử hình dành cho mày*". Thằng ác ôn trợn tròn mắt, há hốc mồm, chưa kịp phản ứng gì thì Sáu đã siết cò. Hai loạt đạn bắn găm vào đầu và ngực hắn, máu vọt vào mặt và áo quần chúng tôi. Tôi bồi ngay một loạt nữa, thằng giặc bật ngửa ra phía sau, đổ vắt trên thành ghế, ngực lõm chỗ. Tôi rút vội trong túi áo mình tờ giấy ghi bản án tử hình đã được ký sẵn, dành cho tên ác ôn, đặt lên ngực hắn rồi nhặt vội khẩu AR15 trong khi Sáu Luật tháo khẩu Côn 12 và xách theo túi tài liệu. Cùng lúc, hai đồng đội phía cửa

sau, đồng loạt nổ nhiều loạt AK hướng về phía bót bảo an. Tất cả chỉ diễn ra trong khoảnh khắc. Chúng tôi chạy thành hai hướng, như ma đuổi, vòng vèo, luôn lách để nghi binh địch và tránh con mắt tò mò của dân. Cuối cùng, tất cả cũng về đến hầm bí mật, chui xuống. Ai nấy, thở muốn đứt hơi.

Không chỉ nợ máu với cách mạng và nhân dân, Đờm còn rất hách dịch với đám lính bảo an ở đây nên tụi này không ưa gì hắn. Đó là một lợi thế cho chúng tôi. Đến khoảng 11 giờ trưa, nghe có tiếng súng nổ gần. Tất cả chuẩn bị chiến đấu. Nhưng, bọn lính chỉ bắn chỉ thiên vu vơ cho có tiếng súng vì sợ cấp trên khiển trách, rồi rút về bót. Chúng tôi không dám liều lĩnh sục sạo, vì đũa nào cũng sợ chết.

Chúng tôi đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ đặc biệt quan trọng. Tiêu diệt được tên ác ôn khét tiếng mà lâu nay nó thực sự là một cái gai nhúc nhồi cho nhân dân và phong trào vùng này. Đặc biệt là cho những gia đình cách mạng. Ngoài ra, còn lấy được tài liệu quan trọng và thu vũ khí mà không hề tổn một giọt máu. Cái chết của Sáu Đờm thực sự có hiệu quả. Đó là sự răn đe, cảnh cáo mạnh đối với những thằng ác ôn khác.

Tối hôm đó, trước khi rút về cứ, chúng tôi được bà con khao thưởng thịt heo và tặng cho nhiều quà (nghe tin thằng Đờm chết, họ mổ heo ăn mừng nhưng bên ngoài không dám nói ra). Chúng tôi từ chối, bởi sau chiến thắng nếu chủ quan sẽ rất dễ phải trả giá. Ông Năm Châu thay mặt cách mạng và tổ công tác, cảm ơn bà con cô bác đã cứu mạng, chở che để chúng tôi hoàn thành nhiệm vụ.

Chúng tôi giả từ mọi người để lên đường ra cứ lúc 20 giờ 30 phút tối hôm đó.

Vẫn là Sáu Luật dẫn đường, nhưng lần này, cậu ta không trở lại đường cũ mà cắt một lối khác khá bất ngờ, sát vách bót địch. Đúng như dự định của chúng tôi, bọn địch đã gài mìn và phục kích ở đoạn đường mà theo dự đoán của chúng là chúng tôi sẽ đi qua. Chúng cho rằng, chúng tôi sẽ về muộn vì đang mãi say sưa với chiến thắng. Chúng hoàn toàn không ngờ!

Tổ công tác chúng tôi về tới cứ ở bưng An Thủy khi đặng đông đã có ánh bình minh.

Sau trận ấy, chúng tôi chia tay với ông Năm Châu, Sáu Luật và anh chị em du kích cùng với mảnh đất An Thuận đầy ắp kỷ niệm. Họ ở lại bám dân, tiếp tục làm nhiệm vụ. Còn chúng tôi rút lên Campuchia, củng cố lực lượng, chuẩn bị đánh trận Công Pông Tra Béc lịch sử. Không ngờ, đó cũng là lần cuối cùng chúng tôi gặp họ. Từ bấy đến nay, không rõ ông Năm cùng các đồng chí du kích và giao liên An Thuận một thời gian khổ, hy sinh, sát cánh cùng chúng tôi chiến đấu và công tác hiện ra sao? 33 năm đã trôi qua, bão táp thời gian có thể làm đổi thay mọi điều!?

Riêng Sáu Luật, đã anh dũng hy sinh trong một trận phục kích của địch sau đó không lâu, khi anh vào lại ấp chiến lược trong một chuyến công tác. Tôi cúi đầu, ngậm ngùi, đau xót trước cái tin đột ngột ấy. Đó là một chiến sỹ trinh sát du kích mưu trí, dũng cảm, kiên cường. Một người đồng chí thủy chung, tận tụy...

Năm đó Luật mới 17 tuổi!

Cuối tháng chín, năm 1972, chúng tôi nhận nhiệm vụ giải phóng căn cứ Công Pông Tra Béc giúp bạn. Căn cứ này vốn trước đây, nhiều lần cả ta và bạn hiệp đồng tác chiến để giải phóng, nhưng chưa lần nào dứt điểm vì nó là một căn cứ có vị trí gần như một ốc đảo. Xung quanh là đồng ruộng và đầm lầy, chỉ có con đường độc đạo chạy qua, được bọn Lon Nol cố thủ vững chắc. Quyết tâm của trung đoàn 271 là bằng mọi cách phải nhổ bằng được căn cứ này. Trước đó cả mấy tháng, trinh sát của đại đội 25 (đặc công) và các tiểu đoàn đã vượt bưng vào bí mật điều nghiên khá kỹ lưỡng, rồi vẽ sơ đồ và lên phương án tác chiến tỉ mỉ. Ban tham mưu và tác chiến trung đoàn thống nhất duyệt phương án đánh địch lần cuối, đồng thời hạ quyết tâm giải phóng Công Pông Tra Béc.

Đêm 31 tháng 9 năm 1972.

Các đơn vị bí mật tiếp cận mục tiêu theo phương án đã định. Đại đội 25 (đặc công) và tiểu đoàn 9 sẽ đánh vào hướng chủ yếu. Tiểu đoàn 7 và tiểu đoàn 8 dự bị, sẵn sàng chi viện cho đơn vị bạn lúc cần thiết. Đến giờ G (13 giờ 30), các đơn vị đã ém gọn theo các vị trí định sẵn chỉ chờ hiệu lệnh là đồng loạt công kích giải phóng căn cứ này. Đại đội 25 chịu trách nhiệm phát hỏa trận đánh.

13 giờ 30 phút ngày 01 tháng 10 năm 1972, những tiếng nổ dậy đất của mìn ĐH10 (loại mìn định hướng, 10 kg) do đặc công bỏ vào đặt dưới các chân rào bưng nhùng, cũi lợn, mái nhà... thổi bay tất cả các loại hàng rào ấy, khai thông một lối lớn vào căn cứ để cùng bộ binh lọt vào tung thâm, tiêu diệt các lô cốt đầu cầu, cùng những ồ ồ kháng và hỏa lực mạnh của địch.

Anh Nguyễn Đình Diệu, quê Sơn Tiến, Hương Sơn, cũng là lính đặc công đại đội 25 ngày ấy, nay là Đại tá, Tham mưu trưởng Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Hà Tĩnh cũng tham gia một mũi thọc sâu đánh vào tung thâm. Bây giờ, thỉnh thoảng anh em chúng tôi ngồi ôn lại kỷ niệm về trận đánh lịch sử năm ấy...

Bộ binh của tiểu đoàn 9 tràn lên, đánh chiếm căn cứ. Trong vòng chưa đầy 40 phút, chúng tôi đã giải quyết xong trận đánh. Dưới ánh hỏa châu, bộ đội ta bắt tù binh, thu vũ khí rồi chất thành mấy đống lớn, dùng bạt che lại để chuẩn bị sáng mai chuyển đi. Thắng lợi đến nhanh hơn cả dự định. Thương vong không đáng kể. Mọi người đang hân hoan với chiến thắng...

Bỗng đại liên, 12,7 li, M79, M72, súng bộ binh, rồi cối 81 li dồn dập trút đạn về phía chúng tôi. Bất ngờ nên nhiều anh em hy sinh tại chỗ. Được thể, bọn địch xung phong, tấn công dồn dập. Chúng tôi trở tay không kịp vì không có phương án dự phòng. Trời đã tảng sáng. Đại liên địch bắn như mưa vào chúng tôi. Cối 81 li nổ chát chúa. Nhiều người gục xuống. Trời sáng dần. Đây là lợi thế của địch vì chúng nắm hoàn toàn thế chủ động và quan sát rất rõ. Cũng còn may là ở chiến trường Campuchia nên địch không có trực thăng như chiến trường miền Nam của quân nguy Sài Gòn. Nếu không, chúng tôi sẽ chẳng còn một ai sống sót. Hoặc, nếu ai may mắn thoát chết, sẽ bị trực thăng đồ chụp bắt làm tù binh hết. Tiểu đoàn 9 thương vong nặng nề nhất, gần như mất hẳn sức chiến đấu. Số chết, số bị thương nằm la liệt trên cánh đồng Công Pông Tra Béc. Số còn lại cố thoát ra khỏi làn mưa đạn của các loại hỏa lực, hy vọng vượt qua quốc lộ I phía trước mặt

(đường nối từ Gò Dầu lên Phnôm Pênh). Nếu qua được bên kia đường sẽ có cơ thoát chết. Đoạn đường này cao hơn mặt ruộng khoảng 1,5 mét. Nó chặn hết các loại đạn bắn thẳng. Biết ta cố sức vượt qua đường, bọn địch tập trung đại liên và 12,7 li rà sát mặt đường. Đạn cày trên mặt đường toé lửa như trong lò gang. Nhiều đồng chí hy sinh ngay tại chỗ. Chúng tôi ở trong thế bị dồn đến chân tường. Trước mặt, trên đường thì đạn thẳng. Sau lưng là các loại hỏa lực khác như M79, M72, cối 81... Tôi không giải thích nổi là làm sao mình cùng một số rất ít anh em, cơ may nào mà vượt qua được bên kia đường trong làn hỏa lực khủng khiếp ấy. Tôi cũng không hiểu sao anh Diệu và một số anh em đặc công hôm ấy, cũng may mắn thoát được sang bên kia đường?!...

Thất bại nào cũng có nguyên do của nó!

Đó là... quá trình điều nghiên, cánh trinh sát đặc công không phát hiện ra được tuyến hầm ngầm phòng thủ của địch. Tình báo của ta và bạn đều không nắm được sự bố phòng bí mật ấy. Do vậy, không dự kiến hết tình huống, nên đã dẫn đến kết cục thất bại thảm hại và cay đắng đó. Nếu trước đây, tiểu đoàn 7 gần như bị xóa sổ bởi B52 ở rừng Tây Ninh thì giờ đây, tiểu đoàn 9 đã bị lính Lon Nol cho "*phơi áo*" gần hết trên đất Campuchia. Các tiểu đoàn 7, 8 và các đơn vị trực thuộc cũng bị thương vong, tổn thất rất nặng nề. Chúng tôi thua bọn lính Lon Nol, một đội quân có trình độ tác chiến vào loại tồi. Quả là cay đắng và nhục nhã!

Tôi nói "*trận đánh lịch sử*" bởi nó mang ý nghĩa như vậy!

Giờ đây, sau 33 năm, chiến tranh đã lùi xa, thời gian đang xoa dịu dần nỗi đau mất mát, chúng tôi mới có dịp nói về sự thật lịch sử của trận Công Pông Tra Béc năm nào. Máu xương của đồng đội tôi đã đổ xuống không biết bao nhiêu trên đất nước Chùa Tháp xa xôi này? Máu vẫn cứ tiếp tục đổ cho đến khi chúng tôi có lệnh rời đất Campuchia để trở về miền Nam, chiến đấu bảo vệ Hiệp định Pari năm 1973.

Gần đây, qua con sổ thống kê đang lưu giữ ở quân lực trung đoàn, tôi mới được biết trong chống Mỹ, các trận chiến đấu cũng như hành quân trên Trường Sơn, trung đoàn chúng tôi đã có trên 1300 người hy sinh. Trong đó, chỉ mới quy tập được 543 bộ hài cốt vào 13 nghĩa trang. Số còn lại còn nằm rải rác đây đó trên các chiến trường từ Lào đến Campuchia cùng các vùng bưng biển Nam Bộ như Long An, Tây Ninh, Kiến Tường, Mỹ Tho và Đồng Tháp cho đến Bù Đăng, Quảng Đức, Bình Phước, Lâm Đồng...(số liệu do đồng chí Nguyễn Đình Xung, nguyên đại đội trưởng đại đội 22 của trung đoàn cung cấp. Nay anh phụ trách công tác chính sách thương binh xã hội phường Đại Nài, thị xã Hà Tĩnh).

Trận Công Pông Tra Béc, ghi thêm một trong những bài học đắt giá cho trung đoàn 271 chúng tôi. Tôi lại nhớ đến câu nói muôn thuở: "*Hiện thực của chiến tranh luôn nằm ngoài quy luật thông thường!*"

Công Pông Tra Béc thất bại, nhưng có một câu chuyện về tình đồng đội cuu mang nhau trong chiến đấu và hoạn nạn ở trận đánh này thì đã trở thành một huyền thoại, một bài ca bất tử về tình người và lòng dũng cảm; viết thêm truyền thống tốt đẹp vào trang sử quân đội ta. Khi chúng tôi rút khỏi Công Pông Tra Béc, rất nhiều

đồng chí của ta bị thương, nằm lại trận địa, không có cách gì cứu được. Họ bị địch bắt rồi giết. Riêng có hai đồng chí ở tiểu đoàn 9 bị thương, kẹt lại trong lòng địch. Họ cố gắng dìu nhau lết bò ngược chiều, rồi lánh được trong sự lũng lạo ráo riết của địch. Sau khi tìm được vị trí kín đáo, và tương đối an toàn, họ tìm kiếm cái ăn và tần tảo nuôi nhau. Người bị thương vào mắt thì cố bò đi tìm cái gì đó ăn được để nuôi người bị thương vào chân, nằm tại chỗ. Người bị thương vào chân thì ban ngày không ngủ, canh giới cho người bị thương vào mắt, nghỉ lấy sức...

Họ trốn chui như vậy mấy tháng trời trong lòng địch. Ban ngày, ẩn nấp thật kín. Ban đêm, chờ đến khuya mới dò ra rồi lén vào nhà dân Miên, tìm cái gì có thể ăn được như cơm nguội hoặc lấy bột trứng gà trên ổ... Thậm chí phải ăn cả cám nấu cho heo. Vì nằm ngay trong lòng địch nên bọn chúng hoàn toàn không nghi ngờ. Vết thương thì tìm lá rịt lại; lấy muối cho vào nước lã rồi rửa sát trùng. Điều kì lạ nhất là vết thương của họ tiến triển rất khả quan qua thời gian. Cuối cùng cũng kín miệng rồi liền sẹo. Có thể nói, đây một điều khó tin nhưng lại là sự thật như nó vốn tồn tại. Trong điều kiện bình thường, cũng khó giữ được vô trùng, huống gì trong môi trường hết sức đặc biệt ấy. Phải chăng, sức mạnh của tình người, tình đồng đội đã làm nên điều kỳ diệu?! (Chỉ tiếc rằng tôi không còn nhớ được tên của hai đồng chí đó nữa vì họ ở tiểu đoàn khác, hơn nữa đã quá lâu rồi). Sau đó mấy tháng, trong một chiến dịch khác, Công Pông Tra Béc được giải phóng, hai đồng chí thương binh ấy được cứu ra. Bây giờ, họ như những người rừng, tóc dài như tóc phụ nữ và cơ thể gầy như vượn. Họ được đưa đi điều dưỡng và sau đó được trở về hậu phương miền Bắc.

Trận đánh đã để lại một dấu ấn về sự thất bại không phai mờ trong tâm khảm chúng tôi. Có thể nói đó là một "Oateclô" của Trung đoàn 271 trong kháng chiến chống Mỹ ở thế kỷ XX. Sau này, mỗi khi nhắc đến trận Công Pông Tra Béc, ai nấy vẫn ngậm ngùi, đau đớn nhớ đến câu ca mô phỏng:

Lực lượng của trung đoàn sau trận ấy còn rất mỏng. Đơn vị được nhận tân binh của các tỉnh từ Thanh Hoá, Hà Nam Ninh, Hải Hưng, Hải Phòng, Bắc Thái, Quảng Ninh, Thái Bình... bổ sung. Sau đó, nhận nhiệm vụ mới trở lại Long An để chuẩn bị chiến dịch đánh địch lần chiếm, bảo vệ Hiệp định Pari (27/01/1973).

Ở đất bạn, đêm đêm nhìn về ngọn núi Bà Đen ở Tây Ninh mà lòng bùi ngùi tưởng nhớ những đồng đội đã ngã xuống. Chỉ mai kia thôi, chúng tôi lại rời mảnh đất này để trở lại miền Nam nhận nhiệm vụ mới. Sẽ vĩnh viễn xa những người đã nằm xuống nơi đây. Chúng tôi, ai nấy đều nhớ tiếc những đồng đội thân yêu đã hy sinh trên mảnh đất Cam Bốt xa lạ này.

Hai tuần sau, trung đoàn nhận nhiệm vụ quay về Long An.

Ba Thu lại là nơi tập kết, để từ đó, chúng tôi vượt bung Đức Huệ trở lại Gò Nổi.

Đứng chân ở Gò Nổi, nhiệm vụ của chúng tôi là tiếp tục vào ấp, tập kích bằng cối 82, đánh nhỏ, lẻ tiêu hao và quấy rối địch. Chông càn và phục kích đánh tàu trên sông. Sau đó không lâu, chúng tôi được lệnh hành quân xuống bung Hoà Khánh để làm nhiệm vụ mới.

Đêm 20/12/1972, chúng tôi vào một ấp thuộc xã Hoà Khánh để móc nối với cơ sở cách mạng, lấy gạo, thực phẩm và nắm tình hình địch. Cùng đi, có mấy đồng chí du kích và giao liên dẫn đường để liên lạc với cơ sở. Chúng tôi vào ấp trót lọt. Nhiệm vụ của chúng tôi là tiếp xúc với nhân dân để giải thích tuyên truyền chính sách của Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam rồi sau đó nhận gạo, thực phẩm, thuốc men từ các gia đình cơ sở của ta. Nhớ lại hôm ấy, tôi đã vác B40 vào nhà một trong những gia đình có con là sỹ quan nguy. Bởi gia đình này nhiều lần có ý hù dọa rằng sẽ báo với "Quốc gia" (chính quyền nguy) về việc các gia đình cách mạng mua giấu gạo, thực phẩm, thuốc men để tiếp tế cho "*Việt Cộng*". Tôi nghiêm sắc mặt một cách hệ trọng: "*Nói để mấy người hay, tôi không hề có ý hù (dọa) ai. Nhưng nếu một trong những gia đình nơi đây đã giúp đỡ cho bộ đội Giải phóng mà có mệnh hệ gì thì đừng oán trách tôi không báo trước. Tất cả 5 trái B40 này sẽ là "quà tặng" dành riêng cho gia đình đó! Tôi nói là làm! Liệu mà giữ mồm, giữ miệng. Cách mạng chưa hỏi tội đứa con của mấy người đi lính cho Mỹ - nguy thì thôi. Lại còn... Việc đâu để đó. Không được bép xép. Nếu không...*". Tôi nói dõ dưng rồi đặt khẩu B40 cùng năm quả đạn ở giữa nhà. Mặt ai nấy cắt không còn giọt máu. Ai cũng vâng dạ rồi rít. Hứa chẳng dám làm điều gì có hại cho Cách mạng. Tôi xách súng, đạn quay ra, bụng cười thầm...

Một giờ 30 sáng, chúng tôi rời ấp để ra bung. Đang đi, bỗng đồng chí du kích giao liên dẫn đường quay lại, ra hiệu cho mọi người ngồi xuống, giăn thừa đội hình và im lặng. Tôi cùng hai người khác bám lên theo anh. Màn đêm nhờ nhờ, không nhìn rõ nhau. Một mùi khét của thuốc đạn lẫn mùi tanh của xác chết xộc vào mũi. Tôi cảnh giác, lom khom bò trên mặt ruộng. Đang bò, tay bỗng chạm phải một vật cứng khum khum hình viên gạch, lạnh ngắt. Mìn clâymo! Tôi rùng mình, dựng tóc gáy, mồ hôi vã ra. Quay nhanh lại phía sau, tôi rít trong cổ họng:

- Tất cả nằm im! Mìn clâymo!

Phản xạ chiến trường đã trở thành một kỹ xảo của người lính. Mọi người ai ở đâu đều nằm im, bất động. Vì nếu không, ai đó chỉ cần lỡ thêm một bước nữa thôi, hai sợi dây đồng trần mỏng mảnh sẽ chập vào nhau. Thế là hết. Cả bãi mìn sẽ đồng loạt "*lên tiếng*" thanh toán chúng tôi...

Tôi sờ tay vào phía trên trái mìn, nơi có hai kíp nổ ở hai bên. Cẩn thận, xoay tay vặn kíp ra, nhưng chặt quá. Có lẽ chúng dùng kim vặn nên tôi không thể mở được. Đã nhiều lần gặp phải tình huống này, nên tôi bình tĩnh trở lại, dùng mũi dao găm, tách đôi sợi dây mìn. Sau đó, cẩn thận cắt từng sợi một. Mồ hôi trên mặt chảy thành dòng. Vì chỉ bắt cần một chút, để mũi dao chạm vào cả hai dây cùng một lúc thì lập tức mìn sẽ nổ. Xong! Tôi thở phào. Thế là ổn. Kinh nghiệm cho hay, tụi nguy khi gài loại mìn này thường mắc nối tiếp. Một quả nổ là cả bãi mìn đồng loạt nổ. Chúng tôi đã vô hiệu hoá bãi mìn. Các đồng chí còn lại gỡ thêm được 7 quả. Tôi chợt hình dung: nếu toàn bộ số mìn ấy nổ, tất cả chúng tôi sẽ chẳng còn một ai. Gần 3000 viên bi (mỗi quả clâymo có khoảng 370 viên bi) đồng loạt bắn vào đội hình đang đi, sẽ không một ai thoát chết. Gỡ xong mìn, chúng tôi đến bên 3 cái xác của anh em du kích Hoà Khánh. Có một phụ nữ. Mọi người cẩn thận buộc dây dù

vào người họ rồi kéo dịch ra khỏi chỗ nằm, đề phòng địch gài lựu đạn dưới xác. Nhưng lần này thì không. Chắc chúng nghĩ: chúng tôi sẽ không thể thoát khỏi bãi mìn ấy. Một trong ba đồng chí bị chúng đánh lựu đạn đến nát cơ thể, gần như đứt làm đôi, chỉ còn khúc xương sống dính da. Bốn người mang đồng chí ấy; một số đồng chí khác khiêng hai đồng chí còn lại ra cứ đề bàn giao cho du kích Hoà Khánh mai táng. Tôi nhớ, sau khi bàn giao thì thể các đồng chí hy sinh cho du kích địa phương, chúng tôi ai nấy đều cảm thấy đói còn cào. Mùa khô nên không có nước rửa tay, chúng tôi huơ tay trên ngọn cỏ dính sương đêm cho đi bớt máu rồi lau tạm vào thân áo, sau đó bẻ cơm nắm, ăn. Mùi máu đồng đội vẫn còn phảng phất nơi bàn tay.

Nguyên do trận ấy, trước đó lúc chập tối, có mấy đồng chí du kích địa phương đã bí mật bám địch để tiếp cận vào ấp, đến đây thì đụng bọn địch phục kích. Do lực lượng nhỏ quá nên không thể phản kích lấy tử sỹ, đành phải rút. Bọn chúng đoán thể nào cũng sẽ có người quay lại lấy tử sỹ nên đã gài chằng mìn đón lõng. Lần này, nếu chúng nằm lại phục kích thì chắc chắn chúng tôi sẽ hy sinh nhiều. Chúng tôi hoàn toàn bị bất ngờ trước tình huống này...

Ở lại Hoà Khánh thêm mấy ngày nữa, lần này chúng tôi có dịp thưởng thức món đặc sản tại vùng đất Trung Nam Bộ. Trên những bờ kinh (kênh), chim nhiều vô số. Chúng tôi ăn trứng và thịt chim non thoả thích. Nơi đây, sau giải phóng có thể đã thành vườn chim quốc gia rồi. Thời ấy, ban đêm, mỗi khi soi đèn "cổ ngoạn" của Mỹ, trèo lên cây là có thể tóm lấy chim trong tổ hoặc đậu trên cành. Chim dạn lắm...!

Mấy ngày sau đó, chúng tôi quay lại Tân Phú.

Lúc này đã gần đến Tết Nguyên đán Quý Sửu (1973). Tất cả đơn vị được quán triệt về tình hình Hội nghị Pari để thấy được thế và lực của ta và địch trên chiến trường. Đặc biệt là thảm bại của Mỹ sau 12 ngày đêm dùng "pháo đài bay B52" rải thảm Hà Nội và Hải Phòng; khả năng Mỹ sẽ phải kí kết Hiệp định ngừng bắn. Tất cả chúng tôi ai cũng phấn chấn và tin tưởng. Hôm sau, nằm ở "cứ", khoảng hơn 10 giờ đêm, tôi vặn nhỏ cái radio bán dẫn, lần theo sóng của Đài Tiếng nói Việt Nam, giọng thơ trầm ấm của một nam nghệ sỹ vang lên. Tôi lắng nghe mà rung rung, mà tự hào xúc động xen lẫn hờn căm trước tội ác dã man của bọn Mỹ xâm lược, đã dùng máy bay chiến lược B52 huỷ diệt thủ đô Hà Nội- trái tim của cả nước. Bài thơ là sự thôi thúc, giục giã chúng tôi chắc tay súng xốc tới để giải phóng miền Nam. Chỉ một lần nghe mà đến bây giờ tôi vẫn thuộc: Đó là bài "Gửi Hà Nội" của Nam Hà:

*Đêm hành quân mãi miết...
Chiến sỹ bỗng thấy tim mình ngừng đập
Những trái bom của quân thù xâm lược
Ném xuống rồi! Hà nội đó, trái tim ơi!
Tiếng thét vang vang lay chuyển đất trời
Hãy nghe đây hơi chúng may, quân cướp nước
Trái tim ta đau và căm thù đã bầm gan tím ruột!*

*Chiến sỹ lại đi hăm hở dưới trời mây
Câu thơ xưa đã vọng lại rồi đây
Nghe tha thiết mỗi đường đi, nước bước
“Từ thuở mang gươm đi mở nước
Nghìn năm thương nhớ đất Thăng Long...”
Hà Nội ơi! Có biết suốt đêm ngày?
Chiến sỹ lắng nghe từng lời dục giã
Tiếng Tổ Quốc! Tiếng ngày xưa, tiếng mai sau và tất cả
Tiếng mẹ hiền dịu dặt giữa trời quê
Tiếng nước non năm tháng đi về!
Tôi chưa một lần ra thăm Hà Nội
Nhưng tôi sinh một ngày. Và Hà Nội...
Ngập Ba Đình nắng đỏ rực cờ bay
Tóc Bác Hồ đẹp tựa áng mây.
Nghe mẹ nói, mẹ cười...
Mẹ hướng tôi nhìn ra phía Bắc
Mẹ nuôi tôi và bây giờ tôi đi giết giặc...
...*

Và việc gì đến đã đến!

Ngày 27 tháng Giêng năm 1973, Hiệp định Paris được chính thức ký kết. Hai bên ngừng bắn tại chỗ.

Phải thừa nhận một thực tế là bộ đội ta không những chiến đấu ngoan cường mà còn rất nhạy bén về chính trị. Tuy vậy, đây đó, vẫn có những đơn vị và cá nhân do chủ quan và ảo tưởng nên đã phải trả giá.

Trung đoàn được lệnh của cấp trên là phải đứng chân bằng được ở các vị trí đã quy định. Bởi vì từ sáng 27 tháng Giêng trở đi, máy bay của Phái đoàn Liên hiệp quân sự bốn bên sẽ bay thị sát, vẽ bản đồ để công nhận các vùng kiểm soát của hai phía. Theo tinh thần của Hiệp định Paris thì sau 27 tháng 1 năm 1973, ở miền Nam Việt Nam sẽ song song tồn tại hai chính quyền, hai quân đội, hai vùng kiểm soát và ba lực lượng chính trị.

Đêm 26/1/1973, đơn vị chúng tôi nhận lệnh đứng chân giành dân, giữ đất ở Tân Phú, Đức Hoà (địa bàn vốn trước đây đã tác chiến quen thuộc). Do ảo tưởng và chủ quan, tin vào việc nghiêm chỉnh chấp hành Hiệp định của quân đội và chính quyền Sài Gòn nên chúng tôi không chuẩn bị phương án tác chiến. Thậm chí, công sự cũng không đào. Cả đêm hôm ấy, ai cũng háo hức chờ cho đến sáng để xem không khí hoà bình như thế nào? Chúng tôi ai nấy, có bộ quần áo nào còn mới là mặc vào để ngày mai có thể gặp gỡ với nhân dân, thậm chí là cả lính ngụy nữa.

7 giờ sáng ngày 27/1/1973, tất cả chúng tôi đều chỉnh tề quần áo, đi lại thoải mái trong ấp. Trên đầu, cờ Giải phóng (nửa đỏ nửa xanh) tung bay. Ấp bên kia là cờ ba sọc của ngụy quyền Sài Gòn. Thấp thoáng đã thấy một số tên lính thập thò mé bia ấp. ở bên này, chúng tôi chỉ trở... Bỗng hàng loạt đạn cực nhanh AR15 và M79 tới tấp quật sang phía chúng tôi. Đã có mấy đồng chí trúng đạn bị thương. Tất

cả chạy nháo nhác. Lúc này, không có công sự để chiến đấu và ẩn nấp. Pháo từ các căn cứ tiểu khu Hậu Nghĩa, Đức Hoà... dập đến. Ban đầu còn ra xa. Sau vài loạt, đạn đã rơi vào chỗ chúng tôi trú quân. Trục thẳng bắt đầu phành phạch bay tới chính pháo và bắn vào những nơi có bóng cờ của Chính phủ Cách mạng lâm thời. Chúng tôi được lệnh nhanh chóng hạ cờ để khỏi lộ mục tiêu. Địch bắt đầu tấn công bằng bộ binh. Tuy nhiên, chúng cũng dè chừng, không dám tiến sang mà chỉ bắn như vãi đạn về phía chúng tôi. Cũng may, trong vườn có hai cái hầm (trảng xê) lớn của dân đào xuyên dưới gốc bụi tre đã lâu để tránh pháo nên mọi người chui cả xuống đấy. Một điều may mắn hơn là lúc này, chiến sự nổ ra gần như khắp cả miền Nam, do vậy, máy bay địch tập trung chỉ viện cho những chiến trường trọng yếu hơn. Nếu không, chúng tôi sẽ chết chùm vì bom rồi. Càng về trưa, chiến sự càng ác liệt. Bộ binh địch tuy không vào nhưng cường độ pháo và rốcét thì mỗi lúc một gia tăng. Lại có thêm mấy đồng chí hy sinh và bị thương vì pháo và đạn 20 ly từ trục thẳng.

Tiểu đoàn ra lệnh: *"Bằng giá nào cũng phải giữ cho bằng được địa bàn đã đứng chân. Nếu để mất, chúng ta sẽ phí phạm xương máu đồng đội và đồng nghĩa với việc thu hẹp vùng giải phóng"*. Bởi vì, thế của ta và địch lúc này là thế "đa báo", đan cài nhau. Vùng giải phóng bị thu hẹp có nghĩa là vành đai của chúng được mở rộng. Sẽ bắt lợi cho ta!

Chúng tôi lại phạm một sai lầm trong nhận thức và chủ quan trong tư tưởng chỉ đạo. Đã đánh giá sai bản chất xảo quyệt của kẻ địch nên phải trả giá.

Ngay đêm ấy, cấp trên ra lệnh chỉnh đốn tư tưởng, rút kinh nghiệm. Đây là bài học xương máu về sự chủ quan, ảo tưởng. Đối với kẻ địch, ta chỉ có thể nói với chúng bằng súng đạn mà thôi! Đêm đó, chúng tôi chuyển vị trí chống càn sang áp bên cạnh, sau khi đã chôn cất tử sỹ và khiêng cáng thương binh ra bưng để du kích địa phương chuyển lên cứ của trung đoàn.

Liên tiếp trong những ngày sau đó, chúng tôi phải chống càn, đánh bật các đợt phản kích lấn chiếm của địch. Thế trận giằng co và ngày một ác liệt. Chúng tôi thương vong khá nhiều. Cấp trên phải điều động một số đồng chí ở các đại đội trực thuộc như vận tải, trinh sát, quân y...bổ sung cho các đại đội bộ binh để có thêm lực lượng đánh địch. Lúc này không có quân từ miền Bắc bổ sung. Tôi chính thức thôi, không làm y tá nữa mà chuyển về chiến đấu trong chiến dịch này. Một số đồng chí trinh sát ở D bộ (Tiểu đoàn bộ) cũng được điều xuống trực tiếp chiến đấu ở các đại đội bộ binh.

Hôm ấy, tôi và Nguyễn Văn Hồng (liên lạc đại đội), quê ở thị trấn Triệu Sơn, Thanh Hoá được bố trí chốt một công sự. Khoảng hơn 8 giờ sáng, sau những đợt pháo kích dữ dội, địch cho máy bay dội bom. Lần này, chúng thay đổi chiến thuật là dội bom trước khi cho bộ binh tràn vào. Sau trái khói弥漫 từ một chiếc OV10 bắn xuống mấy chiếc A37 bổ nhào. Tôi đứng trong công sự ngược nhìn lên, thấy những trái bom tròn như quả bóng, đen trùi trùi, lao xuống. Tôi ngồi thụp ngay xuống hét to: *"Bom rơi ngay chỗ chúng ta!"* Liên đó, chỉ nghe hục hục mấy tiếng (bom nổ quá gần không nghe được tiếng), hơi bom quạt thốc vào hầm

như cơn lốc. Công sự chúng tôi rung lắc dữ dội. Đất rơi xuống rào rào, thỉnh thoảng. Tôi vừa thụt đầu vào dưới nắp hầm, chợt hú...t... phịch! Một mảnh lớn quần quèo của cái đuôi bom, cắm ngay vào chỗ tôi vừa mới rút đầu vào. Hú vía! Nếu chậm một giây thôi, cái đầu tôi đã nát bét (kinh nghiệm cho hay là lúc nào thấy bom lao xuống tròn như quả bóng thì đó chính là bom rơi đúng ngay vị trí của mình. Nếu thấy hình bom dài thì bom sẽ rơi xa). Một trong những trái bom ấy rơi trúng ngay ngôi nhà mà trong đó có mấy đồng chí anh nuôi của đại đội đang trú ẩn cùng với toàn bộ soong, nồi, thực phẩm, ba lô, đồ đạc của mọi người. Khỏi tan, nơi ấy chỉ còn một hố bom lớn, sâu hoắm. Tối hôm ấy, sau trận đánh, chúng tôi đã cố gắng tìm kiếm nhưng không thể nào tìm thấy di hài của các đồng chí đã hy sinh vì trái bom ấy. Họ đã biến thành tro bụi!

Sau các đợt không kích và và pháo kích dữ dội, bộ binh địch bắt đầu tràn vào. Chúng tôi, những tay súng còn lại, tập trung hỏa lực bắn vào những chỗ co cụm và tiêu diệt những tên gần nhất. Những tên sống sót rú lên, chạy bật trở ra. Lại bom, pháo. Kẻ địch không ngờ mật độ bom pháo dày đặc như vậy mà chúng tôi vẫn sống sót được... Ngày hôm đó, chúng chỉ dùng bộ binh phản kích duy nhất một lần. Chủ yếu chỉ dùng hỏa lực để khống chế, hòng tiêu diệt chúng tôi.

Giao tranh ngày càng ác liệt. Địch quyết tâm đánh bật chúng tôi ra khỏi địa bàn đứng chân. Chúng tôi quyết tâm bám trụ đến cùng. Nhiều đồng chí ở trung đội trinh sát D8 là những người đang học đại học năm thứ nhất, thứ hai, khỏe mạnh, đẹp trai, thông minh. Vậy mà sau chiến dịch này, các anh lần lượt hy sinh hầu hết. Trong những ngày cuối của chiến dịch bảo vệ Hiệp định Paris chỉ còn lại anh Nguyễn Thuận (quê Đồng Lộc, nhà anh gần Ngã Ba Đồng Lộc) nguyên là lính đặc công (đại đội 25) sau đó bổ sung về trinh sát D8. Hết chiến tranh, Thuận xuất ngũ về địa phương; nay là thương binh 3/4 và đang sinh sống ở quê.

Ngày 01 tháng 2 năm 1973, đại đội 2 - D8 chúng tôi di chuyển chiến thuật đến Tân Phú. Trận đánh hôm ấy, tôi và Nguyễn Xuân Ân. (tên viết tắt) quê Xuân Lộc, Can Lộc, Hà Tĩnh ngồi chung một công sự. Ngoài khẩu B40 ra, trận này, tôi giữ thêm khẩu AK của một đồng chí bị thương đi viện. Tối hôm trước, trung đội bố trí chỗ đào công sự sát bờ tre gần góc của một khu vườn. Theo kinh nghiệm chiến đấu, tôi bảo Ân: *"Cậu nghe tớ, ta đào công sự dịch lên phía trước cách bờ tre chừng 15 mét dưới mấy luống khố qua (mướp đắng) kia. Nơi này, có phần nguy hiểm nhưng sẽ rất bất ngờ đối với bọn địch. Còn mình lại được an toàn hơn trước bom, pháo và trực thăng vì các loại này thường bắn từ bờ tre trở vào. Khi bộ binh địch vào, chờ cho chúng đến sát công sự mới nổ súng và giữ xác lại thì sẽ không việc gì."* Ân. nghe tôi. Chúng tôi đào công sự chiến đấu vào dưới rãnh của luống khố qua rồi nguy trang cẩn thận.

Bảy giờ sáng, địch gọi đại bác từ các căn cứ Đức Hoà, Hậu Nghĩa, Hiệp Hoà nã cấp tập vào trận địa chúng tôi. Lửa khói mù mịt. Các bờ tre bị pháo cày nát, đã có một số công sự trúng đạn, anh em đã hy sinh. Trực thăng quần đảo sát ngọn tre, quạt tung những gì có trên mặt đất, nhằm phát hiện công sự của chúng tôi. Phía tiền duyên, địch đã bắt đầu dàn thế trận. Dứt pháo, chúng nổ súng tấn công ngay

vào đại đội 1. Các đồng chí bên đó dừng cảm bắn trả quyết liệt. Bọn địch, lớp chết, lớp bị thương, số còn lại vội tháo chạy trở ra, tiếp tục gọi pháo chi viện. L19 về về rồi bắt chợt phóng trái khói chi điểm. A37 liền lao xuống ném bom. Phía đại đội 1, khói lửa từ những ngôi nhà bốc lên mù mịt. Trước mặt tôi và Á. lúc này có khoảng 8-9 tên, mũ sắt sùm sụp đang bí mật tiếp cận vào sát mấy luống mướp đắng. Tôi ra hiệu cho Á. chờ thời cơ thuận lợi nhất mới nổ súng. Nếu đơn độc chỉ một công sự bắn thì sẽ bị lộ và nhất định sẽ bị khống chế, tiêu diệt. Bọn địch sẽ dùng M72 (một loại hỏa tiễn vác vai) sẽ đánh bật công sự chúng tôi ngay. Phía đại đội 1, sau phi vụ bom ấy, bọn lính tràn lên bắn dữ dội và ném lựu đạn vào các công sự phía trước. Tôi đánh mắt sang đó thấy mấy tên lính lúi dưới hai công sự của anh em mình lên bốn đồng chí. Có hai người đã hy sinh. Hai đồng chí bị thương nặng. Chúng bắn luôn. Tốp lính trước mặt tôi chẳng để ý gì chỗ luống mướp đắng, chỗ chúng tôi ngồi. Chúng đang dán mắt về phía đại đội 1 mà không ngờ được chúng tôi ở ngay cạnh chúng. Chờ tiếng súng nổ rộ, tôi ra hiệu cho Á. Cả hai đồng loạt xả đạn. Tôi thấy có những thằng ôm súng nhảy dựng lên rồi mới đổ sập xuống giống như cảnh đóng phim.

Không thấy tên nào chạy trở ra, chúng đã chết hết. ở cự ly 4-5 mét với hai khẩu AK đồng loạt nổ, chúng không thể nào thoát được!

Tuy nhiên, hình như bọn lính ở bên ngoài phát hiện thấy chúng tôi nên tập trung hỏa lực dồn dập bắn vào mấy luống mướp đắng nơi tôi và Á. Cả hai ngồi thụp xuống. Giàn mướp đắng đổ sụp, che hẳn công sự, tạo thành một kiểu nguy trang tự nhiên. Nhờ đó, chúng tôi không bị phát hiện. Tôi nói với Á: *"Nếu bây giờ, M79 hoặc cối rơi trúng miệng hầm thì cả hai cùng chết. Không thì yên tâm"*. Á. hoang mang, cậu ta bảo tôi: *"Rút thôi Sơn ơi!"*. Tôi trừng mắt: *"Mày có điên không?"* Á. rên rĩ: *"Nằm đây thì chết"*. Tôi bảo: *"Chẳng thà chết ở đây. Nếu chúng vào thì cả hai cùng ném lựu đạn rồi xông lên bắn rồi cùng nhau hy sinh. Nếu địch không phát hiện ra thì sẽ sống!"*. Cậu ta không nghe, cứ nằng nặc đòi "tróc" (rời bỏ) công sự, chạy, trong khi phía trước mặt khoảng 50 mét là bộ binh địch nằm dày đặc; trên đầu trực thăng bay sát ngọn tre, sẵn sàng nhả đạn vào bất cứ chỗ nào; phía sau, pháo bắn cấp tập. Tôi nhìn xoáy vào mặt Á. nói: *"Mày chỉ cần rục rịch trườn lên khỏi công sự là tao bắn ngay chứ không đợi để trực thăng hay bộ binh địch xử mày"*. Á. im lặng. Tôi mãi dõi mắt quan sát địch phía trước. Chúng lại tổ chức tấn công vào phía đại đội 1. Tình thế cực kỳ gay go, ác liệt. Bộ đội ta phía ấy chống trả quyết liệt nhưng vì bộ binh địch quá đông và hỏa lực rất mạnh nên chúng đã lần lượt đánh chiếm thêm một số công sự nữa. Cũng may lúc ấy, từ phía sau, cối 82 ly của ta bắn lên trước mặt đại đội 1, chỗ bọn lính đang co cụm. Chúng vội vã giạt ra rồi tháo lui cùng những tên chết và bị thương. Khoảng 14 giờ 30, bất ngờ, địch gọi pháo giã cấp tập vào trận địa. Đồng thời, các loại súng bộ binh của chúng cũng đồng loạt xả đạn vào chúng tôi trong màn khói đỏ phân tuyến (lúc đánh nhau, bọn địch ném trái khói đỏ phân chia ranh giới giữa ta và chúng để trình sát L19 và trực thăng chính bom pháo, tránh bắn lên đầu chúng). Qua màn khói đỏ ấy, tôi thấy bọn địch tháo chạy rất nhanh ra khỏi vị trí của chúng và rút dần về phía tiểu khu

Hậu Nghĩa. Trên đầu chỉ còn trực thăng quần đảo nhưng chúng đã bốc lên cao. Tôi chui xuống. Á. vẫn ngồi đây với gương mặt đầy căng thẳng, và sự im lặng đáng sợ. Một ý nghĩ loé lên trong đầu tôi: *"Trời! Lúc này, mình doạ bắn hắn, lợi dụng lúc mình bận quan sát địch không để ý, mà hắn liệu lĩnh, xử mình trước rồi "tróc" công sự, thì cả hai cùng chết oan uổng!"* Tôi chột rùng mình! Nhưng không dám nói với cậu ta ý nghĩ ấy. Cũng may, bọn địch rút sớm, nếu không, tình huống ấy rất có thể xảy ra. Tôi bảo Á: *"Tụi lính rút rồi! Vậy là thoát. Nếu mày không nghe tao thì bây giờ làm sao còn cả hai thằng"*. Hai tay Á. nắm chặt lấy tay tôi: *"Cảm ơn mày! Nếu không có mày, chắc tao đã chết rồi"*. Sau trận ấy, tôi kể lại cho mọi người nghe, ai cũng bảo: *"Cậu nói đúng, lúc hoảng loạn, rất có thể nó làm liều để thoát một mình!?"*.

Cuối năm 1976, Á. phục viên. Một thời gian sau khi về địa phương, làm công an xã. Cậu ta "oách" và được việc lắm nhưng hay làm khó dễ dân. Có một lần gặp Á. (những năm 80), tôi nửa đùa, nửa thật: *"Nghe nói mày hay làm khó dễ dân lắm phải không? Đừng làm bộ. Ngày xưa chiến đấu ở chiến trường mà "to mồm" được như hôm nay thì chúng tao được nhờ"*. Hắn chỉ gãi đầu cười. Đã lâu, tôi không gặp Á. Vì cậu ta đã đưa gia đình vào Tây Nguyên, định cư trong đó rồi...

Tôi còn nhớ, phía sau ấp, chỗ chúng tôi đứng chân chống càn, có một cái ruộng lớn và sâu, vừa trồng lúa vừa nuôi cá tự nhiên. Ngày hôm đó, nhiều trái pháo rớt vào ruộng nên cá chết hết. Cá nhiều đến nỗi, chỉ cần thò tay xuống là chạm phải một lớp cá chết đè lên nhau chừng 20 cm trên mặt bùn. Tôi nhặt đầy 2 bao tải, toàn cá lóc, cá sặt, cá trê... Nhưng, vì đại đội hy sinh mất 4 đồng chí và 5 đồng chí khác bị thương nên chúng tôi phải đổ bớt đi cho nhẹ. Tuy nhiên vẫn phải cố gắng mang theo để đáp ứng cho nhu cầu sinh hoạt vì thực phẩm đã cạn.

Tôi được giao giữ hoả lực B40 ngay sau một thời gian bổ sung về D8 (Tiểu đoàn 8). Khẩu B40 mà tôi đang giữ đã qua tay nhiều đồng chí, họ đã lập được nhiều chiến công xuất sắc; đã từng bắn cháy nhiều xe tăng, tàu chiến, phá huỷ nhiều lô cốt và tiêu diệt nhiều bộ binh địch. Nhưng hầu hết các chủ nhân của nó trước đó đã hy sinh hoặc bị thương. Tôi biết, giữ loại hoả lực này là hết sức nguy hiểm. Chỉ cần bắn một trái là lộ mục tiêu ngay. Bởi khi bắn, khói trắng trùm lên cả một vùng. Bọn địch khiếp sợ B40 nên khi tác chiến, chúng tìm mọi cách tiêu diệt bằng được loại hoả lực lợi hại này. Lúc này, tôi đang được chỉ bộ tiếp tục thử thách để chuẩn bị kết nạp Đảng. Tôi được công nhận đôi tượng Đảng từ tháng 5 năm 1972 và đã làm hồ sơ, nhưng vì bị thương, đi viện... Sau đó lại chuyển sang đơn vị khác nên gián đoạn, do vậy vẫn chưa có cơ hội kết nạp. Tôi vui vẻ nhận vũ khí, mặc dù bây giờ tôi rất nhỏ con, sức vóc yếu hơn rất nhiều so với các đồng chí khác.

Những ngày tiếp theo, chúng tôi liên tục chịu đựng các đợt càn quét, lấn chiếm của Sư đoàn 25 nguy với nhiều tổn thất và thương vong khá nặng nề.

Tôi có một kỷ niệm đau buồn trong chiến dịch này. Đó là sự hy sinh của đồng chí Lê Văn Tuỳ, quê ở Cổ Đạm, Nghi Xuân, Hà Tĩnh (hồi đó cậu ta nói với tôi là ở Xuân Hoa). Hôm đó là ngày mùng 3 tháng 2 năm 1973, địch lại tổ chức

phản kích. Ta đánh bật trở ra, chúng lại điệp khúc cái công thức cũ rích là gọi máy bay dội bom và nã trọng pháo dữ dội vào trận địa chúng tôi. Gần trưa, chiến sự bỗng im ắng. Trận ấy, tôi và Tuỳ chung một công sự. Tôi giữ B40 nên đứng cửa sau, Tuỳ AK, đứng cửa trước. Nghe im lặng, Tuỳ nhô đầu lên quan sát địch trước mặt mà không hề để ý phía trước bên phải. Bỗng "đòm...!", một tiếng súng mồm còi khô khốc vang lên từ phía ngôi nhà ấy, cách chúng tôi chừng 50 mét. Tôi chợt nghe Tuỳ "hự" một tiếng nhỏ, rồi ngồi thụp xuống trong hầm. Tôi hỏi: "Gì vậy Tuỳ?". Không có tiếng đáp. Tôi khom lưng nhìn xuống. Trời! Một dòng máu chảy tràn trên mặt Tuỳ. Tôi lao đến. Tuỳ đã tắt thở! Thì ra, mãi quan sát địch phía trước, không để ý, một tên lính đã bí mật bò vào nhà, kê súng lên cửa sổ ngắm, chờ Tuỳ quay mặt sang, liền bóp cò. Viên đạn AR15 xuyên từ hõm mũi ra sau gáy. Cậu ta chết tức khắc, không nói với tôi được câu nào. Tôi kéo người đặt Tuỳ nằm cho thẳng dưới hầm, vuốt mắt rồi bắt hai tay lên bụng. Lần này, chỉ có tôi và Tuỳ nên tôi để anh nằm thẳng được chứ không như hồi tháng 5/1972, lúc anh Chương hy sinh phải để ngời dựa vào thành hầm. Tôi biết, ngày nhập ngũ, Tuỳ đã có một đứa con trai vì có lần cậu ta kể với tôi. Cậu con trai của Tuỳ năm nay chắc đã 35 hay 36 tuổi rồi (!?) Đêm đó, mọi người phải dỡ nóc hầm mới đưa được Tuỳ lên vì Tuỳ đã cứng như khúc gỗ. Trước khi mai táng, chúng tôi dốc ba lô ra. Tuỳ còn 2 lạng mỳ chính mang vào từ hồi ở Bồ Trạch, Quảng Bình. Chúng tôi ghi địa chỉ, ngày giờ hy sinh vào giấy rồi bỏ vào lọ thủy tinh, nút chặt lại buộc nilon bên ngoài, giắt vào túi áo, cùng với mỳ chính, dao găm, bi đông, túi thuốc cá nhân... Tất cả được chôn theo. Không rõ giờ đây, hài cốt Tuỳ đã được đưa vào nghĩa trang hay chưa? Đã 33 năm có lẽ!...

Cán bộ tiểu đoàn lần lượt hy sinh gần hết. Cán bộ đại đội thay thế. Tương quan lực lượng giữa ta và địch ngày càng chênh lệch. Danh sách thương vong ngày một dày thêm. Theo lệnh cấp trên, chúng tôi vẫn buộc phải bám trụ, giữ đất, giành dân. Tuy nhiên, đất thì bom cày đạn xới hoang tàn. Còn dân thì chạy hết vào các vùng địch chiếm đóng. Đối với chúng tôi, Tân Phú trở thành một bãi chiến trường xơ xác đạn bom với những tổn thất nặng nề không thể bù đắp. Hình ảnh ấy mãi in sâu trong ký ức của mỗi người lính C2, D8, E 271 chúng tôi.

Trận đánh cuối cùng của chiến dịch bảo vệ Hiệp định Pari trong đợt 1 diễn ra vào ngày 20 tháng 2 năm 1973. Như vậy là gần một tháng trời bám trụ, chúng tôi dốc toàn lực để đánh trận cuối cùng. Ngày hôm đó cũng như mọi hôm, địch lại nòng ra thăm dò rồi dùng bom pháo, trực thăng không chế, hòng tiêu diệt chúng tôi. Liên tiếp những trận phản kích của địch mỗi khi chúng bị đánh bật ra là liên tiếp các phi vụ oanh tạc của chiến đấu cơ AD6 và A37, F5... cùng những trận mưa pháo và cối 81 ly của địch. Tôi đã có nhiều kinh nghiệm bắn hỏa lực B40. Trước khi bắn, lợi dụng địa hình rồi vận động ra khỏi công sự, chọn vị trí bắn thích hợp, nhắm vào chỗ co cụm của địch, nổ súng rồi nhanh chóng ôm B40 lăn mấy vòng, trườn nhanh trở về công sự để tránh hỏa lực địch phản kích. Nhờ vậy, tôi tránh được thương vong. Đại đội tôi hy sinh thêm 6 người trong đó có anh Trọng, quản lý đại đội, quê Yên Thành (Nghệ An). Trung đội trinh sát D8 phối thuộc với chúng

tôi hy sinh chỉ còn lại 3 người. Tối hôm đó, chúng tôi cáng thương binh ra bung. Trinh sát dẫn đường, lại đụng phải ổ phục kích của địch. Ba đồng chí trinh sát còn lại hy sinh luôn. Mấy đồng chí bị thương nằm trên cáng cũng chung số phận. Số còn lại phải mở đường máu để ra cứu.

Trở ra bung Tân Phú, sau đó đơn vị rút về Hội Đồng Sầm thuộc Mỹ Thạnh Đông bên kia sông Vàm Cỏ. Nơi đây là căn cứ mà chúng tôi ở lại để củng cố và chiến đấu trong một thời gian khá dài...

Có thể nói, chiến dịch bảo vệ Hiệp định Pari hết sức ác liệt và gian khổ không kém gì chiến dịch "*Nguyễn Huệ*", "*Mùa hè đỏ lửa*" năm 1972. Quy mô, tần suất và cường độ bom đạn cùng các trận càn còn lớn hơn năm Bảy hai. Quân số thương vong cũng không hề nhỏ. Tôi và một số ít các đồng chí khác thoát chết trong các chiến dịch trên là điều nằm ngoài sự hình dung.

Cục diện chiến trường sau Hiệp định Paris có nhiều thay đổi. Tuy ở địa bàn chúng tôi ác liệt như vậy nhưng một số chiến trường khác, ta mạnh hơn nên buộc địch chấp hành các điều khoản của Hiệp định khá nghiêm chỉnh. Đặc biệt ở quân khu 8, 9, lúc bấy giờ, theo chủ trương và sáng kiến của tướng tư lệnh Lê Đức Anh (sau này là Chủ tịch nước), ta chủ động tấn công, tranh thủ giành dân, chiếm đất, mở rộng vùng giải phóng làm cho kẻ địch rơi vào thế bị động. Chúng tố cáo ta phá hoại Hiệp định. Tuy nhiên, khi phái đoàn Liên hợp quân sự Bốn bên đến thị sát thì ta đã cấm cò ở những vùng đó; đặt chính quyền Sài Gòn trước việc đã rồi...

Chúng tôi trở lại Ba Thu rồi hành quân về gần sóc "*Chếch*" và ở lại đây trong một thời gian khá dài để nhận thêm quân bổ sung, củng cố và huấn luyện, chuẩn bị chiến dịch mới. Thời gian này, tôi có nhiều kỷ niệm khó quên. Chúng tôi đóng quân trong phum (làng) có ngôi chùa Miên rất lớn. Ngôi chùa toạ lạc trên khuôn viên rộng rãi, thoáng đãng. Có một cái giếng trong vắt và mát lắm. Hàng ngày, chúng tôi thường ra giếng tắm. Cứ mỗi lần, sãi ở ngôi chùa ra tắm, tôi cũng ra tắm với họ (ở Campuchia, độ tuổi từ 10,12 trở lên là đã "*xuống tóc*" (cạo trọc đầu) để đi ở chùa rồi. Bên đó đi chùa như ta đi nghỉ vụ quân sự vậy. Tôi nhờ mấy chú sãi kỳ lưng, múc nước, rồi dội cho mình gội đầu. Tôi hoàn toàn không ngờ hành động của mình đã vô tình vi phạm chính sách quốc tế. Bên đó, sãi được mọi giới trong xã hội tôn trọng lắm. Ông bà già sáu, bảy mươi tuổi cũng phải quỳ phủ phục xuống chấp tay vái chú sãi 10,12 tuổi mỗi khi họ đi cầu thực. Trong chùa, cây cổ thụ rất nhiều, toả bóng mát quanh năm. Các loại chim cu, sáo, chèo bẻo... làm tổ ở đây nhiều lắm. Tôi vốn bắn AK rất "*tin*" (chính xác). Cu hoặc sáo đậu chót vót trên các đỉnh tháp của ngôi chùa, chỉ cần nâng súng lên vai, không cần điểm tựa, đưa vào khe ngắm, siết cò là chim lặn lông lốc xuống. Không mấy con thoát chết khi đã lọt vào khe ngắm AK của tôi. Tôi đã bắn hết khá nhiều chim của ngôi chùa này. Cho đến một hôm, ban chỉ huy đại đội cho biết: "*Lục thum*" (ông lớn, sãi trưởng) *trong chùa phản ánh: "Công tốp Việt Nam" (Bộ đội Việt Nam) bắn chim của chùa và hạ nhục sãi trong chùa(!?)*" (bắt kỳ lưng, dội nước gội đầu...) Anh Cầu, chính trị viên đại đội cho gọi tôi lên phê bình, rồi bắt viết bản tự kiểm điểm. Trong cuộc họp, đại đội đưa tôi ra kiểm điểm, nhắc nhở. Sau đó cùng anh đến

chùa, công khai xin lỗi sư sãi. Lần ấy, lẽ ra, sau các chiến dịch chiến đấu từ mùa hè 1972 đến đó, chi bộ sẽ tổ chức kết nạp tôi vào Đảng. Nhưng vì vướng phải khuyết điểm ấy nên lại tạm đình hoãn, để... thử thách thêm. Kỷ niệm ấy là bài học đủ để tôi ghi nhớ suốt đời. Sau này, khi tìm hiểu về phong tục và tôn giáo Campuchia, tôi mới biết mình đã phạm một sai lầm lớn. Rất may, là các vị sãi ở chùa này cũng rất độ lượng. Họ thông cảm cho chúng tôi. Vì thực tế, họ đã hiểu rõ bản chất của bộ đội Việt Nam. Nếu không, tôi và đơn vị chắc chắn phải chịu kỷ luật nặng. Tôi đã vô tình xúc phạm điều thiêng liêng và tối kỵ của họ. Vi phạm chính sách quốc tế và tôn giáo nước bạn. Tôi chợt nghĩ, nếu họ kiện, không biết hậu quả dành cho tôi sẽ đến mức nào?!

Một bài học lớn cho tôi và tất cả mọi người. Câu tục ngữ: *"Ai nên khôn mà chẳng dại một đôi lần"* với tôi, lúc này mới sâu sắc và thấm thía làm sao!

... Chúng tôi được nhận thêm quân bổ sung và học tập chính trị, củng cố tư tưởng và quyết tâm để chuẩn bị tiếp tục xuống chiến trường vào trận mới. Chính nơi đây, chúng tôi lại ghi thêm một kỷ niệm đau buồn, một tổn thất to lớn của Trung đoàn.

Hôm ấy là ngày 16 tháng 4 năm 1973, mười bốn đồng chí ở các tiểu đoàn và đơn vị trực thuộc, có nhiều thành tích xuất sắc trong chiến đấu, được cử đi dự Đại hội chiến sỹ thi đua của Trung đoàn ở đất bạn (Campuchia). Trên đường về đơn vị, họ đi ngang qua đại đội chúng tôi. Lúc ấy đã gần 12 giờ trưa. Chúng tôi vừa ăn xong. Trời nắng gắt, họ ghé vào xin nước uống. Tôi nhận ra ngay Hà Duy Hưng (Tiền Lộc, Can Lộc, Hà Tĩnh), vốn học cùng lớp 9, ngồi chung bàn và nhập ngũ cùng ngày với tôi. Vào chiến trường, cậu ta chiến đấu rất dũng cảm. Đã được kết nạp Đảng và đề bạt làm trung đội trưởng. Tôi ôm chầm lấy Hưng rồi mời tất cả mọi người vào nghỉ, uống nước. Tôi hỏi: *"Các anh đã cơm, nước gì chưa?"* Họ bảo: *"Chưa!"*. Chúng tôi mời họ nghỉ lại, ăn cơm, chiều đi tiếp. Và lại đi sớm quá, dễ gặp địch phục kích hoặc bị trực thăng đồ chụp. Anh nuôi nhanh chóng đổ gạo vào nồi, nhóm bếp, thổi cơm. Thức ăn đã có sẵn. Một lúc sau, cơm chín, mọi người ăn uống và nói chuyện vui vẻ. Tôi rất mến Hưng vì cậu ta đẹp trai, học giỏi, tính cách có phần ga lăng, chữ viết đứng và đẹp như chữ viết giấy khen, nét chữ rất láu. (Hưng là con của thầy giáo Hà Duy Mân, cán bộ phòng Giáo dục Can Lộc hồi đó. Tôi bắt chước tuồng chữ của Hưng nên bây giờ chữ viết của tôi cũng na ná như chữ của Hưng). Khoảng 13 giờ 30 phút, các đồng chí ấy rục rịch đi. Họ bảo phải gấp rút xuống chiến trường vì chiến dịch sắp mở. Trong số 14 người ấy ngoài Hưng ra còn có Lê Văn Chung (Thanh Lộc, Can Lộc, Hà Tĩnh) cũng nhập ngũ với tôi, làm y tá, được trung đoàn gửi kèm xuống, mang nhiều cơ sở thuốc, bổ sung cho đơn vị chiến đấu; Một đồng chí thông tin mang máy vô tuyến 2W cũng được gửi theo. Còn lại là các đồng chí Chiến sỹ thi đua của các tiểu đoàn chiến đấu 7,9 và các đại đội trực thuộc, sau khi bế mạc hội nghị, trở về đơn vị của mình. Chúng tôi can ngăn nhưng họ không nghe và cương quyết ra đi...

16 giờ 30. Bỗng có mấy tiếng nổ lớn của mìn cây mìn rồi tiếng súng AR15, tiếng lựu đạn, phóng lựu M79 dồn dập khoảng hơn 20 phút, từ hướng bùng Đức

Huệ đội lại. Linh cảm mách bảo chúng tôi: Các đồng chí ấy bị địch phục kích rồi! Không một tiếng súng AK đáp trả. Chúng tôi nhìn nhau và đều hiểu: "*Thế là hết!*".

Tối hôm đó, điện của Trung đoàn báo tin, cơ sở cách mạng của ta cho hay: Đại đội thám sát 773 của tiểu khu Hậu Nghĩa đã phục kích bằng mìn rồi dùng súng bắn chết 13 trên tổng số 14 đồng chí. Duy nhất, chỉ một đồng chí thông tin may mắn thoát được. Bỏ máy lại (mọi người cũng không hiểu vì sao cậu ta lại thoát chết!). Cũng tối hôm đó, đài Phát thanh Sài Gòn (ngụy) loan tin "*Quân lực Việt Nam cộng hoà đã hạ sát một trung đội ác ôn Việt cộng, thu nhiều chiến cụ cùng chiến lợi phẩm*" (qua giấy tờ, huân, huy chương và quà tặng nên chúng biết rất rõ) đồng thời quyết định khao thưởng cho đại đội thám sát ác ôn 773 này.

Nổi đau tắc nghẹn. Trung đoàn mất 13 đồng chí có nhiều chiến tích trong các chiến dịch. Đó là nguồn cán bộ cốt cán có năng lực trong tương lai. Một tổn thất to lớn đối với trung đoàn. Còn tôi, có nỗi đau riêng. Tôi mất đi hai người đồng hương thân thiết. Nhất là Hà Duy Hưng người bạn học, ngồi cùng bàn, cùng lớp...

Cho đến bây giờ, di cốt các liệt sỹ đó, đã có ai tìm được và đưa vào nghĩa trang nào chưa? Tôi cũng không được rõ. Tôi đã mấy lần đến nhà ông Hà Duy Mân, ông cụ thân sinh Hà Duy Hưng, đã gần tám mươi, tóc bạc như cước. Ông đón tôi và cho biết vẫn chưa tìm thấy mộ Hưng. Tám lưng trần của người cha mỗi mòn, khắc khoải trông đợi tin con, giờ đã còng rạp hẳn xuống. Đã hai lần, tôi viết thư cho Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Long An và Huyện đội Đức Hoà, Đức Huệ nhờ họ tìm tung tích của các liệt sỹ hy sinh trong trận ấy, nhưng đến nay vẫn biệt vô âm tín...

... Chúng tôi trở lại Hội Đồng Sầm, sau đó về Gò Nổi. Nhiệm vụ lúc này là không tổ chức đánh lớn như hồi 1972 hay đợt bảo vệ Hiệp định Paris vừa qua. Chúng tôi thường xuyên tổ chức các trận đánh nhỏ, lẻ. Đánh tàu, tập kích hoặc vào ấp chiến lược để làm binh vận, tuyên truyền, giác ngộ cách mạng cho nhân dân. Cũng có khi phải tổ chức chống càn, vì bọn địch thường càn ra bưng để thăm dò nhằm tiêu diệt lực lượng ta.

Sau chiến dịch bảo vệ Hiệp định Pari, khi chúng tôi rút đi rồi, bọn địch ở đây ngoan cố lấn chiếm, đóng thêm mấy cái chốt nữa. Gò nổi, An Ninh có chốt An Sơn, chốt Rạch Gân. Tân phú có chốt Rạch Nhum bên bờ sông Vàm Cỏ. v.v... Mục đích đóng các chốt đó là để ngăn chặn ta từ xa. Chúng tôi được giao nhiệm vụ phải nhổ cho bằng được chúng. Nhưng chưa có thời cơ. Bởi vậy, thường phải vác cối 81li đi tập kích vào chốt hoặc phục kích đánh nhỏ lẻ khi bọn địch nông ra thăm dò. Cách đánh của chúng tôi là ba đến bốn người, sáng sớm, vào sát đồn, bí mật theo dõi địch, chờ cho chúng kéo ra rồi vừa bám vừa rút dần. Đến một địa hình nào thích hợp, nhắm vào tốp đi đầu bắn một vài trái B40 cùng mấy loạt AK vào đội hình địch, tiêu diệt một số tên rồi tháo chạy về cứ. Làm như vậy, kẻ địch hoang mang, không dám càn ra.

Sau một quá trình điều nghiên, tiểu đoàn quyết định giao cho chúng tôi tập kích bằng hoả lực vào chốt Rạch Nhum.

Hôm ấy, tôi và Nguyễn Hữu Dĩnh (Sơn Thịnh, Hương Sơn) bắn B41. Vũ Duy Tòng (Diễn Châu) B40, Chu Văn Lương (Quỳnh Lưu) và Đào Xuân Nhuận (Đức Thọ) bắn trung liên. Phạm Khắc Đính, Nguyễn Viết Kỷ (Can Lộc) và Nguyễn Văn Tý (Yên Thành) cối 60 ly.

Đường tiềm nhập vào bốt phải vượt qua một quãng bùng chừng 300 mét trống trải. Nước sâu đến bụng. Liều phóng B41, B40 phải dùng ni lon gói chặt, buộc kín khỏi ngấm nước. Mọi người đội cỏ lên đầu để nguy trang. Súng và đạn phải chìm xuống nước rồi kéo theo người. Chúng tôi tổ chức tập kích ban ngày để tạo yếu tố bất ngờ. 13 giờ, tất cả lấy lại đồng hồ và xuất phát, hẹn đúng 16 giờ nổ súng. Chúng tôi chia thành ba mũi để tránh bị lộ mục tiêu. Đồng bùng trống trải. Tên lính gác trên chòi mãi nhìn ra hướng bờ sông mà không để ý gì phía chúng tôi. Chúng hoàn toàn không ngờ bị tập kích từ phía sau. Chúng tôi nhích từng tấc một. Chỉ khoảng trên 300 mét mà phải vận động mất gần ba tiếng đồng hồ mới vào được đến chân hàng rào thứ nhất. Da bị ngâm nước lâu nên dợt ra. Tôi lợi dụng một gốc cây tràm nép vào. Phía tay phải tôi, Dĩnh và Tòng cũng đã vào đến chân hàng rào. Chúng tôi liếc nhìn đồng hồ. Còn 10 phút nữa sẽ đến giờ nổ súng. Cẩn thận, mọi người gỡ liều phóng ra khỏi bao nilon rồi lắp hết vào đuôi đạn, đặt sẵn bên cạnh để khi nổ súng là bắn hết. Khoảng cách từ chỗ chúng tôi bắn đến chỗ bọn lính chừng 80 mét.

Lúc này, nhìn vào trong sân đồn, gần đồng bao cát, bọn lính, một số đang ăn uống gì đó, một số khác đang đánh bài, sát phạt nhau. Có mấy thằng đang ngồi trên bao cát, ngêu ngao ca vọng cổ...

Chúng tôi liếc nhìn đồng hồ rồi nhìn nhau, khẽ gật đầu. Chiếc kim nhích từng tấc một. Còn mấy giây... Tôi nhắc B41 lên vai, đứng thẳng dựa vào cây tràm, hướng vào sân đồn, nơi bọn lính nhón nháo, há miệng, bóp cò (há miệng để tránh sức ép của đạn). Một tiếng nổ chói tai. Quả đạn xé không khí lao đi, cắm phập vào giữa sân. ánh chớp màu da cam và khói trùn lên. Nhiều tiếng nổ tương tự phát ra từ chỗ Dĩnh và Tòng. Tên lính gác lộn nhào từ trên mi-đo (chòi gác) xuống, trông rất rõ. Chúng tôi bắn liên tiếp vào mấy cái lô cốt đến lúc hết cơ số đạn. Tôi và Dĩnh bắn B41, mỗi người 4 quả, Tòng B40, 6 quả. Phía sau, Nhuận, Lương bắn hết 2 "nồi" (băng) trung liên, khoảng 600 viên. Đính, Kỷ và Tý cấp tập gần ba chục trái cối 60 ly vào đồn, chìm đầu bọn sống sót để chi viện cho chúng tôi quay trở về công sự. Vì vướng cỏ và bùng nước sâu quá, nên vừa bơi vừa lội. Còn khoảng gần 100 mét nữa là về đến nơi thì pháo chụp từ Hiệp Hoà bắn đến. Từng quãng lửa loé sáng trên không và tiếng nổ chát chúa. Mảnh găm xuống như mưa. Rất may là không một ai hy sinh hay bị thương gì cả. Nhưng đáng mừng hơn là vừa về đến công sự, kịp kéo lá nguy trang lại thì trực thăng phành phạch lao tới. Nếu chậm chút nữa thì chúng tôi chẳng còn một ai. Trực thăng sẽ bắn chết hết. Ai nấy tưởng chừng như đứt hơi vì mệt. chiếc "cán gáo" quần thảo một lúc, xả đạn 20 ly vào những chỗ nghi ngờ rồi chuồn thẳng về phía Hậu Nghĩa.

Khi trận đánh xảy ra, có một tình huống hết sức buồn cười, mà sau đó chúng tôi mới biết. Số là, trước khi nổ súng, ở bên kia sông, anh Đinh Văn Luận, đại đội

phó (quê Thanh Xuân, Thanh Chương, nay là trung tá, về hưu tại khối 12 phường Hà Huy Tập, thành phố Vinh, Nghệ An) đã trèo lên một cây cao để quan sát. Khi thấy chúng tôi bắn trúng vào chỗ bọn lính đang ngồi và mấy cái lô cốt, Luận khoái quá, quên mất mình đang ở trên cây, nên thả tay ra để hoan hô. Anh rơi từ độ cao chừng 10 mét xuống. Nhưng rất may, ở bên dưới là sinh lầy, nên không việc gì. Luận bị giắt sâu xuống bùn, ngoi mãi mới lên được. Địch bị tiêu diệt gần hết. Số bị thương và sống sót hoảng loạn. Ta phá huỷ hai lô cốt và bắn sập chòi gác. Tối hôm ấy, bọn tàn quân vội vã tháo chạy bằng đường sông khỏi cái bót mới lần chiếm.

Hồi đó, tôi bị chứng "mê đay" hành đến khổ sở. Lúc còn ở nhà, tôi được bà ngoại chữa cho bằng nhiều loại thuốc Nam nhưng chưa khỏi. Khi vào chiến trường, do lợi bung, ngâm nước nhiều nên bị lăm, đau bụng liên tục. Lần ấy sau khi nhổ xong bót, cơ sở cách mạng của ta ở Tân Phú ra thăm và tặng quà chúng tôi. Chú Ba và má Sáu là những người thương tôi nhất vì trong mắt họ, tôi là người nhỏ dẻ và dễ thương, lại luôn bị chứng "mê đay" làm khổ. Chú Ba chỉ vào tôi bảo: *"Thằng Hai Sơn nhỏ con, ốm nhách và bệnh như vậy, tụi bây giao B41 cho nó, làm sao nó bắn?"*. Tôi chỉ cười. Quả thật, bắn B41 rất hại sức khoẻ. Tiếng nổ tuy không chói tai như B40 nhưng rất lớn. Chỉ cần bắn một trái là máu tai đã chảy ra rồi. Trong khi B40 phải ba trái mới chảy máu tai. Biết tôi bị chứng "mê đay", chú hứa: *"Thôi được, để hôm nào tao chữa cho"*. Nói vậy nhưng hôm sau, thấy chú mang ra một "xì" (250 ml) rượu để cùng một vật gì đen đen như hạt đỗ. Chú bảo: *"Mày nuốt đi cùng với xì rượu này, sẽ khỏi ngay!"*. "Gì vậy, chú?" - Tôi hỏi. *"Thì mày cứ làm như tao biểu!"* - chú nói. Tôi nhắm mắt, đưa vật lạ ấy vào miệng, hớp một ngụm rượu rồi nuốt nhanh vào bụng. *"Uống thêm ngụm nữa"* - chú giục. Tôi làm theo lệnh chú. *"Vậy là ổn rồi đó nghen!"*. Chú cho biết: *"Đó là cái mật rắn hổ mang"*. Má Sáu kể: *"Ngay sau khi ở bụng trở về, cả buổi chiều hôm đó, ổng tắt bật đi tìm hang rắn, cuối cùng đào được con rắn đó. Thịt thì buổi tối ổng nhậu, còn mật thì sáng nay, mang ra cho mày"*. Điều chú nói không sai, từ đó đến nay đã 32 năm, tôi không hề bị chứng "mê đay" làm khổ nữa. Quả là thần dược!

Trong tiểu đội, tôi và Nguyễn Viết Kỳ được má Sáu yêu quý nhất. Nhà má nghèo nhưng má thương tụi tôi lắm. Má có người con gái út (út Lan) năm đó mới chừng 17 tuổi (chúng tôi thường gọi cô út). Má biểu: *"Nó ưng thằng nào thì ngày thống nhất, tao cho không hà!"*. Tôi chỉ cười, nhưng Kỳ thì có vẻ quyến luyến cô nàng lắm. Thật ra thì cô gái dễ thương. Khi ra bụng với má, thấy chúng tôi làm thịt cá rô không đánh vẩy, cô bé cười ngất, giành lấy dao và cá rồi thoăn thoắt làm, trông rất điệu nghệ, không lóng ngóng như chúng tôi. Cô bé rất mến tôi và Kỳ. Thỉnh thoảng liếc mắt, tôi thấy em lén nhìn tôi. Tôi ý tứ, rồi gán ghép cho Kỳ luôn. Kỳ khoái lắm. (Bởi hai chúng tôi làm sao có thể cùng yêu một người. Nghe ra có vẻ như là tôi... cao thượng lắm? Thực lòng tôi cũng xao động trước nhan sắc và tình cảm của em dành cho mình, nhưng biết làm sao được trong khi tôi và Kỳ lại hết sức thân nhau, không thể cùng yêu một người)...

Hồi đó ở bụng, nước phèn nên quần áo mau hỏng. Quân trang chưa được cấp phát, chúng tôi chỉ dựa vào dân. Má Sáu nghèo nên không thể cho hết anh em

trong đơn vị. Lâu lâu ra, má và em thường mua cát riêng, rồi lên đưa cho tôi và Kỳ, khi thì cái quần cộc khi thì cái áo vải "*pô lin phăng*" (pô lơ lin pha nylon) màu lá. Lúc này, đối với chúng tôi, đó là thứ "xa xỉ phẩm". Những hình ảnh ấy, những ân tình sâu nặng ấy đã hơn 30 năm qua rồi, tôi vẫn khắc sâu trong dạ, luôn tự hứa và thầm nhắc với mình: Phải sống sao cho xứng đáng với tình cảm và tấm lòng trung trinh của người dân cách mạng Long An "*Trung dũng kiên cường, toàn dân đánh giặc*".

ở bưng Tân Phú, chúng tôi phải ém quân trên những bờ kinh, hai bên nước mấp mé bờ. Không thể đào công sự trú ẩn. Đêm đêm, pháo địch bắn ra bưng tràm, chúng tôi không thể mắc võng nằm được. Mà phải lội xuống bưng, be bờ, tát nước, vét bùn, sau đó rải cỏ vào rồi dùng tấm nylon lót lên để có thể ngủ. Nhiều người, đêm không may vỡ bờ be, nước tràn ngập chỗ ngủ gây sặc nước, thân thể ướt sũng như chuột lột. Nếu giăng võng nằm, pháo bắn, ngủ quên sẽ chết vì đạn pháo. Đã có nhiều đồng chí hy sinh khi đang ngủ. Đêm đạn pháo nổ, sáng mai đã chết cứng trên võng vì mảnh găm vào. Thời điểm ấy chúng tôi khát ngủ vì mất ngủ triền miên hàng tháng trời cho những chiến dịch. Một khát khao hết sức bình dị lúc ấy là ước gì có được một chỗ đất tương đối khô ráo, không có sự đe dọa của bom, pháo để trải tấm tăng nylon ra rồi vùi vào ngủ một giấc đến mấy ngày đêm liền. Vậy mà không thể có cách gì thực hiện được cái ước mơ nhỏ nhoi mà cháy bỏng ấy. Bởi mật độ bom pháo dày đặc, trực thăng quần đảo, sấm soi liên miên. Rồi các trận đánh cứ nối tiếp nhau liên tục. Tôi còn nhớ cái đêm định mệnh ấy, ở bưng Tân Phú đồng chí Nguyễn Văn Ước (Diễn Châu, Nghệ An), đại đội trưởng đại đội 16 trực thuộc (cối 82 ly) đang ngủ, một trái pháo 105 ly của địch "*đánh đảo*" ngay chỗ nằm. Sáng ra, chúng tôi chỉ nhặt được không đầy một túi nhỏ thịt xương. Những tổn thất như thế làm cho lực lượng chúng tôi ngày một mỏng hơn...

Sau trận đánh nhỏ bót Rạch Nhum nói trên, chi bộ thấy thời gian thử thách cùng những thành tích chiến đấu và lập trường tư tưởng của tôi không có vấn đề gì phải băn khoăn nữa, nên đã họp bất thường ra quyết nghị kết nạp tôi vào Đảng.

Ngày mừng 1 tháng 7 năm 1973, tôi chính thức được kết nạp Đảng Cộng sản Việt Nam. Lúc bấy giờ ở chiến trường nên lấy tên là Đảng nhân dân cách mạng Việt Nam. Như vậy là sau gần hai năm phấn đấu bền bỉ, không mệt mỏi với những tháng ngày gian khổ vượt Trường Sơn và trực tiếp chiến đấu ở những chiến dịch ác liệt nhất: Mùa hè 1972 và bảo vệ Hiệp định Paris cộng với lòng kiên định và tin tưởng vào thắng lợi của Cách mạng, cuối cùng Chi bộ C2, D8, E271 (Đại đội 2, Tiểu đoàn 8, Trung đoàn 271) đã chuẩn y kết nạp tôi vào Đảng. Tôi nhớ mãi giây phút đồng chí Chính trị viên Nguyễn Văn Cầu, Bí thư chi bộ, đọc quyết định kết nạp và tôi giơ cao nắm tay thề dưới Đảng kỳ năm ấy. Giờ phút thiêng liêng đó như một sự ghi nhận của Đảng đối với cá nhân tôi về tinh thần yêu nước; sự trung thành với cách mạng; lòng thủy chung, tận tụy với đồng đội và sự cống hiến xương máu cho chiến thắng. Với Đảng, tôi gắng vịn toàn chữ *Trung*. Với dân tôi lo tròn chữ *Hiếu*. Với đồng đội, tôi tự hào đã thực hiện trọn vẹn lời thề thứ bảy của Quân đội nhân dân Việt Nam: "*Trong tình thương yêu giai cấp, hết lòng thương yêu*

đồng chí, đồng đội... lúc thường cũng như trong chiến đấu...". Tôi luôn tự hứa và thề nhấc với mình, cần phải cố gắng hơn nữa. Không làm điều gì để phung phí đến uy tín và danh dự của người Đảng viên Cộng sản và tử hờ vong linh những bạn bè, đồng đội đã hy sinh...

Đến thời điểm này (3/2005) chỉ còn hơn ba tháng nữa là tôi tròn 32 tuổi Đảng. Trong suốt 32 năm ấy, tôi tự hào thấy mình chưa bao giờ làm điều gì trái với những lời thề trong buổi lễ kết nạp ở chiến trường tuy đơn sơ mà hết sức trang trọng và thiêng liêng lúc 14 giờ ngày 01/7/1973.

Có thể nói, đó là một dấu ấn sâu đậm và bước ngoặt trong đời sống chính trị của cá nhân tôi...

... Chúng tôi nhận nhiệm vụ trở lại Gò Nổi để đứng chân tiếp tục đánh địch lấn chiếm. Nơi đây, chúng vừa mới đóng thêm chốt An Sơn trên lộ 8 cách đồn Lớn (Lộc Giang) chừng hơn một kilômét. Lại thêm một nhiệm vụ nặng nề và khó khăn đối với chúng tôi. Cấp trên yêu cầu buộc phải nhổ cái gai này.

Chúng tôi cùng trinh sát đặc công, mất nhiều thời gian, ban đêm bò vào điều nghiên, thăm dò, nhằm tìm ra phương án tác chiến khả thi nhất để nhổ chốt An Sơn.

Công việc điều nghiên phải được tiến hành vào những đêm tối trời. Vì trăng sáng, địch dễ phát hiện được. Mỗi tháng chỉ có hai dịp, thượng và hạ tuần. Sau gần hai tháng điều nghiên vất vả, chúng tôi đã nắm được cơ bản toàn bộ sự bố phòng của chúng. Xong xuôi, tổ chức lên sa bàn cụ thể và hoạch định phương án tác chiến tỷ mỉ.

Chúng tôi nhổ chốt An Sơn vào một đêm cuối tháng 10 năm 1973. Hai mũi đột kích vào hai hướng. Tôi vào hướng đông với mũi trưởng là anh Báo (Cẩm Xuyên). Hướng đông nam mũi trưởng là anh Lưu Xuân Tiết (Hoàng Quế, Đông Triều, Quảng Ninh). Mìn ĐH10 được đặt ở những vị trí quy định như trên sa bàn. Chúng tôi người trước, người sau thành một dây. Vừa bò vừa phải dò mìn đồng thời cõng trên lưng trái mìn định hướng 10 kg, mồ hôi vã ra như tắm. Định vị xong mìn, chúng tôi bò giật lùi và cẩn thận dòng dây điện ra theo...

... Giờ G đã điểm. Từ hai hướng, mìn ĐH10 đồng loạt nổ dậy đất, mấy dây hàng rào "*bùng nhùng*", "*cũn lộn*" bị thổi tung, khai thông một lối lớn. Chúng tôi xông lên. Hoả lực B40, B41, trung liên kiểm chế các các lô cốt đầu cầu. Mọi người dùng thủ pháo tung xuống những chỗ nào có tiếng la hét. Trận đánh kết thúc nhanh chóng. Chốt An Sơn bị diệt gọn. Một đại đội địch bị xoá sổ. Ta hy sinh hai đồng chí. Tôi nhớ một tình huống. Anh Trần Đức Khâm (Sơn Tân, Hương Sơn, hiện là cán bộ Viện kiểm sát Hương Sơn, Hà Tĩnh), khi trận đánh giải quyết gần xong, bỗng nghe có tiếng nói dưới hầm, Khâm nghi ngờ có bọn lính ẩn nấp ở đây. Thay vì đánh thủ pháo xuống, sẵn AK (báng gập), anh quạt luôn một loạt xuống đó. Không ngờ, phía bên kia một tên lính còn sống sót trông thấy, liền ném một quả lựu đạn gần chỗ phát ra ánh sáng đầu nòng. Khâm không chết, nhưng bị thương. Một mảnh gang găm vào cánh tay. Phải đi viện. Đó cũng là một bài học kinh nghiệm trong tác chiến công đồn ban đêm cho chúng tôi sau này...

...Cuối năm 1973, bất ngờ, trung đoàn 271 nhận lệnh: Để lại một tiểu đoàn bổ sung cho bộ đội chủ lực địa phương Long An (thuộc tỉnh đội Long An). Các đại đội trực thuộc và hai tiểu đoàn còn lại, nhanh chóng hành quân ra chiến trường Quảng Đức, Bù Đăng (Bình Phước) nhận nhiệm vụ mới.

Một cuộc chuyển quân và xáo trộn về quân số, dẫn đến sự xáo trộn về tư tưởng và tâm lý. Lúc bấy giờ, có nhiều tin đồn là Trung đoàn được điều ra Bắc để rút kinh nghiệm đánh địch đồng bằng. Chúng tôi, ai nấy đều muốn đi theo đội hình Trung đoàn. Không ai muốn ở lại chiến trường Long An. Nhưng, như một định mệnh, trung đoàn quyết định để tiểu đoàn 7 ở lại, đồng thời cử các đồng chí Lê Văn Hàn (Yên Định, Thanh Hoá), tiểu đoàn trưởng; Nguyễn Sỹ Nghi (Đức Thọ, Hà Tĩnh), Chính trị viên tiểu đoàn; Nguyễn Văn Hảo (Tiền Hải, Thái Bình), tiểu đoàn phó; Nguyễn Huy Cơ (Nam Hà), chính trị viên phó tiểu đoàn. Rất nhiều người đã bỏ đơn vị, chạy theo Trung đoàn vì cứ tưởng sẽ được ra Bắc. Các đồng chí Hàn, Nghi, Cơ, Hảo sau giải phóng đều không ai hy sinh cả. (Đồng chí Nguyễn Sỹ Nghi, Chính trị viên tiểu đoàn 7. Hiện nay nghỉ hưu tại phường Hưng Bình, thành phố Vinh, Nghệ An).

Tôi cũng nằm trong số anh em được điều động từ các tiểu đoàn 8, 9 và các đại đội trực thuộc bổ sung cho tiểu đoàn 7. Có thể nói, đây là một tình huống đầy khó khăn, thử thách về lập trường tư tưởng đối với những người ở lại như chúng tôi. Như vậy là tính đến thời điểm này, tôi đã có mặt và chiến đấu trong đội hình của hai tiểu đoàn 9 và 8 từ tháng 3/1972; giờ đây tôi được điều về từ tiểu đoàn 8 để bổ sung cho tiểu đoàn 7, làm bộ đội chủ lực địa phương Long An. Thực tình, lúc ấy, tôi cũng dao động, muốn đi theo Trung đoàn chứ nào muốn ở lại Long An! Tuy vậy, vì yêu cầu nhiệm vụ, chúng tôi phải chấp hành.

Trung đoàn hành quân ra Quảng Đức. Còn chúng tôi sau đó lại vượt bưng Đức Huệ, trở lại Đức Hoà, Long An.

Lần ấy, tôi và Vũ Duy Tông không may bị ốm. Đơn vị hành quân xuống Gò Nổi, hai chúng tôi ở lại cứ thuộc bưng Đức Huệ. Bấy giờ đã gần Tết Nguyên đán Giáp Dần (1974). ở đây có hai vợ chồng của một người trốn lính (không đi quân dịch cho chế độ nguy Sài Gòn). Bà vợ hết sức khó tính. Tuy nhiên có hai đứa cháu gái, từ chỗ sợ sệt rồi tò mò muốn xem "Việt Cộng" ra sao, đến lúc họ gần gũi và mến chúng tôi lúc nào không hay. Một cô chừng 18 tuổi ở Đức Huệ, một cô chừng 20 tuổi nghe đâu ở trên Sài Gòn, thỉnh thoảng lại ra thăm và tiếp tế cho ông chú hay cậu gi đó trốn lính. Từ khi có hai chúng tôi, các cô ra thăm ông ta thường xuyên hơn. Nhưng có lẽ đó là cái cớ để được gặp và nói chuyện với chúng tôi. Tôi và Tông vốn thân nhau ngay từ khi mới về tiểu đoàn 7. Bởi Tông cũng khá giống tôi về hoàn cảnh. Cả hai đang học dở cấp III thì nhập ngũ, rồi đi B (đi chiến đấu ở chiến trường miền Nam - chiến trường B). Chúng tôi yêu thích thơ văn và hay lãng mạn hoá cuộc sống gian khổ, ác liệt ở chiến trường. Lần này, tôi và cậu ta ở lại. Hầu như khoảng vài ngày thì hai cô lại ra một lần. Mỗi lần ra thì ở lại mấy hôm mới về. Hai cô gái ấy là cầu nối giữa chúng tôi với bà vợ khó tính của người trốn lính ấy. Từ chỗ là một người gần như "*không thể đội trời chung*" như vậy, bà ta

dần dần bắt chuyện với chúng tôi. Một thời gian ngắn sau thì "bình thường hoá" quan hệ và rất gần gũi chúng tôi. Đặc biệt hai cô gái thì gần như đã "say" chúng tôi thật rồi. Họ thổ lộ: *"Tiếp xúc với mấy anh "Giải phóng", tụi em thấy thật dễ thương, thật dễ gần chứ hông phải như tụi lính "Quốc gia" (nguy). Mấy anh coi hiền khô hà!"*. Tôi và Tòng thường nhận được những món quà nho nhỏ, mỗi lần các cô ra bung "thăm chú".

Một buổi tối, vào khoảng 20 giờ, chúng tôi đang ngồi uống trà và kháo chuyện với nhau trong lán dưới ánh đèn cây (nén), bỗng đạn pháo từ Đức Huệ rít xẹt qua đầu rồi nổ cách chỗ chúng tôi chừng vài ba trăm mét. Hoảng quá, hai cô ôm chặt lấy tôi và Tòng. Tôi bảo họ: *"Hãy bình tĩnh, tụi tôi dẫn xuống hầm"*. Tôi và Tòng dẫn hai cô gái chạy ra công sự tránh pháo cách đó chừng 5 mét, chui xuống. Xuống hầm rồi, lòng hầm tối om. Và không những họ không buông chúng tôi ra mà còn ôm chặt hơn. Tôi mắc cỡ (xấu hổ), gỡ tay cô gái ra nhưng cô ta càng riết chặt hơn. Tôi đang lúng túng, chưa biết xử trí thế nào thì bất ngờ, cô gái kéo đầu tôi ghì sát vào ngực mình rồi cúi xuống đặt vào môi tôi nụ hôn... Một mùi hương từ thân thể con gái quyến với đầu gối đầu ngan ngát toả ra... Một tình huống hết sức bất ngờ! Tôi hoảng quá, đẩy cô gái ra. Nhưng càng đẩy, cô ta càng ôm chặt hơn. Hình như Tòng cũng rơi vào hoàn cảnh tương tự. Bởi tôi lơ mờ nhận ra điều ấy... Lần đầu tiên trong đời, tôi "bị" một cô gái "tặng" hôn như thế! Tôi vội nói lảng: *"Thôi Tòng ơi, lên thôi! Hết pháo rồi!"*. Tôi gỡ tay cô gái ra rồi trườn nhanh lên khỏi công sự. Mọi người lục tục lên theo. Chúng tôi chia tay. Hai cô gái về lán của ông chú còn chúng tôi trở lại lán của mình. Đêm ấy, tôi và Tòng thao thức, kể cho nhau nghe những gì đã xảy ra. Thì ra Tòng cũng "bị" y như tôi. Một sự trùng hợp thật "ngẫu nhiên". Sáng hôm sau, hai em đến chào chúng tôi để về sớm. Gương mặt rạng rỡ của hai cô gái không hề tỏ ra một chút bối rối nào, và còn hẹn: *"Vài bữa nữa, tụi em lại lên thăm mấy anh"*. Không ngờ, đó cũng là lần cuối cùng chúng tôi gặp hai cô gái "vô tư" và "liều lĩnh" ấy.

Mấy ngày sau, bất ngờ chúng tôi nhận được lệnh phải khẩn trương trở lại đơn vị để chuẩn bị vào chiến dịch. Thực lòng, từ lúc nhận lệnh, tôi và Tòng nôn nao mong gặp lại hai cô gái ấy để nói lời tạm biệt sau chót. Nhưng chờ mãi đến 4 giờ chiều, cũng chẳng thấy các cô đâu? Đã đến giờ hành quân, chúng tôi chỉ biết gửi lại lời nhắn cho ông chú "trốn lính" rằng: *"Chúng tôi cảm ơn hai cô đã "giúp đỡ" chúng tôi rất nhiều. Hẹn ngày tái ngộ..."*

Đã trên 30 năm có dư, kể từ ngày tôi và Vũ Duy Tòng chia tay hai cô gái kia vào một buổi sáng cuối năm 1973. Bấy giờ, sắp đến Tết Nguyên đán Giáp Dần...

...Giờ đây, thời gian chắc đã đưa hai cô gái ngày ấy lên thiên chức mới. Không biết có lúc nào đó trong cuộc đời mình, họ lại được gặp lại nhau để nhớ về kỷ niệm "ngọt ngào" trong một đêm bị pháo kích ở cứ Hội Đồng Sầm, Đức Huệ năm nào với hai anh giải phóng miền Bắc, mà trước đó trong con mắt họ là hai "Việt Cộng" đáng sợ!

Tôi và Vũ Duy Tòng trở lại đơn vị vào dịp gần Tết. Đơn vị tổ chức đón Tết tại cứ. Đài Phát thanh Giải phóng đưa tin cả ta và nguy đều ngừng bắn tại chỗ

trong mấy ngày này. Nếu như năm 1973, chúng tôi không có Tết, mà chỉ ăn Tết bằng những trận giao tranh dữ dội bảo vệ Hiệp định Paris, đánh địch lần chiếm thì Tết này, đơn vị tổ chức cho chúng tôi ăn Tết trước khi vào chiến dịch. Các ba, các má, các chị và cơ sở cách mạng uỷ lạo cho nhiều quà. Có đủ cả bánh tét, bánh ú, thịt mỡ, dưa hành, thuốc lá, hạt dưa, kẹo... Nói chung là khang trang cho một cái Tết ở chiến trường.

Sau Tết, có tin tình báo, địch sẽ tổ chức một trận càn lớn ra bùng để thăm dò vì chúng đánh hơi được lực lượng ta đang chuyển quân xuống chiến trường. Chúng tôi nhận lệnh phục kích chặn đánh một đoàn tàu chở ba đại đội địch đi càn.

Trung đội 2 chúng tôi do anh Nguyễn Văn Báo, trung đội trưởng, chỉ huy, phục kích chặn đánh đoàn tàu này. Chúng tôi mai phục đã mấy ngày mà tàu vẫn chưa đến. Tranh thủ thời gian, anh em thả lưới và lợp (giống như lờ ngoài Bắc nhưng lớn hơn rất nhiều) ven bờ để cải thiện. Cá, tôm ở sông Vàm Cỏ Đông nhiều vô kể, vì nước sông khi lớn, khi ròng, lắm phù du, sẵn thức ăn. Chỉ cần thả mấy khúc mỳ (sắn) vào lợp rồi buộc dây cho xuống mép bờ sông, qua chừng hai đêm vớt lên, trong lợp ít nhất cũng có cả chục con tôm càng xanh to như vỏ đạn 20 ly. Còn lưới thì sau một đêm thả, gần như mắt nào cũng có cá dính. Nhiều nhất là cá Lòng tong (thịt ngon nhưng rất nhiều xương). ở đây, không bao giờ thiếu thực phẩm tươi. Ai đã từng đến và chiến đấu ở mảnh đất này cũng chỉ ít một lần được thưởng thức cơm gạo Nàng Thơm ăn với cá bóng kèo kho, một đặc sản duy nhất mà chỉ ở miền hạ Long An mới có được. Chỉ cần một lần thôi là đủ để nhớ cả đời. Có thể nói nó vừa là đặc sản nhưng đồng thời đã trở thành nét văn hoá ẩm thực của người dân vùng quê này từ bao đời. Nét văn hoá ấy đã đi vào lời ca điệu nhạc của cải lương tài tử:

"...ơi miền Hạ trái màu xanh bát ngát,

Anh quý gạo Nàng Thơm con cá bóng kèo.

Nhưng... xích xe tăng đã cày nát lên những xóm nghèo"...

Đúng như lời ca vọng cổ. Cái vẻ đẹp mang nét văn hoá đậm chất dân gian Nam Bộ ấy đã và đang ngày đem rên xiết dưới sức tàn phá, huỷ diệt của bom đạn và chất độc dioxin của Mỹ. Chiến sự nơi đây vô cùng ác liệt, địch càn quét, đổ chụp, pháo bầy, trực thăng quần đảo liên miên...

Sự chờ đợi đã đến! Hôm đó là ngày 12 tháng 3 năm 1974.

Vào khoảng 8 giờ sáng, ba chiếc tàu "mặt dựng" (há mồm) chở 3 đại đội địch do tên thiếu tá Nghĩ, tiểu đoàn trưởng, khét tiếng ác ôn, chỉ huy. Khi đoàn tàu đi ngang qua quãng sông nơi chúng tôi phục kích, bất ngờ, chúng dồn hết các loại hỏa lực bắn như mưa vào trận địa mai phục (chúng chỉ nghi ngờ mà thôi). Đồng chí Báo ra lệnh: *"Tất cả chui xuống công sự để tránh đạn và chú ý quan sát động thái bọn địch. Nếu chúng có ý định đổ quân thì thực hiện phương án đã định!"*.

Tuy nhiên, sau một lúc bắn như đổ đạn vào bờ sông, nơi có công sự của chúng tôi, không thấy phản ứng gì, chúng nổ máy cho tàu chạy ngược lên phía trên

cách chừng 2 km rồi dừng lại. Chúng tôi, ai cũng ngỡ địch sẽ đổ quân càn quét trên đó.

Không ngờ, khoảng hơn một giờ sau, từ xa, chúng tôi phát hiện đoàn tàu 3 chiếc lúc này từ từ trôi xuống (chúng lợi dụng nước ròng, tắt máy, thả trôi). Đến ngang trận địa, bất ngờ, nổ máy quay ngang tàu 90 độ, rồi sập cái lưới tàu phía trước, từ từ chạy vào bờ. Trên boong, bọn lính tay cầm súng. Thằng Nghĩa cời trần đứng chống nạnh, tay đeo đồng hồ "*Thủy quân lục chiến*", da đỏ như gà chọi, hò hét bọn lính chuẩn bị đổ bộ. Chờ cho ba chiếc tàu xấp vào cách bờ chừng 30 mét, chúng tôi đồng loạt phát hỏa. B40, B41, trung liên, AK bắn dữ dội vào tàu địch. B40 và B41 cứ nhằm bụng tàu, tổng đạn vào. Đạn nổ âm trong khoang làm bọn địch trong đó chết rụi hết. Trung liên và AK rà sát mặt boong. Bọn địch bị bắn, rớt xuống sông như sung rụng. Không một tiếng súng chống trả. Khi tàu đang tiến vào, bất ngờ bị B41 tổng vào bụng, nó khựng lại một giây rồi theo quán tính lao vào bờ. Trên boong không còn một tên nào sống sót. Chúng tôi cũng thôi bắn. Lúc này nước đã ủa vào khoang. Tàu đang chìm dần. Khói lửa mù mịt một quãng sông. Có chiếc đã áp sát bờ công sự của chúng tôi. Trong số 11 quả đạn B40 tôi bắn, bị lép mất 2 quả. Còn 9 quả, tôi tổng hết vào bụng của hai chiếc tàu gần nhất. Máu tai và máu mũi tôi chảy thành dòng. Lịch sử bắn B40 của tôi trong tác chiến đã đạt đến kỷ lục! Hai tai tôi ừ đặc mất khoảng gần hai tuần lễ. Mất hoa đom đóm. Tôi cũng không giải thích nổi tại sao mình lại có thể bắn một lúc được nhiều đạn như vậy!/? Bây giờ thì tôi đã hiểu được vì sao chị Ngô Thị Tuyền (Hàm Rồng, Thanh Hoá), ngày trước, khi trọng lượng cơ thể của mình chưa đầy 50 cân mà một lúc vác hai hòm đạn pháo gần 100 kg chạy lên đồi, tiếp cho bộ đội phòng không!

Hậu quả của trận bị thương ngày 18/5/1972 cộng với quá trình bắn B40, B41 quá nhiều, nên từ đó đến nay, tai tôi luôn luôn như có con ve nằm kêu suốt ngày đêm trong đó. Giờ đây, khi tuổi đã cao, sức khoẻ giảm sút, vết thương cũ tái phát, hành hạ, cơ thể đau nhức; tai tôi lắm lúc ừ đặc, nghễnh ngãng, chẳng nghe thấy gì.

Cả ba đại đội địch đi càn, bị nhận chìm trên sông Vàm Cỏ Đông. Chỉ còn duy nhất một tên sống sót (theo cơ sở ta cho biết) chạy lên Toà thánh Tây Ninh trốn biệt. Chúng tôi được lệnh rút khỏi trận địa. Tôi chỉ còn khẩu B40 không đạn nhẹ tên, chạy một mạch về cứ, tắt giạt rồi mắc võng nằm, lúc ấy pháo từ Hiệp Hoà mới giã xuống trận địa. Ba mươi phút sau, hai chiếc A37 bay tới dội mấy loạt bom. Chúng tôi ở cứ, cách đó hơn 1 km, trèo lên cây nhìn rồi vỗ tay reo!

Đài Phát thanh Giải Phóng, một ngày sau đó, đưa tin: "*Ngày 12 tháng 3 năm 1974, Quân Giải phóng trung Nam Bộ đã bắn chìm 3 tàu càn trên sông Vàm Cỏ Đông tiêu diệt 3 đại đội địch, với hơn 180 tên, trong đó, có tên tiểu đoàn trưởng ác ôn*" (tức thằng Nghĩa).

Con sông Vàm Cỏ biết bao lần đã ghi dấu chiến tích của chúng tôi và đồng đội trong mỗi trận đánh, nhưng có lẽ lần này là chiến công chói lọi nhất. Dòng sông ấy là đề tài sáng tác bất tận cho các văn nghệ sỹ và nhạc sỹ trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai..

Nhạc sỹ Trương Quang Lục đã rất thành công khi viết giai điệu chấp cánh cho lời thơ của Hoài Vũ để có bài hát nổi tiếng "*Vàm Cỏ Đông*". Với âm hưởng và ca từ giàu tính sử thi, đậm chất dân ca Nam Bộ mà mỗi khi cất lên, chúng tôi tự hào như thấy có hình bóng của mình trong đó:

"oi, Vàm Cỏ Đông, hỡi dòng sông! Nước xanh biêng biếc chẳng đổi thay dòng. Đuổi Pháp đi rồi, nay đuổi Mỹ xâm lăng... Có anh du kích dũng cảm kiên cường. Lăn ánh trắng mờ băng lửa đạn qua sông. Giặc đi đời giặc, sông càng xanh trong!"...

...Trung đội tôi được thưởng Huân chương Chiến công Giải phóng hạng Nhất. Còn tôi và các đồng chí khác cũng vinh dự được nhận Huân chương Chiến công Giải phóng các hạng Nhì và Ba.

Có thể nói, trong lịch sử đánh tàu của đơn vị tôi, thì trận ấy đã ghi một chiến công chói lọi. Thắng lợi nằm ngoài sự mong đợi. Chúng tôi không phí một giọt máu nào.

Mấy ngày sau, chúng tôi trở lại Gò Nổi đứng chân để nhận nhiệm vụ đánh bót Rạch Gàn (An Ninh, Đức Hoà). Đây là bót do bọn địch mới lần chiếm sau Hiệp định Paris nhằm phong tỏa tuyến hành lang vào ấp chiến lược và ngăn chặn việc chuyển quân của ta từ Campuchia xuống theo đường giao liên trong bưng Đức Huệ. Cấp trên giao nhiệm vụ, bằng mọi giá phải nhổ bống được bót này. Sau một thời gian dài điều nghiên, đêm 29/3/1974, chúng tôi hạ quyết tâm đánh bót. Đó là một đêm tối trời. Hai mũi theo phương án đã định bò vào. Mũi 1 do đồng chí Nguyễn Văn Tám (quê Hải Phòng) quyền đại đội phó, làm mũi trưởng. Mũi 2 do Trương Thiên Lý (Thạch Sơn, Thạch Hà, Hà Tĩnh) là lính đặc công của đại đội 25, làm mũi trưởng (Lý hiện thường trú tại phường Nam Hà, thị xã Hà Tĩnh). Hợp đồng đến giờ G (1 giờ sáng) nổ súng. Nhưng khi đang cất hàng rào thì mũi 1 bất ngờ đụng phải mìn sáng. Bị lộ, bọn địch trong lô cốt và các công sự xả đạn về phía đó. Mũi 2 của Trương Thiên Lý chuyển thành mũi chính, tổ chức đánh cường tập ngay lập tức. Nhưng do lộ quá sớm nên kế hoạch không thành. Mũi 1 có 3 đồng chí hy sinh và một số bị thương tại cửa mở. Tiểu đoàn ra lệnh phải tổ chức tấn công để lấy thương binh tử sỹ ra. Sau mấy đợt phản kích, vẫn không giải quyết xong trận đánh. Không những không lấy được anh em ra mà số thương vong tăng thêm 7 người. Trời đã gần sáng, ta buộc phải rút và đành để thương binh tử sỹ nằm lại. Chúng tôi nhanh chóng lui ra bờ sông rồi xuống xuống do du kích đón sẵn, trở về bên kia. Tôi kịp lên thuyền xuống sau cùng trước khi trời sáng. Sau chuyến ấy, xuống không qua được nữa vì mặt trời đã ló lên phía chân trời. Đồng thời đã nghe tiếng trực thăng phành phạch từ hướng Hậu Nghĩa. Rất nhiều đồng chí sang không kịp, bị kẹt lại bờ bên kia. Các đồng chí ấy, số thì "*chém về*" (trôn) dưới bưng. Một số dũng cảm vượt sông để trở về bên này. Nhưng thật đáng tiếc, sông Vàm Cỏ Đông ở quãng này rộng chừng 300 mét nên nhiều đồng chí do đuối sức vì đói và đánh nhau suốt đêm qua, lại mang cả súng, nên ra giữa sông thì chìm. Một số khác đội lục bình (bèo Nhật Bản) trên đầu để bơi, bị trực thăng phát hiện, bắn chìm luôn. Chính trị viên đại đội tôi - đồng chí Tống Minh Sướng (Hà Bắc), may mắn

thoát chết, bơi được sang bờ bên này, cố lết về đến chỗ trú quân ở cứ. Một hình ảnh hết sức xúc động: Khi anh về đến nơi, chúng tôi vừa ăn trưa xong. Cơm hết sạch. Anh phải dùng một cái gai, lầy vào từng hột cơm còn sót lại trong rá để cầm hơi trong khi chờ chúng tôi nấu cơm. Cơm sôi một lúc, tôi múc vội một bát nước, bón cho anh, lát sau anh tỉnh dần...

Bên kia sông, tiếng súng địch vẫn dội lại, vì lúc này chúng đã kiểm soát trận địa. Trục thẳng tiếp tục quần thảo, xăm tĩa vào những nơi nghi có "*Việt Cộng*". Trận đánh không thành nhưng tấm gương hy sinh của đồng chí Nguyễn Văn Định (Sơn Bình, Hương Sơn, Hà Tĩnh) thì đã trở thành bài ca bất tử về lòng dũng cảm vô song và ý chí tiến công địch đến hơi thở cuối cùng của người chiến sỹ Quân giải phóng miền Nam.

Đêm ấy, trong đội hình tiến công, Định mang thủ pháo đẩy mình để làm nhiệm vụ đánh lô cốt đầu cầu. Nhưng khi vào cửa mở, bị lộ. Địch tập trung hỏa lực bắn dữ dội vào đó. Anh bị thương gãy đùi. Chúng tôi mấy lần tổ chức phản kích để lấy tử sỹ và thương binh nhưng không thể được. Lại hy sinh thêm nhiều đồng chí nữa. Đành phải để lại. Sáng sớm, bọn địch nóng ra giải toả. Chờ chúng đến gần, anh giơ tay vẫy. Chúng tưởng anh xin hàng, liền nhào đến rất đông. Mười mấy thằng xúm lại vây quanh Định. Chỉ chờ có thế. Trong chớp mắt, Định điểm hỏa. Một tiếng nổ dậy đất. Toàn bộ khối thủ pháo dưới cơ thể anh bị kích nổ. Mười mấy thằng nguy xung quanh anh tan xác. Còn anh, thân thể đã biến thành tro bụi dưới sức nổ của hơn 8kg TNT. Bọn địch sống sót kinh hoàng, khiếp đảm và kính phục anh. Mẫu chuyện tôi viết về Định, người đồng chí kiên cường, quả cảm của chúng tôi là dựa theo lời kể của cơ sở ta do bọn địch có mặt hôm đó kể lại về cái chết quả cảm của một "*Việt Cộng*" trong trận Rạch Gắn.

Đơn vị tổ chức học tập gương chiến đấu dũng cảm của Định, đồng thời quyết tâm trả thù cho anh và các đồng chí khác hy sinh trong trận đánh hôm đó.

Trận công đồn năm ấy lùi vào quá khứ đã gần 1/3 thế kỷ. Nhưng kỷ niệm về nó thì vẫn vẹn nguyên và thường trực trong ký ức của mỗi chúng tôi. Nó luôn nhắc chúng tôi phải sống thế nào cho khỏi tủi hổ vong linh của Định cũng như biết bao đồng đội khác đã anh dũng hy sinh không tiếc máu xương mình cho độc lập tự do của đất nước này.

Chúng tôi đã đề nghị lên cấp trên xét truy tặng danh hiệu "*Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân*" cho Định. Nhưng rồi các chiến dịch và những trận đánh ác liệt và thần tốc cứ nối tiếp nhau, cuốn đi như cơn lốc cho đến ngày 30/4/1975. Đến bây giờ, sau 31 năm kể từ ngày đi vào cõi bất tử, Định vẫn chưa có được danh hiệu cao quý đó để xứng đáng với tầm vóc hy sinh to lớn của Anh.

Sau trận ấy, chúng tôi họp củng cố rút kinh nghiệm, học tập gương chiến đấu, hy sinh quả cảm của Định, phát động lòng căm thù địch, quyết tâm trả thù cho Định và các đồng chí đã hy sinh đồng thời chuẩn bị cho các trận đánh nối tiếp.

Ngày 9 tháng 5 năm 1974, vào một buổi chiều đầu mùa mưa. Khoảng 16 giờ chúng tôi nhận lệnh xuống kinh xáng Trà Cú vùng đông nam Đức Huệ điều nghiên địa hình để đưa quân xuống, chuẩn bị mở trận đánh mới ở địa bàn này.



Đoàn chúng tôi gồm lính của các đại đội 1,2,3,4 và trinh sát tiểu đoàn do đồng chí Nguyễn Văn Hảo, tiểu đoàn phó, chỉ huy. Đại đội tôi có anh Đinh Văn Luận, đại đội phó (Thanh Xuân, Thanh Chương), Lê Văn Nhâm (Phúc Lộc, Can Lộc) Hồ Hữu Danh (Sơn Hàm, Hương Sơn, đã mất năm 2001 do nhồi máu cơ tim) Nguyễn Văn Quý (Tân Kỳ - Nghệ An) và tôi. Tiểu đoàn lúc ấy, có anh Thạch (Hưng Nguyên - Nghệ An) y tá tiểu đoàn, Nguyễn Văn Đông (Trà Vinh), thiếu úy, trợ lý tác chiến tiểu đoàn, và một số đồng chí khác, tôi không nhớ hết. Tất cả khoảng trên 20 người. Chúng tôi lầm lũi đi trong mưa lất phất và không gian âm đạm khác thường.

Hơn một tiếng đồng hồ sau thì hết mưa. Chúng tôi tiếp tục nhắm hướng kinh xáng đi tới, sau khi đã nghỉ giải lao. Khoảng 10 giờ đêm, chúng tôi vượt qua cây cầu Sắt. Nơi đây, bọn địch thường xuyên phục kích. Bộ đội và du kích nhiều lần đụng địch chỗ này. Mọi người hết sức cảnh giác, bám lên từng bước rồi cuối cùng cũng vượt qua được cây cầu ấy. Càng về khuya, càng khát vì bị đông mọi người đã cạn. Mùa khô nên cả chặng hành quân không một hồ bom nào có nước. Ai nấy đều mong đến chỗ có nước để được uống thoả thích. Mười hai giờ, chúng tôi đến một vị trí mà theo Đông, thì nơi đây có mấy hố bom lớn về mùa khô vẫn không cạn. Địa hình nơi này Đông rất quen thuộc. Chúng tôi được lệnh tạm nghỉ để tìm nước. Đông nhanh chóng dẫn mấy người chạy đi tìm mấy hố bom đó, trong khi chúng tôi đặt ba lô ngồi nghỉ để chờ. Tất cả giãn ra để cảnh giác pháo "đĩ" ban đêm có thể bất ngờ lao tới. Chừng 10 phút. Bỗng một ánh chớp rồi tiếng nổ chói tai vang lên từ hướng anh Đông và mấy người vừa chạy tới. Chúng tôi biết ngay, họ đã "đính" mìn clâymo. Mấy người lao đến nơi có tiếng nổ, dìu được Đông ra tới gần chỗ chúng tôi. Vừa đến giữa ruộng, bỗng tiếng súng AR15 và M79 bắn vào nơi phát ra tiếng nổ ban nãy. Mọi người đành để Đông nằm lại giữa ruộng và giãn ra. Đông rên lớn vì đau quá do bị thương nặng và sợ bị bỏ rơi. Lúc này, địch bắt đầu nhả đạn dữ dội vào hướng chúng tôi. Mọi người, trong đó có tiểu đoàn phó Hảo cùng anh em còn lại lùi ra phía sau. Địch tập trung hỏa lực bắn mạnh ra sau, rồi gọi cối, pháo bắn theo hướng rút của họ. Còn lại ở trận địa là anh Luận, Nhâm, Danh, Thạch - y tá tiểu đoàn và tôi. Tôi nói với Luận: *"Bây giờ anh là chỉ huy cao nhất ở đây, anh phải lệnh cho anh em vào cứu Đông chứ không thể bỏ anh ấy lại"*. Luận đang chần chừ. Tôi lên cò súng, bảo: *"Thôi, anh giữ B40 giúp để tôi vào đưa Đông ra. Nếu địch phát hiện ra và bắn, thì giá nào anh cũng phải bắn trả B40 để yểm hộ tôi. Nếu anh không bắn, tôi mà thoát chết ra là tôi bắn anh đó!"* Luận: *"ừ, ừ... Mày vào đi, tao yểm hộ cho"*. Tôi quay sang Thạch: *"Thôi, tớ và cậu vào đưa Đông ra!"*. Trước sự cương quyết của tôi, Thạch vững dạ hơn rồi cùng tôi chạy lom khom vào chỗ Đông nằm. Thấy chúng tôi đến, Đông thều thào: *"Ai đó?"*. *"Sơn và Thạch đây! Anh yên tâm chúng tôi đưa anh ra!"*, tôi nói. Đông mừng lắm: *"Ôi! Cảm ơn Sơn và Thạch nhen! Cảm ơn các đồng chí!"*. Tôi ghé sát tai Đông nói nhỏ: *"Chúng tôi dù chết cũng không bao giờ bỏ đồng đội bị thương cả. Anh cố gắng nhé! Đừng rên. Nếu rên, bọn địch nghe thấy chúng ta sẽ không thoát đâu!"*. Đông nén đau, im lặng...

Tôi và Thạch cố gắng kẻ nách, người chân đỡ Đông lên. Nhưng Đông rất nặng (Đông vốn cao to), hơn nữa, do bị thương nặng nên khi chúng tôi nhấc lên, anh cứ oặt người xuống vì đau. Loay hoay một lúc vẫn không đưa Đông đi được. Tôi bảo Thạch: *"Thôi, cậu bỏ ra"*. Tôi luồn một tay dưới cổ và một tay dưới khoeo chân Đông gắng sức lấy đà nhấc nổi lên rồi lom khom chạy ra chỗ Luận và mấy người đang chờ sau một bờ đất. Thạch xách AK bám kịp tôi. Thạch vốn rất cao to, khoảng 65- 68 kg, trong khi tôi nhỏ dẻ và yếu hơn Thạch nhiều. Không hiểu sao lúc ấy, tôi bế nổi Đông chạy ra được như vậy? Thật kỳ lạ!

Vừa đặt Đông nằm xuống thì địch tung pháo sáng lên. Tiếp theo là các loại súng thi nhau đổ đạn về phía chúng tôi. Nhưng chúng không dám xung phong. Gần đó có một hố bom, mọi người cùng dìu Đông xuống rồi lợi dụng ánh hoả châu bằng bó lại cho anh. Đông dính mìn clâymo. Phần trước cơ thể bị bi găm lỗ chỗ. Anh bị thủng bàng quang và nhiều nơi khác. Máu bê bết khắp thân thể. Đạn địch dần dần chuyển làn, nổ phía sau nơi chúng nghỉ anh em mình chạy ra đó. Chờ dứt tiếng súng bộ binh, tôi nói với Luận: *"Bây giờ, anh cho người đi chặt tre để cáng Đông"*. Luận cử Nhâm. Nhâm chân chừ, không dám đi. Tôi bực quá, mắng Nhâm (mặc dù tôi với Nhâm là đồng hương cùng huyện, nhập ngũ một ngày). Nhâm đành mang dao găm và súng đi. Khoảng 20 phút sau, cậu ta quay về tay không. Nhâm vào chặt tre, sợ đụng phải địch nằm trong đó nên quay lại. Chúng tôi lại mắng vào mặt cậu ta rồi bắt phải quay lại chặt bằng được tre để cáng Đông. Chừng 40 phút sau, mới thấy Nhâm lò dò kéo ra được một ngọn tre khô. Chúng tôi hỏi: *"Sao lâu thế?"* Nhâm hỏn hển: *"Không dám chặt ...vì sợ địch nghe thấy nên dùng dao gọt theo thân tre cho... đứt rồi kéo ra"*. Róc vôi gai tre, chúng tôi nhanh chóng buộc võng rồi thay nhau cáng Đông. Một người đi trước dẫn đường, bốn người còn lại thay nhau, hai người cáng, hai người đi sau mang hết đồ đạc cho họ. Tất cả quay lại theo đường cũ. Gần đến cầu Sắt, chúng tôi giật mình vì nghe thoang thoảng trong gió mùi thuốc lá "Ru Bi". Tất cả im lặng, khẽ đặt Đông nằm xuống. Tôi và Nhâm bám lên, chúng tôi trườn rất nhẹ đến gần sát mọi người rồi mà vẫn không ai hay biết gì cả. Tôi nhìn qua ánh sáng của điều thuốc lá, thấy trên khuôn mặt là vành mũ tai bèo. Tôi bầm Nhâm: *"Anh em mình!"*. Tôi gọi trong khi khoá cò B40 đã mở: *"Có phải anh em mình đó không?"* Họ nhận ra tiếng tôi rồi đồng thanh trả lời *"Phải! Phải!"*. Tất cả ủa lại chỗ tôi và Nhâm. Mọi người riu rít hỏi tình hình như thế nào? Tôi nói sơ qua, rồi bảo họ thay cáng cho anh em vì đã quá mệt, đồng thời khẩn trương về cứ vì trời sắp sáng. Thì ra sau khi bọn địch nổ súng, tất cả rút lui, về đến đây thì gặp nhau rồi ngồi ngóng chúng tôi. Họ cho rằng, chúng tôi đã chết trong đó rồi. Gần đến cứ, cách chừng 3 km, lúc này, Đông rên rất dữ và giãy đạp mạnh làm anh em khiêng suýt ngã. Bỗng, anh bật mạnh rồi rơi xuống đất, nằm thẳng đừ, mắt trợn ngược. Anh giật giật mấy cái nữa rồi tắt thở. Đông hy sinh lúc gần 5 giờ sáng ngày hôm đó. Chúng tôi vuốt mắt cho anh rồi tiếp tục bế lên võng, khiêng về cứ.

Về đến Hội Đồng Sầm lúc 6 giờ sáng. Chúng tôi báo cáo sơ qua tình hình với tiểu đoàn rồi làm thủ tục an táng Đông trên một gò đất cao của cứ. Tất cả cúi

đầu mặc niệm anh - người đồng chí thân thiết đã ra đi... Xót thương Đông quá! Anh mới đi học ở một trường quân sự tại Liên Xô về, vừa bổ sung vào tiểu đoàn 7 được mấy tháng nay. Cách đó gần một tháng, gia đình dưới Trà Vinh gửi lên cho anh một gói quà, trong đó có chiếc đồng hồ SEIKO5 màu trắng. Anh luôn đeo nó trên tay và xem như kỷ vật vô giá. Chúng tôi đem những tư trang quý của anh gói lại cẩn thận rồi chuyển lên cấp trên để gửi về gia đình Anh...

Hôm ấy, sau khi chôn cất Đông xong, quá mệt mỏi và buồn ngủ, tôi đặt mình xuống làm luôn một giấc đến hơn 11 giờ trưa, mọi người mới gọi tôi dậy ăn cơm để chuẩn bị nhận nhiệm vụ mới...

Số là, đêm hôm đó, sau khi vướng mìn, bị chúng bắn, mọi người phân tán. Cậu Lam, anh nuôi (quê Nam Hà) chạy thể nào mất phương hướng, lọt vào chỗ địch phục kích, bị chúng bắt sống. Theo tin tình báo, Lam không chịu nổi đòn tra nên đã khai ra chỗ đóng quân và trận địa phục kích đánh tàu của ta. Biết vậy nên một mặt, tiểu đoàn lo chuẩn bị phương án chống càn, mặt khác lệnh cho đại đội 3, cử người đi gọi trung đội đang phục kích đánh tàu ở trận địa gần Gò Nổi. Chỉ huy đại đội lại giao nhiệm vụ đó cho tôi.

Tôi phải cắt bụng đến trận địa để gọi trung đội phục kích đánh tàu nói trên khẩn trương ngay trong đêm phải rút khỏi vị trí. Nếu không, ngày mai, địch sẽ đổ quân đánh úp họ. Bốn giờ chiều, tôi bắt đầu xuất phát. Từ chỗ tôi đến vị trí trung đội ấy khoảng 10 km đường bụng, sinh lầy. Tôi phải cắt bụng, men theo bờ sông và vượt qua 6 con rạch (mỗi rạch rộng chừng 15 đến 20 mét). Tôi rẽ cỏ bàng cao đến ngang đầu, vượt qua tất cả. Không hiểu sao, lúc ấy tôi lại khoẻ đến như vậy? Gần 11 giờ đêm mới đến nơi. Tôi lay các đầu võng, anh em đều ngủ say. Tôi nói với Lưu Xuân Tiết, Trung đội trưởng, quê xã Hoàng Quế, huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh: "*Lệnh của tiểu đoàn, cho anh em khẩn trương ngay lập tức rút khỏi vị trí phục kích. Ngày mai địch sẽ càn vào. Lý do, một đồng chí của ta bị địch bắt, tra tấn, đã khai báo hết. Các đồng chí chỉ mang theo súng và cơ sở đạn chiến đấu, còn lại chôn giấu hết*". Mọi người hỏi hã, khẩn trương vào việc. Khoảng 30 phút sau, tất cả xong xuôi và đã sẵn sàng hành quân. Tôi lại đi trước dẫn đường. Vì đã thông báo cụ thể đường đi nên mọi người chuẩn bị chu đáo, sẵn sàng vượt bụng và 6 con rạch ấy. Rất may là vùng này không có cá sấu và không gập rấn độc. Nếu không, tôi đã làm mồi cho chúng rồi.

Chúng tôi trở lại đúng lối mòn tôi vừa đi lúc nãy và kịp trở về đến nơi lúc gần 5 giờ sáng. Mọi người không kịp nghỉ. Tất cả lao vào chuẩn bị công sự để chống càn...

Bảy giờ sáng, đã nghe tiếng tàu càn rì rì ở ngoài sông Vàm Cỏ. Bất thần, 12,7 ly trên tàu bắn như mưa vào hướng chúng tôi. Tôi nhớ lúc ấy, cậu Sơn quê Nghi Xuân (Hà Tĩnh) đang đứng trên chiếc ghe, một viên 12,7 ly bắn bay mất xương hàm dưới. Sơn bị thương nặng, được băng bó kịp thời rồi nhanh chóng chuyển ra tuyến sau. Không rõ sau đó, cậu ta có mệnh hệ gì không? Tôi cũng không biết nữa...

Đúng như dự kiến, tàu địch bắn loạn xạ một lúc rồi chạy thẳng một mạch lên phía Gò Nổi, nơi có trung đội đánh tàu đang phục kích, tổ chức càn quét trên đó. Nhưng trung đội đó đã rút từ đêm qua rồi.

Mặc dù chủ động và có sự chi viện tối đa của các loại hỏa lực nhưng bọn địch vẫn rất sợ, không dám liều lĩnh càn vào. Chúng tôi cũng căng thẳng đợi địch suốt cả ngày hôm đó.

Có thể nói, trong quãng đời quân ngũ của tôi, chưa có lúc nào tần suất công việc lại được huy động đến mức tối đa như vậy và cơ thể cũng mệt mỏi, rã rời đến như vậy! Tuy vậy cái mệt cũng nhanh chóng qua đi. Có lẽ một phần do bom đạn; phần nữa, do tuổi trẻ hăng hái nên sức khỏe phục hồi khá nhanh.

Ở Hội Đồng Sầm có rất nhiều tre, sau vài trận mưa đầu mùa, măng mọc lên như nấm. Chúng tôi ăn măng thoải thích. Ngày nào cũng măng. Hết luộc đến xào. Hết măng đến rau càng cua. Hai thứ ấy là thực phẩm chính của chúng tôi. Chúng tôi nằm chờ địch ở đây khá lâu. Nơi này có một cây giống như cây đa rất lớn, đã chết khô. Chúng tôi thường gọi là cứ "Cây Khô". Hôm ấy, đơn vị chúng tôi vẫn phục kích như thường lệ. Vẫn gài mìn ĐH10 rồi bí mật dòng dây điện vào công sự chờ, lúc nào địch vào là bấm mìn rồi tập trung hỏa lực tiêu diệt. Khoảng 11 giờ, tình hình vẫn yên ắng. Tất cả chúng tôi cho rằng đã hết giờ cao điểm (8 đến 11 giờ) nên tập trung vào sau bụi tre, nơi có công sự chiến đấu và trú ẩn, chia bài ra đánh. Đang mải say sưa, cãi nhau vì đánh bài, bỗng một loạt AK nổ. Tiếp theo là đạn AR15, phóng lựu M97 nhằm vào hướng chúng tôi nổ loạn xạ cả lên. Tôi chụp vội B40 và mấy quả đạn nhào ra thì thấy mấy thằng lính từ phía sau bụi tre chỗ chúng tôi ngồi, chạy bật trở ra. Tôi không kịp bắn nữa, cùng Vũ Duy Tông chạy dạt ra bùng vì lúc ấy cứ nghĩ chúng đã chiếm được mấy công sự gần đó rồi. Phát hiện thấy chúng tôi chạy, các loại đạn thi nhau đuổi theo. Cỏ bùng lút ngang đầu, tôi bảo Tông chạy khom xuống. Tông nghe theo. Một lúc, không thấy chúng bắn nữa. Chắc chúng nghĩ chúng tôi đã chết. Thì ra, lúc mọi người chủ quan không cảnh giới, địch mò vào. Chúng đã cắt dây điện để vô hiệu hoá mìn ĐH10 rồi áp sát bờ tre. Thiếu tý chút nữa thì cả bọn chúng tôi "ăn" lựu đạn của bọn này (vì tre kín quá, chúng chưa tìm được cách để ném lựu đạn tiêu diệt chúng tôi). Rất may, hôm đó, chúng tôi như được trời cứu. Số là, lúc ấy Tông đang ngồi trên bờ, bỗng thấy một đôi cá lóc (cá chuối, cá tràu) lớn như bắp đùi lợn lơ dướì kính, tìm chỗ để (dân Nam Bộ gọi là cá bông (hoa) vì sống lâu ngày nên trên mình nó mọc meo như có hoa. Tiếc rẻ, Tông làm luôn một loạt AK. Hai con cá bị chết nhưng chúng tôi đã được cứu. Súng nổ, địch tưởng ta biết chúng mò vào nên nổ súng. Chúng tháo chạy trở ra rồi quay lại bắn chúng tôi. Chính Tông cũng không biết địch vào. Hai con cá ấy trở thành "*vật hy sinh*" để cứu mạng mấy cha "*Việt Cộng*" chủ quan. Đó là một kỷ niệm không quên giữa tôi và Vũ Duy Tông tại cứ "*Cây Khô*", Hội Đồng Sầm, Đức Huệ, Long An năm 1974...

Chúng tôi trở lại cứ Tân Phú một thời gian không lâu sau đó.

Đêm 27 tháng 5, một đêm tối trời, chúng tôi gài một trung đội gồm cả bộ đội và du kích xã Tân Phú vào ấp để lấy gạo và làm công tác dân vận. Trong đội

hành quân đêm ấy có Phạm Khắc Đính. Đính đi trước tôi chừng 25 mét. Vào đến giữa ấp, chúng tôi ai cũng nghĩ: thế là an toàn rồi. Vì thông thường, bọn địch chỉ phục kích ở bìa ấp mà thôi, ít khi chúng phục kích giữa ấp.

Đang đi... Bỗng nhiều ánh chớp lảo lảo mắt và tiếng nổ chát chúa phía trước đội hình. Mảnh bay rào rào. Có tiếng la của bộ đội và du kích bị thương. Chúng đánh toàn lựu đạn mà không hề bắn một phát súng nào. Tôi nghe rõ tiếng Đính: *"Sơn ơi, tao bị thương rồi!"*. Tiếp theo lại tiếng lựu đạn nổ gần chỗ Đính. Địch ném tiếp vào chỗ có tiếng la. Chờ dứt tiếng nổ, tôi vội nhào lại, dùng tay bịt mồm cậu ta lại, rồi rít qua kẽ răng: *"Im mồm! Tao đưa ra! Mày la nữa, nó bồi tiếp lựu đạn, chết cả lũ!"*. Đính im bặt. Tôi ghé sát tai Đính nói nhỏ: *"Bị thương ở đâu thì lấy tay bịt chặt vết thương lại!"*. Tôi xúc nách Đính, bảo nằm lên lưng mình, tay phải xách B40 và giá đạn ba trái của tôi cùng AK của Đính, rồi quàng tay trái giữ Đính trên lưng, chạy ra. Máu Đính rơi trên vai tôi nóng hổi. Được khoảng 50 mét, chúng tôi gặp ngay một cái hố. Cả hai nhào xuống. Vừa lúc ấy, bọn địch tung pháo sáng lên, rồi xả súng bắn vào những người đang chạy dạt ra phía sau. Tôi bảo Đính: *"Yên trí! Nếu M79 hoặc lựu đạn rơi vào hố thì cả hai cùng chết. Đạn thắng thì yên tâm"*. Lợi dụng ánh hoả châu, tôi băng cho Đính. Cậu ta bị một mảnh lựu đạn găm vào gò má bên trái, máu tuôn ra đầy mặt. Tôi bảo Đính bỏ tay ra (từ nãy đến giờ, Đính dùng ngón tay bịt chặt vết thương). Máu chảy tràn lên mặt. Tôi lấy băng buộc chặt vết thương, cầm máu cho Đính trong khi đạn vẫn chiu... chiu... trên đầu. Bây giờ, tôi mới có thì giờ quan sát. Chúng tôi đang đứng giữa một cái hố khoảng 6 mét vuông đầy gai tre, cao đến ngực. Dân chặt tre xong, quẳng gai xuống gần đầy một hố. Cơ thể chúng tôi bị gai đâm nát bét hết mà không hề thấy đau. Tiếng cối 81 ly và pháo địch giã theo phía anh em mình vừa chạy ra sau. Tôi cầm AK của Đính, cảnh giác đề phòng bọn địch có thể liều lĩnh xông tới. Nhưng chúng không dám. Chờ cho cối và pháo chuyển làn, tôi đẩy súng và đạn lên bờ, sau đó ngồi xuống bảo Đính đứng lên vai mình rồi nâng dậy để cậu ta leo lên bờ (hố sâu ngập đầu chúng tôi). Tôi trèo lên sau, bảo Đính: *"Thôi an toàn rồi, bây giờ cậu bá vai tớ, tớ dìu đi, chứ không thể cõng được nữa! Mệt quá rồi!"*. Đính nghe theo, cậu ta quàng chéo AK vào vai rồi cả nhắc bước theo tôi. Men theo hướng đường cũ, quay lại. Đến một nhà dân, chúng tôi vào gõ cửa nhưng không ai dám ra, vì sợ. Tôi biết lúc này họ đang ở dưới hầm (trảng xê) trong nhà. Chúng tôi gặp mấy anh em vừa chạy đến, họ cho biết đã có mấy đồng chí hy sinh nhưng không lấy xác ra được. Trận ấy bọn địch xảo quyệt, ném toàn lựu đạn mà không hề bắn viên đạn nào nên ta không xác định được vị trí để phản kích. Đến lúc chúng tung pháo sáng lên, phát hiện ra anh em mình thì đồng loạt nổ súng. Lúc ấy, chúng tôi bị động hoàn toàn, đành phải rút lui...

Sau ngày hoà bình trở về, tôi và Đính kể lại trận đánh này cho ông bà Cu (ông bà cụ thân sinh Đính) nghe, họ xúc động: *"Gia đình ơn con để đâu cho hết, nếu không có con cõng ra thì giờ đây đâu còn thằng Đính. Con là người đã sinh ra nó lần thứ hai cho bố mẹ đó!"*. Từ đấy, ông bà và gia đình coi tôi như con đẻ.

Bây giờ thì Phạm Khắc Đính không còn nữa! Tai nạn giao thông đã cướp đi mạng sống của Đính. Trớ trêu thay! Chiến trường gian khổ, bom đạn ác liệt như vậy mà không hy sinh, nay trở về trong thời bình, Đính lại chết trong oan ức, tức tưởi. Ngày Đính mất, tôi đến thấp hương khấn, rồi khóc và nói những điều này trước mộ cậu ta...

Trận ấy, chúng tôi hy sinh và bị thương 9 đồng chí. Có 3 đồng chí du kích hy sinh, trong đó có Hồng (tên thật là Mò) và Trớ. Bình sinh, Hồng thường tâm sự với tôi. Hồng cho biết gia đình có 5 người con (Lân, Mò, Trong, Giỏ, Trắng). Hồng là con thứ hai. Chúng tôi thường gọi là Ba Hồng. Nghe Hồng kể nhà Hồng ở gần Lộc Giang. Trước đó, Hồng và tôi đã tham gia trận đánh phục kích trên Gò Nổi, gần đồn Lớn. Chúng tôi ngồi chung công sự. Hồng rất dũng cảm. Anh phụ trách mìn ĐH10. Chờ bọn địch vào gần mới điểm hỏa, xé nát đội hình địch. Số còn lại tạt ngược vào chỗ chúng tôi, Hồng và tôi dùng AK và B40 tiêu diệt những tên chạy vào gần công sự. Nhớ nhất là hình ảnh lúc chờ địch vào, mặt Hồng đỏ gay, mồ hôi chảy thành dòng trên má. Khi nổ súng, tự nhiên mặt tái xám lại.

Hồng hy sinh ở tuổi 19.

Theo nguyện vọng của gia đình, chúng tôi bí mật chuyển thi hài anh về để gia đình an táng tại quê nhà.

Khác với Hồng, Trớ lại là con út của một gia đình cách mạng cũng ở Đức Hoà. Trớ kể, gia đình cậu có 7 anh chị em (Đang, Ngồi, ỉa, Cứt, Chảy, Trán, Trớ). Trước đó hai người anh ruột đi giải phóng cũng đã hy sinh. Bây giờ đến Trớ. Tôi còn nhớ như in, Hồ Hữu Danh (quê Sơn Hàm, Hương Sơn, Hà Tĩnh) lúc nào gặp Trớ cũng trêu đùa về 7 cái tên gọi ngộ nghĩnh của gia đình cậu ta.

Như vậy, đến thời điểm đó, gia đình Trớ đã có ba người con hy sinh vì Tổ quốc. Một tổn thất quá lớn đối với một gia đình!

Có thể nói, giai đoạn từ sau Hiệp định Pari đến đó, liên tục chúng tôi phải đảm nhận nhiều nhiệm vụ khác nhau. Đây là thời kỳ vô cùng căng thẳng và ác liệt. Tổng số quân thương vong cũng rất lớn, tuy cục bộ từng trận thì không nhiều. Quân số không những không được bổ sung mà ngược lại còn bị tiêu hao qua các trận đánh. Duy nhất, tiểu đoàn chúng tôi chỉ được bổ sung một đợt quân gồm những đồng chí được phía ngụy quyền Sài Gòn trao trả sau Hiệp định Paris mà ta gọi là lực lượng "Chiến thắng". Đại đội tôi được bổ sung gồm anh Năm (quê Thái Bình), anh Hà, anh Đức (quê Bắc Thái) cùng một số anh em khác nữa... Họ là những người không may bị Mỹ ngụy bắt làm tù binh trong các trận chiến đấu ở những năm trước đây. Sau Hiệp định Paris, lần lượt được trao trả tại Lộc Ninh (Bình Long) hoặc một số địa điểm khác tại Tây Ninh hoặc Long An do hai bên quy định. Trong số đó, Đức được bổ nhiệm làm B phó (trung đội phó). Sau này (1974), anh hy sinh ở trận Gò Nổi.

Chúng tôi đã từng tham gia bảo vệ cho các đợt trao trả tù binh như vậy của hai phía từ sau Hiệp định Pari tại khu giải phóng thuộc bưng Đức Huệ. Tuy nhiên, ít khi phía chính quyền Sài Gòn chấp hành nghiêm chỉnh quy định. Ngược lại, chúng luôn lật lọng và tìm cách phá hoại. Khi thì chúng không đến đúng hẹn, khi

thì dùng phi pháo tấn công vào nơi quy định trao trả rồi đổ quân hòng đánh úp chúng ta. Chúng tôi đã nhiều lần chạm trán với bọn này nên hết sức cảnh giác và đương nhiên là chúng bị giáng trả quyết liệt.

Gần hai tuần sau đó, chúng tôi lại được lệnh vào lại Tân Phú. Cũng như lần trước, đơn vị phối hợp với du kích cùng vào ấp để lấy gạo và làm công tác tuyên truyền. Đêm ấy, sau khi vào đến bìa ấp, trung đội chúng tôi chia ra hai mũi. Một mũi theo đường thẳng vào ấp, còn chúng tôi, rẽ vòng sang trái và hẹn gặp nhau tại một địa điểm đã định trước. Cánh chúng tôi vừa đi được khoảng 300 mét thì bỗng phía bên kia loé lên mấy ánh chớp liền đó là những tiếng nổ lớn của mìn clâymo. Tiếp theo là AR15, M79 cùng tiếng lựu đạn. Chúng tôi biết là các đồng chí bên đó bị địch phục kích rồi. Nhanh chóng, mọi người vận động nhanh rồi vòng lên đón đầu, phục chờ chúng quay về. Sau khi bắn chết mấy đồng chí của ta, chúng ném xác xuống giếng của dân rồi đốt mấy đồng rơm gần đấy. Cách đó không xa, sau ánh lửa, chúng tôi thấy khá rõ bọn địch đi lại lộn xộn. Chúng không ngờ còn có một bộ phận chúng tôi ở bên này. Chúng tôi triển khai đội hình mai phục chúng ở con đường mà thường ngày, xe trâu qua lại đã thành rãnh. Hai bên, dừa đại mọc ngang tầm đầu. Chừng 10 phút sau, chúng bắn rộ lên theo hướng ra bung, rồi im lặng, nhanh chóng rút khỏi chỗ đó. Bọn địch đi ngang qua trước mặt chúng tôi chừng 40-50 mét theo mấy bờ ruộng dân đã gặt xong từ lâu. Trời tối nên chúng tôi không nhìn thấy nhưng nghe chúng nói chuyện với nhau những gì không rõ. Mặc dù chủ động nhưng do địa hình mới lạ lại bị dừa che mất tầm nhìn nên đến lúc địch đi ngang qua trước mặt, chúng tôi vẫn chưa triển khai xong đội hình, lại còn vô ý gây ra tiếng động nên bị chúng nổ súng bắn trước. Từ chủ động trở thành bị động, chúng tôi bắn trả được mấy loạt rồi rút theo đường cũ. Bọn địch vừa bắn vừa lùi ra xa và gọi pháo từ Hậu Nghĩa nã theo hướng chúng tôi. Tuy không ai bị thương nhưng cũng bị một phen chạy bỏ hơi tai. Đến 11 giờ đêm, chúng tôi mới quay lại được nơi các đồng chí ta bị địch phục kích. Tất cả có 6 người hy sinh (có một nữ du kích) bị chúng ném hết xuống giếng. Chúng tôi phải dùng dây rồi thả người xuống để đưa thi thể họ lên. Một giếng nước, máu của các đồng chí chúng ta nhuộm đỏ lôm.

Chúng tôi nhanh chóng chuyển các đồng chí hy sinh ra rìa bung rồi giao cho du kích Tân Phú lo khâu liệm, mai táng trước khi trời sáng.

Có thể nói, đối với chúng tôi, đây là một trận thất bại không đáng có. Bọn địch hôm đó không ai khác là đại đội thám sát ác ôn 773 của tiểu khu Hậu Nghĩa. Chúng đã từng phục kích, bắn chết 13 đồng chí Chiến sỹ thi đua của Trung đoàn hồi tháng 6 năm 1973 tại bung Đức Huệ. Sau trận này, chúng tôi tổ chức kiểm điểm, rút kinh nghiệm một cách thẳng thắn. Xem thất bại này là một nỗi đau và vết nhục trong lịch sử tác chiến sau Hiệp định Paris của tiểu đoàn. Hôm đó, chỉ cần tỉnh táo một chút, chúng tôi đã tiêu diệt gọn đại đội thám sát 773 khét tiếng ác ôn này để trả thù cho đồng đội rồi.

Chúng tôi lại quay về Gò Nổi. Nhiệm vụ chủ yếu lúc này vẫn là bám, nắm theo dõi tình hình địch ở các đồn bót mới lần chiếm. Đồng thời, lúc cần thiết thì tổ

chức đánh nhỏ, lẻ nhằm tiêu hao lực lượng và ngăn chặn không cho chúng tiếp tục đóng thêm các đồn bốt khác.

Hôm ấy, tôi, Nguyễn Hữu Dĩnh (quê Sơn Thịnh, Hương Sơn, Hà Tĩnh), cùng Chu Văn Lương (quê Quỳnh Lưu, Nghệ An), nhận nhiệm vụ bám địch ở đồn Lớn (Lộc Giang). Cách đồn chừng 600-700 mét có một cây mức (lồng mức), tán lá rất dày và xanh. Chúng tôi thường trèo lên đó để quan sát địch từ ngay trong sân. Địch ra đến đâu, chúng tôi bám theo rồi rút đến đó. Đến chỗ thích hợp, bắt thần nổ súng vào đội hình địch, tiêu diệt một số tên rồi rút lui.

Tôi trèo lên cây lồng mức từ sáng sớm. Khoảng 7 giờ, đã thấy bốn lính đi lại ló nhỏ trong sân đồn khá đông, tôi nghĩ: *"Hôm nay chắc chúng cần ra"*. Đang mải nghĩ phương án chặn đánh bọn này nếu chúng nong ra, bỗng có tiếng đề pa (tiếng nổ đầu nòng) rất tròn của cối 81 ly. Nhưng tôi đoán có lẽ chúng bắn đầu đó. Bỗng, rít... xoẹt... ầm...! Một tiếng nổ lớn cách gốc cây lồng mức chừng 3- 4 mét, gần dưới chỗ tôi ngồi. Khói trắng cuộn bốc lên che kín tán lá. Tôi biết ngay là trái cối điểm (chỉ điểm mục tiêu). Lợi dụng khói, tôi nhảy đại ngay từ trên ngọn cây chừng 4 mét xuống đất, chụp vội khẩu B40 dựng ở gốc cây, miêng hét: *"Lương, Dĩnh đâu? Chạy!"*. Cả ba chúng tôi cầm đầu chạy như ma đuổi khỏi chỗ trái khói vừa nổ. Kinh nghiệm cho hay, nếu không nhanh chóng rời ngay khỏi đám khói đó thì chỉ một hai phút sau, cối sẽ cấp tập vào ngay. Đúng như chúng tôi dự đoán, chạy được chừng 300 mét thì cối từ đồn Lớn liên tục dội xuống chỗ khói trắng vừa bốc lên. Hú vía! Tôi nói với Lương và Dĩnh: *"Nếu quả đạn ấy mà là cối mảnh thì giờ đây chắc chúng mình đã nằm lại dưới gốc cây lồng mức cả rồi!"* Cả ba cùng cười ngặt nghẽo rồi rút về cứ. Hôm đó, bọn địch nong ra Gò Nổi thăm dò, nhưng chúng sợ, không dám liều lĩnh mò vào. Có lẽ, qua ống nhòm, địch phát hiện ra tôi ngồi trên ngọn cây. Có lẽ khi ngồi trên đó, ngọn cây rung lắc nhiều quá, làm chúng chú ý?

Mấy hôm sau, trung đội lại tổ chức vào Lộc Giang thực thi nhiệm vụ dân vận và móc nối với cơ sở để lấy gạo, thực phẩm và thuốc men. Hôm ấy, tôi bị mệt do vừa đi công tác về nên trung đội không bố trí vào ấp. Khoảng 4 giờ chiều, trời mưa, anh em tranh thủ bám địch để đi sớm hơn dự định. Lưu Xuân Tiết (quê Hoàng Quế, Đông Triều, Quảng Ninh - B trưởng) hôm ấy cũng bị cảm không vào ấp cùng anh em được, nên đã cử Nguyễn Văn Từ, B phó, quê Quảng Xương, Thanh Hóa, đi thay.

Bây giờ, ở cứ chỉ còn tôi và Tiết. Về chiều, mưa càng nặng hạt. Chúng tôi bụng ai cũng cồn cào vì đói mà gạo thì đã gần hết. Tôi nghĩ, trong khi anh em đi công tác, họ cũng đang đói, mình ở nhà nấu cơm ăn một mình, không nỡ. Tôi bàn với Tiết: *"Thôi, ông đang mệt, ở nhà, tôi đi nhỏ sắn về, anh em mình luộc đánh chén cho đỡ đói."* (ở Gò Nổi, dân cách mạng họ trồng mỳ (sắn) không nhằm mục đích thu hoạch mà chủ yếu lấy củ đi làm, để liên lạc, cung cấp tin tức cho cách mạng. Mặt khác lo lương thực tại chỗ cho bộ đội, du kích phòng khi không có tiếp tế).

Cởi bỏ hết đồ dài, trên mình chỉ độc một chiếc quần đùi, quàng thắt lưng với một quả "da láng" MK8 (lựu đạn mìn của Mỹ), một dao găm và một sợi dây dù (dây võng), tôi len lỏi giữa những lùm cây lúp xúp để đến được nương mỳ. Cách chỗ tôi nhỏ mỳ chừng 500 mét, có một cái bốt mới đóng trái phép, bốt Lộ 8. Tôi trông khá rõ thằng lính gác ngồi trên mi-đo (chòi gác). Còn nó, không để ý chỗ tôi. Hơn nữa do trời mưa, tôi lại luồn lách, lom khom đi giữa những luống mỳ nên có chú ý cũng không thể thấy được. Tôi đã nhỏ được một ôm khá to rồi. Đang định ra về, chợt nhìn sang bên cạnh, thấy một luống, cây rất tốt, nghĩ bụng: *"Có lẽ củ to và nhiều lắm đây!"* Vội bước lên một lùm cỏ xanh rờn để qua bên đó nhỏ thêm vài gốc nữa. Ôi! Tôi bỗng thấy hun hút... hun hút... như đang rơi vào khoảng không. Ừm...! Rồi chìm xuống dưới mặt nước, sau đó tôi trồi lên. Tôi biết mình đã bị rơi xuống một cái giếng bỏ hoang lâu ngày. Ngược mặt nhìn lên miệng giếng, tôi thấy cỏ đã phủ kín và nước mưa nhỏ long tong trên mặt. Tôi nghĩ nhanh: *"Thế là hết! Mình sẽ vĩnh viễn gửi lại bộ xương nơi lòng giếng này!"*. Tôi gắng sức hét lên một tiếng thật to thử xem có ai có thể nghe được không? Nhưng tiếng hét của tôi không thể lọt ra khỏi lòng giếng. Lúc này, tôi thức sự hoảng loạn. Có lẽ, trong quãng đời quân ngũ, chưa bao giờ tôi lại bị cú "sốc" tinh thần lớn như vậy. Kể cả những lúc bom đạn ác liệt và đối mặt với cái chết đến trong khoảnh khắc, tôi vẫn không nao lòng. Bởi lúc ấy, có đồng đội bên cạnh. Còn giờ đây, tôi thực sự đơn lẻ. Chẳng có ai ở gần tôi. Nỗi trống vắng xâm lấn tâm hồn và làm cho tôi hoảng sợ thực sự...Tuy nhiên, trạng thái tâm lý ấy cũng nhanh chóng qua đi, nhường lại là sự tỉnh táo. Một phản xạ tất yếu của người lính từng hứng chịu mưa bom bão đạn như tôi và trước sự lựa chọn giữa cái chết với sự sống, tôi nghĩ nhanh: *"Mình không thể chết đói, chết rét dưới lòng giếng này được! Nếu không còn phương án nào khả dĩ thì mình sẽ rút chốt lựu đạn để kết thúc cuộc đời, trước khi cái chết mòn kéo đến!"*. Tôi nổi trong lòng giếng như con ếch và tiếp tục nghĩ cách thoát ra. Bất chợt một tia hy vọng loé lên trong đầu. Tôi nghĩ nhanh: *"Người dân ở đây, khi đào giếng thường đào bậc so le hai bên thành giếng để tiện lên xuống"* (đất ở Gò Nổi có kết cấu khá vững chắc, rất nhanh phong hoá). Tôi sờ tay vào thành giếng. Đúng như dự đoán. Hai bên đều có bậc. Nhưng lâu ngày nên bậc bị mòn và rêu bám trơn tuột. Tôi chợt nghĩ: *"Mình sẽ dùng dao găm đào bậc để lên. Vậy là không chết nữa rồi!"*. Tôi thào reo lên và thấy tinh thần phấn chấn vô cùng. Nó như động lực, tiếp thêm sức mạnh cho tôi. Lấy hơi, tôi hụp lặn xuống mò dao găm dưới đáy giếng. Tôi rung mình khi chạm phải một cái cọc sắt khoảng phi 12 ở giữa lòng giếng. Nhưng may mắn thay, do lâu ngày nên nó đã rỉ ngang mặt đất rồi đổ gập về một phía. Nếu không, tôi đã bị xâu như con ếch từ đít lên đầu bởi thanh sắt ấy rồi! Tôi dùng dao găm, đào khoét theo bậc, hết bên này đến bên kia, gạt hết rong rêu rồi bám theo đó, leo lên. Cứ đào xong một bậc bên này, tôi lại cho bàn chân vào rồi dùng hai khuỷu tay khuynh ra hai bên để tạo lực và điểm tựa nhích dần lên để đào bậc bên kia. Rất may là lòng giếng hẹp. Nếu rộng quá độ dài của hai cánh tay thì chắc chắn tôi sẽ không có cách nào lên được. Tôi không biết mình đã đào bao nhiêu bậc. Mãi thật lâu, mới lên đến gần mép giếng. Đu người,

nắm lấy búi cỏ, tôi kéo mạnh lên rồi bám lấy một búi khác, trườn nhanh lên thành giếng. Thế là thoát chết! Tôi thở phào. Lúc này, đã thấm mệt. Tay cầm dao găm, một mạch chạy về theo lối cũ và cố tránh những nơi cỏ mọc xanh tốt. Đúng là *"kinh cung chi diệu"*. Con chim bị bắn chết hụt, nhìn thấy cành cây cong tưởng đó là cánh cung. Còn tôi cứ thấy những lùm cỏ xanh là tránh, sợ đó lại là miệng giếng. Cái giếng nơi tôi rơi xuống sâu đến trên 13 mét. Chứa khoảng gần 2 mét nước. Nếu giếng không có nước, chắc chắn tôi chỉ còn là một đồng thịt xương lẫn lộn!

Thấy tôi đi đã quá lâu, mãi đến gần 7 giờ tối mới lục tục chạy về, Tiết hỏi ngay: *"Sao lâu thế? Chờ sốt cả ruột! Tớ tưởng cậu bị địch bắt rồi!"*. Tôi thuật lại cho Tiết nghe, vẻ mặt cậu ta xúc động thật sự, rồi an ủi tôi: *"Không chết là may rồi. Nếu không lên được thì bọn tớ cũng chẳng biết đâu mà lần, đành phải báo mất tích thôi!"*. Tôi bảo: *"Thôi, cậu đi cùng mình, ra lấy súng và các thứ về đi!"*. Tiết không ngần ngại, rút trong ba lô ra thêm sợi dây dù rồi với tay xách khẩu AK theo tôi, trở lại chỗ cái giếng. Chúng tôi chạy một mạch đến nơi. Lúc này trời đã tối hẳn. Tiết đứng giăng chân trên bờ, cầm sợi dây dòng xuống để tôi bám vào dây thả mình xuống lòng giếng. Được hai phần ba, tôi tuột tay rơi xuống. Tôi lặn mò bó súng và lựu đạn rồi bảo Tiết kéo lên. Tiết vốn to con (khoảng 70 kg) nên việc kéo tôi lên không khó khăn gì. Lên được hai phần ba giếng, tôi lại tuột tay rơi xuống lần nữa. Trầy trật mãi, một lúc sau, cộng với sức kéo của Tiết tôi mới bám được bờ. Sau này tôi mới tự hỏi tại sao mình lại ngớ ngẩn và đáng trí thế! Việc gì lại phải xuống giếng thêm một lần nữa trong khi chỉ có một trái lựu đạn và một bó súng? Nếu lần này xuống mà gặp điều rủi ro thì sao?!...

Chúng tôi về đến *"cứ"*. Trời vẫn mưa. Không có củi khô, tôi chế một cây sào phoi quần áo để làm củi rồi cùng Tiết nấu sắn ngay trên giường ngủ dưới tán tảng nilon. Tôi tháo lưỡi xẻng kê lên để khỏi cháy giường.

Hai chúng tôi ăn hết một xoong sắn lớn. Sau đó nằm nói chuyện chờ đến lúc anh em từ áp chiến lược về. Tuy vậy, cái giá phải trả cho bữa sắn ấy là quá đắt. Với tôi, đó lại là một kỷ niệm nhớ đời.

Câu chuyện sau đó đã trở thành một giai thoại trong đơn vị. Mãi đến bây giờ mỗi khi gặp lại đồng đội cũ, họ đều nhắc đến tình huống hy hữu đó.

Cũng như lần vớt gạo trên sông Xê Rê Póc ở Trường Sơn, tôi nghĩ, có lẽ tổ tiên đã dời theo từng bước để phù hộ độ trì cho tôi dưới trời lửa đạn hay trong những phút giây hiểm nghèo nhất tưởng chừng không thể nào vượt qua nổi...

...Càng ngày, bọn địch có vẻ như càng nhận thấy sự hiện diện của một lực lượng quân sự bí mật nào đó ở khu vực Gò Nổi đang ngày đêm uy hiếp chúng mà chúng cần tìm hiểu. Bọn chỉ huy đốc thúc lính tăng cường nông ra thăm dò để phát hiện. Do vậy nhiệm vụ bám, nắm địch của chúng tôi ngày một nặng nề hơn.

Chiều ngày 12 tháng 7 năm 1974, từ cứ *"Trốn Lính"* cách Gò Nổi chừng 1,5 km đường xuống (gọi là cứ *"Trốn Lính"* vì cứ này có rất nhiều người đến tuổi quân dịch, không chịu đi lính cho nguy quyền Sài Gòn mà cũng không dám tham gia làm cách mạng đã trốn ra đây, được gia đình chu cấp, chờ ngày giải phóng để trở về), tôi cùng Ngô Quang Phô (quê Quảng Trạch, Quảng Bình), Nguyễn Văn Lưu

(quê Nam Đàn, Nghệ An), Lưu có tật hay nháy mắt kép, sau này khi bám địch ở Gò Nổi đã vô ý đâm phải quả B40 do ta gài để chặn địch, cắt đứt đùi phải, mất nhiều máu, hy sinh ngay sau đó), Kiều Gia Lâm (quê Xuân Hải, Nghi Xuân, Hà Tĩnh) và Lưu Xuân Tiết, bám lên Gò Nổi. Đến 16 giờ, chúng tôi mới lên được tới chỗ bọn địch. Tuy nhiên, trước đó chừng 20 phút, chúng đã rút. Tôi bàn với Tiết và Phô phải gài mìn lại phòng ngày mai chúng lại tiếp tục ra. Tôi dùng dao găm đào lỗ chôn mấy quả "*Cá mòi*" (loại mìn tự tạo, dùng vỏ hộp cá mòi, nhồi TNT, tra kíp vào làm mìn giẫm nổ).

Đúng như dự đoán, sáng hôm sau, mới khoảng 8 giờ, đã nghe mấy loạt AR15 đi đệt trên Gò Nổi. Chúng tôi được lệnh phải đi bám địch. Cả năm anh em lại lên xuống. Tôi vừa ngồi trên xuống vừa lau súng. Đi ngang qua chỗ cứ "Trồn lính", mấy người, trong đó có cả du kích, đang ăn sáng. Thấy tôi lau B40, một cô du kích bảo: "*Mấy anh đi bám địch mà lau súng là để đụng tụi nó lằm đó nghen!*". Tôi chỉ cười mà không tin. Tất nhiên vì đi trễ, nên cũng hết sức cảnh giác. Khoảng gần 10 giờ, xuống mới cập bến. Neo xuống xong, mọi người lần lượt bám lên. Phô, Tiết, Lưu đi mũi 1. Tôi và Kiều Gia Lâm, mũi 2 vòng bên trái. Thấy rất nhiều dấu giày của bọn lính, tôi nháy Lâm cảnh giác rồi bám dân lên đến chỗ ngã ba đường mòn mà chiều hôm qua tôi đã chôn rải rác 3 trái "*cá mòi*" kia. Đến đây, dấu giày chỉ chút. Tôi chỉ cho Lâm thấy mấy cái đầu lọc thuốc lá "*Ru Bi*" bọn nguỵ vừa hút xong, vút xuống đất. Đồng thời, tay chỉ vào chỗ có mấy trái mìn, nói nhỏ với Lâm: "*Đây, chúng nó vừa giẫm nát chỗ này mà sao không giẫm phải "râu tôm" của trái mìn tớ gài nhỉ?!*" Vừa dứt lời, chợt thoáng thấy một thằng lính bận đồ rằn ri, nằm dưới bụi tre gai lúp xúp cách tôi chừng 2 mét bật dậy, run lẩy bẩy, chụp súng kéo cò. Đạn bay xèo xèo qua mặt, qua đầu tôi và Lâm. Thật kỳ lạ, cả hai không hề "*dính*" một viên nào. Thì ra, thằng lính nằm phục kích chúng tôi, ngủ quên... Khi tôi thì thầm với Lâm, nó giật mình, chụp súng kéo đại cả băng 20 viên cực nhanh. Tôi quay đầu chạy chừng 5 mét rồi quay lại giáng một trái B40 vào ngay gốc bụi tre. Nhưng thằng lính đã nhanh chân hơn. Trước đó, nó đã nhảy khỏi chỗ ấy rồi chạy biến. Sỡ dĩ tôi không bắn ngay được vì khoảng cách giữa tôi và tên lính quá gần, B40 không thể phát huy được hỏa lực. Tôi phải lùi lại khoảng 5 mét mới đủ tầm bắn (B40 bắn cự ly trong 3 mét, đạn sẽ không nổ vì chưa đủ thời gian cho viên bi trong rãnh an toàn xoay hết vòng của nó để rơi vào vị trí mất an toàn). Bây giờ thì các loại súng thi nhau nổ. Tôi chạy trong mưa đạn. Xung quanh, M72, M79, AR15, đại liên bắn như mưa rào. Nhưng thật kỳ diệu, tôi không hề dính phải một mảnh hay một viên đạn nào cả. Còn Lâm, hoảng quá, rẽ phải, chạy ra phía đồng trống. Bọn địch phát hiện được liền chuyển hướng bắn theo. Tôi nghĩ, chắc Lâm không thể thoát khỏi làn đạn ấy. Tôi xách B40 cắm cổ chạy một mạch xuống đến chỗ giấu xuống. Cùng lúc ấy, Tiết, Phô, Lưu cũng chạy về đến nơi. Chúng tôi nhanh chóng nhảy lên xuống, bơi một mạch theo con rạch cũ. Bây giờ mọi người mới hỏi: "*Lâm đâu?!*" Tôi kể lại. Ai cũng nghĩ Lâm đã hy sinh. Trên bờ địch vẫn bắn đuổi theo không tiếc đạn. Nhưng chúng tôi đã ra khỏi khu vực nguy hiểm rồi. Được một lúc, đang bơi, đột ngột thấy Lâm xuất hiện bên bờ rạch, mặt tái xám vì

mệt, người ướt như chuột lột. Tất cả đều reo lên *"Kìa! Thằng Lâm vẫn sống"*. Chúng tôi dừng xuống, đón Lâm. Cậu ta lên xuống, định thần rồi kể: *"Khi tó chạy ra hướng đồng trống, bọn địch phát hiện được liền bắn đuổi theo và hò la bắt sống..."*. Lâm cầm cổ chạy xuống đến triền bung rồi chui vào cỏ trườn đi, sau đó mới định hướng, cắt bung về vừa lúc chúng tôi đến và gặp tại bờ rạch (sau này, năm 1980, tôi gặp lại Lâm tại Vinh, cậu ta làm công nhân xây dựng).

Chúng tôi cũng không hề biết rằng, trước đó đã có một tiểu đội du kích đi trước bám địch. Họ cũng không ngờ có mấy tên lính đang mải quan sát chúng tôi từ trên ngọn cây. Khi nghe tiếng súng AR15, mấy thằng này liền chửi: *"Đ... mẹ! Đồ ngu! Biểu chờ tụi nó vzô để bắt sống, sao lại bắn sớm quá vzậy?"*. Các đồng chí du kích liền xả súng lên ngọn cây, mấy thằng đó trúng đạn rơi xuống. Họ lập tức quay trở lại rồi lên xuống, nhanh chóng bơi ra theo hướng chúng tôi. Chúng tôi cùng gặp nhau ở cứ "Trốn lính".

Tôi nói đùa với mấy anh em cùng đi: *"Phải cảm ơn thằng lính đã ngủ quên dưới bụi tre. Nếu không thì một trong hai tình huống đã xảy ra: hoặc bị bắt sống hoặc đã "nằm lại" trên Gò Nổi rồi"*.

Lần ấy, sau khi trở về hậu cứ, tôi trực tiếp đề xuất ý kiến lên tiểu đoàn bộ. Nội dung là phê phán thói quan liêu, duy ý chí của cán bộ tiểu đoàn, suýt nữa đã đưa chúng tôi đến cái chết vô ích. Lẽ ra hôm đó, nếu cần bám địch thì tiểu đoàn phải có kế hoạch để chúng tôi chủ động đi sớm khi địch chưa nóng ra. Đằng này, để chúng ra chiếm địa bàn trước rồi mới lệnh chúng tôi đi. Quả là một sự kém cỏi và chủ quan trong chỉ đạo tác chiến. Nhất là những cán bộ đã có thâm niên chiến trường như các vị ấy. Hôm ấy, chúng tôi thoát chết là điều nằm ngoài sự tưởng tượng.

Hôm sau, cũng tại cứ "Trốn lính" này, tôi lại có một kỷ niệm khác. Vì hôm trước, khi vội vàng lên xuống để rút nhanh ra khỏi tầm hỏa lực của địch ở Gò Nổi, tôi đã nhúng toàn bộ bó liều phóng B40 xuống nước. Sáng hôm ấy, sau khi dập hết lửa ngọn, tôi cẩn thận để bó liều phóng trên bếp than cho nhanh khô. Không ngờ, chỉ ít phút sau, một đốm tàn lửa nào đó đã bắt vào liều phóng. Một tiếng x...et...! Rồi trong chớp mắt, khói trùm kín cả vườn vú sữa nơi chúng tôi trú quân. Khói trắng dày đặc đến mức chỉ đứng cách nhau vài bước chân mà không thể nhìn thấy được nhau. Khói cuộn lên như có một bàn tay khổng lồ nào đó ném xuống vườn vú sữa một núi bông trắng xoá. Tất cả chúng tôi kinh hoàng vì sự việc diễn ra quá đột ngột, ngoài tầm kiểm soát. Kinh hoàng hơn là nhất định phen này sẽ không thể thoát bởi pháo, trực thăng và bom. Vì ở đây chỉ cần một sơ suất nhỏ, để lọt một tia khói hay tiếng động là lập tức pháo bầy đến ngay. Lệnh của tiểu đoàn phải chuẩn bị chiến đấu. Nơi chúng tôi trú quân thật bất lợi. Trước mặt là con rạch dẫn lên Gò Nổi. Phía bên trái là cánh đồng bung trống trải. Sau lưng và bên phải cũng là đồng bung. Cách chừng 200 mét là sông Vàm Cỏ Đông. Tàu địch thường xuyên tuần tiểu. Chúng tôi ở vào cái thế *"cá nằm trên thớt"*. Không còn cách nào khác là ai nấy đều nín thở chờ đợi... Không khí căng thẳng như lúc chờ địch vào. Năm phút... Mười phút... Rồi ba mươi phút... không gian im lặng như nén đặc lại. Không hề

nghe một tiếng đại bác hay tiếng trực thăng. Kỳ lạ quá! Chúng tôi nhìn nhau, chẳng ai tin vào tai mình nữa. Thời gian cứ dần trôi, mọi người cứ thấp thỏm, nơm nớp. Một giờ... Rồi hai giờ... trôi qua. Vẫn im lặng. Một sự im lặng đáng sợ! Cuối cùng, buổi sáng cũng đi qua mà không hề có động tĩnh gì. Rồi cả buổi chiều hôm đó cũng trôi qua trong im lặng. Tất cả chúng tôi thở phào. Thế là ổn! Không ai có thể cắt nghĩa được hiện tượng có một không hai này.

Chiều hôm đó rồi cả ngày hôm sau và mấy ngày sau nữa cũng không có hiện tượng gì xảy ra. Lần ấy, nếu như mọi khi, chúng tôi sẽ no đòn vì bom, pháo. Và không biết hậu quả sẽ như thế nào. Đây cũng lại là một tình huống hy hữu, nằm ngoài quy luật của chiến sự vùng này.

Tôi bị đại đội khiển trách vì tính bất cẩn. Đó là bài học về sự cẩn trọng cho tất cả chúng tôi khi ở chiến trường.

Tại cứ này, tôi còn một kỷ niệm đáng nhớ khác. Hồi ấy, rất hiếm báo chí, sách vở, vì trong điều kiện chiến đấu. Chúng tôi "*khát*" báo lắm. Hôm ấy, tôi được một đồng chí du kích trao cho một tờ báo "*Quân Giải Phóng*", trong đó in trọn vẹn bài thơ "Nước non ngàn dặm" của Tố Hữu. Tôi đọc liền một mạch và duy nhất chỉ một lần với bài thơ dài như vậy mà đến bây giờ, tôi vẫn thuộc lòng bài thơ này không sót một từ hay một câu nào. Tờ báo được chuyền tay nhau đọc đến nhàu nát. Anh Vũ Duy Tòng cũng đọc và thuộc ngay bài thơ. Sau này khi trở thành thầy giáo dạy Văn trường trung học phổ thông, đến phần thơ ca chống Mỹ, tôi thường kể lại kỷ niệm này cho các em học sinh nghe. Những ánh mắt, những gương mặt hiện lên vẻ xúc động pha lẫn tự hào. Và ngay bài thơ "*Nước non ngàn dặm*" cũng có nhiều đoạn nhiều câu, khi làm dẫn chứng, cứ liệu cho giờ giảng cũng hết sức sát đúng, sinh động, gần gũi và có sức lay thức tâm hồn các em. Có thể nói, những năm tháng binh lửa ấy là nguồn cảm xúc và là vốn tư liệu sống dồi dào mà các thế hệ đồng nghiệp của chúng tôi, những người không kinh qua chiến tranh, để gì có được trong giờ giảng!...

...Tình hình ngày một căng thẳng hơn. Chúng tôi nhận được tin tình báo cho hay, địch đang ráp tam điều một lực lượng, càn ra Gò Nổi. Chúng tôi chủ động chuẩn bị trận địa và phương án chờ đánh địch đồng thời dự kiến các tình huống có thể xảy ra.

Ngày 30/7/1974, địch tập trung hai tiểu đoàn bảo an cùng các đơn vị địa phương quân khác, càn ra Gò Nổi. Từ sáng sớm, chúng đã gọi pháo từ Hậu Nghĩa, Đức Hoà, bắn dọn đường. Những trận mưa pháo dội lên trận địa chúng tôi, khói lửa mù mịt. Gò Nổi cây cối vốn khá rậm rạp, vậy mà sau mấy đợt pháo kích, địa hình trống hoác, cây đổ ngổn ngang. Chúng tôi biết rằng đây sẽ là một trận càn lớn vì địch đã đánh hơi được lực lượng chúng tôi. Trận này, chúng quyết đánh bật chúng tôi ra khỏi Gò Nổi. Hôm ấy, tôi và Trần Quốc Em (quê ích Hậu, Can lộc) cùng chung công sự. Em bắn trung liên RPD. Cậu ta là học sinh trường Cấp III Nguyễn Văn Trỗi, nay là trường THPT Nguyễn Văn Trỗi (quê Can Lộc). Em học xong lớp 10 rồi gia nhập quân đội. Ngày còn đi học, Em học rất giỏi nhưng chưa kịp thực hiện ước mơ vào đại học thì có lệnh gọi nhập ngũ. Cậu ta vẫn thường tâm

sự với tôi về những khát vọng của mình. Trần Quốc Em có dáng người thấp đậm, da ngăm đen, tóc dựng đứng, mặt lúc nào cũng đầy mụn trứng cá. Mắt một mí, tí hí trông buồn cười lắm. Đặc biệt, hội họa, cậu ta siêng phát biểu và hay lí sự. Đó là một đặc điểm làm cho mọi người dễ nhớ. Trần Quốc Em hy sinh trong trận đánh sau đó. Bị thương cụt đùi phải mà vẫn tỉnh táo lắm. Lúc xuống chõ đi, Em nghẹn ngào trong nước mắt: "*Tao... chắc không... sống nổi ... Sơn à*". Tôi vội quay mặt đi để giấu dòng nước mắt của mình trước người đồng hương bị thương nặng đang trong giờ hấp hối. Tôi động viên Em: "*Không sao đâu mà! Cậu cứ yên tâm mà đi viện, nhất định sẽ qua khỏi!*". Nói vậy nhưng tôi linh cảm rằng Em không thể nào qua nổi vì vết thương quá nặng. Quả nhiên, đó cũng là lần cuối cùng tôi được gặp Em. Đến trạm phẫu trung đoàn, Trần Quốc Em trút hơi thở cuối cùng và vĩnh viễn nằm lại mảnh đất Long An.

Còn hôm đó, khoảng 9 giờ, sau khi pháo kích dữ dội và trực thăng quần đảo, bắn rốc két và 20 ly xối xả xuống trận địa chúng tôi, bọn bộ binh mới mò vào. Các công sự tiền duyên nổ súng mãnh liệt tiêu diệt một bộ phận bọn lính gần nhất. Số còn lại chạy dạt ra. Trước công sự của Nguyễn Viết Kỳ (quê Thượng Lộc) và Nguyễn Văn Mậu (quê Minh Lộc), có mấy tên lính chết. Kỳ trườn ra lấy được một khẩu AR15. Khoảng 13 giờ, địch mở đợt phản kích để lấy xác. Một trái M79 rơi nổ trên nóc công sự, làm Mậu bị thương nặng vào đầu (Mậu nay là thương binh hạng 1/4 đặc biệt, đang sinh sống tại thị xã Hồng Lĩnh). Như vậy là công sự của Kỳ thiếu đi một tay súng. Trung đội trưởng Lưu Xuân Tiết truyền lệnh của đại đội, yêu cầu tôi thay Mậu. Công sự còn lại một mình Em. Tôi nói với Em: "*Cậu ở lại, nếu địch phản kích thì phải phát huy hết hỏa lực trung liên để chi viện cho bọn mình đấy*". Nói xong, tôi ôm B40 trườn đến công sự nơi Mậu bị thương để thay thế Mậu và tăng cường cho Kỳ, trong khi trên đầu trực thăng quần đảo và pháo địch vẫn dồn dập bắn tới. Tôi đặt Mậu nằm xuống hầm, băng bó lại vết thương cho cậu ta rồi chuẩn bị đánh trả đợt phản kích mới. Từ nãy, tiếng L19 đã về về. Bỗng, ục... một tiếng, khói trắng trùn lên trận địa. Chúng tôi biết sắp có bom. Trên đầu đã nghe tiếng rít của A37, liền sau đó là liên tiếp những loạt bom giáng xuống trận địa, nhưng bom rơi ở cánh phải chúng tôi. Đã có mấy đồng chí ở trung đội 2 hy sinh vì loạt bom ấy. Đồng chí Nguyễn Văn Đức, quê Vĩnh Phú, nhập ngũ 1968 vừa từ đoàn quân "*Chiến Thắng*" do địch trao trả, bổ sung về đơn vị tôi làm trung đội phó, hy sinh ngay trong loạt bom đầu tiên. Đồng chí Thiện (quê Diễn Châu), trinh sát tiểu đoàn vừa được điều về cũng hy sinh. Lúc này bọn địch đã lùi ra xa và tiếp tục gọi pháo đội đến. Pháo bắn chum làm tốc mất nóc công sự của một số đồng chí. Đồng chí Báo, trung đội trưởng, sau đó cũng bị thương. Tôi chia tay anh từ sau trận đánh ấy cho đến bây giờ, chưa một lần gặp lại. Hiện nay, Báo là trung tá, đang nghỉ hưu tại thành phố Hồ Chí Minh.

Từ đó đến chiều, địch chỉ mở một đợt phản kích nữa Nhưng chúng lại bị đánh bật ra. Sau đó thì chúng rút hẳn mang theo rất nhiều xác chết và bọn bị thương...

Đêm ấy, sau khi chôn cất tử sỹ, chúng tôi xuống xuống rút qua bên kia sông. Đó cũng là trận đánh cuối cùng ở Gò Nổi, để rồi sau đó, chúng tôi cuốn theo chiến dịch cho đến ngày giải phóng hoàn toàn miền Nam. Từ sau giải phóng đến nay, tôi chưa một lần trở lại mảnh đất nhiều kỷ niệm ấy. Với Gò Nổi, tôi và nhiều đồng đội như vẫn còn mắc một món nợ lớn. Đó là nơi ghi dấu nhiều kỷ niệm sâu sắc trong cuộc đời cầm súng của chúng tôi. Đúng như nhà thơ Chế Lan Viên từng cảm thức:

Khi ta ở chỉ là nơi đất ở

Khi ta đi đất đã hoá tâm hồn

Mảnh đất ấy đã trở thành "*một phần tất yếu trong cuộc sống*" của tôi!...

Trở lại Hội Đồng Sầm để củng cố lại đội hình và sức khoẻ. Mấy ngày sau đó, chúng tôi được lệnh hành quân xuống Bến Lức để tổ chức các trận đánh giải toả hành lang sông Vàm Cỏ Đông nhằm chuẩn bị cho chiến dịch mùa xuân 1975.

Với tôi và nhiều chiến hữu, Gò Nổi đọng lại biết bao kỉ niệm thân thương, vui buồn lẫn lộn, kể cả những kỷ niệm mà tình tiết của nó nghe như huyền thoại. Tôi nhắc lại kỷ niệm này: Hồi ấy, ở Gò Nổi, trong đội hình đóng quân của đơn vị, tôi đã tìm được một nơi trú ẩn mà tôi cho là lý tưởng trong điều kiện bom pháo dày đặc như vậy. Mỗi lần trở lại sau chuyến công tác hoặc chốt lại lâu ngày, tôi đều đến đó. Chỗ tôi nằm là giữa hai cây chuối cổ thụ. Qua năm tháng và đạn bom, trên mình nó đã đầy thương tích. Nơi này chỉ trừ trường hợp bom hay pháo rơi trúng thì tôi mới chết, nếu không thì đó là nơi che chắn an toàn nhất. Giữa hai gốc chuối là một đám cỏ xanh tốt, nõn nà. Tôi thường trải tấm tăng nilon lên đó rồi vùi vào giấc ngủ ngon lành sau mỗi lần hành quân đến hay sau mỗi đêm công tác vào ấp chiến lược về. Có những thời điểm chúng tôi ở lại Gò Nổi gần 3 tháng. Ngày cũng như đêm, tôi vẫn nằm trên đám cỏ ấy. Cho đến một hôm, trong một lần phối hợp tác chiến, một đồng chí du kích địa phương cho tôi hay là giữa hai gốc chuối đó, năm 1972, họ mai táng một nữ du kích hy sinh. Vì sợ bọn lính nguy cơ ra phát hiện được, chúng dùng chất nổ quật xác lên, nên sau khi hạ huyết, họ lấp đất rồi khoá bằng lại. Lâu ngày cỏ mọc xanh tốt. Thật không ngờ, suốt một thời gian dài, tôi lại nằm ngay trên mình đồng chí du kích ấy. Tự nhiên, tôi thấy gai gai, rồi chợt hiểu vì sao giữa hai cây chuối đó lại có một bãi cỏ xanh tốt đến lạ kỳ như thế! Nhưng kỳ lạ hơn là suốt quãng thời gian dài như vậy mà tôi không hề thấy chiêm bao hay báo mộng bất cứ một điều gì! Ngay chiều hôm đó, tôi vội chuyển vị trí nằm của mình. Đêm hôm sau, khi vào ấp chiến lược, tôi đến thẳng quán Sáu Tiêm - một cơ sở cách mạng ở ấp An Thuận - mua một nắm nhang lớn rồi sáng sớm hôm sau đến bên mộ cô gái- người liệt sỹ vô danh đó, thấp nén nhang tạ tội. Tôi cúi đầu lầm rầm khấn: "*Xin đồng chí hãy tha thứ cho tôi. Thời gian qua, vô tình tôi đã làm một làm một điều lẽ ra là không thể. Đó là việc nằm ngoài ý muốn chủ quan của tôi vì tôi hoàn toàn không ngờ. Xin đồng chí sống khôn, thác thiêng, độ lượng bỏ quá cho tôi. Tất cả cũng vì nhiệm vụ đánh giặc, giải phóng đất nước. Xin đồng chí hãy phù hộ độ trì cho anh em chúng tôi, tai qua nạn khỏi. Tổ quốc và nhân dân đòi đòi biết ơn các đồng chí, những người con ưu tú đã hy sinh cả tuổi thanh xuân vì độc lập tự do của dân tộc!*". Vừa dứt lời, một cơn gió thoảng qua, bó trầm tự nhiên

bùng cháy. Bảy giờ tôi cũng không để ý, nhưng sau đó, kể lại chuyện này, mọi người ai cũng bảo lời khẩn của tôi đã ứng nên bó nhang mới cháy thành lửa ngọn như vậy. Tôi chợt thấy vừa an lòng lại vừa lo. Có lẽ, cô gái dưới mộ kia - người đồng chí của chúng tôi - đã phù hộ độ trì cho tôi tránh khỏi mưa bom bão đạn nơi Gò Nổi ác liệt này.

Trận Bình Đức (Bến Lức) diễn ra sau đó không lâu. Đó là những ngày cuối năm 1974. Lúc này chúng tôi nhận nhiệm vụ đánh địch để chia lửa cho các chiến trường đồng thời tiêu hao, tiêu diệt một lực lượng của chúng; nhằm bức hàng, bức rút những đồn bốt lấn chiếm trái phép. Đặc biệt là những căn cứ dọc hành lang sông Vàm Cỏ Đông để chuẩn bị lộ trình cho đại quân ta xuống chiến trường trong chiến dịch mùa Xuân 1975 sau này.

Hôm đó, chúng tôi được lệnh mai phục để chặn đánh bọn địch càn ra. Tôi cùng Vũ Duy Tòng chung một công sự. Trận địa phục kích của chúng tôi nằm ngay trong những ruộng khóm (dừa) đang vào mùa thu hoạch. Nơi ấy rất ít các loại cây gỗ để chúng tôi có thể chặt lát công sự. Tôi và Tòng chỉ đốn được một số cây bình bát lều tều như que gậy, không đủ lực chịu đựng để đổ đất lên. Do vậy, công sự hết sức sơ sài. Tôi bảo Tòng: *"Thôi, tất cả phó mặc cho số phận..."*

Năm phục đã hai ngày mà địch không ra. Cứ gần trưa và cuối buổi chiều, hai đứa chúng tôi thay nhau trườn ra bẻ khóm chín rồi lại trườn về công sự ngồi ăn. Mùi khóm thơm ngào ngạt. Vì thèm, nên chúng tôi ăn nhiều quá, chảy cả máu lưỡi. Chúng tôi nghĩ cách là vắt lấy nước, cho vào bi đồng rồi uống.

Ngày hôm sau, khoảng 8 giờ, từ xa, chợt chúng tôi phát hiện ra hai người đi vào trận địa phục kích. Họ gồm một nam, một nữ. Càng vào gần, chúng tôi nhìn kỹ thì đó là một người đàn ông và một cô gái. Chờ cho bọn họ lọt vào trận địa phục kích, đồng chí Vũ Văn Thường (quê Diễn Hải, Diễn Châu, Nghệ An) ra chặn đường rồi mời vào xét hỏi. Họ khai là ba con đi làm đồng (vì ruộng gần đây, ông già chỉ tay về phía đám ruộng) không biết bộ đội giải phóng về đây nên đã đi lạc vào. Họ xin được tha cho về, nhưng để đảm bảo bí mật cho trận phục kích, chúng tôi không thể để họ về được. Rất may, suốt cả ngày hôm đó địch vẫn chưa ra. Nếu chúng càn ra thì chắc cha con ông già cũng sẽ hứng chịu bom đạn như chúng tôi. Chiều tối hôm đó, sau khi thả họ, chúng tôi khẩn trương chuyển trận địa phục kích đến một địa điểm khác. Nhưng điều ít ai ngờ nhất là sau ngày giải phóng, khi chúng tôi chuyển quân đến ấp 3, xã Nhị Bình (Thủ Thừa, Long An), Thường, An và hai người khác tình cờ được bố trí ở ngay trong nhà hai bố con ông già bị bắt lần trước. Nhưng, vẫn chưa hết những điều ngạc nhiên là sau đó, chính cô gái bị Thường bắt giữ trong trận ấy lại đem lòng yêu Thường và đã được Thường "đáp trả" bằng tình yêu say đắm và mãnh liệt của mình. Một thời gian sau, được gia đình cho phép, họ xây dựng hạnh phúc với nhau. Hai *"tù binh"* dạo nọ, giờ đây một người là *"phu nhân"* yêu dấu, một người là *"nhạc phụ"* khả kính của Thường. Bây giờ thì Thường đã trở thành dân Nhị Bình rồi. Vì cưới nhau xong, cậu ta không về Bắc nữa mà ở rể luôn tại gia đình bên vợ. Nghe đâu, sau đó đời sống của Thường

khá vất vả. Không rõ, hiện nay, hoàn cảnh ra sao? Đã 30 năm chưa một lần gặp lại.

Lại một điều nữa nằm ngoài quy luật thông thường đã xảy ra!

... Đại đội di chuyển trận địa phục kích đến một nơi khác. Chúng tôi không phải chờ đợi lâu. Ngày hôm sau, địch cho một tiểu đoàn nông ra càn quét. Đại đội một chặn đánh địch ngay trên đường chúng hành quân. Hôm ấy có mấy đồng chí phóng viên mặt trận B2 cùng tham gia trận đánh để quay cho bằng được tại trận những thước phim tư liệu phục vụ cho nhiệm vụ chính trị của cấp trên. Rất may cho họ, lần này bọn địch đi đúng ý đồ chiến thuật của ta. Tổ quay phim gồm hai phóng viên nằm gần công sự với hai đồng chí của đại đội một. Khi một tốp 7 tên đi đầu hướng vào trước công sự của hai đồng chí đó, cách chừng 30 mét, ống kính quay phim quay xè xè rất nhỏ, thu lại hình ảnh của những tên này. Tới đó, chúng đột ngột dừng lại rồi giở bản đồ ra để tìm đường. Một tên đeo Cờn 12, chống gậy, một tên khác mang máy thông tin vô tuyến điện PRC25. Tên chống gậy chắc chắn là chỉ huy. Nó dùng tay chỉ trỏ rồi nói gì với bọn lính đang dồn lên. Đột nhiên, nó chỉ thẳng vào chỗ chiếc máy quay phim đang xè xè quay, rồi nói gì đó, vẻ hoảng hốt. Cả bọn nhìn theo tay của thằng sỹ quan (chắc nó đã phát hiện ra cái gì đó). Chỉ chờ có thế, ánh chớp màu da cam do trái B40 của đồng chí bên cạnh đã nổ trùm lên tốp lính. Ở đó không còn dấu vết gì, chỉ còn lại là một cột khói hình nấm bay lên. Tiếng nổ là hiệu lệnh của trận đánh. Tất cả các loại súng ở các cánh thi nhau trút đạn vào đám tàn quân tháo chạy thục mạng về hướng Bến Lức trong khi chúng tôi đồng loạt xung phong truy kích địch. Nhóm phóng viên mặt trận cũng lao lên ghi lại những hình ảnh sống động nhất của trận đánh này. Chúng tôi hoàn toàn làm chủ thế trận. Gần như không có tiếng súng đáp trả. Trận đánh diễn ra chóng vánh. Địch bị tiêu diệt gần hết, chúng tôi bắt sống 13 tù binh; thu 9 máy thông tin PRC 25 và phải dùng đến 3 chiếc xuống mới chở hết số súng thu được.

Thất bại nặng nề, bọn tàn quân tháo chạy về hướng Bến Lức rồi gọi pháo bắn ra bùng, nơi trận đánh vừa xảy ra. Đồng thời gọi trực thăng quân đảo và phóng hoả tiễn xuống trận địa. Chúng tôi chui xuống công sự tránh đạn. Tiểu đoàn ra lệnh không được nổ súng bắn trực thăng vì dễ gây lộ mục tiêu trận địa. Thấy ta im lặng và không có phản ứng gì, bọn "*Cán gáo*" chủ quan, liều lĩnh sà thấp xuống để phát hiện mục tiêu và bắn 20 ly vào những chỗ nghi ngờ. Đồng chí Viện (Quỳnh Lưu ở C3, D7, người gây như que củi) thấy "*ngon lành*" quá liền chĩa nòng AK ra khỏi miệng hầm điếm xạ một loạt ba viên. Cả ba viên đạn găm vào sườn chiếc trực thăng "*Cán gáo*" khi đang sà xuống phóng rốcét. Lửa nhanh chóng bật ra từ hông nó. Và theo đà, đâm sầm xuống bùng, cách công sự tôi chừng 200 mét. Tôi trông rất rõ 3 tên nhào ra rồi chạy thục mạng trong khi hai chiếc còn lại bắn như rắc đạn xung quanh chiếc "*Cán gáo*" đang cháy với bán kính khoảng hai, ba trăm mét, nhằm bảo vệ cho ba thằng kia. Một trong hai chiếc còn lại liều mạng đáp xuống vớt ba thằng vừa chạy ra rồi vội cất lên, bay nhanh về cái bốt cách đó chừng 3 km. Chiếc trực thăng đó cũng vừa bị dính đạn do ta bắn lên. Tuy nhiên, nó đã chạy thoát. Một cột lửa và khói khổng lồ bốc lên cao cùng với tiếng nổ loạn xạ của các

loại đạn, lựu đạn, rocket trong chiếc "cán gáo" bị bắn cháy. Khoảng hơn hai giờ sau, đám cháy mới lụi dần. Nghe nói bọn lính nguy trên cầu Bến Lức khi thấy trực thăng cháy liền vỗ tay hoan hô. Thật khó hiểu (!)

Trận ấy, Viện được đề nghị tặng Huân chương Chiến công Giải phóng hạng Nhì. Sau giải phóng, năm 1976 cậu ta trở lại trường đại học Bách khoa Hà Nội. Năm 1980, tình cờ tôi gặp Viện tại trường Đại học Sư phạm Vinh khi trên đường vào thành phố Hồ Chí Minh nhận công tác. Vì rất vội nên chúng tôi chỉ tâm sự với nhau được mấy phút rồi đành phải chia tay để Viện ra ga cho kịp chuyến tàu. Hai mươi lăm năm, kể từ ngày ấy đến bây giờ, tôi chưa một lần gặp lại Viện. Chắc là anh đã định cư tại thành phố Hồ Chí Minh.

Đầu tháng 1 năm 1975, Trung đoàn 271 cùng quân đoàn 4 và các đơn vị bạn thực hiện nhiệm vụ chiến lược của Bộ Chính trị và Quân uỷ Trung ương tổ chức một lực lượng quân sự đủ mạnh nhằm tiến công giải phóng thị xã Phước Long và tỉnh Phước Long để thăm dò phản ứng của Mỹ- nguy. Trước đó, tại địa bàn Long An, Tiểu đoàn 7 chúng tôi cũng được học tập chính trị và nghị quyết của cấp trên về tình hình và nhiệm vụ chiến lược mới. Được quán triệt tinh thần nghị quyết của Bộ Chính trị, Trung ương Đảng và Quân uỷ Trung ương: "*Quyết tâm giải phóng miền Nam trong hai năm 1975 và 1976. Tuy nhiên nếu thời cơ đến sớm thì sẽ chớp lấy và huy động tổng lực nhằm giải phóng miền Nam ngay trong năm 1975*".

Tôi bỗng nhớ đến hai câu thơ của một thi sỹ diễn tả cái cảm xúc đau đáu, khắc khoải khi nghĩ về đất nước trong đằng đẵng chiến tranh:

*Đất nước ba mươi năm cầm súng
Mà vàng trắng còn xẻ làm đôi...*

Những vần thơ ấy vừa là sự ám ảnh vừa như nỗi niềm và động lực thúc giục chúng tôi xốc tới để góp phần giải phóng hoàn toàn miền Nam. Đây là thời cơ không có sự lặp lại! Lịch sử dân tộc đang chuyển mình sang một bước ngoặt mới! Một ngày bằng mấy mươi năm!

Phước Long là tỉnh thứ hai sau Quảng Trị được hoàn toàn giải phóng. Mất Phước Long, Tổng thống nguy quyền Nguyễn Văn Thiệu hô hào: "*Tràn ngập lãnh thổ*", "*Tái chiếm*"... Nhưng những nỗ lực quân sự và ngoại giao của chúng đều bị vô hiệu hoá. Thiệu đành cay đắng chấp nhận mất Phước Long và kêu gọi để tang cho tỉnh này ba ngày. Đồng thời, một mặt làm mình làm mẩy với chủ Mỹ, mặt khác yêu cầu Mỹ đưa quân trở lại miền Nam và tái oanh kích miền Bắc. Quả là "*chó cùng dứt giậu*". Tuy nhiên thế và thời lúc ấy không cho phép Mỹ thực hiện được ý đồ đen tối đó nữa. Mỹ hoàn toàn không có phản ứng quân sự sau khi Phước Long thất thủ.

Còn ta, xem đó là một bước ngoặt của cuộc chiến tranh giải phóng. Chiến thắng Phước Long đã mở ra một thời cơ mới, một cục diện mới, đầy thế và lực của cuộc chiến tranh nhân dân phát triển về chất lên một bước mới. Sau chiến thắng Phước Long, lần đầu tiên trong lịch sử chiến tranh và xây dựng lực lượng quân đội, chúng ta đã nhanh chóng thành lập những quân đoàn để tạo những "*quả đấm thép*"

quyết định trong chiến đấu hiệp đồng binh chủng, nhằm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chiến lược: "*Giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước!*"

Như vậy, nhiệm vụ của chúng tôi lúc này được cấp trên giao là tiếp tục đứng chân trên địa bàn thuộc các huyện Đức Hoà, Đức Huệ, Bến Lức và Thủ Thừa, tiếp tục tiến công giải phóng toàn bộ hệ thống đồn bốt dọc sông Vàm Cỏ Đông, Vàm Cỏ Tây để khai thông hành lang nhằm tạo điều kiện cho bộ đội chủ lực và các phương tiện vũ khí, khí tài kể cả vũ khí hạng nặng như chiến xa T54, pháo tự hành... mở hướng tiến công Sài Gòn từ hướng Tây nam và Tây bắc. Có thể nói lịch sử sẽ không có sự lặp lại. Hai mươi một năm dồn lại cho trận đánh cuối cùng! Trong những ngày này, chúng tôi như đang sống trong không khí hội quân. Cả nước ra trận. Mặc dù chiến sự vẫn diễn ra càng lúc càng ác liệt. Đêm đêm tiếng hú của những giàn H12, ĐKB (một loại hoả tiễn được cải tiến, đặt trên máng đẩy, có sức công phá rất mạnh), cùng với những tiếng nổ kinh hoàng của nó trong các căn cứ địch, được xem là tiếng chuông cáo chung cho chế độ nguy quyền Sài Gòn thối nát, đang điếm!

Những thắng lợi quân sự trên khắp các chiến trường, đặc biệt chiến thắng của chiến dịch Buôn Ma Thuột (từ 4/3 đến 3/4-1975) là trận mở màn then chốt, chiến lược đã tạo một phản ứng dây chuyền về sự đổ sụp nhanh chóng và không gì cưỡng nổi của chế độ nguy quyền Sài Gòn thối nát, đồng thời là hồi kèn xung trận thúc thúc chúng tôi quyết tâm chiến đấu, góp phần đẩy nhanh mục tiêu giải phóng đất nước đến đích cuối cùng.

Bị thảm bại ở Tây Nguyên, các sư đoàn quân nguy đặc biệt là sư đoàn 22, 23 cùng một số sắc lính như thủy quân lục chiến, biệt động quân... tháo chạy về vùng ven hòng lập một tuyến phòng thủ từ xa, bảo vệ Sài Gòn. Bởi vậy, nhiệm vụ chiến trường lúc này trong đó có đơn vị chúng tôi là phải chặn đánh chúng để bảo vệ và giữ vững tuyến hành lang mới được khai thông, tạo điều kiện để đại quân ta mở hướng đột kích tiến đánh Sài Gòn. Đây là nhiệm vụ hết sức nặng nề đối với một lực lượng nhỏ bé, trang bị vũ khí thiếu thốn như chúng tôi. Nhưng với ý chí tất cả cho chiến thắng, tất cả để giải phóng miền Nam, nên nó đã biến thành sức mạnh vật chất. Ai cũng quyết tâm chiến đấu và quyết thắng.

Ngày 19/4/1975, tiểu đoàn 7 nhận nhiệm vụ chặn đánh bọn địch nòng ra giải toả hành lang sông Vàm Cỏ Đông. Con sông này, trước đây cũng như trong Chiến dịch Hồ Chí Minh có vai trò chiến lược cực kỳ quan trọng. Đó là con đường thủy huyết mạch để bộ đội ta tập kết vũ khí (kể cả vũ khí hạng nặng như xe tăng và pháo) cùng lực lượng các quân, binh chủng để tiến đánh Sài Gòn từ hướng Tây Nam (Đoàn 232, tương đương quân đoàn). Trước đó, một đơn vị bạn đã đánh chiếm căn cứ Lương Hoà nằm án ngữ bên bờ sông. Mất Lương Hoà đồng nghĩa với việc bỏ ngỏ hành lang này để cho ta mặc sức đưa người và khí tài xuống tập kết chuẩn bị cho chiến dịch. Bởi vậy, chúng tìm cách "*tái chiếm*". Địch huy động 2 tiểu đoàn "*Thủy quân lục chiến*" cùng 4 tiểu đoàn "*Bảo an*" càn ra, thăm dò để ngăn chặn ta. Đây là địa bàn chiến lược quan trọng cách Sài Gòn chừng 25 dặm bay từ hướng Tây nam. Nên dù giá nào chúng cũng quyết giữ bằng được.

Lực lượng chúng tôi duy nhất chỉ có một tiểu đoàn bộ binh. Tiếng là một tiểu đoàn nhưng thực tế mỗi đại đội chúng tôi chỉ có 25 đến dưới 30 tay súng mà thôi. Cấp trên tăng cường thêm 1 khẩu 12,7 ly; 2 khẩu ĐKZ 82; 2 khẩu cối 82 ly, còn lại là hỏa lực B40, B41, trung liên, AK. Trong khi đó, bọn địch có 6 tiểu đoàn tăng cường. Nếu tính theo biên chế thì địch sẽ đông gấp 12 lần chúng tôi về mặt quân số (mỗi đại đội của chúng trên 60 tên), được yểm trợ bởi pháo binh từ Hậu Nghĩa, Bến Lức, Hiệp Hoà, trực thăng và máy bay ném bom.

Tám giờ, địch đổ quân bằng tàu chiến (“mặt dựng”). Hai tiểu đoàn “*Thủy quân lục chiến*” đi đầu, tiếp theo là bốn tiểu đoàn “*Bảo an*”. Chúng cắt bung đi về hướng trận địa chúng tôi. Mũ sắt loang loáng dưới nắng sớm.

Đơn vị chúng tôi bố trí đội hình giật cấp. Phía trước bên phải là đại đội 2 tiếp theo là đại đội 3, lùi xuống bên trái là đại đội 1. Hỏa lực cối 82, ĐKZ 82 nằm ra phía sau. Khẩu 12,7 ly đặt trên bờ kinh (kênh) phía bên phải đại đội tôi nhằm phát huy tối đa hỏa lực khi lâm trận.

Chín giờ. Chờ cho tốp địch đầu tiên cắt qua trước mặt đội hình phục kích của đại đội 2, B40, B41 phát hỏa, tiếp theo là khẩu 12,7 ly nhả đạn như mưa cắt ngang đội hình hành quân của 2 tiểu đoàn thủy quân lục chiến. AK, trung liên, cối và ĐKZ 82 cùng các loại hỏa lực ở các đại đội đồng loạt trút vào đầu địch. Sức căng của đạn 12,7 ly với tầm bắn 6 km đã cắt phật cổ bung, xé nát đội hình chúng. Tôi và Đào Xuân Nhuận chung một công sự. Tôi nhảy khỏi công sự bắn liền 2 trái B40 vào đội hình co cụm của địch ở phía trước chừng 30 mét. Rồi băng lên xoay tay lắp quả đạn thứ 3 vào nòng, chuẩn bị bắn. Liếc mắt, thấy Nhuận ôm trung liên chạy sát ngay sau lưng, tôi hét: “*Nhuận, tránh!*”. Cậu ta nhào người né sang một bên. Tôi nhằm vào chỗ có tiếng la nhiều nhất, siết cò. Một quầng lửa màu da cam trùm lên chỗ đó. Tiếng la hét im bặt. Tôi tiếp tục lao lên, đẩy quả đạn thứ tư vào nòng. Trước mặt lúc này là một con kinh nhỏ rộng chừng 2 mét, nhưng bờ phía tôi thấp hơn nên khi nhảy, bị rơi xuống. Nhuận nhảy theo cũng vậy (trung liên cồng kềnh và nặng). Đánh mắt sang trái, cách chừng 25 mét, thấy lỗ nhỏ dưới mương rất đông những chiếc mũ sắt và áo rằn ri. Những hòng AR15 đen ngòm chĩa thẳng về phía tôi nhưng tuyệt nhiên không có tiếng nổ hay tiếng rít của đạn. Chúng không dám bắn!? Không phải! Tôi chợt hiểu: AR15 vốn là loại súng bộ binh có tính năng ưu việt, gọn nhẹ, cơ động, phát huy hỏa lực tốt, nhưng chỉ thích hợp với địa hình khô ráo. Do nhúng nước bùn nên bị kẹt đạn. Nếu không tôi và Nhuận đã bị hàng chục viên găm vào người và nhận chìm xuống kinh rồi. Tôi nép nhanh vào bờ, quay đầu đạn B40 chĩa vào bọn lính đứng dưới kinh siết cò. Một tiếng nổ và một cột nước vọt cao trùm lên bọn lính. Tôi không kịp nhìn nữa, vội nắm cành bình bát kéo mình lên khỏi lòng kinh. Nhuận leo lên theo. Tôi chạy lên phía trước, dưới chân có khá nhiều xác rằn ri gục chết do trúng đạn AK và B40. Nhuận ôm trung liên lao lên, quạt vào bọn lính đang chạy dạt ra hướng bờ sông Vàm Cỏ. Vượt lên khoảng 20 mét nữa, bất chợt chúng tôi thấy một thằng nằm sấp. Hai tay hắn nắm chặt lấy hai búi cỏ bàng, máu chảy đỏ cả một vùng nước bung xấp xung quanh chỗ nằm. Nhuận tiếp tục quạt trung liên vào bọn lính phía trước. Còn tôi, dừng lại cảnh giác,

rồi cúi xuống nắm một cánh tay tên bị thương, kéo lật ngửa. Hắn đánh một viên AK hay trung liên gì đó. Viên đạn xuyên từ sau bả vai phải rồi trở ra trước ngực chéch lên gần chỗ xương đòn. Bọt máu sủi ra. Hắn bị thủng phổi. Mất nhiều máu. Mặt tái mét.

Hắn luôn mồm xin tôi tha chết.

- Tên gì? - Tôi hỏi.

- Dạ... em là... Hoành... Nguyễn ... Văn Hoành...

- Đơn vị nào?

- Dạ... Thuỷ quân... lục chiến.

- Chức vụ?

- Chuẩn úy... Đại đội phó... đại đội 3... tiểu đoàn 3... - Hắn thều thào.

Tôi liếc nhìn trên ve áo hắn. Thằng này khai thật - tôi nghĩ.

- Súng đâu?

- Em... Bị thương, chạy... Rơi đâu mất...

Quả thật, lúc này, ngoài chiếc ba lô nằm bên cạnh, trên người hắn chẳng còn gì. Tôi chợt thấy ái ngại cho hắn. Nếu bị thương nhẹ, tôi đã trối để giải về. Đằng này, hắn đã bị thương quá nặng. Bắn thì không nổi, vì dù sao hắn cũng là "*kẻ ngã ngựa*", hoàn toàn mất khả năng tự vệ. Hơn nữa, chúng tôi đang làm chủ trận đánh. Vả lại, tại thời điểm đó, đơn vị chưa hề có ai bị thương vong gì cả. Nếu bắt, làm sao có thể công hắn được trong khi đồng bụng ngập nước. Tôi chợt nghĩ: "*Mình sẽ khai thác một số thông tin cần thiết rồi phóng thích cho hắn để tương kế, tựu kế làm binh vận. Bọn "Thuỷ quân lục chiến" vốn rất cuồng tín và liều lĩnh. Biết đâu, khi thằng này được tha, chúng sẽ bớt hung hãn hơn. Điều ấy, sẽ có lợi cho trận đánh*".

Tôi hỏi:

- Băng của mày đâu?

- Em... Không... biết nữa! - Hắn đáp ngắt quãng.

Tôi hiểu, khi bị thương, hắn tháo bỏ thắt lưng cho nhẹ để cố chạy. Đến đây, mất nhiều máu quá, kiệt sức, hắn gục xuống. Tôi giật vội 2 cuộn băng cá nhân của mình bên thắt lưng, xé ra, nối lại rồi thò tay định cởi cúc áo để băng, nhưng chật quá. Vậy là tôi cứ để nguyên cả áo, luồn qua nách, băng đai cho hắn. Vừa băng, tôi vừa hỏi:

- Quê mày ở đâu?

Hắn đáp:

- Dạ... Gầm ngã ... ba ... Kiến Hoà... - Bây giờ, hắn đã biết là tôi không giết hắn, ngược lại, hắn đang được cứu.

- Tỉnh nào? - Tôi hỏi.

- Dạ... tỉnh... Kiến Hoà - hắn ngoan ngoãn trả lời.

Lúc ấy, tôi không hiểu Kiến Hoà là tỉnh nào. Sau này hỏi mọi người, mới biết đó là Bến Tre.

Băng xong, tôi tháo vội ba lô của hắn, kéo toàn bộ tư trang ra, để đầu hắn gối lên ba lô rồi đắp lên mặt và ngực một cái áo rằn ri. Lúc này, trời nắng gắt, nước bùng nóng như nước sôi. Tôi bảo hắn:

- Mày nằm yên đó! - Hoành nằm im lặng.

Tôi lấy toàn bộ giấy tờ, phù hiệu, sổ hiệu sỹ quan cùng một cuốn nhật ký và ảnh (có rất nhiều ảnh khoả thân của phụ nữ cùng những cảnh làm tình của Hoành với các cô gái) đựng trong một cái túi. Đáng tiếc là toàn bộ kỷ vật chiến trường, trong đó có hai cuốn nhật ký của tôi có tên "*Dọc đường Chiến tranh*" được bắt đầu viết từ ngày 11/11/1971 cùng hồ sơ của Hoành bị mất sạch do một trái pháo 105 li rơi trúng "bồng" - một kiểu ba lô cải tiến, vào ngày 26/4/1975.

Trong khi tôi băng bó cho Hoành, Nhuận tiếp tục ôm trung liên quạt mạnh vào bọn địch phía trước mặt. Lát sau, Nhuận quay lại nói nhanh: "*Rút thôi Sơn ơi! Địch đang tổ chức phản kích!*". Tôi nhìn Hoành lần cuối rồi quay lại, cúi xách vội khẩu AR15 bên cạnh xác một tên lính bị bắn nát ngực cạnh đó. Chợt thấy một cái túi vải dù, tôi tò mò, xách lên thấy nặng, đoán là lựu đạn nên thả xuống. Nghe lộp cộp, tôi nghi ngờ, vội mở ra. Ôi, thịt hộp! Có khoảng trên hai chục hộp dò 3 khoanh (loại này rất ngon nhưng mặn). Xách vội lên, tôi chạy một mạch về công sự tránh pháo. Lúc này, pháo từ Hậu Nghĩa, Đức Hoà, Bến Lức đã bắt đầu dội xuống trận địa chúng tôi để bọn "*Thủy quân lục chiến*" liều lĩnh mò vào lấy xác đồng bọn. Bị thua đau, tên Tư lệnh sư đoàn "*Thủy quân lục chiến*" đáp trực thăng đến trực tiếp thị sát và chỉ huy bọn lính. Một trái đạn B41 của đồng chí nào đó bắn đến, nổ trên không, gần chỗ chiếc trực thăng đang bay (B41 có tầm bắn 500 mét, khi hết tầm, nếu không gặp vật cản gì, sẽ tự động phát nổ), nó vội vã chuồn mất. Từ đó đến chiều, chúng tôi vừa ngồi hứng pháo vừa ăn thịt hộp và uống nước bùng. Có vài công sự bị sập, một số đồng chí bị thương do sập hầm, vì đất đồng bùng nhão nhoét.

Riêng Hoành, sau đó, được đồng bọn đưa ra, rồi chở bằng trực thăng về ngay bệnh viện Cộng Hoà, cứu sống (bệnh viện dành riêng cho quân đội nguy, do mẹ Sáu Thiệu vợ Tổng thống nguy quyền Nguyễn Văn Thiệu, quản lý).

Bị thất bại nặng, ngay chiều hôm đó, chúng tràn vào nhà máy đường Hiệp Hoà, đập phá nhà máy này rồi lấy mỗi đũa một ba lô đường kính. Viên Giám đốc người Pháp bỏ chạy lên Sài Gòn.

Hôm sau, chúng tôi được cơ sở báo tin bọn lính kháo nhau rằng: "*Ông Hoành thật lớn phước (phúc lớn), bị thương nặng nhưng đã được một ông "Việt Cộng" nào đó, ông băng bó cho, rồi tha mạng...*".

Trận ấy, địch bị tiêu diệt trên 100 tên, 8 tên bị bắt làm tù binh (chưa kể tên Hoành); ta thu nhiều vũ khí. Đơn vị duy nhất chỉ một đồng chí không may hy sinh do cối 82 của ta "*đắm lưng*" (đắt mềm, lún bàn đế nên bị rút tầm) và mấy đồng chí bị thương do pháo địch. Riêng Lưu Xuân Tiết, trung đội trưởng (người đã kéo tôi từ dưới giếng lên ở Gò Nổi) bị một viên đạn găm vào làm gãy đùi phải. Nay Tiết là thương binh nặng đang sinh sống tại xã Hoàng Quế, huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh...

...Trận đánh lùi vào quá khứ đã 30 năm, nhưng kỷ niệm về nó thì vẫn vẹn nguyên trong tâm trí tôi như mới ngày hôm qua. Không rõ số phận viên sỹ quan nguy có tên là Hoàn, sau ngày ấy đến giờ ra sao?...

Tôi cầu chúc cho anh ta được bình yên, hạnh phúc trong mái ấm gia đình, và có thời gian suy ngẫm về những tháng ngày cầm súng đánh thuê cho Mỹ- nguy...

... Ngày 24 tháng Tư. Chúng tôi được lệnh phục kích chặn đánh tàn quân của sư 23 nguy, tháo chạy từ Tây Nguyên về đây đã bị bọn chỉ huy thúc ép hành quân nhằm giải toả căn cứ Lương Hoà, đang bị ta bao vây. Căn cứ này án ngữ với mục đích ngăn chặn hướng tiến công của một đơn vị chủ lực thuộc Đoàn 232 đang tiến về Sài Gòn.

Nơi chúng phục kích gần những khu ruộng mía của dân thuộc địa bàn xã An Thạnh, huyện Bến Lức. Cả ngày hôm ấy và mấy ngày sau, địch vẫn sợ, không dám ra giải toả. Chúng tôi vẫn kiên trì và quyết tâm mai phục để hốt gọn chúng.

Đêm. Khoảng 12 giờ, khi chúng tôi còn chập chờn trong giấc ngủ, bỗng tiếng rít xé không khí của đại bác 105 ly bắn đến từ Bến Lức. Liên đó là những tiếng nổ chói tai vang lên. Khói trùn lên khu rừng tràm lúp xúp. Mảnh pháo bay vèo vèo, chặt phạt những cây tràm quanh chúng tôi. Tôi và Nguyễn Văn An (quê Quỳnh Thạch, Quỳnh Lưu) nằm chung một công sự. Dứt tiếng nổ, tôi chợt nghe tiếng rên nho nhỏ, liền bảo với An: "*An ơi, lên xem thử có ai bị thương không? Sao tớ nghe có tiếng rên!?*" An chần chừ không dám ra khỏi công sự. Tôi vội lao lên trong khói đạn mù mịt, rồi chạy ngay đến nơi có tiếng rên. Thì ra, đó là chỗ ngủ của Đồng (quê Diễn Kỷ, Diễn Châu) và Thuật (quê Bắc Thái). Hai người là nuôi quân đại đội. Một trái pháo nổ cách chỗ nằm chừng 1,5 mét. Xoong nồi văng tứ tung. Tăng, màn đồ sụp xuống che lấp họ (nếu nằm dưới công sự như chúng tôi thì chắc họ không chết). Nghe tiếng rên... tôi vội kéo đám tăng màn dầm máu ra, rồi bước vào. Bàn chân tôi ngập trong máu nóng hổi của hai người (vì họ lót tăng nilon xuống dưới chỗ nằm nên máu đọng lại). Trời tối, không nhìn thấy gì. Chỉ có mùi tanh của máu quyện với mùi thuốc đạn khét lẹt. Tôi cúi xuống lay gọi thì một người đã hy sinh. Người kia vẫn còn rên, nhưng tiếng rên nhỏ dần. Tôi sờ nắn khắp thân thể rồi sờ lên đầu, chợt chạm phải một vật gì rất sắc, ngỡ đó là mảnh pháo găm vào nên cố sức rút ra nhưng không thể được. Tôi đành để hai người nằm đó, rồi chạy ngay đến công sự của Ban chỉ huy đại đội, ở phía sau cách chừng 50 mét, gọi anh Tổng Minh Sướng, chính trị viên, quê Hà Bắc và anh Nguyễn Văn Lợi đại đội trưởng, quê Quảng Ninh cùng cậu Hệ, y tá quê Tuyên Hoá, Quảng Bình dậy. Tất cả vội chạy đến nơi hai đồng chí bị trúng pháo. Họ soi đèn pin vào chỗ hai người. Đồng đã chết từ lúc nào, còn Thuật đang rên nho nhỏ. Tôi bảo Hệ rọi đèn vào đầu Thuật. Đầu cậu ta vỡ toác, một mảnh xương lòi trắng hếu mà ban nãy tôi tưởng là mảnh pháo nên đã cố sức rút ra mà không được. Máu và óc lẫn bết vào tóc. Tất cả im lặng! Không còn cách gì có thể cứu Thuật được nữa! Tiếng rên nhỏ dần rồi tắt hẳn. Thuật đã trút hơi thở cuối cùng. Tôi vuốt mắt cho Thuật rồi cùng mọi người bế họ ra khỏi vùng máu. Từ đó đến gần sáng, chúng tôi lo tắm rửa, thay quần áo, đào huyệt mai táng để kịp sáng hôm sau chuẩn bị chiến đấu. Tôi đã cần

thận viết tên tuổi, địa chỉ vào giấy rồi cuộn lại, cho vào chai thủy tinh, bỏ vào túi ngực của từng người rồi mới mai táng. Đồng và Thuát được chôn cất cẩn thận trên một bờ kinh, gần bờ Rạch Mương thuộc địa bàn xã An Thạnh, Bến Lức, Long An. Và cũng chính tay tôi đã chặt một cây bình bát, đẽo vạt hai phía, viết tên và địa chỉ của họ (bằng mực bi) vào từng miếng gỗ rồi cắm dưới chân mộ. Vậy mà sau giải phóng, khi quy tập vào nghĩa trang An Thạnh, những người cất bốc thiêu cẩn trọng, đã làm mất tên của hai người (thành liệt sỹ vô danh). Không biết đâu là mộ Đồng, đâu là mộ Thuát. Gần đây, chú em trai của Đồng có gọi điện vào cho tôi để hỏi về trường hợp hy sinh của Đồng (trước đó, cậu ta đã vào tận nghĩa trang An Thạnh để tìm phần mộ nhưng không thể phân biệt được đâu là mộ của anh trai). Tôi đã kể khá kỹ mĩ qua điện thoại tình tiết của sự hy sinh hôm đó, nhưng cậu ta bảo không có cách gì để nhận biết. Tôi bảo, chỉ còn hai cách, xét nghiệm ADN hoặc xin đào mộ của một trong hai người lên rồi xem hộp sọ. Nếu sọ bị vỡ là của Thuát; còn nguyên là của Đồng.

Quả thật, trong những năm tháng chiến đấu ác liệt ấy, không biết bao nhiêu lần làm công tác tử sỹ, tôi đã trực tiếp mang vác, chôn cất hàng chục đồng đội hy sinh. Cái chết nào cũng làm tôi xót đau, trào nước mắt. Nhưng sự hy sinh của Đồng và Thuát đêm ấy gây một chấn động mạnh trong tâm thức tôi. Họ chết ngập chìm trong máu của chính mình khi đang ngủ và đau đớn hơn là họ hy sinh ngay trước ngưỡng cửa của ngày toàn thắng, khi đời còn quá trẻ, chưa đầy tuổi 25...

Những ngày này, chiến sự diễn ra vô cùng ác liệt. Đặc biệt là cửa ngõ phía Đông và Đông bắc Sài Gòn. Tin chiến thắng dồn dập bay đến như những hồi kèn xung trận thúc thúc chúng tôi quyết tâm giữ vững ý chí chiến đấu. Biết là ngày toàn thắng đang đến gần nhưng trong số chúng tôi, ai sẽ là những người tiếp theo ngã xuống như Thuát, như Đồng?! Ai sẽ là người may mắn còn lại sau cuộc chiến này? Điều ấy không phải hoàn toàn không có ai nghĩ đến. Cũng có những phút giây giữa hai trận đánh, suy nghĩ ấy chợt loé lên trong đầu mỗi người. Nhưng tất cả chỉ trong khoảnh khắc rất ngắn rồi nó nhanh chóng tan biến đi nhường lại là hào khí của chiến dịch và quyết tâm chiến đấu trong trận cuối cùng... Nét tâm lý ấy là hoàn toàn có lý và cũng dễ cắt nghĩa thôi. Bởi sau bao năm chiến đấu, trải qua bão đạn mưa bom, ai cũng có một khát vọng là ngày toàn thắng may ra mình còn được sống để trở về...

...Từ trận địa nơi chúng tôi phục kích, nhìn về hướng Bắc và Đông Bắc khoảng 30 dặm, tiếng bom, pháo xen lẫn tiếng máy bay gào rít và những cột khói đen khổng lồ, từ sân bay Tân Sơn Nhất và tổng kho Long Bình cuộn lên. Phía ấy, chiến sự đang diễn ra ác liệt. Ta và địch giành giật nhau từng tấc đất. Máu của chiến sỹ ta cứ từng giờ từng phút đổ xuống. Đặc biệt là ngã ba Xuân Lộc (Long Khánh), nơi có hàng trăm đồng đội chúng ta đã và đang ngã xuống trước giờ toàn thắng...

...Ngày 25 tháng Tư, trận đánh phục kích bọn địch sư 23 ngụy âm mưu giải toả căn cứ Lương Hoà bị ta bao vây, diễn ra.

Nơi chúng tôi phục kích gần lộ 21 nối Chi khu Bến Lức đến căn cứ Lương Hoà, bên bờ sông Vàm Cỏ Đông, tỉnh Long An, cách Sài Gòn khoảng 30 km. Đã 2 ngày nằm chờ nhưng bọn địch không dám ra. Chúng co cụm, cố thủ trong mấy ruộng mía của dân. Có những thằng liều lĩnh hơn thì lấy mũ sắt tát cá ở con kinh nhỏ cách chúng tôi chừng 300 mét. Tôi và Chu Văn Lương, cùng công sự. Tôi, B40; Lương, trung liên. Phía trái cách chừng 50 mét là công sự của Vũ Duy Tông và Nguyễn Văn Từ, trung đội phó (quê Quảng Xương, Thanh Hoá). Phía sau là cối 60 và 82 ly.

Chừng 8 giờ, trong mấy ruộng mía, bọn địch vẫn la ó, đi lại, nấu nướng gì đó... vì thấy khói toả lên. Tôi thấy Lương vừa đứng dưới hầm cảnh giới, vừa ngủ gật. Tôi liền bảo: *"Thôi, cậu xuống hầm ngủ một lúc đi, lát nữa, tớ gọi thay gác"* (ở chiến trường, bao giờ cũng vậy, lúc chờ địch vào là lúc thần thần kinh cực kỳ căng thẳng do bị ức chế, nên ai cũng buồn ngủ). Hơn 9 giờ, tôi cũng bắt đầu cảm thấy hai mắt díp lại, nặng trĩu. Biết rằng, chỉ cần một lúc nữa là tôi sẽ ngủ quên. Cúi xuống hầm, tôi gọi Lương dậy thay gác cho mình. Lương dụi mắt, đứng dậy thay tôi. Trước khi chui xuống hầm, tôi còn dặn với: *"Phải thật cảnh giác, hôm nay không chừng chúng nổ ra. Ngủ quên là chết đó!"*

Tôi ngồi dựa lưng vào thành công sự. Con ngủ kéo đến lúc nào...

Bỗng, ồ...m... Một tiếng nổ làm rung chuyển căn hầm. Mùi khói đạn phả vào nồng nặc. Tiếp theo, có nhiều tiếng nổ khác cùng tiếng AK lẫn AR15. Tôi chụp vội B40 định đứng dậy siết cò, chợt nghĩ nhanh: *"Đứng dậy lúc này có thể bị ăn đạn!"* Tôi rút vội quả lựu đạn *"da láng"* của Mỹ, rút chốt, thấy qua cửa công sự về phía trước. Lựu đạn nổ. Tôi bật dậy chụp vội B40, nhắm hướng địch siết cò. Quả đạn lao đi. Lương cũng xả trung liên vào bọn địch tháo chạy phía trước. Tôi xoay tay, đẩy quả đạn thứ hai vào nòng, nhảy lên công sự nhắm tốp địch đang chạy thực mạng vào phía rừng tràm bầu, kéo cò. Quầng lửa da cam và khói quen thuộc trùm lên che khuất tốp lính. Tôi lắp tiếp quả thứ ba, lấy góc bắn 45 độ nhắm vào hướng bọn địch đang tháo chạy trở lại. Viên đạn lao vút đi, tiếng nổ nghe rất xa. Lúc này bắn chỉ để uy hiếp, vì bọn tàn quân đã tháo chạy vào gần ruộng mía. Đang mãi nhìn về phía bọn lính, bỗng một tiếng nổ lớn, tiếp theo là bùm và cò bàng (cối) bắn vào người. Tôi chẳng hiểu gì cả. Sau mới biết, đó là tiếng nổ của quả cối 60 ly (cối tép), được khẩu đội Nguyễn Viết Kỳ và Nguyễn Văn Tý bắn lên. Do lún bàn đế nên quả đạn bị rút tầm, rơi nổ gần chỗ tôi. May mà đạn rơi xuống bung nếu không, tôi đã *"anh dũng hy sinh"* vì nó. Sau trận ấy, tôi được Kỳ kể lại rằng, khi bắn lên, do không lắp liều phụ vào nên trông rất rõ đường đi của viên đạn. Vì vậy, khi thấy viên đạn cối rơi ngay chỗ tôi đứng, Kỳ cố sức la hét để tôi có thể nghe thấy. Nhưng vì tôi vừa bắn xong ba quả B40, tai đang ù đặc. Và lại, lúc ấy tiếng súng các loại còn rền vang, làm sao tôi có thể nghe được tiếng la của Kỳ để tránh!

Khói tan... Bây giờ, tôi mới kịp nhìn xuống dưới chân mình. Khúc cẳng chân của một thằng lính nguy bị cắt cụt từ đầu gối còn mang giày trận và dính cả ống quần, hắt lên công sự tôi do hơi B40. Phía trước chừng ba mét, nằm xác chết đen

đua đè lên nhau, cách đó vài mét, có hai xác nữa. Máy khẩu AR15 văng ra, có khẩu gãy nát.

Thì ra, lúc tôi chộp mắt, Lương thay gác, đã ngủ quên. Bọn địch mò vào ngay chân công sự mà Lương không hề hay biết. Chỉ cần vài bước nữa là chúng sẽ thấy hầm chúng tôi. Chắc chắn chúng tôi sẽ được "ăn" lựu đạn. May mà chỗ đây rất bất ngờ với địch. Mặt khác, chúng tôi nguy trang rất khéo nên chúng chưa kịp phát hiện. Nhưng khả năng nhiều hơn mà tôi nhận định sau đó là bọn lính sư 23 nguy, quen tác chiến ở vùng núi, khi chạy về đồng bằng, chúng không có kinh nghiệm, nên không phát hiện ra chúng tôi. Tiếng nổ ấy là do quả B40 của Vũ Duy Tông bắn đến để giải cứu cho tôi và Lương. Sau trận ấy, Tông cho biết: Lúc thấy địch vào, cứ tưởng chúng tôi đã biết nhưng còn chờ cho vào gần mới nổ súng. Đến lúc chúng vào sát chân công sự rồi, vẫn không thấy động tĩnh gì, Tông đoán chúng tôi ngủ quên nên đã giáng quả đạn ấy để tiêu diệt tốp lính. Cậu ta cho biết rất có thể sức nóng và sức ép của nó sẽ làm chúng tôi bị thương, nhưng không còn cách nào khác. Quả B40 định mệnh ấy đã kết liễu 7 tên lính của sư đoàn 23 nguy để cứu sống tôi và Chu Văn Lương.

Tôi viết lại kỷ niệm này như một sự tri ân đối với đồng đội. Và một điều quan trọng khác là bài học về sự gắn bó, sẵn sàng chia lửa cho nhau ở những thời khắc gian nan và ác liệt nhất của những trận đánh. Đó là yếu tố làm nên chiến thắng và tình chiến hữu máu thịt.

Trước đó, trong một trận đánh khác, chúng tôi đã có cuộc đọ súng với một đơn vị khác (cũng của Sư đoàn 23 nguy). Cả ngày hôm đó, chúng sợ không dám nổ súng ra. Mãi đến hơn 14 giờ, mới dò dẫm men theo lộ 21 lên hướng Lương Hoà hòng thực hiện kế hoạch giải toả cho căn cứ này. Đại đội tôi nhận nhiệm vụ khoá đuôi, vu hồi. Địch đã tiến được khá xa mà không thấy động tĩnh gì cả. Chúng trở nên dè dặt hơn, tốc độ hành quân chậm lại. Có quãng chúng co cụm, không rõ để làm gì. Chờ cho tốp đi đầu lọt vào đội hình phục kích, đại đội một và hai nổ súng chặn đánh. Chúng tôi xung phong khoá đuôi. Từ chỗ xuất kích đến đội hình quân địch khoảng 300 mét. Từ xa, các loại vũ khí phát huy tối đa hỏa lực. Cối 82 và 60 dội xuống. Tiếp theo là B41, trung liên, B40, AK đồng loạt quất vào đội hình quân địch. Tôi đã bắn hết 4 trái B40 vào bọn đang tháo chạy. Quãng đường xuất kích khá xa, phải băng qua một quãng bùng lại vừa xuất kích vừa hô xung phong nên ai nấy đều muốn đứt hơi. Lúc này trời đã chạng vạng tối. Tôi vừa băng lên thì chợt thấy một khu lũng mộ trước mặt, liền chạy ngay đến đây để lấy chỗ tránh đạn và đón đợi bọn địch tháo chạy trở lại. Đánh mất sang bên phải chệch lên phía trước, tôi chợt phát hiện một tốp 7- 8 bóng đen đang lao tới. Tôi vội kê súng lên bờ gạch của ngôi lũng, bình tĩnh kéo búa đập xuống, chuẩn bị. Chờ cho mấy bóng đen đó vào gần một đoạn nữa, tôi ghéech nòng B40, há miệng, siết cò. Tiếng nổ chói tai, quả đạn lao vút đi. Trong khoảnh khắc một quãng lửa màu da cam nhoáng lên kèm theo một tiếng nổ lớn phía trước tốp người đang chạy. Tôi bỗng nghe tiếng hét, giọng Nghệ Tĩnh: *"Đừng bắn! Đừng bắn! Bộ đội đây!"*. Tôi giật mình hoảng hốt: *"Chết rồi! Mình bắn nhầm vào đồng đội!"*. Tôi hỏi lớn: *"Có ai làm sao*



kh...ô...ông?" Có tiếng đáp: "Kh...ông". Rất may, trời nhá nhem tối nên tôi căn cứ lý không chính xác, quả đạn nổ phía trước mặt tốp người kia khá xa. Nếu không chắc tôi đã thui chín mấy đồng đội của mình rồi! Tiếng trả lời đó là của Đinh Văn Luận, đại đội phó, người mà tôi đã kể về chi tiết rơi từ trên cây cao xuống khi chúng tôi đánh bột Rạch Nhum (Tân Phú) hồi năm 1973. Luận cũng có mặt trong đội hình của tốp người này. Tôi chạy ngay đến chỗ họ. Không ai làm sao cả. Không hiểu sao lúc đó, tự nhiên, như có ai bảo tôi bắn sớm? Cứ như mọi lần, chờ họ vào thêm một đoạn nữa mới nổ súng thì chắc chẳng còn một ai. Thật hú vía!

Trận đánh này có thêm một tình huống rất buồn cười. Đó là một đồng chí của ta đuổi theo một tên địch. Khoảng cách hai người chỉ chừng 25 - 30 mét nhưng không làm sao đuổi kịp, bắn mãi mà không hề trúng. Đồng chí ấy chạy thì nó chạy. Đồng chí ấy đi, nó cũng đi. Lúc dừng, cả hai cùng dừng. Thằng lính không còn đủ sức để xách súng nữa nên kéo lê trên mặt đất. Anh chiến sỹ của ta đưa súng lên bao nhiêu lần để ngắm bắn mà cũng không hề trúng. Vì cả hai đã mệt đứt hơi. Hệt như trò mèo đuổi chuột. Đuổi mãi, đuổi mãi, khi thấy đã quá xa, tên lính cũng chạy về gần tới bột Rạch Mương, đồng chí ấy đành phải quay lại. Nó cũng ngoái nhìn rồi thất thểu bước về hướng bột.

Đêm 27/4, chúng tôi nhận lệnh vượt sông Vàm Cỏ Đông để phối hợp với với Sư đoàn 5 và Đoàn 232 đánh chiếm Chi khu Thủ Thừa, thị xã Tân An và Chi khu Bến Lức, nhằm khai thông hành lang cho đại quân tiến về Sài Gòn. Mục tiêu và nhiệm vụ của Đoàn 232 trong chiến dịch Hồ Chí Minh là đánh chiếm Tổng nha Cảnh sát và Biệt khu Thủ đô để cùng với các quân đoàn bạn hợp điểm tại Dinh Độc Lập vào trưa 30 tháng 4.

Khoảng 10 giờ sáng ngày 28 tháng 4, chúng tôi nghe nhiều loạt tiếng nổ lớn từ hướng sân bay Tân Sơn Nhất. Phía ấy, nhiều cột khói đen lớn bốc cao, rồi cả một vùng trời bị che phủ bởi khói lửa. Đơn vị báo tin chiến thắng. 17 giờ cùng ngày, chúng ta đã dùng một phi đội năm chiếc chiến đấu cơ A37 cướp được của địch do một trung úy phi công nguy phản chiến dẫn đầu, dội bom Tân Sơn Nhất, làm tê liệt hoàn toàn hệ thống sân bay này (Sau này chúng tôi mới biết đó là trung úy phi công Nguyễn Thành Trung, một chiến sỹ tình báo của ta được gài vào hàng ngũ địch). Lần đầu tiên trong lịch sử chiến tranh giải phóng dân tộc, không quân ta đã xuất trận trực tiếp dội bom vào đầu quân nguy và lập công xuất sắc, làm tiêu ma những hy vọng cuối cùng của chúng. Chính từ thời khắc lịch sử ấy trở đi, chế độ nguy quyền Sài Gòn rơi vào hoảng loạn, dẫn đến kết cục sụp đổ nhanh chóng, không gì cứu vãn nổi.

Chúng tôi không được vinh dự có mặt ở Sài Gòn trong ngày 30/4/1975 bởi mệnh lệnh cấp trên giao phải ở lại chiến trường Long An để cùng đơn vị bạn bảo vệ hành lang cho đại quân tiến đánh Sài Gòn và làm nhiệm vụ quân quản. Trong những ngày 28, và 29 tháng 4 vừa chiến đấu, chúng tôi vừa bám sát tin chiến sự từng giờ. Đài tiếng nói Việt Nam liên tục đưa tin chiến thắng và diễn biến chiến dịch.

Ngày 30/4/1975. Chín giờ 25 phút, Tổng thống ngụy Dương Văn Minh tuyên bố xin ngừng bắn. 10 giờ 45, phân đội thọc sâu của quân đoàn II tiến vào Dinh Độc Lập, bắt sống toàn bộ nội các của chính quyền Sài Gòn, buộc Tổng thống Dương Văn Minh đầu hàng không điều kiện. 11 giờ 30 phút, lá cờ Tổ quốc thắm máu bao thế hệ người Việt Nam yêu nước tung bay trước cửa nhà chính của Dinh Độc Lập. Giờ phút lịch sử thiêng liêng của cả dân tộc cũng như mỗi người lính chúng tôi đợi chờ hàng mấy mươi năm đã đến. Một cảm xúc nghẹn ngào, khó tả dâng trào trong trái tim của mỗi chúng tôi - những người lính đã trải qua những năm tháng ác liệt đạn bom, may mắn còn sống và có mặt trong trận quyết chiến chiến lược cuối cùng, chứng kiến một chế độ thối nát, ô nhục ngoại bang trong giây phút giây chết.

Toàn thắng! Thế là toàn thắng! Chúng ta đã thắng thật rồi! Hoà bình rồi! Hết chiến tranh rồi! Chúng tôi hướng nòng súng lên trời xả đạn, đón chào chiến thắng, rồi ôm nhau khóc, cười như trẻ thơ, như ngây dại. Chiến thắng đến quá nhanh. Mặc dù đã biết trước, vậy mà vẫn cứ bàng hoàng, ngây ngất. Một niềm vui không có ngôn ngữ để diễn tả. Không có lời nào để thể hiện hết tâm trạng của những người lính chiến đã trải qua mưa bom bão đạn và chịu nhiều cay đắng như chúng tôi. Vậy là chiến tranh đã chấm dứt. Đất nước đã được giải phóng! Khát vọng hoà bình đã thành hiện thực! Mình được sống rồi! Mẹ ơi! Con được sống rồi! Chỉ nay mai thôi, chúng con sẽ được sum họp với gia đình sau bao năm trời đằng đẵng xa cách. Không ai bảo ai, nhưng ai cũng đều nghĩ như vậy.

Nhưng rồi cũng chính trong những giây phút bàng hoàng, hả hê, sung sướng đến ngây ngất ấy, chúng tôi chợt đau đớn, ngậm ngùi, tiếc thương nghĩ về đồng đội - những người đã hy sinh. Rất nhiều người vừa mới ngã xuống trước giờ toàn thắng... Có niềm vui chiến thắng nào lại không phải trả giá bằng máu và bằng nỗi đau mất mát!?

Hơn ai hết, là những người trong cuộc, chúng tôi biết cái giá phải trả cho ngày toàn thắng, cho độc lập tự do là không thể nào tính nổi! Hiện thực khách quan ấy, chúng ta mặc nhiên phải thừa nhận. Mẹ Việt Nam vô cùng đau đớn, nhưng cũng hết mực tự hào về những đứa con của Mẹ, đã mấy mươi năm kiên cường bền bỉ cầm súng đánh giặc và dũng cảm hy sinh không tiếc máu xương cho độc lập tự do của Tổ quốc mình. Chúng ta đã làm tròn sứ mệnh mà lịch sử dân tộc và tiền nhân giao phó, đã đi trọn con đường mà Đảng và Bác Hồ kính yêu đã vạch ra: *"Đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào..."* để *"Bắc Nam sum họp, Xuân nào vui hơn!"*.

VĨ THANH

Có thể nói, trong thế kỷ XX, nhân loại đã chọn lựa và tin tưởng để đặt lên vai dân tộc ta một trọng trách, một nhiệm vụ lịch sử to lớn, thiêng liêng, mang ý nghĩa thời đại. Đó là phải đánh bại chủ nghĩa thực dân cũ và mới - những kẻ thù hung bạo và hùng mạnh vào bậc nhất thế giới - để khẳng định và chứng minh chân lý về "*Quyền độc lập, tự do dân tộc*"; "*Quyền con người được sống và mưu cầu hạnh phúc*". Chúng ta đã lãnh nhận sứ mạng lịch sử ấy, để rồi biết phát động và kết thúc chiến tranh một cách trọn vẹn nhất.

Nếu chỉ tính từ sau Hiệp nghị Giơnevơ 1954 đến 30 tháng 4 năm 1975, thì dân tộc ta đã phải trải qua hai mươi một năm gian khổ, chiến đấu, hy sinh. Hai mươi một năm ấy, đã có biết bao thế hệ kiên cường, bền bỉ cầm súng đánh giặc quên mình để có ngày toàn thắng. Lớp lớp những con người Việt Nam ưu tú dù mọi lứa tuổi nối tiếp nhau cống hiến trọn vẹn tuổi hoa niên của mình cho độc lập tự do của dân tộc. Và trong số đó, hàng triệu người đã vĩnh viễn ngã xuống. Chúng tôi cũng thuộc một trong những lớp người ấy. Nhưng vinh dự hơn là được chiến đấu và có mặt trong trận cuối cùng để giải phóng đất nước. Và cũng hết sức may mắn so với nhiều đồng đội là còn được sống, trở về sau ngày toàn thắng.

Cuộc đụng đầu lịch sử giữa dân tộc ta - một dân tộc nhỏ bé với một siêu cường quốc hùng mạnh nhất thế giới trong tương quan một thắng một nghìn là một minh chứng hùng hồn về sức mạnh của chiến tranh nhân dân kỳ diệu, dưới sự lãnh đạo của một Đảng Mac xít chân chính - Đảng Cộng sản Việt Nam. Đã khẳng định trước nhân loại về chân lý "*Không có gì quý hơn độc lập tự do*". Chân lý ấy luôn toả sáng cho mọi thời đại. Và vì nó mà con người Việt Nam không hề so đo, tính toán thiệt hơn giữa cái chết với sự sống. Luôn ý thức: "*Độc lập tự do hay là chết!*". Không tiếc máu xương của mình cho những giá trị vĩnh cửu ấy.

Từ cuộc kháng Pháp thần thánh chín năm với kết thúc bằng chiến thắng Điện Biên Phủ vang dội, "*chấn động địa cầu*" đã làm nên "*vành hoa đỏ, nên thiên sử vàng*", đến cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước vĩ đại hai mươi một năm, đất nước đã trải qua trên mười ngàn ngày đêm chưa bao giờ ngưng tiếng súng. Sức chịu đựng kiên cường, bền bỉ, dám hy sinh có một không hai của chúng ta đã trở thành biểu tượng về ý chí quật cường và sức mạnh "*Không có gì quý hơn độc lập tự do*" đối với các dân tộc bị áp bức trên hành tinh này...

Một triệu ba trăm năm mươi một ngàn quân nguy Sài Gòn bị tiêu diệt và tan rã. Một chế độ mà Mỹ cố công dựng lên và nuôi dưỡng hơn 20 năm đã sụp đổ tan tành. Chiến thắng vĩ đại này đã hoàn toàn chấm dứt 117 năm sự thống trị của các thế lực ngoại bang phương Tây. Đất Tổ quốc, giang sơn đã thu về một mối. Đất nước trọn niềm vui... Vinh quang này vĩnh viễn thuộc về những người con ưu tú của dân tộc đã cống hiến máu xương và cả cuộc đời mình cho sự nghiệp giải phóng đất nước.

... Chiến tranh đi qua, chúng tôi đã để lại phía sau lưng mình những trận đánh vang dội cùng những năm tháng hào hùng đầy gian khổ, hy sinh để trở về với

cuộc sống đời thường. Nơi đó có tổ tiên, ông bà, cha mẹ cùng những người thân yêu nhất đang ngày đêm mỗi mòn, khắc khoải, trông ngóng những đứa con trở về từ các chiến trường...

Trong hơn một năm, từ giữa 1976 đến cuối 1977, trước khi bè lũ Pôn Pốt - Iêng Xa Ri (Campuchia) trở mặt phản bội chúng ta, gây chiến tranh biên giới Tây nam, chúng tôi lần lượt được giải ngũ, chuyển ngành sau khi đã tham gia làm kinh tế thời hậu chiến ở Long An và Đồng Tháp (Sa Đéc cũ). Khá nhiều đồng đội trong đó có Vũ Duy Tòng, Chu Văn Lương, Đào Xuân Nhuận, Phạm Khắc Đính, Hồ Hữu Danh, Lê Văn Quyền, Nguyễn Hữu Dĩnh, Trần Đức Khâm, Nguyễn Văn Kháng, Trần Lâm, Nguyễn Văn Bính, Dương Huy Thầu... và tôi cùng chuyển ngành, xuất ngũ một đợt. Nguyễn Viết Kỳ (C3, D7), Trương Thiên Lý (C 25 đặc công), Nguyễn Đình Xung (C 23 vận tải)... và một số đồng chí khác lần lượt ra quân ở các đợt sau.

Trở về với cuộc sống đời thường sau những năm tháng trận mạc, chúng tôi lại phải đối mặt với cuộc chiến mới không có tiếng súng. Cuộc chiến chống đói nghèo và tụt hậu. Cái chết không còn rình rập như thời đạn bom, nhưng cái vất vả, nghèo đói, thiếu thốn của một đất nước vừa ra khỏi chiến tranh như một bức tranh hiện thực xã hội mà màu tối là gam màu chủ đạo. Thực tế ấy lại đặt chúng tôi trước thử thách mới phải lựa chọn: Cúi đầu chấp nhận hay nỗ lực, cố gắng để thoát ra khỏi nó! Bằng ý chí và bản lĩnh của người lính, chúng tôi lại động viên nhau và nguyện tiếp tục phát huy bản chất của người lính, của "*Bộ đội Cụ Hồ*" trong đời thường. Cùng nhau vượt lên khó khăn gian khổ để tồn tại, làm việc và đi tới cho đến ngày hôm nay.

Đã qua rồi những năm tháng đầy gian nan thử thách bởi "*áo com ghi sát đất*" ở cuối thập niên 70 và thập niên 80. Có thể nói đó là giai đoạn đen tối nhất của đời sống xã hội thời bao cấp. Cuộc sống thường nhật với biết bao thiếu thốn khó khăn, tưởng chừng như không vượt qua nổi. Người bạn chiến đấu thân thiết gần bó nhất của tôi - Vũ Duy Tòng- sau khi giải ngũ về quê hương, đến năm 1977, trở lại học tiếp lớp 10 (năm 1970 lúc nhập ngũ, Tòng đang học lớp 9). Sau đó thi vào Đại học Sư phạm Hà Nội I. Hiện nay, anh là giáo viên Ngữ Văn trường THPT Diễn Châu II, Nghệ An. Còn tôi, sau khi giải ngũ 1 năm, năm 1977 tôi trở lại trường THPT để hoàn thành nốt chương trình lớp 10 (ngày nhập ngũ tôi còn học dở lớp 9), năm 1978 thi đậu vào khoa Văn, Đại học Sư phạm Vinh. Nhưng sắp có giấy báo nhập học thì được lệnh tái ngũ vào tháng 8 - 1978. Tuy nhiên do không đủ sức khỏe, tôi được quyết định về địa phương rồi vào đại học. Tháng 2 -1979, khi chiến tranh biên giới phía Bắc nổ ra thì tôi lại là một trong sáu đồng chí của khoa Văn có tên trong danh sách tái ngũ. Tuy nhiên, sau đó tình hình biên giới tạm ổn nên được đình hoãn tái ngũ lần 2 để tiếp tục học tập...

Sau bốn năm đèn sách, ra trường với tấm bằng tốt nghiệp loại ưu, tôi được điều vào dạy Sư phạm Quy Nhơn. Nhưng rồi gần như một định mệnh, tôi quyết định xin từ chối, "*Quyết định*" công tác, với lý do đơn giản là vừa chân ướt, chân ráo ở chiến trường về, hoàn cảnh gia đình quá ư khó khăn, không thể đi xa được.

Liên sau đó, Tỉnh uỷ Nghệ Tĩnh lại xin được điều tôi về Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng Nghệ Tĩnh, tôi lại từ chối với lí do trái với chuyên môn đã học của mình. Mãi đến tháng 9 năm 1982, tôi mới xin về dạy ở một trường miền núi, trường Cấp III Đồng Lộc (nay là trường THPT Đồng Lộc) cho gần nhà để có điều kiện phụ giúp gia đình...

Sau gần 20 năm gắn bó với mái trường này, với biết bao kỷ niệm vui buồn đồng hành theo thời gian, nhiều thế hệ học sinh thân yêu đi qua cuộc đời tôi mà trong đó, không ít các em đã trưởng thành về mọi mặt, đang tung cánh muôn phương để cống hiến sức mình cho Tổ quốc. Tôi tự hào vì đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của người lính trên mặt trận mới. Tháng 9 năm 2001, tôi được Sở Giáo dục - Đào tạo Hà Tĩnh điều về công tác ở Sở...

... Trước khi kỷ niệm 30 năm ngày giải phóng hoàn toàn miền Nam gần một năm, tôi đã ấp ủ một khát vọng là cần phải làm một việc gì đó để thể hiện những nỗi niềm và tình cảm về ngày vui chiến thắng. Đặc biệt là sự tri ân, sự đồng cảm sẻ chia với đồng đội thân yêu của mình, cùng những năm tháng đầy gian khổ, hy sinh mà hào hùng đã qua. Tôi nghĩ, chỉ còn cách duy nhất là ghi lại quá khứ và cố gắng tái hiện những hiện thực trần trụi của chiến tranh mà mình và các anh đã từng nếm trải...

....Gần một phần ba thế kỷ đã trôi qua kể từ ngày 30 tháng 4 năm 1975, có những điều của quá khứ đã được khép lại hoặc lãng quên nhưng cũng có những điều thì vĩnh viễn toả sáng trong khối óc, con tim và lương tri của tất cả mọi người. Và dù ai đó có cố tình quên đi thì nó vẫn cứ mặc nhiên hiện hữu. Những sự kiện, những con số, những kỉ niệm... mà tôi ghi lại trong hồi ký này như nó vốn có và như mới diễn ra đâu đây hôm qua. Dĩ nhiên là không thể nào nói hết được. Bởi trong cuộc chiến đằng đẵng ấy có biết bao tình huống, sự kiện đã xảy ra. Hồi ký chỉ có thể chất lọc những sự việc và con người điển hình mà thôi; làm sao có thể nói hết được Bởi trong cuộc chiến tàn khốc và đằng đẵng ấy, có biết bao tình huống, sự kiện đã xảy ra. Hồi kỳ này chỉ chất lọc những sự việc và con người điển hình mà thôi. Trên bề mặt của hiện thực chiến tranh, tôi đã cố gắng tái hiện được một phần rất nhỏ mức độ ác liệt của đạn bom và tinh thần quả cảm của đồng đội mình. Hồi ký được ghi lại theo trục thời gian thuận. Dĩ nhiên là sau hơn 30 năm, có thể đây đó, tôi không thể nhớ hết từng ngày. Nhưng, những trận đánh, những tên đất, tên người và sự hy sinh quả cảm của đồng đội mà tôi đã chứng kiến và ghi lại là không thể nào sai lệch. Bởi một mặt, những kỷ niệm ấy, với tôi vẫn tươi rói vì đã trở thành máu thịt. Mặt khách quan, đó là những đồng đội tôi sau ngày chiến thắng, may mắn còn sống, đã trở về với đời thường, thắng hoặc qua lại thăm viếng nhau, ôn lại những kỷ niệm chiến trường, tôi đều tranh thủ tham khảo ý kiến của họ. Chỗ nào nhớ không rõ, tôi được anh em bổ sung để hoàn thiện. Những con người tôi nêu tên trong tác phẩm này tuy kẻ còn, người mất, nhưng họ như vẫn ở bên tôi và như mới gặp nhau ngày hôm qua đây thôi. Điều gì giúp tôi nhớ lâu và nhớ kỹ như vậy? Tôi nghĩ, chỉ có tình đồng đội máu thịt cùng nhau sẻ chia những hy sinh, mất mát, gian khổ, ác liệt ở chiến trường mới có được. Bao tấp thời gian

và cuồng phong của lịch sử có thể sẽ làm lu mờ tất cả. Nhưng với tôi, kỷ niệm về những tháng năm binh lửa, trận mạc cùng những gương mặt đồng đội thân yêu thì đã trở thành tiềm thức. Hình ảnh ấy tự nhiên từ lúc nào đã trở thành một lớp trầm tích trong vỏ não của mình, để trong những thời khắc bất kỳ nó chợt tái hiện. Điều ấy, không chỉ riêng tôi mà là nét chung của tất cả những người lính đã cầm súng đi qua chiến tranh. Có thể nói: Đó là quãng đời đẹp nhất, đáng nhớ nhất của mỗi người.

Trong những ngày vui lịch sử chuẩn bị kỷ niệm 30 năm Đại thắng mùa xuân 1975, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất Đất Nước này, tôi chợt nhớ lại âm hưởng của một ca khúc được sáng tác ngay sau ngày toàn thắng. Có lẽ đó là cảm xúc dâng trào của người nghệ sỹ trước niềm vui bất tận ấy. Nhạc sỹ đã rất có lý khi viết giai điệu và ca từ cho bài hát của mình: *"Ta đi trên đường mùa xuân, đường vang muôn tiếng hát yêu thương. Trong ánh mắt nụ cười rạng rỡ. Quê hương ơi! Biết mấy tự hào. Ta chung xây đất nước mạnh giàu. Về đây Nam Bắc, cầm tay ca múa trên con đường vui. Trời quê hương lồng gió ngàn phương, không còn bóng mây mù che lối..."*... *"Những lứa đôi ước hẹn, tuy xa cách nhưng lòng vẫn nhắc nhau ngày toàn thắng..."* Và: *"Trong niềm vui hôm nay, càng nhớ ơn anh Giải phóng quân, những chiếc mũ tai bèo thân thương. Anh qua bao suối, bao đèo muôn vàn gian khổ. Máu các anh đã đổ cho sông núi càng rực rỡ trong ngày toàn thắng! Tổ quốc ơi! Có bao giờ đẹp như hôm nay! Ta đang sống những ngày chói lọi, của Tổ quốc yêu thương, Tổ quốc Việt Nam ngàn đời vẻ vang..."*!

..."Hôm nay...", như lời của bài ca, chính là ngày *Ba mươi tháng Tư, năm Một ngàn Chín trăm Bảy mươi lăm*. Ngày đất nước ta sạch bóng quân xâm lược và bẻ gãy tay sai. Ngày Tổ quốc và giang sơn thu về một mối để dân tộc ta ca khúc khải hoàn, bước sang một kỷ nguyên mới - kỷ nguyên của Độc Lập, Tự Do, ấm No, Hạnh Phúc. Mà để có nó, biết bao thế hệ người Việt Nam, trong đó có những người lính chúng tôi, đã phải đổ biết bao máu xương mới giành lại được.

Thị xã Hà Tĩnh, 11/11/2004 - 20/3/2005

Vương Khả Sơn

Sở Giáo dục - đào tạo Hà Tĩnh

ĐT: 091 2487840

(Nguyên chiến sỹ C4-D9, C2-D8 & C3-D7,

Trung đoàn Bộ binh 271 anh hùng

Quân Giải phóng miền Đông Nam Bộ)

MỤC LỤC

TỰA

Trang 5

Phần I

NHẬP NGŨ

Trang 8

PHẦN II

VỀ TRUNG ĐOÀN

Trang 12

PHẦN III

"XẺ DỌC TRƯỜNG SƠN..."

Trang 17

PHẦN IV

VÀO TRẬN

Trang 39

VĨ THANH

Trang 116

. . .”Đây là những trang viết máu thịt của cuộc đời anh .
Ký ức chiến tranh là một bức tranh sinh động phản ánh một phần của cuộc kháng chiến đầy hy sinh , mất mát mà cả dân tộc ta đã gánh chịu và đi qua . Trong đó chân dung của người lính được khắc họa đậm nét nhất . . .”

NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN

62 Bà Triệu – Hà Nội – ĐT: (84.04).8229431.9439364

Fax:04.9436024.E.mail: nxbthanhnien@vnn.vn

Chi nhánh:270 Nguyễn Đình Chiểu - Quận III –TP Hồ Chí Minh

ĐT: (08) 9305243

KÝ ỨC CHIẾN TRANH

Hồi ký của VƯƠNG KHẢ SƠN

Chịu trách nhiệm xuất bản: MAI THỜI CHÍNH

Biên tập: LÊ MINH HIỀN

Thiết kế mỹ thuật: MAI HƯƠNG

Ảnh bìa: ĐOÀN CÔNG TÍNH

Kỹ thuật vi tính: NGUYỆT LỆ

Sửa bản in thử: PHAN THẮNG

In 4000c, khổ 13,5x20,5, tại xí nghiệp inTTTT.Thương mại

Số đăng ký KHXB:27 – 2005/CXB/215 -137/TN

In xong và nộp lưu chiểu tháng 5 năm 2006